

BIỂU MẪU 18

(Theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học năm học 2019-2020

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối/ngành/chuyên ngành đào tạo	THPT	Số nghiên cứu sinh	Số học viên cao học	Số sinh viên đại học		
					Chính quy	Bằng kép	VLVH
I	Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên						
1	Quản lý giáo dục	-	54	144	-	-	27
2	Quản trị trường học	-	-	21	GD3 266	-	-
3	Khoa học giáo dục	-	-	-		-	-
4	Quản trị công nghệ giáo dục	-	-	-		-	-
5	Quản trị chất lượng giáo dục	-	-	-		-	-
6	Tham vấn học đường	-	-	16		-	-
7	Đo lường và Đánh giá trong giáo dục	-	30	47	0	-	-
8	Sư phạm Toán	-	-	-	GD1 685	-	-
9	Sư phạm Vật lý	-	-	-		-	-
10	Sư phạm Hóa học	-	-	-		-	-
11	Sư phạm Sinh học	-	-	-		-	-

12	Sư phạm Khoa học Tự nhiên	-	-	-		-	-
13	Sư phạm Ngữ văn	-	-	-	GD2 357	18	-
14	Sư phạm Lịch sử	-	-	-		1	-
15	Sư phạm Lịch sử và Địa lý	-	-	-	Mới mở	-	-
16	Giáo dục mầm non	-	-	-	Mới mở	-	-
17	Giáo dục tiểu học	-	-	-	Mới mở	-	-
18	LL&PPDH bộ môn Toán	-	-	211	-	-	-
19	LL&PPDH bộ môn Vật lý	-	-	59	-	-	-
20	LL&PPDH bộ môn Hóa học	-	-	33	-	-	-
21	LL&PPDH bộ môn Sinh học	-	-	28	-	-	-
22	LL&PPDH bộ môn Ngữ văn	-	-	48	-	-	-
23	LL&PPDH bộ môn Lịch sử	-	-	19	-	-	-
24	Lý luận, phương pháp và công nghệ dạy học	-	Mới mở	-	-	-	-
II	Khối ngành VII: Khoa học xã hội và hành vi						
25	Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên	-	12	33	-	-	-
III	Trường Trung học phổ thông						
27	Trường THPT KHGD	836	-	-	-	-	-
	Tổng cộng:	836	96	659	1308	19	27

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

1. Khóa 2013 - 2017

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	Tổng số	268	4.5%	51.1%	44.4%	91,6%
I. Khối ngành I (chỉ thống kê sinh viên của khối ngành cử nhân sư phạm)						
1	Cử nhân Sư phạm Toán học	44	2.3%	40.9%	56.8%	92,1%
2	Cử nhân Sư phạm Vật lý	55	3.6%	56.4%	40%	100%
3	Cử nhân Sư phạm Hóa học	42	2.4%	59.5%	38.1%	85,4%
4	Cử nhân Sư phạm Sinh học	43	2.3%	32.6%	65.1%	92,3%
5	Cử nhân Sư phạm Ngữ văn	56	12.5%	62.5%	25%	97,3%
6	Cử nhân Sư phạm Lịch sử	28	0%	50%	50%	80,7%

2. Khóa 2014 -2018 (chỉ thống kê sinh viên của khối ngành cử nhân sư phạm)

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	Tổng số	199	8%	50.3%	41.7%	95.8%
I. Khối ngành I						
1	Cử nhân Sư phạm Toán	40	7.5%	50%	42.5%	94,1%
2	Cử nhân Sư phạm Vật lý	38	2.6%	76.3%	21.1%	85%
3	Cử nhân Sư phạm Hóa học	35	2.9%	25.7%	71.4%	95,6%
4	Cử nhân Sư phạm Sinh học	25	0%	36%	64%	100%
5	Cử nhân Sư phạm Ngữ văn	36	30.6%	61.1%	8.3%	97,1%
6	Cử nhân Sư phạm Lịch sử	25	0%	44%	56%	100%

3. Khóa 2015 -2019 (chỉ thống kê sinh viên của khối ngành cử nhân sư phạm)

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)				Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	TB	
	Tổng số	209					
II. Khối ngành I							
1	Cử nhân Sư phạm Toán	47	4%	36%	60%		Mới ra trường
2	Cử nhân Sư phạm Vật lý	26	19%	46%	31%	4%	Mới ra trường
3	Cử nhân Sư phạm Hóa học	33	6%	42%	52%		Mới ra trường
4	Cử nhân Sư phạm Sinh học	21		24%	76%		Mới ra trường
5	Cử nhân Sư phạm Ngữ văn	51	14%	73%	14%		Mới ra trường
6	Cử nhân Sư phạm Lịch sử	31		55%	45%		Mới ra trường

C. Công khai các học phần của từng khóa học, chuyên ngành

I. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG: (Áp dụng cho các ngành Cử nhân Sư phạm Toán học, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Hóa học, Sư phạm Sinh học, Quản trị trường học, Sư phạm Lịch sử và Sư phạm Ngữ văn)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Thực hiện theo đề cương chung và lịch trình giảng dạy của ĐHQGHN			
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2				
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh				
4	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam				
5	Tin học cơ sở 1				
6	Tin học cơ sở 3				
7	Ngoại ngữ cơ sở 1				
8	Ngoại ngữ cơ sở 2				
9	Ngoại ngữ cơ sở 3				
10	Giáo dục thể chất				
11	Giáo dục quốc phòng - an ninh				
12	Kỹ năng bổ trợ				

II. KHÓI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH CỬ NHÂN

2.1. Ngành Cử nhân Sư phạm Vật lý

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Đại cương về tâm lý và tâm lý học nhà trường <i>General Psychology and School Psychology</i>	Giúp giáo sinh có nền tảng kiến thức tâm lý học và khả năng vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn dạy học và giáo dục học sinh góp phần nâng cao hiệu quả của quá trình giáo dục	3	Học kì 5	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
2	Giáo dục học <i>Pedagogy</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho SV những vấn đề lý thuyết đại cương có tính cơ bản, hệ thống và hiện đại của lý luận Giáo dục học nói chung và các cơ sở lý luận về quá trình giáo dục trong nhà trường. - Hệ thống kiến thức GDH giúp SV có được những kiến thức, kỹ năng có vai trò “điểm tựa” cần thiết để tiếp tục học nhiều học phần khác thuộc Giáo dục chuyên ngành, và phát triển các năng lực nghề nghiệp. 	3	Học kì 5	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần. Đánh giá khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ (20%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
3	Lý luận và Công nghệ dạy học <i>Teaching Theories and Instruction Technology</i>	Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản, bản chất, quy luật và đặc điểm của quá trình dạy học. Giới thiệu các xu hướng và thực tiễn đổi mới dạy học trên thế giới và ở Việt Nam, các phương pháp dạy học và kỹ thuật triển khai các phương pháp dạy học, các công nghệ trong dạy học.	3	Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%) - Đánh giá khả năng, hiệu quả của phương pháp dạy học và sử dụng phương tiện. (10%) - Thực hành dạy học (giảng dạy theo nhóm: phân công các cá nhân dạy từng phần cụ thể của một bài học mà nhóm đã chuẩn bị)(20%) - Bốc thăm và trả lời câu hỏi vấn đáp; Chọn 1 nội dung, lập kế hoạch dạy một nội dung và lấy trọng tâm của bài để giảng dạy trong 15 phút. (60%)
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Research</i>	Học phần giúp sinh viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu (PPNC) khoa học, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai đánh giá nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết	3	Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ; kỹ năng viết khoa học (20%) - Đánh giá khả năng tổng

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Methodology</i>	thực hiện một nghiên cứu như nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên, làm khóa luận tốt nghiệp... và khả năng vận dụng trong lĩnh vực giáo dục.			<p>hợp kiến thức của nhóm và cá nhân; kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa.(20%)</p> <p>- Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả thông qua nghiên cứu (60%)</p>
5	Phát triển chương trình giáo dục phổ thông <i>School Education Curriculum Development</i>	<p>- Học phần giúp hình thành ở sinh viên năng lực cần thiết để phát triển chương trình giáo dục cho học phần, ngành học, bậc học mà mình đảm nhiệm.</p> <p>- Hình thành tư duy mở và phản biện trong phát triển chương trình giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và đảm bảo xu thế hội nhập khu vực và thế giới.</p>	3	Học kì 6	<p>- Kiểm tra kiến thức từng bài học, thông qua các bài kiểm tra nhỏ (10%)</p> <p>- Kỹ năng vận dụng lí thuyết vào thực tiễn (10%)</p> <p>- Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm, bài thu hoạch nhóm (10%)</p> <p>- Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung, bài thi viết (10%)</p> <p>- Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
6	Thực hành Sư phạm và phát triển kỹ năng cá nhân, xã hội <i>Pedagogical Practices and the Development of Social and Personal Skills</i>	- Giúp sinh viên thực hành tốt những kỹ năng sư phạm tạo tiền đề cho nghề nghiệp giảng dạy của sinh viên sau này - Phát triển kỹ năng cá nhân xã hội cho sinh viên; Giúp sinh viên có khả năng thích ứng và phát triển cá nhân trong môi trường giáo dục, môi trường xã hội tạo cơ hội thành công trong cuộc đời. Đồng thời sinh viên biết dạy những kỹ năng cá nhân xã hội cho học sinh qua các học phần hoặc môn giảng chuyên biệt.	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Đánh giá kỹ năng thành phần (30%) - Thi thực hành năng lực sư phạm, cá nhân và XH trong tình huống nghề nghiệp và cuộc sống (60%)
7	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo <i>Administrative Management and Management of Education</i>	Giúp sinh viên có phương pháp phân tích và đánh giá một cách khoa học hệ thống những vấn đề quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo; có kỹ năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước đối với ngành GD – ĐT; Định hướng các hoạt động theo hành lang pháp lý đã quy định trong nghề nghiệp tương lai.	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
8	Đánh giá trong giáo dục	Giúp người học hệ thống được những kiến thức cơ bản của khoa học đo lường và đánh giá trong giáo dục, vận dụng chúng để thiết	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Assessment in Education</i>	kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra.			thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
9	Tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường <i>Organization of School Educational Activities</i>	- Giúp sinh viên vận dụng tổng hợp các cơ sở lý thuyết, cơ sở pháp lý vào hoạt động thực hành hình thành, phát triển các kỹ năng quản lý lớp học và tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường (<i>chủ yếu ở loại hình trường phổ thông, bậc trung học và tập trung vào công tác Giáo viên chủ nhiệm, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo</i>) phù hợp với các định hướng đổi mới giáo dục hiện nay. - Tạo cơ hội cho SV rèn luyện, phát triển một số kỹ năng tư duy, kỹ năng mềm cần thiết của một <i>giáo viên- nhà giáo dục- nhà quản lý</i> .	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm(30%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
10	Tư vấn tâm lý học	- Giúp giáo sinh hiểu bản chất của tư vấn tâm lý học đường, có được các kiến thức về	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức các bài đầu của học phần (10%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	đường <i>Psychological Counseling Schools</i>	in tư vấn tâm lý, tâm lý học sinh và các kỹ năng tư vấn, từ đó sinh viên trải nghiệm và thực hành công việc tư vấn trong nhà trường được hiệu quả. - Giúp giáo sinh bước đầu biết nhận diện một số hành vi lệch chuẩn và rối nhiễu tâm lý, từ đó đề xuất được biện pháp hỗ trợ phù hợp.			- Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn: Xây dựng (dưới dạng thuyết minh) mô hình tư vấn tâm lý học đường phù hợp với trường mà mình thực tập hay kiến tập (10%) - Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm: Cả nhóm sẽ thực hành và thuyết trình về việc sử dụng các kỹ năng tư vấn học được để giải quyết một tình huống cụ thể trong trường học (20%) - Bài cá nhân: sinh viên chọn một đề mang tính tổng hợp, vận dụng toàn bộ kiến thức của học phần (60%)
11	Phương pháp dạy học Vật lí <i>Physics Method</i>	- Vận dụng lí luận dạy học để thiết kế, lập kế hoạch, tổ chức dạy học vật lí ở trường phổ thông. - Xây dựng cho người học khả năng vận dụng các quan điểm của lí luận dạy học hiện đại vào dạy học, nâng cao chất lượng dạy và học Vật lí ở trường phổ thông.	3	Học kì 7	- Tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (5%) - Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề (5%) - Thực hành giảng dạy theo

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>nhóm (02 bài) (20%)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiểu luận : Phân tích nội dung và lựa chọn phương pháp dạy học, lập kế hoạch bài dạy cho 1 nội dung kiến thức Vật lí ở phổ thông (10%) - Thi kết thúc học phần: (60%) +) Lý thuyết: Vấn đáp +) Thực hành giảng: Soạn giáo án cho một bài học, chọn nội dung trọng tâm để giảng dạy trong 15 phút.
12	<p>Dạy học thí nghiệm Vật lí phổ thông</p> <p><i>Teaching Physics Experiment at Secondary School</i></p>	<p>Sinh viên được thực hành sử dụng các bộ thí nghiệm phổ biến ở trường phổ thông, từ việc tiến hành thí nghiệm, chuẩn bị kế hoạch bài dạy có sử dụng thí nghiệm, thực hành dạy học với các bộ thí nghiệm. Được học cách thiết kế, chế tạo các dụng cụ thí nghiệm sử dụng trong dạy học.</p>	3	Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%) - Đánh giá khả năng tiến hành thí nghiệm (10%) - Thực hành sử dụng thí nghiệm giảng dạy theo nhóm (20%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<ul style="list-style-type: none"> - Thi kết thúc học phần: (60%) +) Lý thuyết: Vấn đáp +) Thực hành giảng: Soạn giáo án cho một bài học, chọn nội dung trọng tâm để giảng dạy trong 15 phút.
13	Phân tích nội dung, chương trình vật lí ở trường phổ thông <i>Analyzing of Physics Content and Program at Secondary School</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng cho người học khả năng vận dụng lý luận dạy học Vật lí ở trường phổ thông. - Khả năng phân tích được cấu trúc chương trình, nội dung và các con đường hình thành các khái niệm, định luật, thuyết vật lí, các ứng dụng KHKT của vật lí theo chương trình vật lí ở trường THPT hiện hành. 	3	Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (5%) - Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề (5%) - Báo cáo Seminar theo nhóm (10%) - Tiểu luận : Phân tích nội dung và lựa chọn phương pháp dạy học cho 1 nội dung kiến thức Vật lí ở phổ thông (10%) - Bài kiểm tra tự luận 60 phút (10%) - Bài kiểm tra tự luận 90 phút

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					(60%)
14	<p>Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Vật lí.</p> <p><i>Application ICT to Teaching Physics</i></p>	<p>- Vận dụng các nguyên tắc và sử dụng các phần mềm trong dạy học vật lí ở trường phổ thông.</p> <p>- Sinh viên được thực hành sử dụng các phần mềm phổ biến trong dạy học vật lí ở trường phổ thông, từ việc xây dựng thí nghiệm ảo, chuẩn bị kế hoạch bài dạy có ứng dụng CNTT, thực hành dạy học với các phần mềm.</p>	3	Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%) - Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề (10%) - Phân tích, xây dựng một phần mềm dạy học (20%) - Kiểm tra thực hành lập trình 180 phút (60%)
15	<p>Phương tiện dạy học Vật lí ở trường phổ thông</p> <p><i>Aids of Physics at Secondary School</i></p>	<p>Giúp Sinh viên sử dụng thành thạo một số phương tiện dạy học phổ biến để dạy học vật lí ở trường phổ thông, từ việc xây dựng kịch bản, chuẩn bị kế hoạch bài dạy có sử dụng các phương tiện dạy học, thực hành dạy học với các phương tiện đó.</p>	3	Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%) - Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề (10%) - Phân tích, xây dựng một phương tiện dạy học (20%) - Kiểm tra thực hành lập trình 180 phút (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
16	<p>Dạy học tích hợp Vật lí với các môn khoa học tự nhiên khác</p> <p><i>Blended-Teaching Physics with Different Natural Scientific Subjects</i></p>		3	Học kì 7	
17	<p>Dạy học Vật lí tiếp cận chuẩn quốc tế</p> <p><i>Teaching Physics Approaching to International Standard</i></p>	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu các nội dung học phần trong và ngoài nước, từ đó vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học theo các tiêu chuẩn quốc tế.	3	Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (5%) - Đánh giá khả năng xây dựng kế hoạch dạy học (5%) - Thực hành xây dựng hồ sơ học phần theo nhóm (phân công các cá nhân dạy từng phần cụ thể) (10%) - Tiểu luận phân tích việc xây dựng hồ sơ học phần (10%) - Thực hành triển khai dạy học tích cực (10%) - Thi kết thúc học phần: (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					+) Lý thuyết: Vấn đáp +) Thực hành: Xây dựng hồ sơ học phần theo nhóm
18	Thực tập sư phạm <i>Pedagogical Practicum</i>		4	Học kì 8	
19	Khóa luận tốt nghiệp <i>Undergraduate Thesis</i>		6	Học kì 8	
20	Phương pháp dạy học trong môi trường học tập trực tuyến <i>Teaching Methodology for Online Learning Environment</i>	Học phần cung cấp cung cấp những khái niệm cơ bản, giới thiệu các mô hình dạy học không truyền thống được xây dựng dựa trên nền tảng web, kết nối mạng, hệ thống các cách tiếp cận và phương pháp dạy học mới trong việc tổ chức quá trình dạy học, sự thay đổi bản chất vai trò của người dạy, người học, đặc điểm tương tác giữa 2 chủ thể này và môi trường học tập.	3	Học kì 8	- Tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%) - Đánh giá kỹ năng sử dụng phương tiện công nghệ trên nền LMS (10%) - Thực hành thiết kế khóa học trên LMS Moodle (20%) - Thi kết thúc học phần: (60%): +) Thiết kế tài liệu hướng dẫn sử dụng khóa học trực tuyến -) Trình bày sản phẩm khóa học thiết kế theo chuyên

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					ngành
21	Lập trình phần mềm dạy học trên máy tính <i>Programming of Teaching Learning Software on Computer</i>	Xây dựng cho người học khả năng lập trình các phần mềm dạy học bằng Flash hoặc Matlab. Vận dụng lý luận dạy học Vật lí ở trường phổ thông để xây dựng các phần mềm dạy học vật lí. Chú trọng nâng cao lập trình các phần mềm có khả năng tương tác tốt với người học để dạy học Vật lí ở phổ thông.	3	Học kì 8	<ul style="list-style-type: none"> - Tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%) - Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề (10%) - Phân tích, lập trình một phần mềm dạy học (20%) - Kiểm tra thực hành lập trình 180 phút (60%)

Các học phần theo đề cương học phần của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Đại số tuyến tính <i>Linear Algebra</i>	Thực hiện theo đề cương chung và lịch trình giảng dạy của Trường Đại học Khoa học tự nhiên			
2.	Giải tích 1 <i>Calculus 1</i>				
3.	Giải tích 2 <i>Calculus 2</i>				
4.	Xác suất thống kê <i>Probability and Statistics</i>				
5.	Cơ -Nhiệt <i>Mechanical -Thermodynamics</i>				
6.	Sinh học đại cương				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Basic biology</i>				
7.	Hóa học đại cương 1 <i>Accelerated Chemistry 1</i>				
8.	Điện và từ học <i>Electricity and Magnetism</i>				
9.	Quang học <i>Optics</i>				
10.	Thực hành Vật lý đại cương 1 <i>General Physics Practice 1</i>				
11.	Thực hành Vật lý đại cương 2 <i>General Physics Practice 2</i>				
12.	Thực hành Vật lý đại cương 3 <i>General Physics Practice 3</i>				
13.	Vật lý hạt nhân <i>Nuclear Physics</i>				
14.	Vật lý nguyên tử <i>Atomic Physics</i>				
15.	Cơ học thống kê <i>Statistical Physics</i>				
16.	Cơ học lượng tử <i>Quantum Mechanics</i>				
17.	Điện tử số <i>Digital Electronics</i>				
18.	Tiếng Anh chuyên ngành <i>Academic English for Physics Students</i>				
19.	Các phương pháp thí nghiệm trong Vật lý hiện đại <i>Experimental Methods in Modern Physics</i>				
20.	Mở đầu Thiên văn học <i>Introduction to Astronomy</i>				
21.	Phương pháp toán cho Vật lý 1				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Mathematics in Physics 1</i>				
22.	Phương pháp toán cho Vật lí 2 <i>Mathematics in Physics 2</i>				
23.	Cơ học lý thuyết <i>Theoretical mechanics</i>				
24.	Điện động lực học <i>Quantum Mechanics</i>				
25.	Lịch sử Vật lí <i>Physics History</i>				
26.	Mở đầu về lý thuyết trường lượng tử <i>Introduction to Quantum Field Theory</i>				
27.	Lý thuyết nhóm cho Vật lí <i>Group Theory</i>				
28.	Lý thuyết hạt cơ bản <i>Practice Theory</i>				
29.	Mở đầu thuyết tương đối rộng <i>Introduction to General Relativity</i>				
30.	Vật lí cơ sở <i>Basic Physics</i>				

2.2. Ngành Cử nhân Sư phạm Toán học

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Đại cương về tâm lý và tâm lý học nhà trường	Giúp giáo sinh có nền tảng kiến thức tâm lý học và khả	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>General Psychology and School Psychology</i>	năng vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn dạy học và giáo dục học sinh góp phần nâng cao hiệu quả của quá trình giáo dục			<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
2	Giáo dục học <i>Pedagogy</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho SV những vấn đề lý thuyết đại cương có tính cơ bản, hệ thống và hiện đại của lý luận Giáo dục học nói chung và các cơ sở lý luận về quá trình giáo dục trong nhà trường. - Hệ thống kiến thức GDH giúp SV có được những kiến thức, kỹ năng có vai trò “điểm tựa” cần thiết để tiếp tục học nhiều học phần khác thuộc Giáo dục chuyên ngành, và phát triển các năng lực nghề nghiệp. 	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần. Đánh giá khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ (20%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
3	Lý luận và Công nghệ dạy học	Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản, bản chất,	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Teaching Theories and Instruction Technology</i>	quy luật và đặc điểm của quá trình dạy học. Giới thiệu các xu hướng và thực tiễn đổi mới dạy học trên thế giới và ở Việt Nam, các phương pháp dạy học và kỹ thuật triển khai các phương pháp dạy học, các công nghệ trong dạy học.			<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá khả năng, hiệu quả của phương pháp dạy học và sử dụng phương tiện. (10%) - Thực hành dạy học (giảng dạy theo nhóm: phân công các cá nhân dạy từng phần cụ thể của một bài học mà nhóm đã chuẩn bị)(20%) - Bốc thăm và trả lời câu hỏi vấn đáp; Chọn 1 nội dung, lập kế hoạch dạy một nội dung và lấy trọng tâm của bài để giảng dạy trong 15 phút. (60%)
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Research Methodology</i>	Học phần giúp sinh viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu (PPNC) khoa học, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai đánh giá nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu như nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên, làm khóa luận tốt nghiệp... và khả năng vận dụng trong lĩnh vực giáo dục.	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ; kỹ năng viết khoa học (20%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm và cá nhân; kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa.(20%) - Năng lực vận dụng, giải thích... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả thông qua nghiên cứu (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
5	<p>Phát triển chương trình giáo dục phổ thông</p> <p><i>School Education Curriculum Development</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Học phần giúp hình thành ở sinh viên năng lực cần thiết để phát triển chương trình giáo dục cho học phần, ngành học, bậc học mà mình đảm nhiệm. - Hình thành tư duy mở và phản biện trong phát triển chương trình giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và đảm bảo xu thế hội nhập khu vực và thế giới. 	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức từng bài học, thông qua các bài kiểm tra nhỏ (10%) - Kỹ năng vận dụng lí thuyết vào thực tiễn (10%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm, bài thu hoạch nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung, bài thi viết (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
6	<p>Thực hành Sư phạm và phát triển kỹ năng cá nhân, xã hội</p> <p><i>Pedagogical Practices and the Development of Social and Personal Skills</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên thực hành tốt những kỹ năng sư phạm tạo tiền đề cho nghề nghiệp giảng dạy của sinh viên sau này - Phát triển kỹ năng cá nhân xã hội cho sinh viên; Giúp sinh viên có khả năng thích ứng và phát triển cá nhân trong môi trường giáo dục, môi trường xã hội tạo cơ hội thành công trong cuộc đời. Đồng thời sinh viên 	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Đánh giá kỹ năng thành phần (30%) - Thi thực hành năng lực sư phạm, cá nhân và XH trong tình huống nghề nghiệp và cuộc sống (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		biết dạy những kỹ năng cá nhân xã hội cho học sinh qua các học phần hoặc môn giảng chuyên biệt.			
7	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo <i>Administrative Management and Management Education</i>	Giúp sinh viên có phương pháp phân tích và đánh giá một cách khoa học hệ thống những vấn đề quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo; có kỹ năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước đối với ngành GD – ĐT; Định hướng các hoạt động theo hành lang pháp lý đã quy định trong nghề nghiệp tương lai.	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
8	Đánh giá trong giáo dục <i>Assessment in Education</i>	Giúp người học hệ thống được những kiến thức cơ bản của khoa học đo lường và đánh giá trong giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra.			thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
9	Tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường <i>Organization of School Educational Activities</i>	<p>- Giúp sinh viên vận dụng tổng hợp các cơ sở lý thuyết, cơ sở pháp lý vào hoạt động thực hành hình thành, phát triển các kỹ năng quản lý lớp học và tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường (<i>chủ yếu ở loại hình trường phổ thông, bậc trung học và tập trung vào công tác Giáo viên chủ nhiệm, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo</i>) phù hợp với các định hướng đổi mới giáo dục hiện nay.</p> <p>- Tạo cơ hội cho SV rèn luyện, phát triển một số kỹ năng tư duy, kỹ năng mềm cần thiết của một <i>giáo viên- nhà giáo dục- nhà quản lý</i>.</p>	3	Học kì 6	<p>- Kiểm tra kiến thức học phần (10%)</p> <p>- Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm(30%)</p> <p>- Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)</p>

Các học phần theo đề cương học phần của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Đại số tuyến tính 1 <i>Linear Algebra 1</i>				
2.	Đại số tuyến tính 2 <i>Linear Algebra 2</i>				
3.	Cơ - Nhiệt <i>Mechanics - Thermodynamics</i>				
4.	Điện - Quang <i>Electromagnetism - Optics</i>				
5.	Giải tích 1 <i>Calculus 1</i>				
6.	Sinh học đại cương <i>Basic biology</i>				
7.	Hóa học đại cương 1 <i>Accelerated Chemistry 1</i>				
8.	Giải tích 1 (phần 2) <i>Calculus 1</i>				
9.	Giải tích 2 <i>Analysis 2</i>				
10.	Giải tích 3 <i>Analysis 3</i>				

Thực hiện theo đề cương và lịch trình giảng dạy chung của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
11.	Phương trình vi phân <i>Differential Equations</i>				
12.	Phương trình đạo hàm riêng 1 <i>Partial Differential Equations 1</i>				
13.	Xác suất 1 <i>Probability 1</i>				
14	Tối ưu hóa 1 <i>Optimization 1</i>				
15	Hình học giải tích <i>Analytic Geometry</i>				
16	Đại số đại cương <i>General Algebra</i>				
17	Giải tích hàm <i>Functional Analysis</i>				
18	Tôpô đại cương <i>General Topology</i>				
19	Lịch sử toán học <i>History of Mathematics</i>				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
20	Giải tích số 1 <i>Numerical Analysis I</i>				
21	Giải tích phức <i>Complex Analysis</i>				
22	Thống kê ứng dụng <i>Applied Statistics</i>				
23	Toán rời rạc <i>Discrete Mathematics</i>				
24	Thực hành tính toán <i>Practicum in Computing</i>				
25	Cơ sở hình học vi phân <i>Introduction to Differential Geometry</i>				
26	Lý thuyết độ đo và tích phân <i>Measure and Integration Theory</i>				
27	Lý thuyết Galois <i>Galois Theory</i>				
28	Tiểu luận khoa học <i>Mini Project</i>				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
29	Cơ sở giải tích Fourier <i>Introduction to Fourier Analysis</i>				
30	Thống kê ứng dụng <i>Applied Statistics</i>				
31	Hình học Fractal <i>Fractal Geometry</i>				
32	LaTeX và diễn giải toán học <i>LaTeX and Mathematics Interpretation</i>				
33	Cơ sở lý thuyết nội suy đa thức <i>Introduction to Polynomial Interpolation Theory</i>				

2.3. Ngành Cử nhân Sư phạm Hóa học

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Đại cương về tâm lý và tâm lý học nhà trường <i>General Psychology and School Psychology</i>	Giúp giáo sinh có nền tảng kiến thức tâm lý học và khả năng vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn dạy học và giáo dục học sinh góp phần nâng cao hiệu quả của quá trình giáo dục	3	Học kì 4	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
2.	Giáo dục học <i>Pedagogy</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho SV những vấn đề lý thuyết đại cương có tính cơ bản, hệ thống và hiện đại của lý luận Giáo dục học nói chung và các cơ sở lý luận về quá trình giáo dục trong nhà trường. - Hệ thống kiến thức GDH giúp SV có được những kiến thức, kỹ năng có vai trò “điểm tựa” cần thiết để tiếp tục học nhiều học phần khác thuộc Giáo dục chuyên ngành, và phát triển các năng lực nghề nghiệp. 	3	Học Kỳ 6	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần. Đánh giá khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ (20%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
3.	Lý luận và Công nghệ dạy học <i>Teaching Theories and Instruction Technology</i>	Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản, bản chất, quy luật và đặc điểm của quá trình dạy học. Giới thiệu các xu hướng và thực tiễn đổi mới dạy học trên thế giới và ở Việt Nam, các phương pháp dạy học và kỹ thuật triển khai các phương pháp dạy học, các công nghệ trong dạy học.	3	Học kì 5	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%) - Đánh giá khả năng, hiệu quả của phương pháp dạy học và sử dụng phương tiện. (10%) - Thực hành dạy học (giảng dạy theo nhóm: phân công các cá nhân dạy từng phần cụ thể của một bài học mà nhóm đã chuẩn bị)(20%) - Bốc thăm và trả lời câu hỏi vấn đáp; Chọn 1 nội dung, lập kế hoạch dạy một nội dung và lấy trọng tâm của bài để giảng dạy trong 15 phút. (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
4.	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Research Methodology</i>	Học phần giúp sinh viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu (PPNC) khoa học, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai đánh giá nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu như nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên, làm khóa luận tốt nghiệp... và khả năng vận dụng trong lĩnh vực giáo dục.	3	Học kì 4	<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ; kỹ năng viết khoa học (20%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm và cá nhân; kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa.(20%) - Năng lực vận dụng, giải thích... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả thông qua nghiên cứu (60%)
5.	Phát triển chương trình giáo dục phổ thông <i>School Education Curriculum Development</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Học phần giúp hình thành ở sinh viên năng lực cần thiết để phát triển chương trình giáo dục cho học phần, ngành học, bậc học mà mình đảm nhiệm. - Hình thành tư duy mở và phản biện trong phát triển chương trình giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và đảm bảo xu thế hội nhập khu vực và thế giới. 	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức từng bài học, thông qua các bài kiểm tra nhỏ (10%) - Kỹ năng vận dụng lí thuyết vào thực tiễn (10%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm, bài thu hoạch nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung, bài thi viết (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
6.	Thực hành Sư phạm và	- Giúp sinh viên thực hành tốt những kĩ	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức học phần

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	phát triển kỹ năng cá nhân, xã hội <i>Pedagogical Practices and the Development of Social and Personal Skills</i>	năng sư phạm tạo tiền đề cho nghề nghiệp giảng dạy của sinh viên sau này - Phát triển kỹ năng cá nhân xã hội cho sinh viên; Giúp sinh viên có khả năng thích ứng và phát triển cá nhân trong môi trường giáo dục, môi trường xã hội tạo cơ hội thành công trong cuộc đời. Đồng thời sinh viên biết dạy những kỹ năng cá nhân xã hội cho học sinh qua các học phần hoặc môn giảng chuyên biệt.			(10%) - Đánh giá kỹ năng thành phần (30%) - Thi thực hành năng lực sư phạm, cá nhân và XH trong tình huống nghề nghiệp và cuộc sống (60%)
7.	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo <i>Administrative Management and Management of Education</i>	Giúp sinh viên có phương pháp phân tích và đánh giá một cách khoa học hệ thống những vấn đề quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo; có kỹ năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước đối với ngành GD – ĐT; Định hướng các hoạt động theo hành lang pháp lý đã quy định trong nghề nghiệp tương lai.	3	Học Kỳ 6	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
8.	Đánh giá trong giáo dục <i>Assessment in Education</i>	Giúp người học hệ thống được những kiến thức cơ bản của khoa học đo lường và đánh giá trong giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng	3	Học Kỳ 6	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra.			việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
9.	Tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường <i>Organization of School Educational Activities</i>	- Giúp sinh viên vận dụng tổng hợp các cơ sở lý thuyết, cơ sở pháp lý vào hoạt động thực hành hình thành, phát triển các kỹ năng quản lý lớp học và tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường (<i>chủ yếu ở loại hình trường phổ thông, bậc trung học và tập trung vào công tác Giáo viên chủ nhiệm, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo</i>) phù hợp với các định hướng đổi mới giáo dục hiện nay. - Tạo cơ hội cho SV rèn luyện, phát triển một số kỹ năng tư duy, kỹ năng mềm cần thiết của một <i>giáo viên- nhà giáo dục- nhà quản lý</i> .	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm(30%) - Năng lực vận dụng, giải thích... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
10.	Tư vấn tâm lý học đường <i>Psychological Counseling in Schools</i>	- Giúp giáo sinh hiểu bản chất của tư vấn tâm lý học đường, có được các kiến thức về tư vấn tâm lý, tâm lý học sinh và các kỹ năng tư vấn, từ đó sinh viên trải nghiệm và thực hành công việc tư vấn trong nhà trường được hiệu quả. - Giúp giáo sinh bước đầu biết nhận	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức các bài đầu của học phần (10%) - Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn: Xây dựng (dưới dạng thuyết minh) mô hình tư vấn tâm lý học đường phù hợp với trường mà mình thực tập hay

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		diện một số hành vi lệch chuẩn và rối nhiễu tâm lý, từ đó đề xuất được biện pháp hỗ trợ phù hợp.			<p>kiến tập (10%)</p> <p>- Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm: Cả nhóm sẽ thực hành và thuyết trình về việc sử dụng các kỹ năng tư vấn học được để giải quyết một tình huống cụ thể trong trường học (20%)</p> <p>- Bài cá nhân: sinh viên chọn một đề mang tính tổng hợp, vận dụng toàn bộ kiến thức của học phần (60%)</p>
11.	<p>Phương pháp dạy học Hoá học</p> <p><i>Theory and Methodology of Chemistry Teaching</i></p>	Giúp SV rèn kỹ năng nghề theo chuẩn năng lực nghề nghiệp của SV sư phạm; Những phương pháp dạy học chủ yếu trong dạy học hóa học ở trường phổ thông.	3	Học Kỳ 7	<p>- Kiểm tra kiến thức học phần (10%)</p> <p>- Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%)</p> <p>- Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm, kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa (20%)</p> <p>- Năng lực vận dụng, giải thích... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
12.	Dạy học thí nghiệm Hóa học phổ thông <i>Using Experiments in Teaching Chemistry</i>	- Rèn kỹ năng dạy thực hành thí nghiệm hóa học ở trường phổ thông như: kỹ năng lắp ráp và tiến hành thí nghiệm; Đặt câu hỏi về hiện tượng thí nghiệm, phân tích hiện tượng; Nhận xét, giải thích và đánh giá kết quả thí nghiệm; Kỹ năng dạy học có sử dụng thí nghiệm hóa học.	3	Học Kỳ 7	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm, kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
13.	Dạy học bài tập Hóa học phổ thông <i>Exercising in Teaching Chemistry</i>	- Học phần giúp SV rèn luyện tư duy, kỹ năng đặt vấn đề và giải quyết vấn đề của hoá học cho sinh viên Sư phạm Hóa học. - Rèn luyện kỹ năng sử dụng công nghệ hoặc các tài liệu cơ bản của ngành học, học phần; kỹ năng làm việc cẩn thận, chính xác và sử dụng thời gian hiệu quả.	3	Học Kỳ 7	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá khả năng nhớ và phản xạ trí tuệ (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm, kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa (10%) - Đánh giá năng lực giải quyết vấn đề (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					giải pháp hiệu quả (60%)
14.	Phân tích chương trình Hóa học phổ thông hiện hành <i>Curriculum Analysis General Chemistry</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp SV có hiểu biết tổng quan về chương trình, SGK Hóa học của một số nước trên thế giới, vận dụng những ưu điểm cho việc xây dựng chương trình của Việt Nam. - Giúp SV phân tích, đánh giá ưu điểm, hạn chế của chương trình, SGK hiện hành; tìm hiểu những định hướng xây dựng chương trình mới (sau 2015) và đề xuất được chương trình/kế hoạch phù hợp với điều kiện dạy học (dựa theo chương trình quốc gia). 	3	Học Kỳ 7	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (5%) - Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề (5%) - Báo cáo Seminar theo nhóm (10%) - Tiểu luận Phân tích 1 nội dung kiến thức Hóa học ở phổ thông và lựa chọn phương pháp dạy học (10%) - Kiểm tra giữ kỳ tự luận 60 phút hoặc tiểu luận (10%) - Thi kết thúc môn tự luận 90 phút hoặc tiểu luận (60%)
15.	Dạy học Hóa học phổ thông theo chuyên đề <i>Teaching Chemistry According to Topics</i>	<p>Mục tiêu của học phần nhằm áp dụng kiến thức, kỹ năng về hoá học cho một số vấn đề điển hình một cách có hệ thống.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện kỹ năng sử dụng công nghệ hoặc các tài liệu cơ bản của ngành học, 	3	Học Kỳ 7	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá khả năng lực trình bày vấn đề (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm, kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa (10%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học phần; kỹ năng làm việc cẩn thận, chính xác và sử dụng thời gian hiệu quả.			<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá năng lực giải quyết vấn đề (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
16.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Hóa học phổ thông <i>Applied IT to Chemistry Teaching</i>	Giúp SV hệ thống được những kiến thức cơ bản về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, vận dụng chúng để thiết kế và triển khai bài dạy môn hóa học THPT nhằm nâng cao hiệu quả của việc dạy học như: xây dựng giáo án điện tử, thiết kế nguồn tài liệu hỗ trợ việc dạy học Hóa học; Triển khai bài giảng có kết hợp sử dụng phương tiện công nghệ, đặc biệt là sử dụng công nghệ trong mô phỏng và dạy học thí nghiệm hóa học theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh.	3	Học Kỳ 7	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%) - Đánh giá kỹ năng hợp tác trong công việc, tinh thần trách nhiệm chung với nhóm (10%) - Đánh giá khả năng nhớ và ứng dụng các phần mềm (15%) - Đánh giá kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thiết kế và triển khai bài giảng... (60%)
17.	Thực tập sư phạm <i>Pedagogical Practicum</i>		4	Học Kỳ 8	
18.	Khóa luận tốt nghiệp <i>Undergraduate Thesis</i>		6	Học Kỳ 8	
19.	Dạy học Hóa học gắn	Học phần giúp SV đưa thực tiễn vào bài học và vận dụng các quy luật của hoá	3	Học Kỳ 8	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá khả năng trình bày vấn đề (10%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	liên với thực tiễn <i>Teaching Chemistry Associated with Reality</i>	học vào thực tiễn. - Rèn luyện kỹ năng sử dụng công nghệ hoặc các tài liệu cơ bản của ngành học, học phần; kỹ năng làm việc cẩn thận, chính xác và sử dụng thời gian hiệu quả.			<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm, kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa (10%) - Đánh giá năng lực giải quyết vấn đề (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
20.	Phương pháp dạy học trong môi trường học tập trực tuyến <i>Teaching Methodology for Online Learning Environment</i>	Học phần cung cấp cung cấp những khái niệm cơ bản, giới thiệu các mô hình dạy học không truyền thống được xây dựng dựa trên nền tảng web, kết nối mạng, hệ thống các cách tiếp cận và phương pháp dạy học mới trong việc tổ chức quá trình dạy học, sự thay đổi bản chất vai trò của người dạy, người học, đặc điểm tương tác giữa 2 chủ thể này và môi trường học tập.	3	Học Kỳ 8	<ul style="list-style-type: none"> - Tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%) - Đánh giá kỹ năng sử dụng phương tiện công nghệ trên nền LMS (10%) - Thực hành thiết kế khóa học trên LMS Moodle (20%) - Thi kết thúc học phần: (60%): +) Thiết kế tài liệu hướng dẫn sử dụng khóa học trực tuyến -) Trình bày sản phẩm khóa học thiết kế theo chuyên ngành

Các học phần theo đề cương học phần của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Giải tích 1 <i>Calculus 1</i>				
2.	Giải tích 2 <i>Calculus 2</i>				
3.	Sinh học đại cương <i>Basic Biology</i>				
4.	Cơ -Nhiệt <i>Mechanical -Thermodynamics</i>				
5.	Hóa học đại cương 1 <i>Accelerated Chemistry 1</i>				
6.	Thực tập hóa học đại cương <i>Accelerated Chemistry Lab</i>				
7.	Hóa học đại cương 2 <i>Accelerated Chemistry 2</i>				
8.	Hóa học vô cơ 1 <i>Inorganic Chemistry 1</i>				
9.	Thực tập hóa học vô cơ 1 <i>Inorganic Chemistry Lab1</i>				
10.	Hóa học hữu cơ 1 <i>Organic Chemistry 1</i>				
11.	Thực tập hóa học hữu cơ 1 <i>Organic Chemistry Lab 1</i>				
12.	Hóa học hữu cơ 2 <i>Organic Chemistry 2</i>				
13.	Cơ sở hóa học phân tích <i>Quantitative Analysis</i>				
14.	Thực tập hóa học phân tích <i>Quantitative Analysis Lab</i>				

Thực hiện theo đề cương chung và lịch trình giảng dạy của Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQGHN

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
15	Hóa lý 1 <i>Physical Chemistry 1</i>				
16	Hóa lý 2 <i>Physical Chemistry 2</i>				
17	Hóa học vô cơ 2 <i>Inorganic Chemistry 2</i>				
18	Thực tập hóa lý 1 <i>Physical Chemistry Lab 1</i>				
19	Điện- Quang <i>Electromagnetism-Optics</i>				
20	Thực tập hóa học hữu cơ 2 <i>Organic Chemistry Lab 2</i>				
21	Thực tập hóa lý 2 <i>Physical Chemistry Lab 2</i>				
22	Thực tập hóa vô cơ 2 <i>Inorganic Chemistry Lab2</i>				
23	Xác suất thống kê <i>Probability and Statistics</i>				
24	Cơ sở hóa sinh <i>Fundamental of Biochemistry</i>				
25	Hóa keo <i>Colloid Chemistry</i>				
26	Hoá học môi trường <i>Environmental Chemistry</i>				
27	Hóa học các hợp chất cao phân tử <i>Chemistry of Polymers</i>				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
28	Các phương pháp vật lý và hóa lý ứng dụng trong hoá học <i>Physical and Physicochemical Methods of Chemical Systems</i>				
29	Thực tập các phương pháp vật lý và hóa lý ứng dụng trong hoá học <i>Physical and Physicochemical Methods of Chemical Systems Lab</i>				
30	Vật liệu vô cơ <i>Inorganic Material</i>				
31	Vật liệu nano và composit <i>Nanomaterials and Composites</i>				

2.4. Ngành Cử nhân Sư phạm Sinh học

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Đại cương về tâm lý và tâm lý học nhà trường <i>General Psychology and School Psychology</i>	Giúp giáo sinh có nền tảng kiến thức tâm lý học và khả năng vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn dạy học và giáo dục học sinh góp phần nâng cao hiệu quả của quá trình giáo dục	3	Học kì 1	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
2.	Giáo dục học	- Trang bị cho SV những vấn đề lý thuyết đại cương có tính cơ bản, hệ thống và hiện đại của lý luận Giáo dục	3	Học kì 2	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần. Đánh giá khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Pedagogy</i>	học nói chung và các cơ sở lý luận về quá trình giáo dục trong nhà trường. - Hệ thống kiến thức GDH giúp SV có được những kiến thức, kỹ năng có vai trò “điểm tựa” cần thiết để tiếp tục học nhiều học phần khác thuộc Giáo dục chuyên ngành, và phát triển các năng lực nghề nghiệp.			chất trí tuệ (20%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
3.	Lý luận và Công nghệ dạy học <i>Teaching Theories and Instruction Technology</i>	Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản, bản chất, quy luật và đặc điểm của quá trình dạy học. Giới thiệu các xu hướng và thực tiễn đổi mới dạy học trên thế giới và ở Việt Nam, các phương pháp dạy học và kỹ thuật triển khai các phương pháp dạy học, các công nghệ trong dạy học.	3	Học kì 6	- Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%) - Đánh giá khả năng, hiệu quả của phương pháp dạy học và sử dụng phương tiện. (10%) - Thực hành dạy học (giảng dạy theo nhóm: phân công các cá nhân dạy từng phần cụ thể của một bài học mà nhóm đã chuẩn bị)(20%) - Bộc thăm và trả lời câu hỏi vấn đáp; Chọn 1 nội dung, lập kế hoạch dạy một nội dung và lấy trọng tâm của bài để giảng dạy trong 15 phút. (60%)
4.	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Research Methodology</i>	Học phần giúp sinh viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu (PPNC) khoa học, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai đánh giá nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ,	3		- Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ; kỹ năng viết khoa học (20%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm và cá nhân; kỹ

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu như nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên, làm khóa luận tốt nghiệp... và khả năng vận dụng trong lĩnh vực giáo dục.			năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa.(20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả thông qua nghiên cứu (60%)
5.	Phát triển chương trình giáo dục phổ thông <i>School Curriculum Development</i>	- Học phần giúp hình thành ở sinh viên năng lực cần thiết để phát triển chương trình giáo dục cho học phần, ngành học, bậc học mà mình đảm nhiệm. - Hình thành tư duy mở và phản biện trong phát triển chương trình giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và đảm bảo xu thế hội nhập khu vực và thế giới.	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức từng bài học, thông qua các bài kiểm tra nhỏ (10%) - Kỹ năng vận dụng lí thuyết vào thực tiễn (10%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm, bài thu hoạch nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung, bài thi viết (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
6.	Thực hành Sư phạm và phát triển kỹ năng cá nhân, xã hội <i>Pedagogical Practices and the Development of</i>	- Giúp sinh viên thực hành tốt những kỹ năng sư phạm tạo tiền đề cho nghề nghiệp giảng dạy của sinh viên sau này - Phát triển kỹ năng cá nhân xã hội cho sinh viên; Giúp sinh viên có khả năng thích ứng và phát triển cá nhân trong	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Đánh giá kỹ năng thành phần (30%) - Thi thực hành năng lực sư phạm, cá nhân và XH trong tình huống

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Social and Personal Skills</i>	môi trường giáo dục, môi trường xã hội tạo cơ hội thành công trong cuộc đời. Đồng thời sinh viên biết dạy những kỹ năng cá nhân xã hội cho học sinh qua các học phần hoặc môn giảng chuyên biệt.			nghề nghiệp và cuộc sống (60%)
7.	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo <i>Administrative Management and Management of Education</i>	Giúp sinh viên có phương pháp phân tích và đánh giá một cách khoa học hệ thống những vấn đề quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo; có kỹ năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước đối với ngành GD – ĐT; Định hướng các hoạt động theo hành lang pháp lý đã quy định trong nghề nghiệp tương lai.	3	Học kì 5	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
8.	Đánh giá trong giáo dục <i>Assessment in Education</i>	Giúp người học hệ thống được những kiến thức cơ bản của khoa học đo lường và đánh giá trong giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra.	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
9.	Tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường <i>Organization of School Educational Activities</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên vận dụng tổng hợp các cơ sở lý thuyết, cơ sở pháp lý vào hoạt động thực hành hình thành, phát triển các kỹ năng quản lý lớp học và tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường (<i>chủ yếu ở loại hình trường phổ thông, bậc trung học và tập trung vào công tác Giáo viên chủ nhiệm, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo</i>) phù hợp với các định hướng đổi mới giáo dục hiện nay. - Tạo cơ hội cho SV rèn luyện, phát triển một số kỹ năng tư duy, kỹ năng mềm cần thiết của một <i>giáo viên- nhà giáo dục- nhà quản lý</i>. 	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm(30%) - Năng lực vận dụng, giải thích... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
10	Tư vấn tâm lý học đường <i>Psychological Counseling in Schools</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp giáo sinh hiểu bản chất của tư vấn tâm lý học đường, có được các kiến thức về tư vấn tâm lý, tâm lý học sinh và các kỹ năng tư vấn, từ đó sinh viên trải nghiệm và thực hành công việc tư vấn trong nhà trường được hiệu quả. - Giúp giáo sinh bước đầu biết nhận diện một số hành vi lệch chuẩn và rối nhiễu tâm lý, từ đó đề xuất được biện pháp hỗ trợ phù hợp. 	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức các bài đầu của học phần (10%) - Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn: Xây dựng (dưới dạng thuyết minh) mô hình tư vấn tâm lý học đường phù hợp với trường mà mình thực tập hay kiến tập (10%) - Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm: Cả nhóm sẽ thực hành và thuyết trình về việc sử dụng các kỹ năng tư vấn học được để giải quyết một tình huống cụ thể trong trường

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>học (20%)</p> <p>- Bài cá nhân: sinh viên chọn một đề mang tính tổng hợp, vận dụng toàn bộ kiến thức của học phần (60%)</p>
11	<p>Phương pháp dạy học Sinh học</p> <p><i>Methods of Teaching Biology</i></p>	<p>- Hình thành ở sinh viên sự hiểu biết rõ ràng về những đặc điểm của quá trình giáo dục đào tạo học sinh thông qua bộ môn sinh học ở các trường phổ thông.</p> <p>- Thúc đẩy tính sáng tạo trong thiết kế bài giảng. Giúp SV xác định được ý nghĩa của việc sử dụng sơ đồ, đồ thị, bảng, biểu từ đó, có thể sáng tạo sơ đồ, đồ thị, bảng, biểu tùy theo ý đồ sử dụng trong việc dạy học.</p>	3	Học kì 7	<p>- Kiểm tra kiến thức từng bài học, thông qua các bài thi nhỏ (5%)</p> <p>- Kiểm tra kiến thức tổng hợp sau mỗi nội dung, bài thi viết cá nhân (5%)</p> <p>- Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm, bài thu hoạch nhóm (10%)</p> <p>- Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung, bài thi viết (10%)</p> <p>- Kiểm tra chất lượng giữa kì, bài tiểu luận (10%)</p> <p>- Năng lực vận dụng, giải thích... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)</p>
12	<p>Dạy học thí nghiệm Sinh học phổ thông</p> <p><i>Teaching Biological</i></p>	<p>- Giúp giáo sinh hệ thống hoá chương trình thí nghiệm sinh học. Biết lựa chọn và sử dụng thí nghiệm trong dạy học</p>	3	Học kì 7	<p>- Đánh giá thường xuyên thông qua việc dạy thí nghiệm (10%)</p> <p>- Bài tập cá nhân qua các buổi chuẩn bị thực hành (10%)</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Experiments</i>	sinh học một cách hợp lý và hiệu quả ở trường THPT. - Khả năng sử dụng phần mềm thiết kế một số thí nghiệm ảo trong trường hợp khó thực hiện trong thực tiễn. - Định hướng, hỗ trợ giáo sinh sáng tạo trong thiết kế thí nghiệm thực trong thực tiễn và thí nghiệm ảo có liên quan đến nội dung bài học.			- Bài tập lớn thông qua các bài tường trình thí nghiệm (20%) - Thi kết thúc học phần: Thí nghiệm (60%)
13	Dạy học tích hợp Sinh học với các môn khoa học khác <i>Interdgrated Teaching Biology</i>	- Giúp SV có khả năng tích hợp các môn khoa học tự nhiên khác khi dạy học Sinh học. - Sinh viên được phát huy khả năng nghiên cứu khoa học liên môn và ứng dụng công nghệ vào trong thực tiễn.	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức từng bài học (5%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp sau mỗi nội dung (5%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung (10%) - Kiểm tra chất lượng giữa kì, bài tiểu luận (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
14	Phát triển chương trình môn Sinh học ở trường phổ thông <i>High School Biology Curriculum Development</i>	- Giúp SV có khả năng phát triển chương trình môn Sinh học khi dạy học ở trường phổ thông - Giới thiệu và phân tích các quan điểm tiếp cận khi xây dựng chương trình, các khái niệm, các bước xây dựng CTĐT và phát triển chương trình; phương thức	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức từng bài học (5%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp sau mỗi nội dung (5%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm (10%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đánh giá một chương trình...			<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung (10%) - Kiểm tra chất lượng giữa kì, bài tiểu luận (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
15	<p>Chuyên đề chuyên sâu trong dạy học Sinh học</p> <p><i>Advanced Topics in Teaching Biology</i></p>	Học phần củng cố các kiến thức gắn với chương trình phổ thông, nhấn mạnh một số kiến thức trọng tâm, đi sâu khai thác một số kiến thức khó nhằm trang bị cho sinh viên những hành trang cần thiết để có thể ôn luyện học sinh giỏi, đồng thời nâng cao kỹ năng nghiệp vụ cho sinh viên.	3	Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức từng bài học (5%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp sau mỗi nội dung (5%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung (10%) - Kiểm tra chất lượng giữa kì, bài tiểu luận (10%) - Đánh giá kết quả học phần, bài thi viết hoặc tiểu luận cá nhân (60%)
16	Dạy bài tập Sinh học phổ thông	- Giúp giáo sinh có khả năng hình thành ở học sinh các kiến thức, kỹ năng, thái độ thông qua hướng dẫn học sinh giải	3	Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức từng bài học (5%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp sau

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Teaching Biological Exercises</i>	quyết các bài tập sinh học			mỗi nội dung (5%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung (10%) - Kiểm tra chất lượng giữa kì, bài tiểu luận (10%) - Đánh giá kết quả học phần, bài thi viết hoặc tiểu luận cá nhân (60%)
17	Bồi dưỡng học sinh giỏi sinh học <i>The Fostering Gifted Pupils in Biology</i>	- Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về sinh học nâng cao, phương pháp giải các bài tập sinh học và kỹ năng tiến hành các thí nghiệm liên quan đến giải phẫu sinh lý. Một số chủ đề giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng tìm kiếm học sinh giỏi sinh học và bồi dưỡng nghiệp vụ cho sinh viên.	3	Học kì 5	- Kiểm tra kiến thức từng bài học (5%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp sau mỗi nội dung (5%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung (10%) - Kiểm tra chất lượng giữa kì, bài tiểu luận (10%) - Đánh giá kết quả học phần, bài thi viết hoặc tiểu luận cá nhân (60%)
18	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Sinh học <i>IT Application in Teaching Biology</i>	Học phần hướng dẫn sinh viên thực hành sử dụng phương tiện công nghệ trong xây dựng giáo án điện tử/hồ sơ bài học, thiết kế nguồn tài liệu hỗ trợ việc dạy học Sinh học; thực hành triển khai bài giảng có kết hợp sử dụng phương	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức từng bài học (5%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp sau mỗi nội dung (5%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tiện công nghệ theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của người học trong môn Sinh học ở trường THPT.			(10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung (10%) - Kiểm tra chất lượng giữa kì, bài tiểu luận (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
19	Thực tập sư phạm <i>Pedagogical Practicum</i>		4	Học kì 8	
20	Khóa luận tốt nghiệp <i>Undergraduate Thesis</i>		6	Học kì 8	
21	Dạy học sinh học tiếp cận chuẩn quốc tế <i>Teaching Biology According to International Standards</i>	- Giúp SV có khả năng tiếp cận các yếu tố quốc tế khi dạy học. - Giúp SV phát huy khả năng nhận biết hành vi của học sinh trong lớp học từ đó xây dựng các phương pháp dạy học hiệu quả.	3	Học kì 8	- Kiểm tra kiến thức từng bài học (5%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp sau mỗi nội dung (5%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung (10%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra chất lượng giữa kì, bài tiểu luận (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
22	Phát triển tư duy cho học sinh trong dạy học Sinh học <i>The Developing Student's Minds in Biology teaching</i>	- Giúp SV có khả năng phát triển tư duy cho học sinh khi dạy học sinh học ở trường phổ thông dựa trên những kiến thức về sinh lý học thần kinh.	3	Học kì 8	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức từng bài học (5%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp sau mỗi nội dung (5%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung (10%) - Kiểm tra chất lượng giữa kì, bài tiểu luận (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

Các học phần theo đề cương học phần của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Giải tích 1 <i>Calculus I</i>				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
2	Giải tích 2 <i>Calculus 2</i>	Thực hiện theo đề cương và lịch trình giảng dạy chung của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN			
3	Xác suất thống kê <i>Probability and Statistics</i>				
4	Cơ-Nhiệt <i>Mechanics – Thermodynamics</i>				
5	Điện – Quang <i>Electromagnetism - Optics</i>				
6	Hóa học đại cương 1 <i>Accelerated Chemistry 1</i>				
7	Hóa học hữu cơ <i>Organic Chemistry</i>				
8	Sinh học đại cương <i>Basic biology</i>				
9	Di truyền học <i>Genetics</i>				
10	Hóa sinh học				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Biochemistry</i>				
11	Thực tập thiên nhiên <i>Tropical Ecology and Conservation</i>				
12	Nhập môn công nghệ sinh học <i>Introduction to Biotechnology</i>				
13	Thống kê sinh học <i>Biostatistics</i>				
14	Lý sinh học <i>Biophysics</i>				
15	Sinh học phân tử <i>Molecular Biology</i>				
16	Thực vật học <i>Botany</i>				
17	Sinh lý học thực vật <i>Plant Physiology</i>				
18	Động vật học động vật không xương sống <i>Invertebrate Zoology</i>				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
19	Động vật học động vật có xương sống <i>Vertebrate Zoology</i>				
20	Sinh lý học người và động vật <i>Human and Animal Physiology</i>				
21	Vi sinh vật học <i>Microbiology</i>				
22	Sinh học người <i>Human Biology</i>				
23	Giải phẫu người <i>Human Anatomy</i>				
24	Cơ sở sinh thái học <i>Basic Ecology</i>				
25	Sinh học cơ sở <i>Basic Biology</i>				

2.5. Ngành Cử nhân Quản trị trường học

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Quản trị học <i>Administration</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Học phần giúp sinh viên có kiến thức về quản trị học nói chung và bước đầu có khả năng vận dụng kiến thức đó vào nhận biết, so sánh và đánh giá một số hoạt động, hiện tượng quản trị trong các cơ sở giáo dục. - Sử dụng kiến thức quản trị học làm cơ sở để tiếp nhận các kiến thức, kỹ năng của các học phần khác trong chương trình đào tạo 	3	Học kì 2	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Đánh giá khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm và đánh giá kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
2	Giáo dục học <i>Education</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho SV những vấn đề lý thuyết đại cương có tính cơ bản, hệ thống và hiện đại của lý luận Giáo dục học nói chung và các cơ sở lý luận về quá trình giáo dục trong nhà trường. - Hệ thống kiến thức GDH giúp 	3	Học kì 1	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần. Đánh giá khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ (20%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích....

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		SV có được những kiến thức, kỹ năng có vai trò “điểm tựa” cần thiết để tiếp tục học nhiều học phần khác thuộc Giáo dục chuyên ngành, và phát triển các năng lực nghề nghiệp.			các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
3	Đại cương về Quản trị trường học <i>Introduction to Educational Administration</i>	- Giúp học viên có thể xác định được khái niệm và lý thuyết về quản trị giáo dục, phân biệt được các kỹ năng, hành vi và khả năng của các quản trị viên nhà trường, nhận thức được vai trò và trách nhiệm của các quản trị viên trong nhà trường. - Biết khai thác công nghệ thông tin trong giải quyết vấn đề.	3	Học kì 3	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Đánh giá khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm và đánh giá kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
4	Hành chính học đại cương <i>General Administrative Science</i>	Giúp sinh viên hệ thống được những kiến thức cơ bản về học phần, vận dụng những kiến thức đã học biết nhận xét, phân tích	3	Học kì 1	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Đánh giá khả năng vận dụng lý

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		một số hiện tượng nảy sinh trong thực tiễn hoạt động quản lý hành chính nhà nước của bộ máy hành chính nhà nước. Từ đó có ý thức tuân thủ quy định của pháp luật trong các lĩnh vực tham gia sau này khi ra trường.			thuyết vào thực tiễn (10%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm và đánh giá kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
5	Đại cương tâm lý học và tâm lý học nhà trường <i>General psychology and school psychology</i>	Giúp giáo sinh có nền tảng kiến thức tâm lý học và khả năng vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn dạy học và giáo dục học sinh góp phần nâng cao hiệu quả của quá trình giáo dục	3	Học kì 2	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
6	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Research Methodology</i>	Học phần giúp sinh viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu (PPNC) khoa học, vận	3	Học kì 2	- Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ; kỹ năng viết khoa học (20%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dụng chúng để thiết kế, triển khai đánh nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu như nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên, làm khóa luận tốt nghiệp... và khả năng vận dụng trong lĩnh vực giáo dục.			thức của nhóm và cá nhân; kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa.(20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả thông qua nghiên cứu (60%)
7	Công nghệ giáo dục trong thời kỳ 4.0 <i>Educational Technology in Revolution Industrial 4.0</i>	- Giúp sinh viên có phương pháp phân tích và đánh giá một cách khoa học hệ thống về công nghệ giáo dục trong nhà trường; có kỹ năng vận dụng kiến thức để lập kế hoạch, thực hiện và phối hợp các nguồn lực để tổ chức và kiểm soát quá trình giáo dục học sinh trong nhà trường. - Giúp sinh viên định hướng phát triển năng lực cá nhân để tổ chức hiệu quả các hoạt động liên quan đến tổ chức, kiểm soát quy trình giáo dục học sinh	3	Học kì 2	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trong trường học tương ứng với vị trí nghề nghiệp tương lai.			
8	Xã hội học và xã hội học giáo dục <i>Sociology and Educational Sociology</i>	- Học phần cung cấp các cách tiếp cận lý luận hiện đại giúp sinh viên có cái nhìn chuyên sâu từ góc độ xã hội học về lĩnh vực giáo dục - đào tạo, một lĩnh vực quốc sách hàng đầu của sự phát triển đất nước.	3	Học kì 2	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
9	Kinh tế học giáo dục <i>Education Economics</i>	- Giúp sinh viên sẽ hệ thống được những kiến thức cơ bản của học phần, vận dụng những kiến thức đã học để phát huy những mặt tích cực và hạn chế những mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, hoạch định những biện pháp phát triển giáo dục, đổi mới phương thức QLGD phù hợp.	3	Học kì 2	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
10	Lý thuyết về hành chính	- Giúp sinh viên có kiến thức cơ	4	Học kì 2	- Kiểm tra kiến thức học phần

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	trong các tổ chức giáo dục <i>Theories of Administration in Educational Institutions</i>	bản về hành chính học và có khả năng vận dụng các lý thuyết của học phần vào thực tiễn công tác hành chính trong nhà trường, cơ sở giáo dục; có kỹ năng thực hiện tốt các nghiệp vụ hành chính, biết sắp xếp khoa học các kế hoạch công việc hành chính trong nhà trường.			(10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
11	Lý luận dạy học hiện đại <i>Modern teaching Theories</i>	- Cung cấp kiến thức cơ bản về lý luận dạy học hiện đại - Hình thành cho sinh viên năng lực đánh giá, xây dựng kế hoạch và quản lý hoạt động dạy học trong công tác quản trị trường học tương lai.	3	Học kì 4	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
12	Ứng dụng tâm lý học trong quản trị nhà trường <i>Applied psychology in</i>	- Giúp sinh viên có kiến thức tâm lý học trong lĩnh vực lãnh đạo, quản trị nhà trường và khả năng vận dụng kiến thức đó vào	3	Học kì 3	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>school administration</i>	thực tiễn hoạt động quản lý tại các cơ sở giáo dục góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của cá nhân nhà quản trị cũng như các toàn bộ hoạt động quản trị diễn ra trong nhà trường.			<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
13	Hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở pháp lý trong quản lý giáo dục <i>The National Education System and the Legal Basis for Management Education</i>	<p>Sau khi học xong học phần này, người học sẽ: +) Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến việc hình thành và phát triển hệ thống GD quốc dân của mỗi quốc gia</p> <p>+) Hiểu được những khái niệm liên quan đến hệ thống GD quốc dân</p> <p>+) Phân tích được những đặc trưng của ngành học, bậc học, cấp học</p> <p>+) Chỉ ra được nội dung quản lý bậc học, cấp học trong hệ thống GD quốc dân</p> <p>+) Trình bày được cơ sở pháp lý trong quản lý giáo dục.</p>	3	Học kì 3	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
14	Giám sát hoạt động	- Giúp sinh viên có phương	3	Học kì 4	- Kiểm tra kiến thức học phần

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Giáo dục trong Nhà trường <i>Supervising Educational Activities in Schools</i>	pháp phân tích và đánh giá một cách khoa học hệ thống về các hoạt động giáo dục trong nhà trường; có kỹ năng vận dụng kiến thức để tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường; giúp sinh viên định hướng phát triển năng lực cá nhân để tổ chức hiệu quả các hoạt động giáo dục liên quan trong nghề nghiệp tương lai.			(10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
15	Quản lý chương trình nhà trường <i>School based curriculum management</i>	- Học phần giúp hình thành ở người học năng lực cần thiết để phát triển chương trình giáo dục cho học phần, ngành học, bậc học mà mình đảm nhiệm. - Hình thành tư duy mở và phản biện trong phát triển chương trình giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và đảm bảo xu thế hội nhập vùng và thế giới.	3	Học kì 3	- Kiểm tra kiến thức từng bài học (10%) - Đánh giá kỹ năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm, bài thu hoạch nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung, bài thi viết (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
16	Quản trị chiến lược trong nhà trường	- Giúp sinh viên phân tích được các lý thuyết, sử dụng các	3	Học kì 3	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Strategic Administration in School</i>	phương pháp, kỹ thuật và phương tiện để xây dựng khung chính sách, chiến lược và kế hoạch quản trị trong nhà trường.			<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
17	Quản trị Trường học trong mối quan hệ giữa Nhà trường và cộng đồng. <i>School Administration in the relationship between the school</i>	Sau khi kết thúc học phần, học viên có thể xác định được những ý tưởng và chiến lược để kết nối với cộng đồng trường học qua việc phát triển các mối quan hệ với học sinh, phụ huynh, giảng viên và nhà tuyển dụng.	3	Học kì 3	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực tổng hợp, phân tích các vấn đề về quản trị trường học trong mối quan hệ nhà trường cộng đồng trong các cơ sở giáo dục và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
18	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị nhà trường	Giúp người học biết được vị trí, vai trò và ứng dụng của công nghệ thông tin trong quản lý và	3	Học kì 4	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Applied IT in schools Administration</i>	quản trị Nhà trường; phân tích được quá trình sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý; xây dựng được một hệ thống công nghệ thông tin phù hợp với một nhiệm vụ quản trị Nhà trường. Trên cơ sở đó, có thái độ tốt trong việc vận hành có hiệu quả các hệ thống công nghệ thông tin tại đơn vị.			<ul style="list-style-type: none"> thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
19	Quan hệ nội bộ trong nhà trường <i>Interior relations in Schools</i>	Giúp sinh viên hệ thống hóa được các kiến thức cơ bản về quan hệ công chúng, vận dụng kiến thức để phân tích được các ứng dụng của quan hệ công chúng trong nhà trường và có thể đặt tip và viết bài PR cho một sự kiện cụ thể.	3	Học kì 4	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
20	Xây dựng văn hóa nhà trường <i>Schools Culture</i>	- Giúp SV hiểu rõ vai trò của văn hóa tổ chức nói chung và văn hóa nhà trường nói riêng;	3	Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Development</i>	nhận diện những biểu hiện văn hóa tích cực và tiêu cực, tìm hiểu những khó khăn, thách thức khi xây dựng, nuôi dưỡng những giá trị văn hóa tốt đẹp của nhà trường. - Chuẩn bị cho SV - các nhà quản lý tương lai những công cụ tác động tới chính văn hóa của trường mình, vun trồng để nó thực sự hỗ trợ cho việc dạy và học			thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
21	Kỹ năng Quản trị Trường học 1 <i>School Administration Skills 1</i>	Giúp sinh viên có được những kiến thức cơ bản về kỹ thuật điều hành hoạt động công sở, có kỹ năng vận dụng kiến thức vào việc thiết kế, tổ chức và điều hành một số hoạt động hành chính ở vị trí là người quản trị viên trong nhà trường.	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
22	Kỹ năng Quản trị Trường học 2	Giúp sinh viên có thể xác định, mô tả và phân tích được các kỹ	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>School Administration Skills 2</i>	năng giao tiếp của người quản trị viên, vận dụng kiến thức để tạo dựng được mối quan hệ tốt đẹp với đối tượng giao tiếp ở trong nhà trường nói riêng, trong cuộc sống nói chung.			<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
23	Kỹ năng Quản trị Trường học 3 <i>School Administration Skills 3</i>	Giúp sinh viên có nền tảng kiến thức cơ bản về những kỹ năng mang tính đặc thù của nhà quản trị trường học và khả năng vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn hoạt động nghề nghiệp của mình góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động quản trị nhà trường, góp phần thực hiện mục tiêu của mỗi cơ sở giáo dục.	3	Học kì 3	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
24	Giám sát hoạt động dạy học trong nhà trường <i>Supervision of teaching activities at School</i>	- Giúp sinh viên có phương pháp phân tích và đánh giá một cách khoa học hệ thống về công tác giám sát hoạt động dạy học; Kỹ năng vận dụng kiến thức để	4	Học kì 4	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>lập kế hoạch, thực hiện và phối hợp các nguồn lực để giám sát các hoạt động dạy học trong nhà trường.</p> <p>- Giúp sinh viên định hướng phát triển năng lực cá nhân để tổ chức hiệu quả các hoạt động liên quan đến giám sát hoạt động dạy học trong trường học trường ứng với vị trí nghề nghiệp tương lai.</p>			<p>kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%)</p> <p>- Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)</p>
25	<p>Chính sách và thực thi quản trị trường học</p> <p><i>Schools Administration, Policies and Practice</i></p>	<p>- Giới thiệu về các chính sách giáo dục, khái niệm, vai trò, các loại hình chính sách giáo dục và quy trình thực hiện chính sách giáo dục.</p> <p>- Cung cấp nền tảng kiến thức mới về quản trị giáo dục, chính sách hỗ trợ cho các nhân viên trong các lĩnh vực chính sách giáo dục, chính trị và hành chính.</p>	3	Học kì 4	<p>- Kiểm tra kiến thức học phần (10%)</p> <p>- Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%)</p> <p>- Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%)</p> <p>- Năng lực tổng hợp, phân tích các vấn đề về chính sách và thực thi chính sách quản trị giáo dục của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
26	Môi trường và phát triển <i>Environment and Development</i>	<p>- Học phần giới thiệu các khái niệm về tài nguyên, môi trường và phát triển. Đặc điểm, nguyên nhân, hệ quả của các vấn đề suy thoái tài nguyên và ô nhiễm môi trường, mối quan hệ giữa môi trường và các lĩnh vực phát triển khoa học công nghệ, kinh tế, xã hội.</p> <p>- Học phần đề cập đến các thách thức và mối quan tâm hiện nay của loài người đối với các vấn đề môi trường và phát triển trên thế giới hiện nay.</p>	2	Học kì 5	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
27	Quản trị nguồn nhân lực trong nhà trường <i>Human Resources Administration in School</i>	Giúp sinh viên phân tích được các lý thuyết, mô hình quản trị nguồn nhân lực trong nhà trường và kỹ thuật quản trị giáo viên, nhân viên trong nhà trường	3	Học kì 5	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					- Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
28	Quản lý tài chính trong nhà trường <i>Financial Management at School</i>	Giúp người học hệ thống được những kiến thức cơ bản của Học phần, vận dụng những kiến thức đã học vào việc quản lý cũng như sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính trong trường học; phân tích được những mặt tích cực và hạn chế của chế tài cơ chế quản lý tài chính trong Nhà trường ở Việt Nam hiện nay.	3	Học kì 5	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
29	Quản lý cơ sở vật chất trong nhà trường <i>Infrastructure Management at School</i>	- Trang bị cho người học về những lý luận và nội dung cơ bản của hệ thống cơ sở vật chất – thiết bị giáo dục - Người học biết vận dụng một cách sáng tạo những nội dung đó vào thực tiễn quản lý - Giúp người học nâng cao các kỹ năng quản lý về cơ sở vật chất - thiết bị, đồng thời có ý	3	Học kì 5	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thức đúng đắn cho việc định hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa cơ sở vật chất - thiết bị giáo dục ở nhà trường			giải pháp hiệu quả (60%)
30	Đảm bảo chất lượng trong giáo dục <i>Quality Assurance in Education</i>	Giúp sinh viên có thể xác định, mô tả và phân tích được khái niệm, các mô hình và hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục; vận dụng kiến thức để đánh giá một mô hình đảm bảo chất lượng và tham gia quá trình tự đánh giá chất lượng trong giáo dục.	3	Học kì 5	Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
31	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và đào tạo <i>Administrative and Management of Education</i>	Giúp sinh viên có phương pháp phân tích và đánh giá một cách khoa học hệ thống những vấn đề quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo; có kỹ năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước đối với ngành GD – ĐT; Định hướng các hoạt động theo hành lang pháp lý đã	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quy định trong nghề nghiệp tương lai.			
32	Đánh giá trong giáo dục <i>Assessment in Education</i>	Giúp người học hệ thống được những kiến thức cơ bản của khoa học đo lường và đánh giá trong giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra.	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
33	Lý luận pháp luật về phòng chống tham nhũng <i>Theories and Law on Anti-corruption</i>	Giúp sinh viên có phương pháp phân tích và đánh giá một cách khoa học hệ thống những vấn đề về pháp luật và phòng chống tham nhũng; có kỹ năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà trường; giúp sinh viên định hướng các hoạt động theo hành lang pháp lý đã quy định trong nghề nghiệp tương lai	3	Học kì 1	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
34	Huy động cộng đồng phát triển giáo dục <i>Community mobilization in Education</i>	<p>- Học phần giúp hình thành ở người học năng lực cần thiết để huy động cộng đồng xã hội phát triển giáo dục tại trường mình, địa phương mình đang công tác.</p> <p>- Hình thành tư duy mở và phản biện trong huy động cộng đồng xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và đảm bảo xu thế hội nhập vùng và thế giới.</p>	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức từng bài học (5%) - Đánh giá kỹ năng vận dụng lí thuyết vào thực tiễn (5%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm, bài thu hoạch nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung, bài thi viết (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
35	Tư vấn hướng nghiệp trong nhà trường <i>Career Counseling in School</i>	<p>Người học nắm được hệ thống kiến thức, kỹ năng về hoạt động tư vấn, hướng nghiệp trong giáo dục cho học sinh đồng thời biết vận dụng những kiến thức và kỹ năng này để giải quyết những tình huống cụ thể trong lựa chọn nghề nghiệp của học sinh</p>	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
36	Quản trị dự án trong trường học <i>Project Administration in School</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Học viên được trang bị kiến thức cơ bản về quản trị dự án trong trường học, nắm vững quy trình quản trị dự án trong trường học, vận dụng kiến thức đã học để quản trị dự án trong trường học. - Học cách ứng dụng một cách hệ thống các kiến thức, kỹ năng học được vào dự án của riêng mình. - Đưa các phương pháp quản trị dự án giáo dục vào thực tiễn. 	3	Học kì 5	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
37	Quản trị thương hiệu và Marketing của nhà trường <i>Brand Management and Marketing of school</i>	Giúp sinh viên phân tích được các lý thuyết, mô hình marketing và quản trị thương hiệu, quản trị marketing của nhà trường. Từ đó, phân tích, đánh giá, xây dựng kế hoạch phát triển thương hiệu và quản trị chiến lược marketing của nhà trường.	3	Học kì 5	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
38	Lãnh đạo sáng tạo <i>Creative leadership</i>	Học phần trang bị cho người học kiến thức về năng lực sáng tạo của lãnh đạo nhà trường nhằm đáp ứng các mục tiêu phát triển giáo dục.	3	Học kì 4	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
39	Tư vấn tâm lý học đường <i>Psychological counseling in schools</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp giáo sinh hiểu bản chất của tư vấn tâm lý học đường, có được các kiến thức về tư vấn tâm lý, tâm lý học sinh và các kỹ năng tư vấn, từ đó sinh viên trải nghiệm và thực hành công việc tư vấn trong nhà trường được hiệu quả. - Giúp giáo sinh bước đầu biết nhận diện một số hành vi lệch chuẩn và rối nhiễu tâm lý, từ đó đề xuất được biện pháp hỗ trợ phù hợp. 	3	Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức các bài đầu của học phần (10%) - Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn: Xây dựng (dưới dạng thuyết minh) mô hình tư vấn tâm lý học đường phù hợp với trường mà mình thực tập hay kiến tập (10%) - Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm: Cả nhóm sẽ thực hành và thuyết trình về việc sử dụng các kỹ năng tư vấn học được để giải quyết một tình huống cụ thể trong trường học (20%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					- Bài cá nhân: sinh viên chọn một đề mang tính tổng hợp, vận dụng toàn bộ kiến thức của học phần (60%)
40	Hệ thống thông tin trong quản trị trường học <i>Information System in school Administration</i>	- Giúp người học biết được vị trí, vai trò và giá trị của thông tin trong quản lý và quản lý giáo dục; phân tích được quá trình truyền thông trong quản lý; xây dựng được một hệ thống thông tin quản lý giáo dục phù hợp với một nhiệm vụ quản lý giáo dục. - Từ đó có thái độ tốt trong việc xây dựng và sử dụng có hiệu quả các hệ thống thông tin quản lý giáo dục trong thực tiễn quản lý giáo dục.	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
41	Quản trị thông tin trong trường học <i>Administration information in Schools</i>		3	Học kì 5	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
42	Thực tập nghiệp vụ 1 <i>Internship 1</i>		4	Học kì 6	
43	Thực tập nghiệp vụ 2 <i>Internship 2</i>		6	Học kì 8	
44	Khóa luận tốt nghiệp <i>Undergraduate Thesis</i>		6	Học kì 8	
45	Thực hành quản trị trường học <i>School Administration Practices</i>	Giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng bổ trợ của người cán bộ quản trị nhà trường: kỹ năng quản trị hành chính, quản trị nhân sự, quản trị cơ sở vật chất, kỹ năng tư vấn, hỗ trợ chuyên môn cho giáo viên, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thích ứng với sự thay đổi...	3	Học kì 8	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
46	Nghiệp vụ quản lý hành chính trong cơ sở giáo dục	Giúp sinh viên hệ thống được những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ hành chính nói chung	3	Học kì 8	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Administrative Management in Educational Institutions</i>	và nghiệp vụ hành chính trong cơ sở đào tạo, vận dụng những kiến thức đã học để hình thành năng lực quản lý hành chính, giải quyết hiệu quả những vấn đề liên quan đến hành chính trong nhà trường.			<p>thực tiễn (10%)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

2.6. Ngành Cử nhân Sư phạm Lịch sử

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Đại cương về tâm lý và tâm lý học nhà trường <i>General Psychology and School Psychology</i>	Giúp giáo sinh có nền tảng kiến thức tâm lý học và khả năng vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn dạy học và giáo dục học sinh góp phần nâng cao hiệu quả của quá trình giáo dục	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
2	Giáo dục học <i>Pedagogy</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho SV những vấn đề lý thuyết đại cương có tính cơ bản, hệ thống và hiện đại của lý luận Giáo dục học nói chung và các cơ sở lý luận về quá trình giáo dục trong nhà trường. - Hệ thống kiến thức GDH giúp SV có được những kiến thức, kỹ năng có vai trò “điểm tựa” cần thiết để tiếp tục học nhiều học phần khác thuộc Giáo dục chuyên ngành, và phát triển các năng lực nghề nghiệp. 	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần. Đánh giá khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ (20%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
3	Lý luận và Công nghệ dạy học <i>Teaching Theories and</i>	Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản, bản chất, quy luật và đặc điểm của quá trình dạy	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%) - Đánh giá khả năng, hiệu quả

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Instruction Technology</i>	học.Giới thiệu các xu hướng và thực tiễn đổi mới dạy học trên thế giới và ở Việt Nam, các phương pháp dạy học và kĩ thuật triển khai các phương pháp dạy học, các công nghệ trong dạy học.			<p>của phương pháp dạy học và sử dụng phương tiện. (10%)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành dạy học (giảng dạy theo nhóm:phân công các cá nhân dạy từng phần cụ thể của một bài học mà nhóm đã chuẩn bị)(20%) - Bốc thăm và trả lời câu hỏi vấn đáp; Chọn 1 nội dung, lập kế hoạch dạy một nội dung và lấy trọng tâm của bài để giảng dạy trong 15 phút. (60%)
4	<p>Phương pháp nghiên cứu khoa học</p> <p><i>Research Methodology</i></p>	Học phần giúp sinh viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu (PPNC) khoa học, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai đánh nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu như nghiên cứu khoa học (NCKH)của sinh viên, làm khóa luận tốt nghiệp...và khả năng vận dụng trong lĩnh vực giáo dục.	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ; kỹ năng viết khoa học (20%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm và cá nhân; kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa.(20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả thông qua nghiên cứu (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
5	Phát triển chương trình giáo dục phổ thông <i>School Education Curriculum Development</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Học phần giúp hình thành ở sinh viên năng lực cần thiết để phát triển chương trình giáo dục cho học phần, ngành học, bậc học mà mình đảm nhiệm. - Hình thành tư duy mở và phản biện trong phát triển chương trình giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và đảm bảo xu thế hội nhập khu vực và thế giới. 	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức từng bài học, thông qua các bài kiểm tra nhỏ (10%) - Kỹ năng vận dụng lí thuyết vào thực tiễn (10%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm, bài thu hoạch nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung, bài thi viết (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
6	Thực hành Sư phạm và phát triển kỹ năng cá nhân, xã hội <i>Pedagogical Practices and the Development of Social and Personal Skills</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên thực hành tốt những kỹ năng sư phạm tạo tiền đề cho nghề nghiệp giảng dạy của sinh viên sau này - Phát triển kỹ năng cá nhân xã hội cho sinh viên; Giúp sinh viên có khả năng thích ứng và phát triển cá nhân trong môi trường giáo dục, môi trường xã hội tạo cơ hội thành công trong cuộc 	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Đánh giá kỹ năng thành phần (30%) - Thi thực hành năng lực sư phạm, cá nhân và XH trong tình huống nghề nghiệp và cuộc sống (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đòi. Đồng thời sinh viên biết dạy những kỹ năng cá nhân xã hội cho học sinh qua các học phần hoặc môn giảng chuyên biệt.			
7	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo <i>Administrative Management and Management of Education</i>	Giúp sinh viên có phương pháp phân tích và đánh giá một cách khoa học hệ thống những vấn đề quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo; có kỹ năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước đối với ngành GD – ĐT; Định hướng các hoạt động theo hành lang pháp lý đã quy định trong nghề nghiệp tương lai.	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
8	Đánh giá trong giáo dục <i>Assessment in Education</i>	Giúp người học hệ thống được những kiến thức cơ bản của khoa học đo lường và đánh giá trong giáo dục, vận dụng chúng	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra.			làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
9	Tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường <i>Organization of School Educational Activities</i>	- Giúp sinh viên vận dụng tổng hợp các cơ sở lý thuyết, cơ sở pháp lý vào hoạt động thực hành hình thành, phát triển các kỹ năng quản lý lớp học và tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường (<i>chủ yếu ở loại hình trường phổ thông, bậc trung học và tập trung vào công tác Giáo viên chủ nhiệm, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo</i>) phù hợp với các định hướng đổi mới giáo dục hiện nay. - Tạo cơ hội cho SV rèn luyện, phát triển một số kỹ	3	Học kì 6	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm(30%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		năng tư duy, kỹ năng mềm cần thiết của một <i>giáo viên- nhà giáo dục- nhà quản lý.</i>			
10	Tư vấn tâm lý học đường <i>Psychological Counseling in Schools</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp giáo sinh hiểu bản chất của tư vấn tâm lý học đường, có được các kiến thức về tư vấn tâm lý, tâm lý học sinh và các kỹ năng tư vấn, từ đó sinh viên trải nghiệm và thực hành công việc tư vấn trong nhà trường được hiệu quả. - Giúp giáo sinh bước đầu biết nhận diện một số hành vi lệch chuẩn và rối nhiễu tâm lý, từ đó đề xuất được biện pháp hỗ trợ phù hợp. 	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức các bài đầu của học phần (10%) - Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn: Xây dựng (dưới dạng thuyết minh) mô hình tư vấn tâm lý học đường phù hợp với trường mà mình thực tập hay kiến tập (10%) - Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm: Cả nhóm sẽ thực hành và thuyết trình về việc sử dụng các kỹ năng tư vấn học được để giải quyết một tình huống cụ thể trong trường học (20%) - Bài cá nhân: sinh viên chọn một đề mang tính tổng hợp, vận dụng toàn bộ kiến thức của học phần (60%)
11	Phương pháp dạy học Lịch sử <i>Methodology of History</i>			Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức các bài đầu của học phần (10%) - Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn: Xây

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Teaching</i>				<p>dụng (dưới dạng thuyết minh) mô hình tư vấn tâm lý học đường phù hợp với trường mà mình thực tập hay kiến tập (10%)</p> <p>- Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm: Cả nhóm sẽ thực hành và thuyết trình về việc sử dụng các kỹ năng tư vấn học được để giải quyết một tình huống cụ thể trong trường học (20%)</p> <p>- Bài cá nhân: sinh viên chọn một đề mang tính tổng hợp, vận dụng toàn bộ kiến thức của học phần (60%)</p>
12	Thực hành dạy học Lịch sử <i>Practice of History Teaching</i>			Học kì 7	
	Kỹ thuật dạy học Lịch sử <i>History Teaching Techniques</i>			Học kì 7	<p>- Kiểm tra kiến thức các bài đầu của học phần (10%)</p> <p>- Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn: Xây dựng (dưới dạng thuyết minh) mô hình tư vấn tâm lý học đường phù hợp với trường mà mình thực tập hay kiến tập (10%)</p> <p>- Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm: Cả nhóm sẽ thực</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>hành và thuyết trình về việc sử dụng các kỹ năng tư vấn học được để giải quyết một tình huống cụ thể trong trường học (20%)</p> <p>- Bài cá nhân: sinh viên chọn một đề mang tính tổng hợp, vận dụng toàn bộ kiến thức của học phần (60%)</p>
13	<p>Thực hành sử dụng phương tiện công nghệ trong dạy học Lịch sử</p> <p><i>Practice of Using Technology in History Teaching</i></p>			Học kì 7	<p>- Kiểm tra kiến thức các bài đầu của học phần (10%)</p> <p>- Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn: Xây dựng (dưới dạng thuyết minh) mô hình tư vấn tâm lý học đường phù hợp với trường mà mình thực tập hay kiến tập (10%)</p> <p>- Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm: Cả nhóm sẽ thực hành và thuyết trình về việc sử dụng các kỹ năng tư vấn học được để giải quyết một tình huống cụ thể trong trường học (20%)</p> <p>- Bài cá nhân: sinh viên chọn một đề mang tính tổng hợp, vận dụng toàn bộ kiến thức của học phần (60%)</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
14	Thực tập sư phạm <i>Pedagogical Practicum</i>		4	Học kì 8	
15	Khóa luận tốt nghiệp <i>Undergraduate Thesis</i>		6	Học kì 8	
16	Lí luận, công nghệ dạy học hiện đại môn Lịch sử <i>History Teaching Theories and Technology</i>		3	Học kì 8	
17	Phương pháp dạy học trong môi trường học tập trực tuyến <i>Teaching Methodology for Online Learning Environment</i>	Học phần Phương pháp dạy học trong môi trường trực tuyến cung cấp những khái niệm cơ bản, các công cụ công nghệ hiện đại để thiết kế và tổ chức quá trình dạy học trong môi trường trực tuyến đáp ứng các nhu cầu học tập đa dạng hiện nay. Học phần đồng thời giới	3	Học kì 8	Đánh giá thường xuyên (Hỏi đáp): 10 % Bài tập cá nhân (SV viết bài): 10 % Bài tập nhóm (SV trình bày sản phẩm nhóm): 20 % Bài thi hết môn (Bài thi): 60 %

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>thiệu các mô hình dạy học không truyền thống được xây dựng dựa trên nền tảng web, kết nối mạng, hệ thống các cách tiếp cận và phương pháp dạy học mới trong việc tổ chức quá trình dạy học, sự thay đổi bản chất vai trò của người dạy, người học, đặc điểm tương tác giữa 2 chủ thể này và môi trường học tập.</p> <p>Học phần cung cấp các cơ hội cho người học tiếp cận với công nghệ dạy học hiện đại dựa với Hệ thống công cụ quản lí, hỗ trợ dạy học</p>			

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		(Learning Management System – LMS) trên nền tảng mã nguồn mở Moodle và kết nối mạng.			
18	Tư vấn hướng nghiệp <i>Vocational Orientation Counselling</i>	Giúp giáo sinh hiểu được bản chất của giáo dục hướng nghiệp và quá trình tư vấn hướng nghiệp cho học sinh, từ đó có khả năng giúp học sinh trung học định hướng nghề nghiệp và chọn nghề phù hợp.	3	Học kì 8	Đánh giá thường xuyên (Hỏi đáp): 10 % Bài tập cá nhân (SV viết bài): 10 % Bài tập nhóm (SV trình bày sản phẩm nhóm): 20 % Bài thi hết môn (Bài thi): 60 %
19	Nghiên cứu và dạy học Lịch sử địa phương <i>Local History Researching and Teaching</i>		3	Học kì 8	Đánh giá thường xuyên (Hỏi đáp): 10 % Bài tập cá nhân (SV viết bài): 10 % Bài tập nhóm (SV trình bày sản phẩm nhóm): 20 %

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					Bài thi hết môn (Bài thi): 60 %

Các học phần ngành Cử nhân Sư phạm Lịch sử do Trường ĐH KHXH&NV giảng dạy

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Lịch sử Việt Nam cổ- trung đại <i>Ancient and Medieval History of Vietnam</i>	Thực hiện theo đề cương và lịch trình giảng dạy của Trường ĐHKHXH&NV			
2	Lịch sử Việt Nam cận đại <i>Modern History of Vietnam</i>				
3	Lịch sử Việt Nam hiện đại <i>Contemporary History of Vietnam</i>				
4	Lịch sử Thế giới cổ- trung đại <i>Ancient and Medieval History of the World</i>				
5	Lịch sử Thế giới cận đại <i>Modern History of the World</i>				
6	Lịch sử Thế giới hiện đại <i>Contemporary History of the World</i>				
7	Cơ sở văn hoá Việt Nam <i>Vietnamese cultural establishments</i>				
8	Lịch sử văn minh thế giới				
9	Dẫn luận ngôn ngữ học				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Introduction to Linguistics</i>				
10	Lịch sử sử học <i>History of the Historiography</i>				
11	Cơ sở khảo cổ học <i>Introduction to Archeology</i>				
12	Làng xã Việt Nam trong lịch sử <i>Vietnamese Villages in History</i>				
13	Đô thị cổ Việt Nam <i>Ancient Cities of Vietnam</i>				
14	Các tôn giáo thế giới <i>World Religions</i>				
15	Sự phát triển kinh tế- xã hội của các nước Đông Bắc Á <i>Socio-Economic Development in the East-Asian Countries</i>				
16	Sự phát triển kinh tế- xã hội của các nước Đông Nam Á <i>Socio-Economic Development in the Southeast Asian Countries</i>				
17	Sử liệu học và các nguồn sử liệu lịch sử Việt Nam <i>The Study of Historical Documents and Historical Sources in Vietnam</i>				
18	Một số phương pháp nghiên cứu lịch sử <i>Some Methods in Historical Research</i>				
19	Tiếp xúc văn hóa Đông-Tây ở Việt Nam thời cận đại				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>East-West Acculturation in Modern Vietnam</i>				
20	Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam <i>The People's National Democratic Revolution of Vietnam</i>				
21	Nguyễn Ái Quốc và sự truyền bá Chủ nghĩa Mác- Lênin vào Việt Nam <i>Nguyen Ai Quoc and the Dissemination of Marxist-Leninist Ideology into Vietnam</i>				
22	Lịch sử chống ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc Việt Nam thời cổ trung đại <i>Wars of Resistance Against Foreign Invasion in Ancient and Medieval Vietnam</i>				
23	Các khuynh hướng tư tưởng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại <i>Tendencies of Liberation Thoughts in Modern Vietnam</i>				
24	Quan hệ thương mại truyền thống ở khu vực Biển Đông <i>Traditional Trade Relations in the East Sea</i>				
25	Đặc điểm quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh <i>Main Features of International Relations after the Cold War</i>				
26	Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ từ sau Chiến tranh Thế giới thứ hai <i>The U.S Foreign Policies after World War II</i>				
27	Biến đổi kinh tế- xã hội Việt Nam 1945-2000 <i>Vietnam's Socio - Economic Transformation, 1945-2000</i>				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
28	Quá trình dân tộc-lãnh thổ của Việt Nam <i>The Process of National and Territorial Formation of Vietnam</i>				

3.7. Ngành Cử nhân Sư phạm Ngữ văn
Các học phần do Trường Đại học Giáo dục giảng dạy

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Đại cương về tâm lý và tâm lý học nhà trường <i>General Psychology and School Psychology</i>	Giúp giáo sinh có nền tảng kiến thức tâm lý học và khả năng vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn dạy học và giáo dục học sinh góp phần nâng cao hiệu quả của quá trình giáo dục	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
2	Giáo dục học <i>Pedagogy</i>	- Trang bị cho SV những vấn đề lý thuyết đại cương có tính cơ bản, hệ thống và hiện đại của lý luận Giáo	3	Học kì 6	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần. Đánh giá khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>dục học nói chung và các cơ sở lý luận về quá trình giáo dục trong nhà trường.</p> <p>- Hệ thống kiến thức GDH giúp SV có được những kiến thức, kỹ năng có vai trò “điểm tựa” cần thiết để tiếp tục học nhiều học phần khác thuộc Giáo dục chuyên ngành, và phát triển các năng lực nghề nghiệp.</p>			<p>trí tuệ (20%)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
3	<p>Lý luận và Công nghệ dạy học</p> <p><i>Teaching Theories and Instruction Technology</i></p>	<p>Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản, bản chất, quy luật và đặc điểm của quá trình dạy học. Giới thiệu các xu hướng và thực tiễn đổi mới dạy học trên thế giới và ở Việt Nam, các phương pháp dạy học và kỹ thuật triển khai các phương pháp dạy học, các công nghệ trong dạy học.</p>	3	Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài (10%) - Đánh giá khả năng, hiệu quả của phương pháp dạy học và sử dụng phương tiện. (10%) - Thực hành dạy học (giảng dạy theo nhóm: phân công các cá nhân dạy từng phần cụ thể của một bài học mà nhóm đã chuẩn bị)(20%) - Bốc thăm và trả lời câu

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					hỏi vấn đáp; Chọn 1 nội dung, lập kế hoạch dạy một nội dung và lấy trọng tâm của bài để giảng dạy trong 15 phút. (60%)
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Research Methodology</i>	Học phần giúp sinh viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu (PPNC) khoa học, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai đánh nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu như nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên, làm khóa luận tốt nghiệp... và khả năng vận dụng trong lĩnh vực giáo dục.	3	Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và các phẩm chất trí tuệ; kỹ năng viết khoa học (20%) - Đánh giá khả năng tổng hợp kiến thức của nhóm và cá nhân; kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm để tạo ra được sản phẩm có ý nghĩa.(20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả thông qua nghiên cứu (60%)
5	Phát triển chương trình giáo dục phổ thông <i>School Education Curriculum</i>	- Học phần giúp hình thành ở sinh viên năng lực cần thiết để phát triển chương trình giáo dục cho học phần, ngành học, bậc học mà mình đảm	3	Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức từng bài học, thông qua các bài kiểm tra nhỏ (10%) - Kỹ năng vận dụng lí

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Development</i>	nhiệm. - Hình thành tư duy mở và phản biện trong phát triển chương trình giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và đảm bảo xu thế hội nhập khu vực và thế giới.			thuyết vào thực tiễn (10%) - Kiểm tra hoạt động trao đổi nhóm, bài thu hoạch nhóm (10%) - Kiểm tra kiến thức tổng hợp một số nội dung, bài thi viết (10%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
6	Thực hành Sư phạm và phát triển kỹ năng cá nhân, xã hội <i>Pedagogical Practices and the Development of Social and Personal Skills</i>	- Giúp sinh viên thực hành tốt những kỹ năng sư phạm tạo tiền đề cho nghề nghiệp giảng dạy của sinh viên sau này - Phát triển kỹ năng cá nhân xã hội cho sinh viên; Giúp sinh viên có khả năng thích ứng và phát triển cá nhân trong môi trường giáo dục, môi trường xã hội tạo cơ hội thành công trong cuộc đời. Đồng thời sinh viên biết dạy những kỹ năng cá nhân xã hội cho học sinh qua các học phần hoặc môn giảng chuyên biệt.	3	Học kì 7	- Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Đánh giá kỹ năng thành phần (30%) - Thi thực hành năng lực sư phạm, cá nhân và XH trong tình huống nghề nghiệp và cuộc sống (60%)

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
7	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo <i>Administrative Management and Management of Education</i>	Giúp sinh viên có phương pháp phân tích và đánh giá một cách khoa học hệ thống những vấn đề quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo; có kỹ năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước đối với ngành GD – ĐT; Định hướng các hoạt động theo hành lang pháp lý đã quy định trong nghề nghiệp tương lai.	3	Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
8	Đánh giá trong giáo dục <i>Assessment in Education</i>	Giúp người học hệ thống được những kiến thức cơ bản của khoa học đo lường và đánh giá trong giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra.	3	Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm (20%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					(60%)
9	Tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường <i>Organization of School Educational Activities</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên vận dụng tổng hợp các cơ sở lý thuyết, cơ sở pháp lý vào hoạt động thực hành hình thành, phát triển các kỹ năng quản lý lớp học và tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường (<i>chủ yếu ở loại hình trường phổ thông, bậc trung học và tập trung vào công tác Giáo viên chủ nhiệm, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo</i>) phù hợp với các định hướng đổi mới giáo dục hiện nay. - Tạo cơ hội cho SV rèn luyện, phát triển một số kỹ năng tư duy, kỹ năng mềm cần thiết của một <i>giáo viên- nhà giáo dục- nhà quản lý</i>. 	3	Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức học phần (10%) - Khả năng tổng hợp kiến thức và kỹ năng phối kết hợp trong làm việc nhóm(30%) - Năng lực vận dụng, giải thích.... các vấn đề của thực tiễn bằng kiến thức chuyên môn và đưa ra được giải pháp hiệu quả (60%)
10	Tư vấn tâm lý học đường <i>Psychological Counseling in Schools</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp giáo sinh hiểu bản chất của tư vấn tâm lý học đường, có được các kiến thức về tư vấn tâm lý, tâm lý học sinh và các kỹ năng tư vấn, từ đó sinh viên trải nghiệm và thực hành công việc tư vấn trong nhà trường được hiệu quả. - Giúp giáo sinh bước đầu biết nhận 	3	Học kì 7	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra kiến thức các bài đầu của học phần (10%) - Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn: Xây dựng (dưới dạng thuyết minh) mô hình tư vấn tâm lý học đường phù

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		diện một số hành vi lệch chuẩn và rối nhiễu tâm lý, từ đó đề xuất được biện pháp hỗ trợ phù hợp.			<p>hợp với trường mà mình thực tập hay kiến tập (10%)</p> <p>- Đánh giá khả năng làm việc theo nhóm: Cả nhóm sẽ thực hành và thuyết trình về việc sử dụng các kỹ năng tư vấn học được để giải quyết một tình huống cụ thể trong trường học (20%)</p> <p>- Bài cá nhân: sinh viên chọn một đề mang tính tổng hợp, vận dụng toàn bộ kiến thức của học phần (60%)</p>
11	Ngôn ngữ và văn học <i>Language and Literature</i>	<p>Học xong học phần này, sinh viên có thể</p> <p>Kiến thức</p> <p>Tự giới thuyết một cách nhất quán và có hệ thống các khái niệm và cụm từ then chốt của bài giảng này: “Ngôn Ngữ”, “Văn Học” “Diễn Ngôn”, “Sáng tác Văn chương”, “Văn xuôi Tự sự”, “Tác phẩm Chính luận”, “Tác phẩm Nghị luận”, “Thơ ca Trữ tình”, “Lí luận Văn học”, “Nghiên cứu Phê bình Văn học”, ...</p> <p>Phân biệt theo nguyên tắc nhất định</p>	3	Học kì 6	<p>Bài tập nhóm: đánh giá ý thức học tập, sự chuyên cần, sự phối hợp (10%)</p> <p>Bài tập cá nhân: Đánh giá việc tự học, thực hành của sinh viên (10%).</p> <p>Bài kiểm tra giữa kỳ:Đánh giá kết quả học tập ½ học kỳ, kỹ năng làm việc nhóm, lấy thông tin phản hồi về việc học tập để cải tiến việc</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>“Dụng ngữ nguyên sinh” và “Dụng ngữ thứ sinh”, “Ngôn ngữ Nói” và “Ngôn ngữ Viết”; “Ngôn từ chất liệu” và “Ngôn từ công cụ”; “Ngôn ngữ Thơ” và “Ngôn ngữ Văn xuôi Tự sự”.</p> <p>Nêu được mối quan hệ giữa “Ngôn ngữ” và “Văn học”:</p> <p>Kĩ năng</p> <p>Phân tách được cấu trúc luận ngôn ngữ: hai mặt năng biểu và sở chỉ, chọn lựa và kết hợp</p> <p>Vận dụng hiểu biết về hai mối quan hệ tổ hợp lân cận đồng hiện (syntagmatique) và liên tưởng tiềm tàng (inabsentia) vào thao tác phân tích cấu trúc thơ ca và văn xuôi</p> <p>Khu biệt được ẩn dụ và hoán dụ đi kèm với việc chỉ rõ thơ chịu sự chi phối của của nguyên tắc tính tương tự trong lúc văn xuôi hoạt động trong quan hệ tương cận;</p> <p>Nhận diện được quan điểm cho rằng tiếp nối và chuyển hoán là hai nguyên tắc của tự sự.</p> <p>Thực hành tạo lập dụng ngữ theo thể loại văn bản cụ thể</p> <p>Thái độ</p> <p>Tôn trọng thao tác phân tích khoa học và nghiên cứu bài bản</p> <p>Yêu thích tư duy hệ thống hóa và</p>			<p>dạy học (20%)</p> <p>Bài thi hết môn: Đánh giá kết quả học tập cuối học phần, lấy thông tin phản hồi về việc học tập để cải tiến chương trình, đề cương học phần.(40%)</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		khái niệm hóa Phê phán sự cố chấp và giáo điều kinh viện Xa rời lối dụng ngữ kiểu MC (dẫn chương trình/bình tán phiên phiên) khi viết lách hay trình bày vấn đề học thuật, giảng dạy Mục tiêu khác Xây dựng các nội dung dạy học tích hợp Ngữ và Văn, Khoa học và Nghệ thuật			
12	Dạy học Ngữ Văn theo hướng tích hợp <i>The Use of Intergal Methods in Literature Teaching</i>	Sinh viên cập nhật được những kiến thức lí luận về dạy học tích hợp nói chung và dạy học tích hợp trong môn Ngữ văn ở trường trung học nói riêng, từ đó vận dụng vào thực tiễn dạy học: tổ chức dạy học Ngữ văn theo hướng tích hợp.	3	Học kì 6	Đánh giá thường xuyên (Hỏi đáp): 10 % Bài tập cá nhân (SV viết bài): 10% Bài tập nhóm (SV trình bày sản phẩm nhóm): 20% Bài thi hết môn (SV soạn giáo án dạy học một bài trong chương trình Ngữ văn ở THPT theo hướng tích hợp): 60%
13	Lí thuyết Làm văn trong nhà trường <i>Literature Theories in School</i>	- Hình thành, củng cố một số kiến thức về các kiểu văn bản được dạy trong phân môn Làm văn ở nhà trường phổ thông.	3	Học kì 6	Đánh giá thường xuyên (Hỏi đáp): 10 % Bài tập cá nhân (SV viết bài): 10 % Bài tập nhóm (SV trình bày sản phẩm

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Vận dụng kiến thức về các kiểu văn bản để dạy tạo lập văn bản trong phân môn Làm văn ở nhà trường phổ thông.			nhóm): 20 % Bài thi hết môn (Tiểu luận): 60 %
14	Dạy học Văn học trong nhà trường phổ thông <i>Literature Teaching in Secondary School</i>	Học xong học phần này, sinh viên hiểu và phân tích được cấu trúc nội dung chương trình dạy học Văn ở trường THPT. Trên cơ sở tích hợp tri thức liên ngành Văn trong dạy học học phần cấu tạo SGK từ ba phân môn Văn học, Tiếng Việt và Làm văn, sinh viên biết tổng hợp và đánh giá được các mối liên hệ về phương pháp và kỹ năng dạy-học chương trình Văn trung học. Biết tổ chức dạy học Văn ở trường THPT.		Học kì 7	Đánh giá thường xuyên (Hỏi đáp): 10 % Bài tập cá nhân (SV viết bài): 10 % Bài tập nhóm (SV trình bày sản phẩm nhóm): 20 % Bài thi hết môn (Tiểu luận): 60 %
15	Dạy học Tiếng Việt trong nhà trường phổ thông	sinh viên nắm được cấu tạo chương trình và Phương pháp dạy học các phân môn Tiếng Việt; Sinh viên cập	3	Học kì 7	Đánh giá thường xuyên (Hỏi đáp): 10 % Bài tập cá nhân (SV viết bài): 10 %

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Vietnamese Teaching in Secondary School</i>	nhập được các kiến thức mới và hình thành những kỹ năng cần thiết trong Việc tổ chức dạy học Ngữ Văn ở trường THPT.			Bài tập nhóm (SV trình bày sản phẩm nhóm): 20 % Bài thi hết môn (Bài thi): 60 %
16	Dạy đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông <i>Reading Comprehension Teaching in School</i>			Học kì 7	
17	Thực tập sư phạm <i>Pedagogical Practicum</i>		4	Học kì 8	
18	Khóa luận tốt nghiệp <i>Undergraduate Thesis</i>		6	Học kì 8	
19	Phương pháp dạy học trong môi trường học tập trực tuyến <i>Teaching Methodology for Online Learning Environment</i>	Học phần Phương pháp dạy học trong môi trường trực tuyến cung cấp những khái niệm cơ bản, các công cụ công nghệ hiện đại để thiết kế và tổ chức quá trình dạy học trong môi trường trực tuyến đáp ứng các nhu cầu học tập đa dạng hiện nay. Học phần đồng thời giới thiệu các mô hình dạy	3	Học kì 8	Đánh giá thường xuyên (Hỏi đáp): 10 % Bài tập cá nhân (SV viết bài): 10 % Bài tập nhóm (SV trình bày sản phẩm nhóm): 20 % Bài thi hết môn (Bài thi): 60 %

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>học không truyền thống được xây dựng dựa trên nền tảng web, kết nối mạng, hệ thống các cách tiếp cận và phương pháp dạy học mới trong việc tổ chức quá trình dạy học, sự thay đổi bản chất vai trò của người dạy, người học, đặc điểm tương tác giữa 2 chủ thể này và môi trường học tập.</p> <p>Học phần cung cấp các cơ hội cho người học tiếp cận với công nghệ dạy học hiện đại dựa với Hệ thống công cụ quản lí, hỗ trợ dạy học (Learning Management System – LMS) trên nền tảng mã nguồn mở Moodle và kết nối mạng.</p>			
20	Tư vấn hướng nghiệp <i>Vocational Orientation Counselling</i>	Giúp giáo sinh hiểu được bản chất của giáo dục hướng nghiệp và quá trình tư vấn hướng nghiệp cho học	3	Học kì 8	Đánh giá thường xuyên (Hỏi đáp): 10 % Bài tập cá nhân (SV viết bài): 10 % Bài tập nhóm

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sinh, từ đó có khả năng giúp học sinh trung học định hướng nghề nghiệp và chọn nghề phù hợp.			(SV trình bày sản phẩm nhóm): 20 % Bài thi hết môn (Bài thi): 60 %

Đề cương các học phần ngành Cử nhân Sư phạm Ngữ văn do Trường Đại học KHXH&NV tổ chức giảng dạy

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
29	Hán Nôm cơ sở <i>Basic Sino-Nom</i>				Thực hiện theo đề cương các học phần và lịch trình giảng dạy của Trường ĐHKHXH&NV
30	Dẫn luận ngôn ngữ học <i>Introduction to Linguistics</i>				
31	Lịch sử văn minh thế giới				
32	Tác phẩm và loại thể văn học <i>Literary Works and Literary Genres</i>				
33	Nguyên lý lí luận văn học <i>Principles of Literary Theory</i>				
34	Phong cách học Tiếng Việt <i>Vietnamese Stylistics</i>				
35	Ngữ dụng học <i>Pragmatics</i>				
36	Việt ngữ học với việc dạy tiếng Việt trong nhà trường				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	<i>Vietnamese Linguistics and Teaching Vietnamese in Schools</i>				
37	Hán văn Việt Nam <i>Classical Chinese in Vietnam</i>				
38	Nghệ thuật học đại cương <i>General Artistry</i>				
39	Dạy học Ngữ Văn theo hướng tích hợp <i>The Use of Intergal Methods in Literature Teaching</i>				
40	Lí thuyết Làm văn trong nhà trường <i>Literature Theories in School</i>				
41	Hán văn Việt Nam <i>Classical Chinese in Vietnam</i>				
42	Nghệ thuật học đại cương <i>General Artistry</i>				
43	Ngữ pháp học Tiếng Việt <i>Vietnamese Grammar</i>				
44	Văn học dân gian Việt Nam <i>Vietnamese Folk Literature</i>				
45	Văn học Việt Nam từ thế kỷ 10 đến giữa thế kỷ 18 <i>Vietnamese Literature from 10th Century to First Half of 18th Century</i>				
46	Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ 18 đến thế kỷ 19 <i>Vietnamese Literature from the Late Half of 18th Century to 19th Century</i>				
47	Văn học Việt Nam từ 1900 đến 1945 <i>Vietnamese Literature from 1900 to 1945</i>				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
48	Văn học Việt Nam từ 1945 đến nay <i>Vietnamese Literature from 1945 to Now</i>				
49	Văn học Trung Quốc <i>Chinese Literature</i>				
50	Văn học Châu Âu <i>European Literature</i>				
51	Văn học Bắc Mỹ – Mỹ Latinh <i>North American and Latin American Literature</i>				
52	Văn học Nga <i>Russian Literature</i>				
53	Ngôn ngữ học ứng dụng <i>Applied Linguistics</i>				
54	Thi pháp văn học dân gian <i>Poetics of Folk Literature</i>				
55	Ngữ âm học và Từ vựng học Tiếng Việt <i>Vietnamese Phonology and Lexicology</i>				
56	Thực hành văn bản tiếng Việt <i>Practicing on Vietnamese Texts</i>				
57	Văn học khu vực Đông Nam Á và Đông Bắc Á <i>Southeast and Northeast Asian Literature</i>				
58	Nhập môn phân tích diễn ngôn <i>Introduction to Discourse Analysis</i>				
59	Phương pháp dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ <i>Methods of Teaching Vietnamese as a Second Language</i>				

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
60	Đặc điểm lịch sử văn học Việt Nam <i>Historical Features of Vietnamese Literature</i>				

III. KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH THẠC SĨ

3.1. Ngành thạc sĩ LL&PP dạy học bộ môn Ngữ văn

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1	Tâm lý học dạy học	Học phần này trang bị cho người học những kiến thức tâm lý cơ bản cho hoạt động dạy học trong nhà trường. Giúp người học biết phân tích cấu trúc năng lực, từ đó thiết kế các cách dạy học để hình thành năng lực cho học sinh; đặc biệt cách dạy học phát triển kỹ năng tư duy phê phán, sáng tạo, tư duy song song...	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): - Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
2	Lý luận và công nghệ dạy học hiện đại	Học phần giúp học viên: <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích và đánh giá các quan điểm, cách tiếp cận trong lí luận dạy học hiện đại và xu hướng tích hợp công nghệ hiện nay để thiết kế quá trình dạy học đa dạng, phù hợp với điều kiện thực tế. - Vận dụng các quan điểm, tiếp cận trong lí luận dạy học hiện đại để thiết kế dạy học 	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (30%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		<p>có tích hợp các ứng dụng công nghệ trong dạy học, xây dựng được hồ sơ dạy học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng các công nghệ dạy học tiên tiến trong triển khai và quản lí dạy học theo các mô hình dạy học không truyền thống (dạy học E-learning, dạy học Blended Learning và hệ thống khóa học trực tuyến MOOCs). - Lập được kế hoạch phát triển chuyên môn. 			
3	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	<p>Học viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu khoa học như nghiên cứu khoa học học viên, làm khóa luận tốt nghiệp.</p>	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): - Kết thúc học phần (60%):
4	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	<p>Người học sẽ hệ thống được những kiến thức cơ bản và cập nhật về đo lường đánh giá trong giáo dục nói chung và trong dạy học nói riêng. Vận dụng được phương pháp luận để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra đưa ra</p>	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		nhận định đúng đắn về năng lực người học làm cơ sở cải tiến quá trình dạy học. Vận dụng được các kỹ thuật đánh giá lớp học trong dạy học.			
5	Triết học	Chương trình Triết học Mác – Lênin cho đối tượng học viên sau đại học là chương trình nâng cao, vì Triết học là học phần mà mọi sinh viên đã học qua trong các chương trình học đại học. Triết học dành cho học viên sau đại học thuộc chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học giúp cho học viên nắm bắt được các quy luật vận động khách quan, đồng thời có các bài tập vận dụng theo các phần cụ thể: các phép biện chứng triết học, ứng dụng tư duy duy vật biện chứng vào giải quyết các vấn đề về giáo dục; các quan điểm về tiếp cận hệ thống của triết học và ứng dụng chúng trong giáo dục và Quản lý Giáo dục. Bài giảng cũng hết sức chú trọng vào phương pháp luận tư duy và logic triết học trong công tác Lý luận và các phương	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (30%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): thi hết môn

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		pháp giảng dạy.			
6	Ngoại ngữ cơ bản	Ngoại ngữ là công cụ hết sức quan trọng để hội nhập cũng như để thu thập và xử lý thông tin, và cũng là phương tiện để nghiên cứu khoa học trong thời đại ngày nay. Đối với những người đã có một trình độ nhất định về ngoại ngữ như học viên sau đại học, chương trình sẽ nâng cao khả năng nói, nghe, đọc hiểu và viết. Người học sẽ đạt trình độ tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): thi đánh giá năng lực
7	Thi pháp học	Học phần cung cấp cho học viên các phương tiện hữu hiệu để nghiên cứu các hiện tượng văn học một cách khoa học khách quan. Từ cách tiếp cận thi pháp học, học viên có thể khám phá được phong cách nghệ thuật của nhà văn, đặc trưng thể loại văn học, đặc trưng thi pháp của từng thời đại văn học cũng như đặc trưng thi pháp của các trào lưu văn học. Đặc biệt, học viên vận dụng có hiệu quả thi pháp học trong lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn.	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): thi hết học phần
8	Lý thuyết tiếp	Học xong học phần này, học viên có		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%):

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
	nhận văn học	những tri thức về tiếp nhận văn học; Phân tích được mối quan hệ giữa Lý thuyết tiếp nhận với Mỹ học tiếp nhận và các lý thuyết phê bình văn học; Trình bày được nội dung chính của các vấn đề trong Lý thuyết tiếp nhận văn học; Phân tích được các vấn đề “tâm kỳ vọng”, “chuẩn mực văn học”, các tính chất và các cấp độ của tiếp nhận văn học.			Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập -Kết thúc học phần (60%): thi đánh giá năng lực
	Đọc - hiểu văn bản	học viên sẽ: - Phân tích cơ sở khoa học của đọc hiểu tác phẩm văn chương; - Lí giải các phương pháp đọc hiểu văn chương. - Vận dụng tri thức đọc hiểu vào quá trình dạy học văn trong trường phổ thông: biết soạn giáo án và tiến hành dạy học tác phẩm văn chương.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): thi đánh giá năng lực
9	Phân tích chương trình Ngữ văn phổ thông hiện hành	Giúp học viên thông hiểu nguyên tắc, mục tiêu và nội dung chương trình Ngữ văn phổ thông hiện hành. Trên cơ sở đó, học phần cũng tạo cơ hội để học viên biết cách tích hợp các phân môn bộ phận cấu tạo nên toàn bộ chương trình Ngữ văn phổ thông.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): thi hết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
					học phần
10	Ngôn ngữ và văn học	<ul style="list-style-type: none"> - Qua học phần này, học viên thông hiểu được mối quan hệ “kép” giữa ngôn ngữ (khoa học ngôn ngữ học & chất liệu/công cụ lời nói của sáng tác nghệ thuật - diễn ngôn) và văn học (nghiên cứu lí luận phê bình văn học & sáng tác tác phẩm văn chương). - Vận dụng được vốn tri thức về mối quan hệ Ngôn ngữ-Văn học vào việc dạy học ba phân môn Văn-Ngữ-Làm văn (chương trình Ngữ Văn ở PTTH) theo hướng tích hợp. Phân tích được thực tiễn dụng ngữ diễn ngôn (đọc hiểu văn bản tác phẩm văn chương và tạo lập văn bản làm văn) nói chung. - Trên cơ sở đó vươn tới tầm tự mình đánh giá và sáng tạo được các sản phẩm văn bản (nghiên cứu phê bình văn học hay nghị luận xã hội) và góp phần vào việc tổ chức dạy học văn tiên tiến hiện đại 		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (30%): bài tập -Kết thúc học phần (60%): thi hết học phần
11	Ngữ nghĩa học	Học viên nắm vững các vấn đề cơ bản của Ngữ nghĩa học và biết vận dụng lí thuyết vào phân tích nghĩa của các đơn vị ngôn ngữ		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		trong hệ thống và trong sử dụng, nhất là trong giao tiếp đời sống và trong các tác phẩm văn học.			trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập -Kết thúc học phần (60%): thi đánh giá năng lực
12	Phương pháp dạy học Văn học nâng cao	học viên được trang bị các tri thức về phương pháp dạy học các loại văn bản đọc hiểu trong chương trình (văn bản khoa học văn học và văn bản văn chương). Đặc biệt, qua học phần học viên vận dụng được các phương pháp dạy học khác nhau vào trong quá trình tổ chức tiết học Ngữ văn và vận dụng có hiệu quả thi pháp học trong lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập -Kết thúc học phần (60%): thi hết học phần
13	Phương pháp dạy học Làm văn nâng cao	. Xác định hoặc phân tích, vận dụng được những kiến thức chung, gồm: quan điểm dạy học tạo lập văn bản theo định hướng năng lực; cơ sở khoa học của dạy học tạo lập văn bản; quan điểm tích hợp trong dạy học làm văn; ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học làm văn; xu thế quốc tế trong dạy học tạo lập văn bản ở trường phổ thông.		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập -Kết thúc học phần (60%): thi hết học phần
14	Phương pháp dạy học Tiếng	Trang bị cho học viên những nội dung lí luận và phương pháp dạy học tiếng Việt ở		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
	Việt nâng cao	trường phổ thông và giúp học viên có khả năng vận dụng những lí luận và phương pháp đó vào dạy học tiếng Việt hiệu quả ở trường phổ thông. Mặt khác, giúp học viên biết phát hiện và phát triển nghiên cứu những giải pháp nâng cao chất lượng dạy học tiếng Việt			tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập -Kết thúc học phần (60%): thi đánh giá năng lực
15	Tiếng Anh học thuật	Kết thúc học phần, học viên có khả năng: - Sử dụng được kĩ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ cơ bản (tương đương B1) - Thực hiện được hoạt động giao tiếp ngôn ngữ thuộc lĩnh vực chuyên môn - Áp dụng các chiến lược giao tiếp ngôn ngữ để trình bày vấn đề nghiên cứu - Đọc hiểu và trình bày lại tóm tắt nội dung chính của vấn đề liên quan đến lĩnh vực giáo dục và chuyên môn của người học		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

3.2. Ngành thạc sĩ LL&PP dạy học bộ môn Hóa học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1	Tâm lý học dạy học	Học phần này trang bị cho người học những kiến thức tâm lý cơ bản cho hoạt động dạy học trong nhà trường. Giúp người học biết phân tích cấu trúc năng lực, từ đó thiết kế các cách dạy học để hình	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%):

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		thành năng lực cho học sinh; đặc biệt cách dạy học phát triển kỹ năng tư duy phê phán, sáng tạo, tư duy song song...			- Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
2	Lý luận và công nghệ dạy học hiện đại	Học phần giúp học viên: - Phân tích và đánh giá các quan điểm, cách tiếp cận trong lí luận dạy học hiện đại và xu hướng tích hợp công nghệ hiện nay để thiết kế quá trình dạy học đa dạng, phù hợp với điều kiện thực tế. - Vận dụng các quan điểm, tiếp cận trong lí luận dạy học hiện đại để thiết kế dạy học có tích hợp các ứng dụng công nghệ trong dạy học, xây dựng được hồ sơ dạy học - Áp dụng các công nghệ dạy học tiên tiến trong triển khai và quản lí dạy học theo các mô hình dạy học không truyền thống (dạy học E-learning, dạy học Blended Learning và hệ thống khóa học trực tuyến MOOCs). - Lập được kế hoạch phát triển chuyên môn.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (30%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
3	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Học viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai nghiên cứu theo quy trình chặt	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		chế, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu khoa học như nghiên cứu khoa học học viên, làm khóa luận tốt nghiệp.			- Giữa kỳ: (%): - Kết thúc học phần (60%):
4	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	Người học sẽ hệ thống được những kiến thức cơ bản và cập nhật về đo lường đánh giá trong giáo dục nói chung và trong dạy học nói riêng. Vận dụng được phương pháp luận để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra đưa ra nhận định đúng đắn về năng lực người học làm cơ sở cải tiến quá trình dạy học. Vận dụng được các kỹ thuật đánh giá lớp học trong dạy học.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
5	Triết học	Chương trình Triết học Mác – Lênin cho đối tượng học viên sau đại học là chương trình nâng cao, vì Triết học là học phần mà mọi sinh viên đã học qua trong các chương trình học đại học. Triết học dành cho học viên sau đại học thuộc chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học giúp cho học viên nắm bắt được các quy luật vận động khách	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (30%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): thi hết môn

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		quan, đồng thời có các bài tập vận dụng theo các phần cụ thể: các phép biện chứng triết học, ứng dụng tư duy duy vật biện chứng vào giải quyết các vấn đề về giáo dục; các quan điểm về tiếp cận hệ thống của triết học và ứng dụng chúng trong giáo dục và Quản lý Giáo dục. Bài giảng cũng hết sức chú trọng vào phương pháp luận tư duy và logic triết học trong công tác Lý luận và các phương pháp giảng dạy.			
6	Ngoại ngữ cơ bản	Ngoại ngữ là công cụ hết sức quan trọng để hội nhập cũng như để thu thập và xử lý thông tin, và cũng là phương tiện để nghiên cứu khoa học trong thời đại ngày nay. Đối với những người đã có một trình độ nhất định về ngoại ngữ như học viên sau đại học, chương trình sẽ nâng cao khả năng nói, nghe, đọc hiểu và viết. Người học sẽ đạt trình độ tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): thi đánh giá năng lực
7	Bồi dưỡng học sinh giỏi môn Hóa học ở	Phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu, tạo nguồn để đào tạo nhân tài, giáo dục phổ thông chủ yếu là bồi dưỡng năng lực tư duy	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
	trường phổ thông	<p>cho học sinh. Phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu về môn hóa học trên cơ sở bảo đảm yêu cầu giáo dục toàn diện, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.</p> <p>Năng khiếu của học sinh là tố chất quan trọng nhưng mới chỉ là tiềm năng, cần phải được bồi dưỡng để phát huy thật tốt, chú trọng bồi dưỡng phương pháp tự học, thói quen làm việc hợp tác, tự giác đóng góp xây dựng đất nước.</p>			<p>trắc nghiệm,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
8	Dạy học thí nghiệm hóa học theo tiếp cận và phát triển năng lực	<p>Phát triển năng lực dạy học Hóa học cho học viên thông qua việc vận dụng phương pháp và và phương tiện thí nghiệm thực hành</p> <p>Vận dụng được kiến thức đã học để giải thích được các hiện tượng xảy ra :</p> <ul style="list-style-type: none"> - trong quá trình sử dụng thí nghiệm ở trường phổ thông, - trong thực tiễn đời sống <p>Thông qua các bài dạy học có sử dụng thí nghiệm hóa học giúp HS hình thành và phát triển năng lực thực hành, năng lực vận dụng kiến thức, năng lực nghiên cứu khoa học,...</p>	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): thực hành thí nghiệm
9	Hóa học vô cơ	Trang bị cho học viên những kiến thức	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%):

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
	trong dạy học ở trường phổ thông	về Hoá học Vô cơ chuyên sâu hơn về phức chất của các kim loại chuyển tiếp, các lý thuyết liên kết hoá học trong các phức chất, từ tính và quang phổ của chúng; phức chất cacbonyl và phức chất cơ kim, cấu tạo và khả năng phản ứng của các hợp chất vô cơ.			Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
10	Hóa học phân tích trong dạy học ở trường phổ thông	Cung cấp cho người học các kiến thức về hóa học phân tích, các nguyên tắc, qui trình phân tích. Trên cơ sở đó người học vận dụng để giải thích một cách định tính và định lượng các quá trình hóa học. Người học được trang bị năng lực để hiểu, đánh giá hoặc đề xuất một qui trình phân tích với một đối tượng cụ thể thực tế, góp phần nâng cao kiến thức về các vấn đề của xã hội có liên quan đến hóa học và hóa học phân tích.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
11	Dạy bài tập theo quan điểm công nghệ hóa học	Mục tiêu của học phần nhằm phát triển kiến thức, năng lực dạy học và thái độ nghề nghiệp cho học viên Cao học Sư phạm Hóa học	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
12	Dạy học hóa	Học xong học phần này học viên hình	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%):

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
	học theo tiếp cận và phát triển năng lực	thành và phát triển được các năng lực tư duy phê phán sáng tạo (có khả năng phân tích và phát triển chương trình và SGK môn hóa học), năng lực vận dụng các cơ sở lí luận về PPDH vào môn hóa học, năng lực dạy học môn hóa học theo định hướng phát triển năng lực.			Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
13	Hóa học hữu cơ trong dạy học ở trường phổ thông	Học viên nâng cao được những kiến thức về lý thuyết cấu tạo, khả năng phản ứng của các hợp chất hữu cơ và một số cơ chế phản ứng trong hóa học hữu cơ, từ đó nắm vững và mở rộng hơn hiểu biết về hóa học hữu cơ để có thể giảng dạy với chất lượng cao hơn học phần này .	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
14	Lịch sử hóa học	Bổ sung cho học viên những nhận thức về: Quá trình tích lũy các kiến thức hóa học trong lịch sử tiến lên của loài người. Quá trình nghiên cứu và trình bày các tư tưởng hóa học, các thành công trong công nghiệp hóa học. Sau khi kết thúc học phần Lịch sử hóa học, học viên sẽ vận dụng được kiến thức LSHH vào trong dạy học, đồng thời các kiến thức hóa học của mình được bổ sung và hệ thống hóa sâu sắc, hiểu sâu thêm về các	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): thi học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		phát minh hóa học, sẽ rút ra được nhiều kinh nghiệm thành công và thất bại trong cách suy nghĩ, cách làm việc của mình trong trong nghiên cứu hóa học.			
15	Hóa lý trong dạy học ở trường phổ thông	Làm cho học viên nắm được những kiến thức cơ bản về Hóa học lượng tử để vận dụng vào các vấn đề cốt lõi của cấu tạo nguyên tử và liên kết hoá học một cách định lượng. Trên cơ sở các kiến thức thu được, giúp cho học viên biết giải các bài tập về cấu tạo nguyên tử, phân tử, liên kết hoá học và phương pháp phổ thông dụng để giải thích cơ chế của các quá trình hoá học và có được kỹ năng về các phương pháp tính gần đúng MO và HMO dùng trong nghiên cứu cấu trúc các hợp chất hoá học và áp dụng trong giảng dạy ở bậc PTTH.	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

3.3. Ngành thạc sĩ LL&PP dạy học bộ môn Vật lí

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1	Tâm lý học dạy học	Học phần này trang bị cho người học những kiến thức tâm lý cơ bản cho hoạt động dạy học trong nhà trường. Giúp người học biết phân tích cấu trúc năng lực,	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		từ đó thiết kế các cách dạy học để hình thành năng lực cho học sinh; đặc biệt cách dạy học phát triển kỹ năng tư duy phê phán, sáng tạo, tư duy song song...			- Giữa kỳ: (%): - Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
2	Lý luận và công nghệ dạy học hiện đại	Học phần giúp học viên: - Phân tích và đánh giá các quan điểm, cách tiếp cận trong lí luận dạy học hiện đại và xu hướng tích hợp công nghệ hiện nay để thiết kế quá trình dạy học đa dạng, phù hợp với điều kiện thực tế. - Vận dụng các quan điểm, tiếp cận trong lí luận dạy học hiện đại để thiết kế dạy học có tích hợp các ứng dụng công nghệ trong dạy học, xây dựng được hồ sơ dạy học - Áp dụng các công nghệ dạy học tiên tiến trong triển khai và quản lí dạy học theo các mô hình dạy học không truyền thống (dạy học E-learning, dạy học Blended Learning và hệ thống khóa học trực tuyến MOOCs). - Lập được kế hoạch phát triển chuyên môn.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (30%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
3	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Học viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, vận dụng chúng để thiết	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		kế, triển khai nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu khoa học như nghiên cứu khoa học học viên, làm khóa luận tốt nghiệp.			nghiệm, - Giữa kỳ: (%): - Kết thúc học phần (60%):
4	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	Người học sẽ hệ thống được những kiến thức cơ bản và cập nhật về đo lường đánh giá trong giáo dục nói chung và trong dạy học nói riêng. Vận dụng được phương pháp luận để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra đưa ra nhận định đúng đắn về năng lực người học làm cơ sở cải tiến quá trình dạy học. Vận dụng được các kỹ thuật đánh giá lớp học trong dạy học.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
5	Triết học	Chương trình Triết học Mác – Lênin cho đối tượng học viên sau đại học là chương trình nâng cao, vì Triết học là học phần mà mọi sinh viên đã học qua trong các chương trình học đại học. Triết học dành cho học viên sau đại học thuộc chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học giúp cho học viên	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (30%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): thi hết môn

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		nắm bắt được các quy luật vận động khách quan, đồng thời có các bài tập vận dụng theo các phần cụ thể: các phép biện chứng triết học, ứng dụng tư duy duy vật biện chứng vào giải quyết các vấn đề về giáo dục; các quan điểm về tiếp cận hệ thống của triết học và ứng dụng chúng trong giáo dục và Quản lý Giáo dục. Bài giảng cũng hết sức chú trọng vào phương pháp luận tư duy và logic triết học trong công tác Lý luận và các phương pháp giảng dạy.			
6	Ngoại ngữ cơ bản	Ngoại ngữ là công cụ hết sức quan trọng để hội nhập cũng như để thu thập và xử lý thông tin, và cũng là phương tiện để nghiên cứu khoa học trong thời đại ngày nay. Đối với những người đã có một trình độ nhất định về ngoại ngữ như học viên sau đại học, chương trình sẽ nâng cao khả năng nói, nghe, đọc hiểu và viết. Người học sẽ đạt trình độ tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): thi đánh giá năng lực
7	Phương pháp dạy	- Vận dụng được lý luận dạy học hiện		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%):

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
	học Vật lí hiện đại	đại vào dạy học Vật lí ở trường phổ thông. - Phân tích các con đường hình thành kiến thức vật lí ở phổ thông theo phương pháp nghiên cứu đặc trưng của vật lí học			Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
8	Cơ học lượng tử nâng cao	Xây dựng cơ học cho các hạt vi mô phi tương đối tính, bản chất lượng tử của chúng và các đặc tính hoàn toàn mới so với thế giới vĩ mô.		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): thi hết môn
9	Phương tiện và công nghệ trong dạy học và nghiên cứu vật lý	Vận dụng lí luận và phương pháp dạy học vật lí ở trường phổ thông để thiết kế phương tiện và công nghệ trong nghiên cứu và dạy học vật lí, đặc biệt là thí nghiệm hiện đại trong nghiên cứu và dạy học vật lí.		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
10	Phân tích và triển khai chương trình vật lí phổ thông	- Có kiến thức nền tảng về chương trình và phát triển chương trình dạy học môn vật lí ở trường phổ thông. - Có hiểu biết sâu về cấu trúc chương		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		<p>trình vật lí phổ thông.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được cấu trúc logic sự phát triển nội dung của các đề tài cơ bản thuộc chương trình Vật lí phổ thông. 			<ul style="list-style-type: none"> - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
11	Chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi vật lí	<p>Phát triển năng lực giảng dạy, hướng dẫn và bồi dưỡng học sinh giỏi Vật lí tại các trường phổ thông Chuyên hoặc các lớp Chuyên Vật lí ở trường phổ thông</p>		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
12	Dạy học theo tiếp cận phát triển năng lực	<p>Kết thúc học phần học viên có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích, đánh giá được vai trò, mối quan hệ giữa yêu cầu phát triển hệ thống các năng lực chung, chuyên biệt cần hình thành với chương trình giáo dục, dạy học trong bối cảnh dạy học ở thế kỉ 21 - Vận dụng các quan điểm hiện đại về dạy học theo tiếp cận mục tiêu hướng đến hình thành năng lực, tăng khả năng ứng dụng vào thực tiễn của người học để thiết kế dạy học - Lập được kế hoạch dạy học theo tiếp cận năng lực 		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
13	Phương pháp nghiên cứu khoa học vật lý	Học viên phải nắm được nguyên lí và những phương pháp nghiên cứu cơ bản trong khoa học vật lí, có thể áp dụng một số phương pháp nghiên cứu để thực hiện các đề tài NCKH, viết luận văn, luận án hoặc một bài báo, một công trình nghiên cứu khoa học về khoa học vật lí.		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
14	Vật lí học hiện đại	Mở rộng và phát triển kiến thức cho các học viên đã được trang bị những kiến thức cơ bản về vật lí học. Gợi mở những ý tưởng mới trong việc tìm hiểu và nghiên cứu thế giới vi mô trong Vật lí học.		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
15	Tiếng Anh học thuật	<p>Kết thúc học phần, học viên có khả năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được kĩ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ cơ bản (tương đương B1) - Thực hiện được hoạt động giao tiếp ngôn ngữ thuộc lĩnh vực chuyên môn - Áp dụng các chiến lược giao tiếp ngôn ngữ để trình bày vấn đề nghiên cứu - Đọc hiểu và trình bày lại tóm tắt nội dung chính của vấn đề liên quan đến lĩnh vực 		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		giáo dục và chuyên môn của người học - Viết được tóm tắt vấn đề nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn			
16	Thiên văn học nâng cao	Trang bị cho người học kiến thức chung, khái quát về Thiên văn và Vũ trụ, để cùng với những kiến thức ở một số học phần khác về vật lí, người học có hiểu biết đầy đủ, hệ thống về vật lí, từ vật lí vi mô đến vật lí vĩ mô. Từ đó, người học có thể khai thác kiến thức nền tảng này phục vụ việc dạy học vật lí, nâng cao được hiệu quả dạy học và giáo dục học sinh.		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

3.4. Ngành thạc sĩ LL&PP dạy học bộ môn Toán

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1	Tâm lý học dạy học	Học phần này trang bị cho người học những kiến thức tâm lý cơ bản cho hoạt động dạy học trong nhà trường. Giúp người học biết phân tích cấu trúc năng lực, từ đó thiết kế các cách dạy học để hình thành năng lực cho học sinh; đặc biệt cách dạy học phát triển kỹ năng tư duy phê phán, sáng tạo, tư duy song song...	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): - Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
2	Lý luận và công	Học phần giúp học viên:	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%):

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
	nghệ dạy học hiện đại	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích và đánh giá các quan điểm, cách tiếp cận trong lí luận dạy học hiện đại và xu hướng tích hợp công nghệ hiện nay để thiết kế quá trình dạy học đa dạng, phù hợp với điều kiện thực tế. - Vận dụng các quan điểm, tiếp cận trong lí luận dạy học hiện đại để thiết kế dạy học có tích hợp các ứng dụng công nghệ trong dạy học, xây dựng được hồ sơ dạy học - Áp dụng các công nghệ dạy học tiên tiến trong triển khai và quản lí dạy học theo các mô hình dạy học không truyền thống (dạy học E-learning, dạy học Blended Learning và hệ thống khóa học trực tuyến MOOCs). - Lập được kế hoạch phát triển chuyên môn. 			<p>Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giữa kỳ: (30%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
3	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	<p>Học viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu khoa học như nghiên cứu khoa học học viên, làm khóa luận tốt nghiệp.</p>	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): <p>Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giữa kỳ: (%): - Kết thúc học phần (60%):
4	Đo lường và	Người học sẽ hệ thống được những kiến	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%):

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
	đánh giá trong giáo dục	thức cơ bản và cập nhật về đo lường đánh giá trong giáo dục nói chung và trong dạy học nói riêng. Vận dụng được phương pháp luận để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra đưa ra nhận định đúng đắn về năng lực người học làm cơ sở cải tiến quá trình dạy học. Vận dụng được các kỹ thuật đánh giá lớp học trong dạy học.			Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
5	Triết học	Chương trình Triết học Mác – Lênin cho đối tượng học viên sau đại học là chương trình nâng cao, vì Triết học là học phần mà mọi sinh viên đã học qua trong các chương trình học đại học. Triết học dành cho học viên sau đại học thuộc chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học giúp cho học viên nắm bắt được các quy luật vận động khách quan, đồng thời có các bài tập vận dụng theo các phần cụ thể: các phép biện chứng triết học, ứng dụng tư duy duy vật biện chứng vào giải quyết các vấn đề về giáo dục; các quan	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (30%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): thi hết môn

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		điểm về tiếp cận hệ thống của triết học và ứng dụng chúng trong giáo dục và Quản lý Giáo dục. Bài giảng cũng hết sức chú trọng vào phương pháp luận tư duy và logic triết học trong công tác Lý luận và các phương pháp giảng dạy.			
6	Ngoại ngữ cơ bản	Ngoại ngữ là công cụ hết sức quan trọng để hội nhập cũng như để thu thập và xử lý thông tin, và cũng là phương tiện để nghiên cứu khoa học trong thời đại ngày nay. Đối với những người đã có một trình độ nhất định về ngoại ngữ như học viên sau đại học, chương trình sẽ nâng cao khả năng nói, nghe, đọc hiểu và viết. Người học sẽ đạt trình độ tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): thi đánh giá năng lực
7	Một số vấn đề chọn lọc của lý thuyết số	Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản và cần thiết về lý thuyết số và các ứng dụng của lý thuyết số trong giảng dạy toán phổ thông.		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
8	Một số vấn đề chọn lọc trong Đại số và Giải tích hiện đại	Nhằm giúp người học nắm được những vấn đề của Giải tích và Đại số hiện đại			<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
9	Phương trình sai phân và ứng dụng	Những ứng dụng của phương trình sai phân trong các ngành khoa học khác như kinh tế, tâm lý, môi trường, v.v... Học phần tập trung vào nghiên cứu những mô hình toán học cụ thể ứng dụng trong thực tế.		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
10	Bất đẳng thức và ứng dụng	Học viên được trang bị kiến thức nền tảng cơ bản, các phương pháp giải toán bất đẳng thức và có khả năng ứng dụng bất đẳng thức giải quyết vấn đề liên quan trong chương trình trung học phổ thông. Từ đó nâng cao năng lực giải toán, khả năng nghiên cứu, giảng dạy nội dung về bất đẳng thức và những lĩnh vực khác trong toán học		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
11	Tiếng Anh học thuật	Kết thúc học phần, học viên có khả năng:		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ cơ bản (tương đương B1) - Thực hiện được hoạt động giao tiếp ngôn ngữ thuộc lĩnh vực chuyên môn - Áp dụng các chiến lược giao tiếp ngôn ngữ để trình bày vấn đề nghiên cứu - Đọc hiểu và trình bày lại tóm tắt nội dung chính của vấn đề liên quan đến lĩnh vực giáo dục và chuyên môn của người học - Viết được tóm tắt vấn đề nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn 			tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
12	Toán rời rạc	Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản và cần thiết về lĩnh vực toán rời rạc và các ứng dụng của toán rời rạc trong giảng dạy toán phổ thông.		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
13	Wavelets: Lý thuyết và ứng dụng	Nhằm giúp người học lĩnh hội được một học phần mang tính thời sự, có nhiều ứng dụng		Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
					luận
14	Phát triển tư duy sáng tạo và phê phán trong dạy học Toán	Cung cấp cho học viên những hiểu biết cơ bản và cần thiết về tư duy phê phán và tư duy sáng tạo của người học toán và quá trình dạy học toán nhằm phát triển tư duy phê phán và tư duy sáng tạo cho mỗi cá nhân người học trong một lớp học với nhiều trình độ nhận thức khác nhau nhằm tạo nên một "lớp học tư duy" trong đó mỗi cá nhân người học đều thực sự tư duy.		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
15	Phương pháp dạy học môn Toán	<ul style="list-style-type: none"> - Học viên được cung cấp một số vấn đề về trong dạy học Toán như hiểu biết Toán học, phát triển tư duy trong dạy học Toán, các thuyết và tiếp cận trong dạy học Toán, ứng dụng CNTT trong dạy học Toán; - Vận dụng để phân tích các học liệu dạy học như chương trình, sách giáo khoa, giáo án, sản phẩm của học sinh; - Nghiên cứu, thiết kế và thử nghiệm một số tài liệu dưới dạng dự án nhằm nâng cao chất lượng dạy học Toán như phát triển hiểu biết Toán học và tư duy trong dạy học Toán, vận dụng các thuyết dạy học tích cực trong dạy học Toán. 		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
16	Phương trình hàm và ứng dụng	Học viên hiểu được những bài toán cơ bản của phương trình hàm, nghiệm của chúng, và những vấn đề ứng dụng khác liên quan đến những hàm số sơ cấp.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

3.5. Ngành thạc sĩ LL&PP dạy học bộ môn Sinh học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1	Tâm lý học dạy học	Học phần này trang bị cho người học những kiến thức tâm lý cơ bản cho hoạt động dạy học trong nhà trường. Giúp người học biết phân tích cấu trúc năng lực, từ đó thiết kế các cách dạy học để hình thành năng lực cho học sinh; đặc biệt cách dạy học phát triển kỹ năng tư duy phê phán, sáng tạo, tư duy song song...	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): - Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
2	Lý luận và công nghệ dạy học hiện đại	Học phần giúp học viên: - Phân tích và đánh giá các quan điểm, cách tiếp cận trong lí luận dạy học hiện đại và xu hướng tích hợp công nghệ hiện nay để thiết quá trình dạy học đa dạng, phù hợp với điều kiện thực tế.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (30%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các quan điểm, tiếp cận trong lí luận dạy học hiện đại để thiết kế dạy học có tích hợp các ứng dụng công nghệ trong dạy học, xây dựng được hồ sơ dạy học - Áp dụng các công nghệ dạy học tiên tiến trong triển khai và quản lí dạy học theo các mô hình dạy học không truyền thống (dạy học E-learning, dạy học Blended Learning và hệ thống khóa học trực tuyến MOOCs). - Lập được kế hoạch phát triển chuyên môn. 			
3	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Học viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu khoa học như nghiên cứu khoa học học viên, làm khóa luận tốt nghiệp.	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): - Kết thúc học phần (60%):
4	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	Người học sẽ hệ thống được những kiến thức cơ bản và cập nhật về đo lường đánh giá trong giáo dục nói chung và trong dạy học nói riêng. Vận dụng được phương pháp luận để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra đưa ra nhận định đúng đắn về năng lực người học làm cơ sở cải tiến quá trình dạy học. Vận dụng được các kỹ thuật đánh giá lớp học trong dạy học.			
5	Triết học	Chương trình Triết học Mác – Lênin cho đối tượng học viên sau đại học là chương trình nâng cao, vì Triết học là học phần mà mọi sinh viên đã học qua trong các chương trình học đại học. Triết học dành cho học viên sau đại học thuộc chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học giúp cho học viên nắm bắt được các quy luật vận động khách quan, đồng thời có các bài tập vận dụng theo các phần cụ thể: các phép biện chứng triết học, ứng dụng tư duy duy vật biện chứng vào giải quyết các vấn đề về giáo dục; các quan điểm về tiếp cận hệ thống của triết học và ứng dụng chúng trong giáo dục và Quản lý Giáo dục. Bài giảng cũng hết sức chú trọng vào phương pháp luận tư duy và logic triết	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (30%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): thi hết môn

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		học trong công tác Lý luận và các phương pháp giảng dạy.			
6	Ngoại ngữ cơ bản	Ngoại ngữ là công cụ hết sức quan trọng để hội nhập cũng như để thu thập và xử lý thông tin, và cũng là phương tiện để nghiên cứu khoa học trong thời đại ngày nay. Đối với những người đã có một trình độ nhất định về ngoại ngữ như học viên sau đại học, chương trình sẽ nâng cao khả năng nói, nghe, đọc hiểu và viết. Người học sẽ đạt trình độ tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): thi đánh giá năng lực
7	Sinh học động vật và người	Học viên sau khi hoàn thành khóa học có kiến thức tiên tiến nhất về cấu tạo, chức năng, nguyên lý hoạt động của các tổ chức, hệ cơ quan trong cơ thể sống. Hình thành thế giới quan khoa học về sự tương hợp giữa cấu tạo và chức năng cũng như tính thống nhất của tất cả các hệ cơ quan trong cơ thể động vật bậc cao và người. Từ đó nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
8	Sinh học phát triển động vật	Cung cấp cho học viên những kiến thức nâng cao về các giai đoạn phát triển của cơ thể sinh vật ở nhiều mức độ khác nhau: phân	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		tử, tế bào sinh dục, hợp tử, phôi thai, trưởng thành, già hoá. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự lão hoá, cơ chế chống đỡ bệnh tật. Các biện pháp phòng, chống bệnh của cơ thể sống.			nghiêm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): thi hết môn
9	Cơ sở di truyền và tiến hóa	Khi học chuyên đề này học viên phải giải đáp được các vấn đề về cơ sở vật chất cùng các cơ chế di truyền và biến dị ở các cấp độ tổ chức sống cũng như sự tiến hóa của sinh giới.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): thi hết môn
10	Phương pháp nghiên cứu khoa học sinh học	Học viên sau khi hoàn thành khóa học có kiến thức tổng quan về các khái niệm cơ bản, ý nghĩa, mục đích cũng như các hình thức nghiên cứu khoa học sinh học. Đồng thời có kỹ năng phân tích để lựa chọn các phương pháp nghiên cứu phù hợp với mục tiêu và hướng nghiên cứu cụ thể, có kỹ năng tiến hành một nghiên cứu khoa học sinh học theo đúng quy trình.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): thi hết môn
11	Sinh thái học môi trường	Người học được trang bị kiến thức, kỹ năng cơ bản về sinh thái học môi trường. Trên cơ sở đó, chuyển biến tích cực về nhận thức và thái độ trong việc bảo vệ môi trường.	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
					<ul style="list-style-type: none"> - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
12	Câu hỏi và bài tập trong dạy học sinh học	Rèn luyện cho học viên cách đặt và sử dụng câu hỏi, bài tập vào các mục đích dạy học học phần Sinh học ở trường phổ thông.	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): thi hết môn
13	Phương pháp dạy học Sinh học	Giải thích cơ sở lí thuyết của mục tiêu dạy học sinh học, nội dung dạy học sinh học, phương pháp, biện pháp và hình thức tổ chức để dạy học sinh học phát triển năng lực người học đặc biệt là năng lực học tập.	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): thi hết môn
14	Hóa sinh nâng cao	Đề cương học phần này giúp học viên hiểu rõ hơn về kiến thức chuyên sâu và các vấn đề cốt lõi của hóa sinh. Giúp học viên biết cách vận dụng những kiến thức đã học để tiếp cận với các kỹ thuật hóa sinh và sinh học phân tử từ cơ bản đến hiện đại. Từ đó giúp học viên thiết kế, bố trí và thực hiện các	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): thi hết môn

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		thí nghiệm hóa sinh để thu được kết quả đáng tin cậy, và nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm của học viên.			
15	Sinh học thực vật	Củng cố, nắm vững và nâng cao các kiến thức cơ bản, cập nhật của học phần để vận dụng vào việc thực hiện Luận văn Thạc sĩ, đồng thời chuẩn bị cho việc thực hiện tiếp tục Luận án Tiến sĩ và mục tiêu quan trọng nữa là, sau khi hoàn thành tốt học phần, giáo viên THPT sẽ giảng dạy tốt hơn phần Sinh học tế bào và Sinh học cơ thể thực vật ở các trường THPT, kể cả các trường Chuyên.	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): thi hết môn

3.6. Ngành thạc sĩ LL&PP dạy học bộ môn Lịch sử

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1	Tâm lý học dạy học	Học phần này trang bị cho người học những kiến thức tâm lý cơ bản cho hoạt động dạy học trong nhà trường. Giúp người học biết phân tích cấu trúc năng lực, từ đó thiết kế các cách dạy học để hình thành năng lực cho học sinh; đặc biệt cách dạy học phát triển kỹ năng tư duy phê phán, sáng tạo, tư duy song song...	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): - Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
2	Lý luận và công	Học phần giúp học viên:	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%):

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
	nghệ dạy học hiện đại	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích và đánh giá các quan điểm, cách tiếp cận trong lí luận dạy học hiện đại và xu hướng tích hợp công nghệ hiện nay để thiết quá trình dạy học đa dạng, phù hợp với điều kiện thực tế. - Vận dụng các quan điểm, tiếp cận trong lí luận dạy học hiện đại để thiết kế dạy học có tích hợp các ứng dụng công nghệ trong dạy học, xây dựng được hồ sơ dạy học - Áp dụng các công nghệ dạy học tiên tiến trong triển khai và quản lí dạy học theo các mô hình dạy học không truyền thống (dạy học E-learning, dạy học Blended Learning và hệ thống khóa học trực tuyến MOOCs). - Lập được kế hoạch phát triển chuyên môn. 			<p>Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giữa kỳ: (30%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
3	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	<p>Học viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu khoa học như nghiên cứu khoa học học viên, làm khóa luận tốt nghiệp.</p>	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): <p>Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giữa kỳ: (%): - Kết thúc học phần (60%):

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
4	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	Người học sẽ hệ thống được những kiến thức cơ bản và cập nhật về đo lường đánh giá trong giáo dục nói chung và trong dạy học nói riêng. Vận dụng được phương pháp luận để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra đưa ra nhận định đúng đắn về năng lực người học làm cơ sở cải tiến quá trình dạy học. Vận dụng được các kỹ thuật đánh giá lớp học trong dạy học.	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
5	Triết học	Chương trình Triết học Mác – Lênin cho đối tượng học viên sau đại học là chương trình nâng cao, vì Triết học là học phần mà mọi sinh viên đã học qua trong các chương trình học đại học. Triết học dành cho học viên sau đại học thuộc chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học giúp cho học viên nắm bắt được các quy luật vận động khách quan, đồng thời có các bài tập vận dụng theo các phần cụ thể: các phép biện chứng triết học, ứng dụng tư duy duy	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (30%): bài tập - Kết thúc học phần (60%): thi hết môn

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		vật biện chứng vào giải quyết các vấn đề về giáo dục; các quan điểm về tiếp cận hệ thống của triết học và ứng dụng chúng trong giáo dục và Quản lý Giáo dục. Bài giảng cũng hết sức chú trọng vào phương pháp luận tư duy và logic triết học trong công tác Lý luận và các phương pháp giảng dạy.			
6	Ngoại ngữ cơ bản	Ngoại ngữ là công cụ hết sức quan trọng để hội nhập cũng như để thu thập và xử lý thông tin, và cũng là phương tiện để nghiên cứu khoa học trong thời đại ngày nay. Đối với những người đã có một trình độ nhất định về ngoại ngữ như học viên sau đại học, chương trình sẽ nâng cao khả năng nói, nghe, đọc hiểu và viết. Người học sẽ đạt trình độ tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập Kết thúc học phần (60%): thi đánh giá năng lực
7	Một số vấn đề của Lịch sử Việt Nam	Sau khi học xong chuyên đề này, học viên có được những tri thức về một số vấn đề cơ bản của lịch sử Việt Nam từ khởi nguồn đến hiện tại; vận dụng được vào thực tiễn nghiên cứu và giảng dạy lịch sử ở trường phổ thông nhằm đáp ứng yêu cầu kết	3	Năm thứ nhất	- Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiêu

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		hợp giáo dục tri thức khoa học lịch sử và giáo dục tư tưởng chính trị, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.			luận
8	Một số vấn đề của Lịch sử thế giới	Trên cơ sở kiến thức chung về lịch sử thế giới, học phần này đề cập đến một số vấn đề cơ bản có tính chất tiêu biểu của lịch sử thế giới từ thời cổ trung đại đến cận hiện đại. Từ đó, rút ra cách nhìn nhận, đánh giá về các vấn đề cơ bản của lịch sử phương Tây, phương Đông thời cổ trung đại và lịch sử thế giới thời cận hiện đại.	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
9	Hệ thống phương pháp dạy học Lịch sử	Học viên có hiểu biết sâu sắc và hệ thống về quá trình dạy học lịch sử ở trường phổ thông, các thành tố, vai trò của các thành tố đó trong việc nâng cao chất lượng dạy học lịch sử hiện nay ở trường phổ thông; hệ thống các phương pháp dạy học truyền thống, hiện đại và khả năng vận dụng trong thực tiễn dạy học lịch sử ở trường phổ thông. Từ đó, học viên có khả năng vận dụng Lý luận bộ môn để nghiên cứu những vấn đề mà thực tiễn dạy học lịch sử ở trường phổ thông đặt ra; hình thành niềm say mê nghề nghiệp, tinh thần không	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
10	Phương tiện và công nghệ dạy học Lịch sử	Học viên có hiểu biết sâu sắc và hệ thống về mục tiêu của học phần vai trò của phương tiện công nghệ trong quá trình dạy học lịch sử ở trường phổ thông; các tiêu chí để lựa chọn PTCN phù hợp, những tiện ích của PTCN ứng dụng trong dạy học môn Lịch sử một cách hiệu quả. Từ đó học viên có khả năng sử dụng PTCN trong thiết kế, triển khai bài dạy/chủ đề theo hướng dạy học tích cực, có ý thức đổi mới PPDH theo hướng tích cực áp dụng PTCN mới, phù hợp, hiệu quả.	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
11	Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Lịch sử	Học xong học phần này, học viên hiểu được vai trò, ý nghĩa, chức năng, yêu cầu, các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá; biết xây dựng câu hỏi trắc nghiệm khách quan và câu hỏi tự luận theo mục tiêu, nội dung chương trình học phần Lịch sử, từ đó thực hành xây dựng đề kiểm tra theo ma trận trong dạy học Lịch sử ở trường THPT theo hướng phát triển năng lực học sinh; biết và hiểu được cách thức xây dựng các công cụ hỗ trợ học sinh tự học và tự kiểm tra, đánh giá; qua đó hình thành niềm say mê nghề nghiệp, tinh thần không ngừng học hỏi, tích		Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		cực, vận dụng sáng tạo các phương pháp, kỹ thuật kiểm tra, đánh giá phù hợp đặc trưng môn Lịch sử.			
12	Phân tích chương trình, sách giáo khoa Lịch sử phổ thông hiện hành	Học viên có hiểu biết tổng quan về chương trình, SGK môn Lịch sử của một số nước trên thế giới, những ưu điểm có thể vận dụng cho xây dựng chương trình của Việt Nam. Trên cơ sở có hiểu biết sâu sắc và hệ thống về chương trình môn Lịch sử ở trường phổ thông, học viên phân tích, đánh giá ưu điểm, hạn chế của chương trình, SGK hiện hành; tìm hiểu những định hướng xây dựng chương trình mới (sau 2015) và đề xuất cho việc thực thi chương trình, SGK hiện hành, xây dựng được chương trình/kế hoạch phù hợp điều kiện dạy học (dựa theo chương trình quốc gia).	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
13	Hình thức tổ chức dạy học lịch sử	Học viên có hiểu biết sâu sắc và hệ thống về các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử ở trường phổ thông: dạy học trên lớp, ngoài lớp học và hoạt động ngoại khóa; vận dụng quy trình chuẩn bị, lập và triển khai kế hoạch dạy học phù hợp từng hình thức tổ chức dạy học; thực hành cách thức đánh giá	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		cải tiến kế hoạch dạy học.			
14	Hình thành kiến thức lịch sử cho học sinh phổ thông	Học phần giúp học viên hiểu sâu sắc về con đường hình thành kiến thức lịch sử cho học sinh phổ thông. Trên cơ sở nhận thức đúng về bản chất của quá trình dạy học, đặc điểm của kiến thức lịch sử, mối quan hệ giữa các yếu tố trong con đường hình thành kiến thức lịch sử, học viên xác định được các biện pháp hình thành kiến thức lịch sử theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh. Qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả bài học lịch sử ở trường phổ thông. Đồng thời, phát triển năng lực vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và bồi dưỡng niềm đam mê nghề nghiệp, sự sáng tạo trong học tập, nghiên cứu và giảng dạy của học viên.	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận
15	Phát triển năng lực tự học Lịch sử cho học sinh phổ thông	Học phần giúp học viên hiểu sâu sắc vấn đề phát triển năng lực tự học cho học sinh trong quá trình dạy học bộ môn Lịch sử ở trường phổ thông. Trên cơ sở nhận thức đúng về bản chất của tự học, các biểu hiện của năng lực tự học lịch sử, vai trò, ý nghĩa của tự học, học viên xác định được các hình thức, biện pháp phát triển năng lực tự học	3	Năm thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia xây dựng bài /vấn đáp, trắc nghiệm, - Giữa kỳ: (%): bài tập - -Kết thúc học phần (60%): tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		lịch sử cho học sinh. Qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả bài học lịch sử ở trường phổ thông. Đồng thời, phát triển năng lực vận dụng lý thuyết vào thực tiễn và bồi dưỡng niềm đam mê nghề nghiệp, sự sáng tạo trong học tập, nghiên cứu và giảng dạy của học viên.			

3.7. Ngành thạc sĩ Quản lý Giáo dục

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1.	Tâm lý học ứng dụng trong tổ chức và quản lý giáo dục	Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng tâm lý ứng dụng trong quản lý giáo dục (Hành vi, Nhóm và Hoạt động nhóm).	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong quản lý giáo dục	Sau khi học xong học phần này, học viên sẽ hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, ứng dụng vào xây dựng đề cương nghiên cứu cho một đề tài trong khuôn khổ luận văn tốt nghiệp thạc sĩ.	3	Năm thứ nhất	Bài tập cá nhân 20% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
3.	Lý luận quản	Trang bị cho người học nền lý luận	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10%

	lý giáo dục	vững chắc về khoa học quản lý giáo dục, biết liên hệ và vận dụng vào thực tiễn quản lý giáo dục.			Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
4.	Quản lý văn hóa nhà trường	Hiểu về văn hóa (Khái niệm, các thành tố, các loại hình văn hóa và các tầng khác nhau của văn hóa, hiểu về một nhà trường có môi trường và truyền thống văn hóa tốt, thành công); biết nhận diện những biểu hiện văn hóa tích cực và tiêu cực, tìm hiểu những khó khăn, thách thức khi xây dựng, nuôi dưỡng những giá trị văn hóa tốt đẹp của nhà trường; chuẩn bị cho nhà quản lý những công cụ tác động tới chính văn hóa của trường mình, vun trồng để nó thực sự hỗ trợ cho việc dạy và học.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
5.	Quản lý nguồn nhân lực trong giáo dục	Học viên biết, hiểu và nắm vững lý luận và thực tiễn về quản lý nguồn nhân lực trong giáo dục (theo tiếp cận vi mô và vĩ mô), đồng thời người học có khả năng phân tích, đánh giá thực trạng công tác quản lý nguồn nhân lực trong giáo dục, trên cơ sở đó có được những đóng góp nghiên cứu và đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác quản lý nguồn nhân lực trong bối cảnh hiện nay.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
6.	Quản lý chất	Sau khi kết thúc học phần, học viên có	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10%

	lượng trong giáo dục	thể xác định được khái niệm chất lượng nói chung, chất lượng trong giáo dục nói riêng, phân biệt được phương thức quản lí chất lượng với phương thức quản lí truyền thống, vận dụng xây dựng hệ thống quản lí chất lượng tại cơ sở, tham gia quá trình tự đánh giá và kiểm định chất lượng trong giáo dục.			Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
7.	Quản lý cơ sở vật chất và thiết bị trong giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho người học về những lý luận và nội dung cơ bản của hệ thống cơ sở vật chất – thiết bị giáo dục; - Người học biết vận dụng một cách sáng tạo những nội dung đó vào thực tiễn quản lý: từ việc xây dựng kế hoạch; tổ chức thực hiện; tham mưu - lãnh đạo - chỉ đạo và kiểm tra trong quá trình xây dựng, quản lý cơ sở vật chất – thiết bị giáo dục cho sát hợp với điều kiện và hoàn cảnh của đơn vị; - Giúp người học nâng cao các kỹ năng quản lý về cơ sở vật chất – thiết bị, đồng thời có ý thức đúng đắn cho việc định hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa cơ sở vật chất – thiết bị giáo dục ở nhà trường hoặc cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là Nhà trường). 	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
8.	Quản lý tài	Sau khi học xong học phần này, người	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10%

	chính trong giáo dục	học sẽ hệ thống được những kiến thức cơ bản của học phần, vận dụng những kiến thức đã học vào việc quản lý cũng như sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính trong trường học; đánh giá được những mặt tích cực và hạn chế của cơ chế tài cơ chế quản lý tài chính giáo dục ở Việt Nam hiện nay.			Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
9.	Quản lý sự thay đổi trong giáo dục	Học xong chuyên đề HV có thể: - Nhận diện các thay đổi đang diễn ra ở một nhà trường; - Xác định được các bước của thay đổi và nhân tố chủ yếu ảnh hưởng lên sự thay đổi; - Phân tích được bối cảnh của thay đổi và xác định được biện pháp thích hợp để thay đổi: Vận dụng vào “thay đổi cụ thể”; - Mô tả, phân tích và đánh giá được các chiến lược (giải pháp) thay đổi và kết quả thực sự của nó: Giải được các bài tập vận dụng;	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
10.	Sự phát triển của các quan điểm giáo dục hiện đại	Trang bị cho người học về sự hình thành và phát triển các tư tưởng, các lý thuyết giáo dục hiện đại, từ đó có cơ sở vững chắc tiếp cận với các tư tưởng và các lý thuyết quản lý giáo dục, vận dụng vào thực tiễn quản lý giáo dục.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

11.	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	Sau khi học xong học phần này, người học sẽ hệ thống được những kiến thức cơ bản và cập nhật về đo lường đánh giá trong giáo dục nói chung và trong dạy học nói riêng. Vận dụng được phương pháp luận để thiết kế công cụ, triển khai đánh giá kết quả học tập theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích chất lượng câu hỏi và đề kiểm tra đưa ra nhận định đúng đắn về năng lực người học làm cơ sở cải tiến quá trình dạy học. Vận dụng được các kỹ thuật đánh giá lớp học trong dạy học.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
12.	Xây dựng sứ mệnh và quản lý chiến lược	Học viên phân tích được nội dung các bước lập kế hoạch chiến lược và các công việc quản lý chiến lược. Sau khóa học, học viên có các kỹ năng lập kế chiến lược, xây dựng viễn cảnh cho nhà trường và thực hiện kế hoạch chiến lược cùng với các thành viên của nhà trường.	3	Năm thứ nhất	Trắc nghiệm 20% Bài tập 50% Biểu hiện của học viên 30%
13.	Phân hóa và bình đẳng xã hội trong giáo dục	Trang bị kiến thức khoa học và hình thành năng lực phân tích tình hình bình đẳng xã hội trong giáo dục để có thể phát hiện ra những vấn đề bất bình đẳng xã hội trong giáo dục và đề xuất giải pháp	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

		thực hiện công bằng xã hội và bình đẳng xã hội trong giáo dục ở Việt Nam.			
14.	Giáo dục so sánh	<p>Kết thúc học phần này, người học hiểu có hệ thống các kiến thức cơ bản, hiện đại về nội dung của môn Giáo dục so sánh, bao gồm các khái niệm, mục đích, nhiệm vụ và đối tượng, các hướng dẫn về nguyên tắc, các cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật so sánh giáo dục và hiểu được thành tựu và kinh nghiệm phát triển giáo dục và đào tạo của một số nước có quan hệ với nước ta; Có khả năng đề xuất một đề tài nghiên cứu so sánh giáo dục trong một phạm vi quốc tế (so sánh một hoặc vài nước ngoài với nước ta) hoặc quốc nội (một nơi trong nước với nơi mình, hoặc là địa phương như vùng miền, tỉnh, huyện ..., hoặc là trường cùng loại hình và cấp bậc) và chứng tỏ có khả năng giải quyết vấn đề của đề tài với phạm vi nội dung thích hợp và phù hợp với mục đích, nguyên tắc phương pháp và kỹ thuật của môn Giáo dục so sánh. Hình thành và phát triển các phẩm chất của một nhà giáo, một chuyên gia quản lý giáo dục nắm vững môn Giáo dục so sánh (khách quan, trung thực,</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 10%</p> <p>Bài tập cá nhân 10%</p> <p>Bài tập nhóm 20%</p> <p>Bài thi hết môn 60%</p>

		chính xác, trách nhiệm, khoa học...)			
15.	Quản lý hệ thống giáo dục quốc dân và quản lý nhà trường	Học viên biết, hiểu và nắm vững lý luận và thực tiễn về hệ thống giáo dục quốc dân, chủ thể quản lý, đối tượng quản lý, nội dung quản lý và các đặc điểm trong quản lý hệ thống giáo dục quốc dân và quản lý nhà trường, đồng thời người học có khả năng phân tích đánh giá thực trạng hoạt động quản lý HTGDQD, quản lý nhà trường, trên cơ sở đó, có những đóng góp nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống GDQD, hệ thống bộ máy quản lý giáo dục và quản lý nhà trường.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
16.	Quản lý quá trình dạy học trong nhà trường	Sau khi kết thúc học phần, học viên có thể xác định được khái niệm quản lý như chức năng quản lý, phương pháp quản lý; quản lý giáo dục, quản lý nhà trường, hoạt động dạy học như hoạt động dạy của giáo viên, hoạt động học của học sinh, sự thống nhất biện chứng giữa hoạt động dạy và hoạt động học và quá trình quản lý hoạt động dạy học.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
17.	Xây dựng và quản lý dự án giáo dục	Học viên được trang bị kiến thức cơ bản về xây dựng và quản lý dự án giáo dục, nắm vững quy trình quản lý dự án giáo dục, vận dụng kiến thức đã học để	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

		quản lý một dự án đầu tư cho giáo dục.			
18.	Lý luận quản lý	Trang bị cho người học nền lý luận vững chắc về khoa học quản lý giáo dục, biết ứng xử phù hợp với thực tiễn giáo dục.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
19.	Phát triển chương trình giáo dục	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về chương trình giáo dục, các thành tố của chương trình và mối quan hệ qua lại, chi phối nhau của các thành tố đó. Học phần phân tích các bước của chu trình phát triển chương trình giáo dục, trong đó nhấn mạnh khâu phân tích nhu cầu (need analysis) làm cơ sở để xác định mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

3.8. Thạc sĩ Quản trị trường học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1.	Thống kê ứng dụng trong giáo dục	Trang bị cho người học năng lực sử dụng các kiến thức nhập môn xác suất thống kê trong giáo dục để tiếp nhận, vận dụng và xử lý thống kê và lý giải các thông tin đo lường và đánh giá trong giáo dục	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 70%
2.	Phương pháp nghiên cứu	Sau khi học xong học phần này, học viên sẽ hệ thống được những kiến thức	3	Năm thứ nhất	Bài tập cá nhân 20% Bài tập nhóm 20%

	khoa học trong quản lý giáo dục	<p> cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, ứng dụng vào xây dựng đề cương nghiên cứu cho một đề tài trong khuôn khổ luận văn tốt nghiệp thạc sĩ.</p>			Bài thi hết môn 60%
3.	Lý thuyết đo lường và đánh giá	<p> Trang bị cho người học năng lực sử dụng các kiến thức lý thuyết về đo lường và đánh giá giáo dục để tiếp thu, vận dụng và phát triển kiến thức, kỹ năng khoa học đo lường đánh giá và trong chỉ đạo các hoạt động thực tiễn đo lường và đánh giá giáo dục</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 10%</p> <p>Định kỳ, Giữ kỳ 20%</p> <p>Bài thi hết môn 70%</p>
4.	Thiết kế điều tra khảo sát và công cụ đánh giá	<p> Cung cấp cho học viên phương pháp luận về các loại hình điều tra khảo sát khác nhau và những kiến thức cần thiết về quy trình, thủ tục cho việc thiết kế điều tra khảo sát trong khoa học xã hội; Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về quy trình thiết kế công cụ đo lường và đánh giá; Giúp học viên có kỹ năng cơ bản để thiết kế một điều tra khảo sát với các phương pháp phù hợp và biết cách phân tích số liệu; Giúp học viên nắm được các kỹ thuật thiết kế và có kỹ năng thiết kế các loại công cụ</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 20%</p> <p>Định kỳ, Giữ kỳ 20%</p> <p>Bài thi hết môn 60%</p>

		thích hợp cho nghiên cứu đánh giá trong lĩnh vực chuyên môn của mình.			
5.	Lý thuyết hồi đáp và ứng dụng phần mềm vào phân tích dữ liệu đánh giá	<p>Trang bị cho học viên những kiến thức nền tảng về lý thuyết hồi đáp (IRT), các khái niệm, mô hình toán học và đặc trưng của lý thuyết; những kiến thức cơ bản để hiểu được bản chất của quá trình đánh giá.</p> <p>Trang bị cho các học viên một số kỹ năng cơ bản để vận dụng vào phân tích xử lý dữ liệu kết quả đánh giá bằng một số phần mềm chuyên dụng.</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 10%</p> <p>Bài tập cá nhân 10%</p> <p>Bài tập nhóm 20%</p> <p>Bài thi hết môn 60%</p>
6.	Cơ sở khoa học và thiết kế các loại hình kiểm tra đánh giá kết quả học tập	<p>Học phân trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng về cơ sở khoa học đo lường đánh giá kết quả học tập; các quan niệm khác nhau về đo lường đánh giá kết quả học tập; lập kế hoạch, hướng dẫn và mối quan hệ giữa dạy học với đo lường đánh giá KQHT. Các loại hình đo lường đánh giá kết quả học tập; Đặc trưng của các loại hình đo lường đánh giá kết quả học tập; Kỹ thuật để đạt hiệu quả đo lường đánh giá kết quả học tập. Các kỹ năng thi; Thiết kế một đề thi đo lường KQHT. Các dạng thức thi: Dạng thi lựa chọn đúng sai (true – false), thi trắc nghiệm khách quan với</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 10%</p> <p>Định kỳ, Giữ kỳ 30%</p> <p>Bài thi hết môn 60%</p>

		<p>nhiều lựa chọn (MCQ), thi câu hỏi lắp ghép các thành phần (matching), câu trả lời ngắn (short answer), tự luận (essay), portfolio. Sử dụng các loại đề thi standardized tests có sẵn; Sự thiên lệch của các loại hình thi và các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả thi.</p>			
7.	Phát triển năng lực đánh giá	<p>Cung cấp cho người học hệ thống những kiến thức khoa học của học phần bao gồm các kiến thức chuyên môn, chuyên ngành và phương pháp tư duy, phương pháp và kỹ năng cơ bản nhất để thực hiện việc đánh giá đầu ra; tạo cơ hội nghiên cứu và ứng dụng kiến thức, kỹ năng ứng dụng chuyên sâu về đánh giá đầu ra của các hoạt động, phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quá trình hoạt động để sản sinh ra kết quả (đầu ra); tạo khả năng hội nhập và liên thông với chương trình đào tạo sau đại học trong nước, ngoài nước và có khả năng tiếp tục học ở bậc đào tạo tiến sĩ.</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%</p>
8.	Quản lý và Kiểm định chất lượng giáo dục	<p>Trang bị cho người học các kiến thức kỹ năng cơ bản nhất về quản lý, chất lượng, đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục để có đủ năng</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 10% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 70%</p>

		lực tư vấn, tham gia hay giám sát các hoạt động quản lý chất lượng giáo dục và nghiên cứu sâu về quản lý chất lượng giáo dục.			
9.	Đánh giá chương trình dự án	Cung cấp cho học viên những nguyên lý, phương pháp và kỹ thuật để đánh giá một cách chính xác và hiệu quả các chương trình dự án trong cũng như ngoài lĩnh vực giáo dục; Học viên có kỹ năng xây dựng được khung logic để đánh giá chương trình, dự án, nắm được các phương pháp, cách thức tổ chức một đợt đánh giá từ giai đoạn bắt đầu cho tới khi viết báo cáo đánh giá.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%
10.	Các lý thuyết về sự phát triển con người	Người học được trang bị những lý thuyết cơ bản trong tâm lý học về sự phát triển con người làm cơ sở khoa học cho các nghiên cứu về đánh giá con người từ nhiều góc độ khác nhau cũng như đánh giá nhiều mặt tâm lý khác nhau trong sự phát triển ấy.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
11.	Đo lường năng lực cảm xúc và sáng tạo	Hiểu được khái niệm, các mô hình lý thuyết về trí thông minh cảm xúc (EI) và các kỹ thuật đo lường chỉ số thông minh cảm xúc (EQ); Hiểu được khái niệm, các mô hình lý thuyết về trí sáng	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập nhóm 30% Bài thi hết môn 60%

		<p>tạo (CQ) và các kỹ thuật đo lường CQ; Thích nghi, chuẩn hóa, thiết kế các item và các thang đo EQ; Thích nghi, chuẩn hóa, thiết kế các item và các thang đo CQ; Nhìn nhận các vấn đề trí tuệ của con người dưới góc độ khoa học và ứng dụng tích cực các chỉ số trí tuệ trong cuộc sống.</p>			
12.	Đo lường nhân cách	<p>Hiểu những kiến thức cơ bản về nhân cách, sự phát triển nhân cách: Hiểu rõ bản chất của các lý thuyết về nhân cách trong tâm lý học phương tây; Hiểu rõ được các lý luận về nhân cách trong tâm lý học xô viết; Hiểu rõ được những vấn đề chung về phương pháp nghiên cứu nhân cách; Hiểu rõ được các phương pháp nghiên cứu nhân cách; Nắm vững bản chất tâm lý của một số trắc nghiệm đo lường nhân cách; Các kỹ thuật đo lường tính cách; Nhìn nhận vấn đề nhân cách dưới học độ khoa học, được kiểm nghiệm bằng trắc nghiệm và khách quan.</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập nhóm 30% Bài thi hết môn 60%</p>
13.	Đánh giá năng lực và chất lượng hoạt động của một	<p>Cung cấp cho người học hệ thống những kiến thức khoa học của học phần bao gồm các kiến thức chuyên môn, chuyên ngành và phương pháp tư duy,</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%</p>

	tổ chức	phương pháp và kỹ năng đo lường, đánh giá năng lực và chất lượng hoạt động của một tổ chức; tạo cơ hội nghiên cứu và ứng dụng kiến thức, kỹ năng ứng dụng chuyên sâu về đo lường, đánh giá năng lực và chất lượng hoạt động của một tổ chức, phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong năng lực và chất lượng hoạt động của một tổ chức; tạo khả năng hội nhập và liên thông với chương trình đào tạo sau đại học trong nước, ngoài nước và có khả năng tiếp tục học ở bậc đào tạo tiến sỹ.			
14.	Các phương pháp nghiên cứu định tính	Giúp học viên hiểu được các kiến thức về nghiên cứu định tính và có kỹ năng, phương pháp để thực hiện một nghiên cứu định tính.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%
15.	Đánh giá năng lực quản lý và lãnh đạo	Cung cấp cho người học hệ thống những kiến thức khoa học của học phần bao gồm các kiến thức chuyên môn, chuyên ngành và phương pháp tư duy, phương pháp và kỹ năng đo lường, đánh giá năng lực quản lý và lãnh đạo; tạo cơ hội nghiên cứu và ứng dụng kiến thức, kỹ năng ứng dụng chuyên sâu về	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

		đo lường, đánh giá năng lực quản lý và lãnh đạo, phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong năng lực quản lý và lãnh đạo; tạo khả năng hội nhập và liên thông với chương trình đào tạo sau đại học trong nước, ngoài nước và có khả năng tiếp tục học ở bậc đào tạo tiến sỹ.			
16.	Kỹ thuật đánh giá lớp học	Học viên có hệ thống lý thuyết và áp dụng thực hành các nhóm kỹ thuật đánh giá lớp học (nhóm đánh giá nhận thức và kỹ năng; nhóm đánh giá thái độ, giá trị và tự đánh giá; nhóm đánh giá phản hồi của người học) trong đánh giá quá trình người học nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động dạy - học.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%
17.	Sử dụng phần mềm phân tích dữ liệu trong đo lường và đánh giá	Học viên có hiểu biết về chức năng, thao tác cơ bản trên các phần mềm phân tích dữ liệu (SPSS, IATA, R) để có thể áp dụng thực hành xử lý và phân tích dữ liệu trong đo lường và đánh giá.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Giữa kỳ, bài trình bày 20% Bài thi hết môn 60%
18.	Đánh giá diện rộng	Trang bị cho người học các kiến thức kỹ năng cơ bản nhất về đánh giá trình độ học vấn thông qua các kỳ thi quan	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 70%

		trọng trong hệ thống giáo dục Việt Nam: kỳ thi học sinh giỏi, kỳ thi tốt nghiệp, kỳ thi tuyển sinh, kỳ thi đánh giá chất lượng bậc học bậc tiểu học và bậc trung học, kỳ thi PISA.			
19.	Các vấn đề xã hội trong giáo dục	Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số vấn đề xã hội trong giáo dục. Học phần nhằm giúp người học hiểu được bản chất của các khái niệm vấn đề xã hội, nội dung của một số vấn đề xã hội trong giáo dục như: bất bình đẳng và phân tầng xã hội trong giáo dục, mối quan hệ giữa giáo dục và dân số, giáo dục chính quy và bất bình đẳng xã hội; bạo lực học đường, nắm vững được kỹ năng nghiên cứu xã hội học và biết xây dựng một đề cương nghiên cứu vấn đề xã hội trong giáo dục.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
20.	Một số vấn đề của giáo dục đào tạo đương đại	Trang bị cho người học năng lực sử dụng các thông tin về một số vấn đề đương đại của giáo dục đào tạo để góp phần đáp ứng các yêu cầu phát triển, hội nhập và nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo nước nhà	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 70%

21.	Tiếng Anh học thuật	<p>Kết thúc học phần, học viên có khả năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ cơ bản (tương đương B1) - Thực hiện được hoạt động giao tiếp ngôn ngữ thuộc lĩnh vực chuyên môn - Áp dụng các chiến lược giao tiếp ngôn ngữ để trình bày vấn đề nghiên cứu - Đọc hiểu và trình bày lại tóm tắt nội dung chính của vấn đề liên quan đến lĩnh vực giáo dục và chuyên môn của người học - Viết được tóm tắt vấn đề nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn 	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 10%</p> <p>Bài tập cá nhân 10%</p> <p>Bài tập nhóm 20%</p> <p>Bài thi hết môn 60%</p>
22.	Tâm lý học giáo dục	<p>Người học được trang bị những cơ sở tâm lý của công tác giáo dục học sinh trong nhà trường. Dựa trên những cơ sở tâm lý, giáo viên có thể thiết kế các phương pháp dạy học và giáo dục hiệu quả cũng như công tác quản lý hoạt động giáo dục trong lớp học cũng như trong nhà trường.</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 210%</p> <p>Bài tập nhóm 20%</p> <p>Bài thi hết môn 60%</p>

23.	Lý luận quản lý giáo dục	Trang bị cho người học nền lý luận vững chắc về khoa học quản lý giáo dục, biết liên hệ và vận dụng vào thực tiễn quản lý giáo dục.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
-----	--------------------------	---	---	--------------	---

3.9. Thạc sĩ Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1.	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Sau khi học xong học phần này, học viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu khoa học như nghiên cứu khoa học học viên, làm khóa luận tốt nghiệp.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Định kỳ, Giữ kỳ 30% Bài thi hết môn 60%
2.	Tâm bệnh học	Học phần này cung cấp cho học viên kiến thức về tiêu chuẩn chẩn đoán hiện tại cho bệnh nhân tâm thần, các lý thuyết liên quan đến bệnh tâm thần, từ đó giúp học viên hiểu được các biểu hiện, triệu chứng của bệnh tâm thần, hiểu được các mô hình lý	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

		thuyết giải thích về từng bệnh tâm thần			
3.	Định hình trường hợp tâm lý	Học phần giúp trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và phát triển khả năng của họ trong đánh giá một trẻ hay thanh thiếu niên đang gặp phải những khó khăn tâm lý, khiếm khuyết chức năng hoặc tổn thương sức khỏe tâm thần. Người học sẽ có kỹ năng xác định những vấn đề của trẻ, đưa ra các giả thuyết về nguyên nhân và phân tích nó dưới góc nhìn của các lý thuyết tâm lý đồng thời có kỹ năng xây dựng kế hoạch giúp đỡ trẻ cải thiện tình hình.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
4.	Điều trị các vấn đề hướng nội	Học phần này cung cấp cho học viên hiểu và phân tích được cơ chế hình thành các rối loạn hướng nội, các kỹ thuật trị liệu dựa trên thực chứng cho các vấn đề hướng nội; Thực hành các kỹ thuật trị liệu các vấn đề hướng nội; Áp dụng các kỹ thuật này để trị liệu cho một trường	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

		hợp cụ thể.			
5.	Điều trị các vấn đề hướng ngoại	<p>Hiểu được nội hàm các vấn đề hướng ngoại; Biết được các mô hình can thiệp có hiệu quả dựa trên bằng chứng cho các vấn đề hướng ngoại; Biết nguyên lý chung của can thiệp hành vi; Hiểu được quy trình và các cấu phần cơ bản trong chương trình huấn luyện hành vi làm cha mẹ; Hiểu được triết lý can thiệp mà chương trình huấn luyện hành vi làm cha mẹ sử dụng. Vận dụng kiến thức đã học để tư vấn tâm lý giáo dục cho cha mẹ, lôi kéo sự tham gia của cha mẹ vào các nội dung can thiệp; Thực hiện được các phiên trị liệu hướng dẫn kỹ năng (thời gian chơi đặc biệt, khen, thưởng, phớt lờ chủ động, chỉ dẫn hiệu quả, phạt khoảng lặng, quản lý hành vi ngoài gia đình...) cho cha mẹ; Xây dựng được nội dung các buổi can thiệp cụ thể và cách thức điều chỉnh giải quyết khó khăn phát sinh trong</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá giữa kỳ 40%</p> <p>Đánh giá cuối kỳ 60%</p>

		các phiên trị liệu			
6.	Lý thuyết trị liệu tâm lý	Học phần học viên hiểu vai trò định hướng của lý thuyết trị liệu cho thực hành can thiệp. Học viên sẽ được giới thiệu các lý thuyết trị liệu tâm lý chính và tìm hiểu các nguyên tắc đạo đức quan trọng của trị liệu tâm lý.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá giữa kỳ 40% Đánh giá cuối kỳ 60%
7.	Tiếng Anh học thuật	Kết thúc học phần, học viên có khả năng: - Sử dụng được kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ cơ bản (tương đương B1) - Thực hiện được hoạt động giao tiếp ngôn ngữ thuộc lĩnh vực chuyên môn - Áp dụng các chiến lược giao tiếp ngôn ngữ để trình bày vấn đề nghiên cứu - Đọc hiểu và trình bày lại tóm tắt nội dung chính của vấn đề liên quan đến lĩnh vực giáo dục và chuyên	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

		môn của người học - Viết được tóm tắt vấn đề nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn			
8.	Các lý thuyết phát triển con người	Người học được trang bị những lý thuyết cơ bản trong tâm lý học về sự phát triển con người làm cơ sở khoa học cho các nghiên cứu về đánh giá con người từ nhiều góc độ khác nhau cũng như đánh giá nhiều mặt tâm lý khác nhau trong sự phát triển ấy.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
9.	Thống kê trong khoa học xã hội	Học viên hiểu được kiến thức về thống kê và có khả năng vận dụng, thực hành các test thống kê trong nghiên cứu khoa học xã hội.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
10.	Đánh giá và chẩn đoán tâm lý	Học phần giúp cho học viên hiểu được sự quy trình và các bước thực hiện đánh giá tâm lý một cách toàn diện. Học viên ứng dụng những kiến thức được học trong học phần này để đánh giá tâm lý toàn diện một trường hợp lâm sàng cụ thể.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

11.	Tâm lý học giáo dục	Người học được trang bị những cơ sở tâm lý của công tác giáo dục học sinh trong nhà trường. Dựa trên những cơ sở tâm lý, giáo viên có thể thiết kế các phương pháp dạy học và giáo dục hiệu quả cũng như công tác quản lý hoạt động giáo dục trong lớp học cũng như trong nhà trường.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
12.	Tâm lý học xuyên văn hóa	Học phần này cung cấp cho học viên hiểu được các biểu hiện, triệu chứng của bệnh tâm thần, hiểu được các mô hình lý thuyết giải thích về từng bệnh tâm thần.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
13.	Can thiệp học đường	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được vai trò của cán bộ tâm lý lâm sàng trong nhà trường - Hiểu được các chương trình can thiệp sức khỏe tâm thần dựa vào trường học - Có kỹ năng làm việc với giáo viên, nhà trường để hỗ trợ học sinh 	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
14.	Trị liệu dược lý	- Khi học xong học phần, học viên nắm được kiến thức cơ bản về	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10%

		<p> cơ chế hoạt động cơ bản của não bộ, cụ thể là các cơ chế sinh lý – thần kinh.</p> <p> - Học viên nắm được tên các loại thuốc cơ bản và thường gặp trong điều trị các bệnh tâm thần, bao gồm thành phần của thuốc, chỉ định và chống chỉ định.</p> <p> - Từ kiến thức này, học viên có khả năng tư vấn cho gia đình về việc sử dụng thuốc và điều chỉnh kế hoạch can thiệp, điều trị phù hợp với việc dùng thuốc.</p>			<p> Bài tập nhóm 20%</p> <p> Bài thi hết môn 60%</p>
15.	Rối loạn học tập	<p> Học phần này cung cấp những kiến thức về rối loạn học tập như khái niệm, triệu chứng, nguyên nhân, cách can thiệp cho học sinh rối loạn học tập, giới thiệu và phân tích các mô hình lý thuyết để giải thích rối loạn học tập. Từ đó, học viên được trang bị kiến thức căn bản và có kỹ năng làm việc với giáo viên, nhà trường để hỗ trợ học sinh có rối loạn học tập.</p>	3	Năm thứ nhất	<p> Đánh giá thường xuyên 10%</p> <p> Bài tập cá nhân 10%</p> <p> Bài tập nhóm 20%</p> <p> Bài thi hết môn 60%</p>

16.	Đánh giá và can thiệp tự kỷ	Khi học xong học phần, học viên nắm được các kiến thức tổng quát về tự kỷ/rối loạn phổ tự kỷ, hình thành các kỹ năng đánh giá, chẩn đoán, sàng lọc và can thiệp và có khả năng vận dụng, thực hành trong từng vấn đề, từng trường hợp trẻ bị tự kỷ.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
17.	Can thiệp các rối loạn nghiện	Học phần này cung cấp cho học viên các thông tin cập nhật và các kiến thức ứng dụng trong vấn đề rối loạn nghiện, giúp học viên hiểu bản chất và các loại rối loạn nghiện, nguyên nhân cũng như cơ chế của hành vi nghiện. Học viên sẽ học cách đánh giá, chẩn đoán, lên kế hoạch can thiệp và hợp tác với các cán bộ chuyên môn khác trong phòng ngừa và trị liệu rối loạn nghiện.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
18.	Can thiệp rối loạn stress sau sang chấn	Học phần giúp học viên phát triển những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong việc nhận diện những ảnh hưởng của chấn thương tâm lý đối	3	Năm thứ nhất	Đánh giá giữa kỳ 40% Đánh giá cuối kỳ 60%

		với trẻ em cũng như những yếu tố nguy cơ làm vấn đề trở nên trầm trọng hơn. Học viên sẽ được trang bị những công cụ đánh giá và kỹ thuật can thiệp cụ thể cho đối tượng trẻ em và vị thành niên bị rối loạn stress sau sang chấn.			
--	--	---	--	--	--

3.10. Thạc sĩ Tham vấn học đường

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1	Các lý thuyết hiện đại trong tham vấn học đường	Học phần này để mở đầu và định hướng việc học tập của HV đối với toàn bộ CTĐT và làm nền tảng cho những học phần tiếp sau; Giúp học viên biết khái quát định hướng nghiên cứu ngành nghề của TVHĐ và các hoạt động liên quan, cũng như các yêu cầu đối với việc nghiên cứu, tham gia hoạt động TVHĐ	3	Năm thứ nhất	Bài tập cá nhân 20% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
	Sự phát triển & Tính đa dạng của con người	Học phần này giúp khám phá, tìm hiểu về các vấn đề <i>đa dạng trong phát triển người</i> , bao gồm các tác động của	3	Năm thứ nhất	Bài tập cá nhân 20% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

		<p>giới tính, tình trạng kinh tế- xã hội, và văn hóa trong sự phát triển người nói chung, người học nói riêng.</p> <p>Học viên sẽ được hướng dẫn tìm hiểu về cách thức mà các yếu tố này tương tác với các đặc tính sinh học, tâm lý và văn hóa trong việc thúc đẩy, hoặc cản trở sự khỏe mạnh và thành công ở trường học. Từ đó, định hướng việc áp dụng kiến thức <i>tính đa dạng trong phát triển người</i> trong TVHĐ (hướng dẫn, đánh giá và can thiệp) phù hợp với đặc trưng văn hóa, điều kiện KT-XH.</p>			
2	Nhận diện và đánh giá những khó khăn của học sinh	<p>Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và phát triển khả năng của họ trong việc nhận diện, đánh giá một trẻ hay thanh thiếu niên đang gặp phải những khó khăn như thế nào. Người học sẽ có kỹ năng xác định những vấn đề của trẻ, đưa ra các giả thuyết về nguyên nhân và phân tích nó dưới góc nhìn của các lý thuyết tâm lý để đưa ra định hình toàn diện về trường hợp, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch giúp đỡ trẻ</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Bài tập cá nhân 20%</p> <p>Bài tập nhóm 20%</p> <p>Bài thi hết môn 60%</p>

		cải thiện tình hình. Học viên sẽ được giới thiệu về các bước trong quy trình đánh giá cũng như thực hành quy trình đánh giá trên lớp			
3	Đạo đức nghề nghiệp trong tham vấn học đường	Học phần này giới thiệu những đặc điểm, vai trò và chức năng của nhân viên tham vấn chuyên nghiệp, đặc biệt quan tâm đến các vấn đề pháp lý, đạo đức, và tiêu chuẩn nghề nghiệp. Mục tiêu của khóa học này là để giải thích các chuẩn về mặt đạo đức, luật pháp và các vấn đề chuyên môn có liên quan. Học phần cung cấp một cái nhìn tổng quan toàn diện về các chương trình và dịch vụ tham vấn chuyên nghiệp, giúp học viên làm việc hàng ngày trong tương lai với tư cách là chuyên viên tham vấn chuyên nghiệp và sẽ có cơ sở cho việc ra quyết định và có kỹ năng tham vấn khi gặp phải những vấn đề về đạo đức.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%
4	Kỹ năng tham vấn cá nhân & xây dựng trường hợp	Học phần này giúp trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và phát triển khả năng của người học trong đánh giá một trẻ hay thanh thiếu niên đang gặp phải những khó khăn trong	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%

		học tập, nhận thức, hành vi - cảm xúc, khiếm khuyết chức năng hoặc tổn thương sức khoẻ tâm thần. Người học sẽ có kỹ năng xác định những vấn đề của học sinh, đưa ra các giả thuyết về nguyên nhân và phân tích nó dưới góc nhìn của các lý thuyết tâm lý – tham vấn, có kỹ năng xây dựng kế hoạch giúp đỡ và có kỹ năng tham vấn cá nhân giúp cải thiện tình hình cho thân chủ.			
5	Lý thuyết và thực hành tham vấn nhóm	Mục đích của học phần này là giới thiệu cho học viên về lý thuyết và thực hành tham vấn nhóm. Đây là một kỹ năng và nội dung học phần được thiết kế để giúp học viên có được những kiến thức ban đầu và kỹ năng để thực hiện tham vấn nhóm.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%
6	Phương pháp nghiên cứu trong tham vấn học đường.	Sau khi học xong học phần này, học viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu tham vấn học đường, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ. Đồng thời, học viên có khả năng đọc và đánh giá các	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Định kỳ, Giữ kỳ 30% Bài thi hết môn 60%

		<p>nghiên cứu định tính và định lượng cụ thể liên quan đến tham vấn học đường. Học viên hiểu được kiến thức về phân tích thống kê và giải thích dữ liệu trong nghiên cứu cũng như có khả năng đánh giá nghiên cứu theo hướng lâm sàng về các vấn đề liên quan đạo đức.</p>			
7	<p>Tham vấn học đường dựa trên nền tảng công nghệ và truyền</p>	<p>Sau khi học xong học phần này, học viên có kiến thức về các công cụ công nghệ và truyền thống, cũng như xu hướng ứng dụng công nghệ vào lĩnh vực tham vấn, trong đó có tham vấn học đường. Đồng thời, qua học phần này, học viên được kỳ vọng sẽ có khả năng ứng dụng công nghệ và truyền thông, hỗ trợ trong quá trình thực hành.</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%</p>
8	<p>Các lý thuyết về nhận thức, học tập và động lực thúc đẩy.</p>	<p>Cung cấp cho người học những nội dung cơ bản của các lý thuyết tâm lý học về nhận thức và phát triển tâm lý người, lý luận về động cơ, động lực thúc đẩy con người thành công, các vấn đề cơ bản về hoạt động học tập của người học, động cơ và hứng thú học tập. Học viên có thể áp dụng các lý thuyết nhận thức, học tập và động lực</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%</p>

		thúc đẩy vào trong công tác tham vấn học đường trong trường học hiệu quả.			
9	Tham vấn hướng nghiệp và phát triển nghề nghiệp	Học phần này cung cấp kiến thức về các lĩnh vực phát triển tham vấn hướng nghiệp, giúp học viên khám phá các lý thuyết khác nhau của sự phát triển nghề nghiệp và nghiên cứu cách thức áp dụng các lý thuyết này đối với trẻ em và thanh niên, kể cả nhóm khuyết tật. Học phần này đặc biệt nhấn mạnh việc áp dụng những lý thuyết và thực hành về tham vấn hướng nghiệp, bao gồm cả các hoạt động quan trọng như việc phân tích công việc và ra quyết định, đánh giá năng lực nghề, phát triển nghề cho cá nhân, kỹ năng tìm việc làm,...	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%
10	Công tác xã hội học đường: Phối hợp gia đình- nhà trường - cộng đồng	Học phần này giúp người học hoàn thiện kiến thức và kỹ năng của một nhân viên làm công tác xã hội trong học đường bao gồm nền tảng lý thuyết cơ bản áp dụng trong CTXH học đường, cách làm việc với cá nhân, nhóm và cộng đồng yếu thế liên quan đến trường học và các nguồn lực cơ bản	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%

		<p>để hỗ trợ những cá nhân, nhóm và cộng đồng yếu thế.</p> <p>Học viên sẽ được hướng dẫn những công việc phải làm của một NVXH trong học đường, tiến trình can thiệp cá nhân, nhóm, cộng đồng thân chủ liên quan đến học đường. Để hỗ trợ tốt nhất cho thân chủ, NVXH học đường còn phải có năng lực kết nối nguồn lực giữa gia đình- nhà trường và cộng đồng.</p>			
11	Can thiệp các vấn đề hướng ngoại và hướng nội	<p>Học phần này giúp trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản để tham vấn can thiệp các vấn đề hướng ngoại (gồm vi chống đối, hành vi hung hăng và sự phạm tội) cũng như các vấn đề hướng nội (gồm lo âu, trầm cảm và rối loạn dạng cơ thể). Những kỹ thuật can thiệp rối loạn hướng ngoại gồm (a) Đào tạo cha mẹ; (b) Các kĩ năng xã hội và rèn các qui định đối với trẻ. Môn học này liên quan đến việc xây dựng những hướng dẫn điều trị. Những kỹ thuật can thiệp rối loạn hướng nội gồm</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 20%</p> <p>Định kỳ, Giữ kỳ 20%</p> <p>Bài thi hết môn 60%</p>

		(a) Can thiệp hành vi như hoạt hoá hành vi; giáo dục tâm lý xã hội, xây dựng hệ thống thưởng quy đổi; (b) Can thiệp nhận thức như rèn luyện tránh tái phạm, nhận diện các suy nghĩ không hợp lý; (c) Các kĩ thuật chính niệm (mindfulness).			
12	Tư vấn trong trường học	Sau khi học xong học phần này, học viên có những kiến thức cơ bản về cơ cấu, tổ chức tham vấn học đường trong trường học. Học viên nắm vững các nguyên tắc tư vấn thông qua các bài giảng hàng tuần và được thực hành các kỹ năng tham vấn. Phát triển kiến thức và bắt đầu phát triển kỹ năng trong giải quyết các vấn đề trường học, giảng dạy và can thiệp	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%
13	Tham vấn trẻ em và vị thành niên trong trường học.	Sau khi học xong học phần này, học viên hệ thống được những kiến thức cơ bản trong việc đánh giá và xây dựng chương trình tham vấn cho trẻ em và vị thành niên trong trường học. Hiểu được nguyên nhân, các yếu tố tác động đến hành vi và quá trình phát triển của trẻ. Nắm được các thành tố ảnh hưởng đến chất lượng tham vấn đối với trẻ em	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%

		và vị thành niên. Áp dụng những kiến thức đã học được vào môi trường học đường.			
14	Giám sát trong tham vấn học đường.	Sau khi học xong học phần này, học viên hệ thống được những kiến thức cơ về một số lý thuyết và mô hình giám sát trong tham vấn học đường đã được công nhận. Học phần này cung cấp nền tảng và khuôn khổ cho việc áp dụng các phương pháp giám sát, cho phép người tham gia áp dụng các phương pháp với độ chính xác và sự hiểu biết cao hơn	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Định kỳ, Giữ kỳ 30% Bài thi hết môn 60%
15	Phòng ngừa và can thiệp khủng hoảng	Học phần này trang bị cho học viên kiến thức và kỹ năng phòng ngừa và can thiệp các dạng khủng hoảng thường gặp cho học sinh và gia đình dựa trên cơ sở các lý thuyết và bằng chứng nghiên cứu khoa học. Đặc biệt, học phần sẽ tập trung sâu vào hướng dẫn kỹ năng làm việc với người có hành vi tự sát và những vấn đề nóng của môi trường học đường hiện nay.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Định kỳ, Giữ kỳ 30% Bài thi hết môn 60%

16	Giáo dục hòa nhập và giáo dục đặc biệt trong trường học.	Sau khi học xong học phần này, học viên hiểu được thế nào là giáo dục hòa nhập, giáo dục hội nhập và giáo dục đặc biệt. Học viên có kiến thức và kỹ năng để làm việc với các nhu cầu đa dạng của học sinh. Đồng thời, mục tiêu của học phần còn là nâng cao nhận thức của học viên về các hoạt động giáo dục hòa nhập và giáo dục đặc biệt. Học viên qua đó cũng hiểu và có kỹ năng để hỗ trợ giáo viên, phụ huynh, học sinh và cộng đồng nói chung, thúc đẩy sự phát triển của giáo dục hòa nhập, tăng khả năng tham gia hòa nhập của học sinh.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Định kỳ, Giữ kỳ 30% Bài thi hết môn 60%
17	Cố vấn học tập ở trường đại học, cao đẳng	Học phần này dành riêng cho nhóm học viên có nhu cầu, hoặc vị trí công tác liên quan đến Cố vấn học tập (CVHT) trong các cơ sở giáo dục đại học như là sự lựa chọn chuyên ngành sâu. Giúp học viên đi sâu vào tìm hiểu và vận dụng các tri thức, kỹ năng năng TVHĐ vào hoạt động CVHT và cung cấp bổ xung tri thức, kỹ năng đặc thù về hoạt động tham vấn ở trường ĐH, CĐ	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%
18	Tâm trắc học	Học phần này trang bị cho học	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10%

	trong tham vấn học đường	viên kiến thức cơ bản về khoa học đo lường tâm trắc áp dụng trong lĩnh vực giáo dục và tham vấn tâm lý. Học phần sẽ cung cấp các khái niệm cơ bản về đánh giá các cấu trúc tâm lý; các thuật ngữ gắn liền với trắc nghiệm chuẩn hóa và không chuẩn hóa; các kỹ thuật đánh giá và các khái niệm tâm trắc cơ bản như các hệ số điểm chuẩn, độ tin cậy, độ hiệu lực, lý thuyết đo lường đánh giá hiện đại, lý thuyết hỏi đáp và sự ảnh hưởng của lý thuyết này đến việc đánh giá sự khác biệt cá nhân. Học phần cũng sẽ đề cập đến ảnh hưởng của yếu tố văn hóa, thích nghi văn hóa và vấn đề đạo đức trong đánh giá.			Định kỳ, Giữ kỳ 30% Bài thi hết môn 60%
19	Phát triển và đánh giá chương trình tham vấn học đường	Giúp HV có đủ kiến thức, kỹ năng cơ bản về lý thuyết phát triển và đánh giá chương trình giáo dục và những định hướng vận dụng trong chuyên ngành tham vấn học đường (TVHĐ). Hình thành cho người học những kỹ năng xây dựng và đánh giá chương trình đào tạo/ bồi dưỡng/ vận dụng để phát triển,	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Định kỳ, Giữ kỳ 30% Bài thi hết môn 60%

		đánh giá một chương trình môn học trong thực tiễn hoạt động TVHĐ			
20	Tiếng Anh học thuật	Sau khi học học phần này, học viên có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được một báo cáo hay bài phát biểu về hầu hết các chủ đề trong công việc liên quan đến ngành tâm lý nói chung và tham vấn học đường nói riêng. Học viên có thể diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường và có thể viết báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn. Ngoài ra, học viên có thể trình bày rõ ràng các ý kiến và phản biện một vấn đề chuyên môn bằng ngoại ngữ.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 20% Định kỳ, Giữ kỳ 20% Bài thi hết môn 60%
21	Thực tập 1	Môn học nhằm cung cấp cho HV những kiến thức và kỹ năng cần thiết để tiến hành những hoạt động TVHĐ cụ thể trong nhận diện khó khăn, đánh giá, thực hiện tham vấn cho thanh, thiếu niên trong trường học. Học viên sẽ thực hiện tối thiểu 150 giờ giám sát chặt chẽ việc thực hiện đánh giá và can thiệp các vấn đề sức khỏe tâm thần. Học viên và giám	3	Năm thứ nhất	Bài tập nhóm 40% Bài tập kết thúc học phần 60%

		sát viên sẽ gặp gỡ hàng tuần để phản ánh và thảo luận về kinh nghiệm. Học viên cũng sẽ giữ một bản ghi của tất cả các hoạt động thực địa và nộp báo cáo hàng tuần phản ánh về kinh nghiệm thu được			
22	Thực hành 2	Mục tiêu chính của việc thực tập tại các trường phổ thông là cung cấp cho học viên TVHĐ những trải nghiệm thực tiễn nghề nghiệp TVHĐ với đối tượng là học sinh phổ thông để: (a) người học thực hành mở rộng kiến thức, các kỹ năng; (b) người học có cơ hội phát triển các kỹ năng và kiến thức mới; (c) người học có trải nghiệm và trau dồi chuyên môn. Các lĩnh vực tham vấn trọng tâm liên quan đến: sức khỏe tâm lý, khó khăn học tập, hướng nghiệp, công tác xã hội, tư vấn cho GV, phụ huynh, các lực lượng cộng đồng tham gia giáo dục. Những kinh nghiệm này sẽ góp phần phát triển chuyên môn của học viên trong việc trở thành một cán bộ TVHĐ chuyên nghiệp.	3	Năm thứ nhất	Bài tập cá nhân 20% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

23	Thực hành 2	<p>Mục tiêu chính của việc thực tập tại các đơn vị, tổ chức (không phải trường phổ thông) nhằm cung cấp cho học viên TVHĐ những trải nghiệm thực tiễn nghề nghiệp TVHĐ tại cơ sở thực hành, để: (a) người học thực hành mở rộng kiến thức, các kỹ năng; (b) người học có cơ hội phát triển các kỹ năng và kiến thức mới; (c) người học có trải nghiệm và trau dồi chuyên môn. Các lĩnh vực tham vấn trọng tâm liên quan đến: sức khỏe tâm lý, khó khăn học tập, hướng nghiệp, công tác xã hội, tư vấn cho học viên, sinh viên, các tổ chức xã hội tham gia TVHĐ, những vấn đề nghiên cứu khoa học và quản lý hoạt động TVHĐ . Những kinh nghiệm này sẽ góp phần phát triển chuyên môn của học viên trong việc trở thành một cán bộ TVHĐ chuyên nghiệp</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Bài tập cá nhân 20%</p> <p>Bài tập nhóm 20%</p> <p>Bài thi hết môn 60%</p>
----	-------------	---	---	--------------	---

3.11. Thạc sĩ Đo lường và đánh giá trong giáo dục

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
-----	-------------	------------------	------------	----------------------	-------------------------------

1	Thống kê ứng dụng trong giáo dục	Trang bị cho người học năng lực sử dụng các kiến thức nhập môn xác suất thống kê trong giáo dục để tiếp nhận, vận dụng và xử lý thống kê và lý giải các thông tin đo lường và đánh giá trong giáo dục	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 10% Định kỳ, giữa kỳ 20% Thi hết môn 70%
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Sau khi học xong học phần này, học viên hệ thống được những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, vận dụng chúng để thiết kế, triển khai nghiên cứu theo quy trình chặt chẽ, bước đầu biết thực hiện một nghiên cứu khoa học như nghiên cứu khoa học học viên, làm khóa luận tốt nghiệp.	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 10% Định kỳ, giữa kỳ 30% Thi hết môn 60%
3	Lý thuyết đo lường và đánh giá	Trang bị cho người học năng lực sử dụng các kiến thức lý thuyết về đo lường và đánh giá giáo dục để tiếp thu, vận dụng và phát triển kiến thức, kỹ năng khoa học đo lường đánh giá và trong chỉ đạo các hoạt động thực tiễn đo lường và đánh giá giáo dục	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 10% Định kỳ, giữa kỳ 20% Thi hết môn 70%
4	Thiết kế điều tra	Cung cấp cho học viên phương	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 20%

	khảo sát và công cụ đánh giá	pháp luận về các loại hình điều tra khảo sát khác nhau và những kiến thức cần thiết về quy trình, thủ tục cho việc thiết kế điều tra khảo sát trong khoa học xã hội; Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về quy trình thiết kế công cụ đo lường và đánh giá; Giúp học viên có kỹ năng cơ bản để thiết kế một điều tra khảo sát với các phương pháp phù hợp và biết cách phân tích số liệu; Giúp học viên nắm được các kỹ thuật thiết kế và có kỹ năng thiết kế các loại công cụ thích hợp cho nghiên cứu đánh giá trong lĩnh vực chuyên môn của mình.			Định kỳ, giữa kỳ 20% Thi hết môn 60%
5	Lý thuyết hồi đáp và ứng dụng phần mềm vào phân tích dữ liệu đánh giá	Học phần trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng về cơ sở khoa học của lý thuyết hồi đáp, những kiến thức nền tảng về cơ chế phản ứng (hay trả lời) của con người trước một câu hỏi/vấn đề/nhiệm vụ được giao; những kiến thức cơ bản để hiểu được bản chất của quá trình	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

		đánh giá, những hiểu biết cơ bản về mô hình Rasch trong đo lường và kiểm tra, ứng dụng; việc ứng dụng mô hình Rasch vào phân tích các kết quả đo lường và đánh giá trong giáo dục nói riêng và trong khoa học và xã hội nói chung.			
6	Cơ sở khoa học và thiết kế các loại hình kiểm tra đánh giá kết quả học tập	Học phần trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng về cơ sở khoa học đo lường đánh giá kết quả học tập; các quan niệm khác nhau về đo lường đánh giá kết quả học tập; lập kế hoạch, hướng dẫn và mối quan hệ giữa dạy học với đo lường đánh giá KQHT. Các loại hình đo lường đánh giá kết quả học tập; Đặc trưng của các loại hình đo lường đánh giá kết quả học tập; Kỹ thuật để đạt hiệu quả đo lường đánh giá kết quả học tập. Các kỹ năng thi; Thiết kế một đề thi đo lường KQHT. Các dạng thức thi: Dạng thi lựa chọn đúng sai (true – false), thi trắc nghiệm khách quan với nhiều lựa chọn (MCQ), thi câu hỏi lắp ghép các thành phần (matching), câu trả lời ngắn (short answer), tự luận (essay), portfolio. Sử dụng các loại đề thi standardized tests có sẵn; Sự thiên lệch	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 10% Định kỳ, giữa kỳ 30% Thi hết môn 60%

		của các loại hình thi và các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả thi.			
7	Phát triển năng lực đánh giá	Cung cấp cho người học hệ thống những kiến thức khoa học của học phần bao gồm các kiến thức chuyên môn, chuyên ngành và phương pháp tư duy, phương pháp và kỹ năng cơ bản nhất để thực hiện việc đánh giá đầu ra; tạo cơ hội nghiên cứu và ứng dụng kiến thức, kỹ năng ứng dụng chuyên sâu về đánh giá đầu ra của các hoạt động, phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quá trình hoạt động để sản sinh ra kết quả (đầu ra); tạo khả năng hội nhập và liên thông với chương trình đào tạo sau đại học trong nước, ngoài nước và có khả năng tiếp tục học ở bậc đào tạo tiến sỹ.	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 20% Bài tập nhóm 20% Thi hết môn 60%
8	Quản lý và Kiểm định chất lượng giáo dục	Trang bị cho người học các kiến thức kỹ năng cơ bản nhất về quản lý, chất lượng, đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục để có đủ năng lực tư vấn, tham gia hay giám sát	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 10% Định kỳ, giữa kỳ 20% Thi hết môn 70%

		các hoạt động quản lý chất lượng giáo dục và nghiên cứu sâu về quản lý chất lượng giáo dục.			
9	Đánh giá chương trình dự án	Cung cấp cho học viên những nguyên lý, phương pháp và kỹ thuật để đánh giá một cách chính xác và hiệu quả các chương trình dự án trong cũng như ngoài lĩnh vực giáo dục; Học viên có kỹ năng xây dựng được khung logic để đánh giá chương trình, dự án, nắm được các phương pháp, cách thức tổ chức một đợt đánh giá từ giai đoạn bắt đầu cho tới khi viết báo cáo đánh giá.	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 10% Định kỳ, giữa kỳ 20% Thi hết môn 70%
10	Các lý thuyết về sự phát triển con người	Người học được trang bị những lý thuyết cơ bản trong tâm lý học về sự phát triển con người làm cơ sở khoa học cho các nghiên cứu về đánh giá con người từ nhiều góc độ khác nhau cũng như đánh giá nhiều mặt tâm lý khác nhau trong sự phát triển ấy.	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
11	Đo lường năng lực cảm xúc và sáng tạo	- Hiểu được khái niệm, các mô hình lý thuyết về trí thông minh cảm xúc (EI) và các kỹ thuật đo	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 10% Định kỳ, giữa kỳ 20% Thi hết môn 70%

		<p>lường chỉ số thông minh cảm xúc (EQ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được khái niệm, các mô hình lý thuyết về trí sáng tạo (CQ) và các kỹ thuật đo lường CQ - Thích nghi, chuẩn hóa, thiết kế các item và các thang đo EQ - Thích nghi, chuẩn hóa, thiết kế các item và các thang đo CQ - Nhìn nhận các vấn đề trí tuệ của con người dưới góc độ khoa học và ứng dụng tích cực các chỉ số trí tuệ trong cuộc sống 			
12	Đo lường nhân cách	<ul style="list-style-type: none"> - Những kiến thức cơ bản về nhân cách, sự phát triển nhân cách - Các kỹ thuật đo lường tính cách 	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 10%</p> <p>Bài tập cá nhân 10%</p> <p>Bài tập nhóm 20%</p> <p>Bài thi hết môn 60%</p>
13	Các phương pháp nghiên cứu định tính	Giúp học viên hiểu được các kiến thức về nghiên cứu định tính và có kỹ năng, phương pháp để thực hiện một nghiên cứu định tính.	3	Năm thứ nhất	<p>Thường xuyên 10%</p> <p>Định kỳ, giữa kỳ 20%</p> <p>Thi hết môn 70%</p>
14	Đánh giá năng lực	Cung cấp cho người học hệ thống	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10%

	quản lý và lãnh đạo	những kiến thức khoa học của học phần bao gồm các kiến thức chuyên môn, chuyên ngành và phương pháp tư duy, phương pháp và kỹ năng đo lường, đánh giá năng lực quản lý và lãnh đạo; tạo cơ hội nghiên cứu và ứng dụng kiến thức, kỹ năng ứng dụng chuyên sâu về đo lường, đánh giá năng lực quản lý và lãnh đạo, phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong năng lực quản lý và lãnh đạo; tạo khả năng hội nhập và liên thông với chương trình đào tạo sau đại học trong nước, ngoài nước và có khả năng tiếp tục học ở bậc đào tạo tiến sỹ.			Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%
15	Kỹ thuật đánh giá lớp học	Học viên có hệ thống lý thuyết và áp dụng thực hành các nhóm kỹ thuật đánh giá lớp học (nhóm đánh giá nhận thức và kỹ năng; nhóm đánh giá thái độ, giá trị và tự đánh giá; nhóm đánh giá phản hồi của người học) trong đánh giá quá trình người học nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động dạy - học.	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 20% Bài giữa môn, bài trình bày 20% Thi hết môn 60%
16	Sử dụng phần	Học viên có hiểu biết về chức năng,	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 20%

	mềm phân tích dữ liệu trong đo lường và đánh giá	thao tác cơ bản trên các các phần mềm phân tích dữ liệu (SPSS, IATA, R) để có thể áp dụng thực hành xử lý và phân tích dữ liệu trong đo lường và đánh giá.			Bài giữa môn, bài trình bày 20% Thi hết môn 60%
17	Phát triển và đánh giá chương trình giáo dục	Trang bị cho người học năng lực phát triển và đánh giá chương trình giáo dục của cơ sở giáo dục đào tạo để góp nâng cao chất lượng chương trình giáo dục đáp ứng các yêu cầu phát triển, hội nhập và nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo.			Thường xuyên 10% Định kỳ, giữa kỳ 20% Thi hết môn 70%
18	Đánh giá diện rộng	Trang bị cho người học các kiến thức kỹ năng cơ bản nhất về đánh giá trình độ học vấn thông qua các kỳ thi quan trọng trong hệ thống giáo dục Việt Nam: kỳ thi học sinh giỏi, kỳ thi tốt nghiệp, kỳ thi tuyển sinh, kỳ thi đánh giá chất lượng bậc học bậc tiểu học và bậc trung học, kỳ thi PISA.	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 10% Định kỳ, giữa kỳ 20% Thi hết môn 70%
19	Các vấn đề xã hội trong giáo dục	Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số vấn đề xã hội trong giáo dục. Học phần nhằm giúp người học hiểu được bản chất của	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20%

		các khái niệm vấn đề xã hội, nội dung của một số vấn đề xã hội trong giáo dục như: bất bình đẳng và phân tầng xã hội trong giáo dục, mối quan hệ giữa giáo dục và dân số, giáo dục chính quy và bất bình đẳng xã hội; bạo lực học đường, nắm vững được kỹ năng nghiên cứu xã hội học và biết xây dựng một đề cương nghiên cứu vấn đề xã hội trong giáo dục.			Bài thi hết môn 60%
20	Một số vấn đề của giáo dục đào tạo đương đại	Trang bị cho người học năng lực sử dụng các thông tin về một số vấn đề đương đại của giáo dục đào tạo để góp phần đáp ứng các yêu cầu phát triển, hội nhập và nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo nước nhà	3	Năm thứ nhất	Thường xuyên 10% Định kỳ, giữa kỳ 20% Thi hết môn 70%
21	Tiếng Anh học thuật	Kết thúc học phần, học viên có khả năng: - Sử dụng được kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ cơ bản (tương đương B1) - Thực hiện được hoạt động giao tiếp ngôn ngữ thuộc lĩnh vực chuyên môn	3	Năm thứ nhất	Đánh giá thường xuyên 10% Bài tập cá nhân 10% Bài tập nhóm 20% Bài thi hết môn 60%

		<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng các chiến lược giao tiếp ngôn ngữ để trình bày vấn đề nghiên cứu - Đọc hiểu và trình bày lại tóm tắt nội dung chính của vấn đề liên quan đến lĩnh vực giáo dục và chuyên môn của người học - Viết được tóm tắt vấn đề nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn 			
22	Tâm lý học giáo dục	<p>Người học được trang bị những cơ sở tâm lý của công tác giáo dục học sinh trong nhà trường. Dựa trên những cơ sở tâm lý, giáo viên có thể thiết kế các phương pháp dạy học và giáo dục hiệu quả cũng như công tác quản lý hoạt động giáo dục trong lớp học cũng như trong nhà trường.</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Thường xuyên 20%</p> <p>Bài giữa môn, bài trình bày 20%</p> <p>Thi hết môn 60%</p>
23	Lý luận quản lý giáo dục	<p>Trang bị cho người học nền lý luận vững chắc về khoa học quản lý giáo dục, biết liên hệ và vận dụng vào thực tiễn quản lý giáo dục.</p>	3	Năm thứ nhất	<p>Đánh giá thường xuyên 10%</p> <p>Bài tập cá nhân 10%</p> <p>Bài tập nhóm 20%</p> <p>Bài thi hết môn 60%</p>

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn năm 2019

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)			
			Thời gian nộp bản thảo	Dự kiến số trang	Tổ chức thẩm định cấp Trường	Đối tượng sử dụng
1	Cơ sở của KHTN trong DH ở trường THCS (3 tập)	2020	2019	600	2019	Sinh viên
2	Khoa học Trái Đất	2020	2019	250	2019	Sinh viên
3	Sinh học phát triển	2020	2019	400	2019	Học viên cao học
4	Phương pháp dạy học Khoa học Tự nhiên	2020	2019	500	2019	Sinh viên, học viên cao học
5	Dạy học KHTN theo định hướng STEM	2020	2019	250	2019	Sinh viên
6	Ứng dụng CNTT trong dạy học Toán	2020	2019	250	2019	Sinh viên
7	Nhập môn khoa học dữ liệu	2020	8/2019	200	10/2019	Sinh viên, học viên cao học
8	Ứng dụng GIS trong nghiên cứu giáo dục	2020	8/2019	200	10/2019	Sinh viên, học viên cao học
9	Thiết kế và ứng dụng VR, AR trong dạy học	2020	8/2019	200	10/2019	Sinh viên, học viên cao học

E. Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

1. Tiến sĩ

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Quản lý đào tạo giáo viên giáo dục quốc phòng và an ninh theo tiếp cận năng lực	Bùi Xuân Việt	PGS. TS. Nguyễn Văn Lê và TS. Trần Hồng Hải	Quản lý giáo dục
2	Quản lý chất lượng quá trình đào tạo nhân lực ngành du lịch trình độ đại học theo tiếp cận năng lực	Ngô Trung Hà	GS. TS. Nguyễn Đức Chính	Quản lý giáo dục
3	Tổ chức thực hiện có hiệu quả chính sách đối với học sinh dân tộc thiểu số khu vực Nam Trung Bộ	Đinh Thị Phương Lan	GS. TS. Nguyễn Lộc và TS. Phạm Quang Sáng	Quản lý giáo dục
4	Quản lý chất lượng dạy học tiếng anh chuyên ngành tại các trường cao đẳng khối kỹ thuật công nghệ	Đinh Thị Hồng Thắm	PGS. TS. Trần Khánh Đức	Quản lý giáo dục
5	Quản lý hoạt động bồi dưỡng giáo viên tiếng Anh các trường trung học phổ thông theo tiếp cận phát triển năng lực	Nguyễn Thị Thu Phương	GS. TS. Nguyễn Đức Chính và PGS. TS. Nguyễn Khắc Bình	Quản lý giáo dục

2. Thạc sĩ

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đánh giá năng lực giảng dạy của giảng viên trường cao đẳng Nông Lâm Bắc Quảng Ninh từ quan điểm của người học (nghiên cứu trường hợp tại khoa quản lý bảo vệ rừng)	Đỗ Thị Nhung	PGS. TS. Nguyễn Vũ Bích Hiền	Đo lường và đánh giá
2	Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá luận văn lĩnh vực khoa học giáo dục tại Trường Đại học giáo dục.	Trần Thị Thu Anh	TS. Trần Văn Công	Đo lường và đánh giá
3	Đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra chuyên ngành Xét nghiệm y học tại Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương	Vũ Thị Ngọc Dung	PGS.TS. Phạm Văn Quyết	Đo lường và đánh giá
4	Đánh giá năng lực thông tin của sinh viên Trường Đại học Kinh tế- Đại học Huế	Võ Hữu Phước	PGS.TS. Phạm Văn Quyết	Đo lường và đánh giá
5	Đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra theo tiếp cận Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với thạc sĩ tốt nghiệp ngành Đo lường và đánh giá trong giáo dục.	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	PGS.TS. Lê Đức Ngọc	Đo lường và đánh giá

6	Đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra theo tiếp cận Khung trình độ Quốc gia Việt Nam của sinh viên tốt nghiệp ngành Giáo dục Tiểu học trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây	Đặng Thị Ánh Tuyết	PGS.TS. Lê Đức Ngọc	Đo lường và đánh giá
7	Đánh giá một số yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của học viên hệ quân sự tại Học viện An ninh nhân dân	Nguyễn Hoàng Giáp	TS. Sái Công Hồng	Đo lường và đánh giá
8	Đánh giá những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập môn Toán của học sinh lớp 8 ở huyện Đông Anh-TP Hà Nội.	Hoàng Thị Phương	TS. Sái Công Hồng	Đo lường và đánh giá
9	So sánh ảnh hưởng của các hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập tới phong cách học môn Tiếng Anh của sinh viên.	Đinh Thị Thảo	GS.TS. Nguyễn Quý Thanh	Đo lường và đánh giá
10	Ảnh hưởng của năng lực thông tin đến các chỉ số nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ khoa học trẻ (nghiên cứu tại một số trường đại học trên địa bàn Hà Nội)	Trần Văn Anh	GS.TS. Nguyễn Quý Thanh	Đo lường và đánh giá
11	Sử dụng các chiến lược đánh giá quá trình của giáo viên ảnh hưởng đến sự biểu hiện của học sinh trong quá trình học tập tại một số trường Trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Cẩm Lệ	TS. Tăng Thị Thùy	Đo lường và đánh giá

12	Đánh giá năng lực công nghệ thông tin và truyền thông của sinh viên sư phạm Trường Đại học Giáo dục - Đại học quốc gia Hà Nội	Dương Thị Hải Yến	TS. Lê Thái Hưng	Đo lường và đánh giá
13	Xây dựng bộ công cụ đánh giá kỹ năng ngôn ngữ diễn đạt của trẻ mầm non 3 - 6 tuổi	Trần Nguyễn Thủy Giang	TS. Lê Thái Hưng	Đo lường và đánh giá
14	Quản lý hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi ở trường THCS 2 Thị trấn Thanh Ba, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ	Vũ Tuấn Anh	GS.TS.Nguyễn Thị Mỹ Lộc	Quản lý giáo dục
15	Tổ chức bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho giáo viên trường mầm non thực hành Linh Đàm - thành phố Hà Nội	Vũ Nguyệt Ánh	PGS.TS.Nguyễn Xuân Thức	Quản lý giáo dục
16	Quản lý thiết bị dạy học tại các trường THCS huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ theo hướng phát triển năng lực học sinh	Đoàn Thanh Bình	PGS.TS.Dương Thị Hoàng Yến	Quản lý giáo dục
17	Quản lý thiết bị thí nghiệm, thực hành giảng dạy các ngành kỹ thuật tại Trường Đại học Nha Trang	Phạm Thanh Bình	TS.Nguyễn Thị Hương	Quản lý giáo dục

18	Quản lý hoạt động chủ nhiệm lớp ở trường THCS Nguyễn Trãi, quận Ba Đình, TP Hà Nội trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay	Lê Hoàn Châu	GS.TS.Nguyễn Thị Mỹ Lộc	Quản lý giáo dục
19	Quản lý hoạt động bồi dưỡng năng lực dạy học cho giáo viên dạy toán tại các trường THCS huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ trong bối cảnh đổi mới chương trình	Trần Thị Hồng Chiên	PGS.TS.Đặng Xuân Hải	Quản lý giáo dục
20	Quản lý phương tiện dạy học phục vụ đào tạo Đại học tại Học viên Phòng không-Không quân	Lê Tuấn Cường	PGS.TS.Nguyễn Xuân Hải	Quản lý giáo dục
21	Quản lý hoạt động giáo dục chính trị cho học viên Trường Cao đẳng An Ninh Nhân Dân 1 trong bối cảnh hiện nay	Lê Văn Cường	PGS.TS.Mai Văn Hóa	Quản lý giáo dục
22	Quản lý hoạt động dạy học bộ môn toán theo định hướng phát triển năng lực ở các trường THCS huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ	Nguyễn Trí Cường	TS.Vũ Đình Chuẩn	Quản lý giáo dục
23	Quản lý hoạt động dạy học môn Tin học theo chuẩn năng lực tại Trường Cao đẳng An ninh nhân dân I	Trần Hữu Điền	PGS.TS.Nguyễn Vũ Bích Hiền	Quản lý giáo dục

24	Quản lý hoạt động đánh giá theo định hướng phát triển năng lực của học sinh tại trường THCS huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ	Nguyễn Văn Đức	TS.Lê Thái Hưng	Quản lý giáo dục
25	Vận dụng mô hình POHE trong quản lý hoạt động dạy học môn tin học tại trường Cao đẳng An ninh nhân dân I	Phạm Trung Hà	PGS.TS.Phạm Kim Chung	Quản lý giáo dục
26	Phát triển đội ngũ giáo viên các trường mầm non trên địa bàn huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ theo Chuẩn nghề nghiệp	Thiều Thị Hằng	TS.Trần Thị Hoài	Quản lý giáo dục
27	Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên trường Cao đẳng An ninh nhân dân I trong bối cảnh hiện nay	Đặng Vũ Hiệp	TS.Vũ Thị Thúy Hằng	Quản lý giáo dục
28	Quản lý hoạt động rèn luyện kỷ luật cho học viên ở trường Trung cấp An ninh nhân dân trong bối cảnh hiện nay	Đỗ Trung Hiếu	PGS.TS.Phan Văn Ty	Quản lý giáo dục
29	Quản lý thiết bị giáo dục dạy học tại trường Cao đẳng An ninh nhân dân I theo tiếp cận chuẩn hoá	Nguyễn Minh Hiếu	PGS.TS.Trần Khánh Đức	Quản lý giáo dục

30	Quản lý hoạt động chăm sóc- nuôi dưỡng trẻ tại các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độ lập phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Nguyễn Minh Hoa	PGS.TS.Trịnh Văn Minh	Quản lý giáo dục
31	Quản lý sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc giáo dục học sinh tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Phan Rang, Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận	Trần Mai Hồng	PGS.TS.Phạm Thị Thu Hoa	Quản lý giáo dục
32	Quản lý cơ sở vật chất phục vụ đào tạo trong trường Cao đẳng An ninh nhân dân I	Nguyễn Đăng Huy	TS.Cần Thị Thanh Hương	Quản lý giáo dục
33	Xây dựng và phát triển văn hoá chất lượng của Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Khánh Hoà	Nguyễn Sỹ Hùng	GS.TS.Nguyễn Thị Mỹ Lộc	Quản lý giáo dục
34	Quản lý hoạt động đánh giá thành quả học tập trong quá trình đào tạo tại Học viện An ninh nhân dân	Chu Tuấn Hưng	GS.TS.Nguyễn Đức Chính	Quản lý giáo dục
35	Quản lý giáo dục thể chất theo định hướng phân hóa học sinh tại các trường THPT huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	Phạm Duy Hưng	GS.TS.Nguyễn Quý Thanh	Quản lý giáo dục

36	Quản lý hoạt động bồi dưỡng đội ngũ giảng viên Học viện Chính trị Công an nhân dân theo hướng chuẩn hoá	Lê Thu Hương	PGS.TS.Nguyễn Văn Phán	Quản lý giáo dục
37	Quản lý hoạt động trải nghiệm theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh tại trường THCS Kiên Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	Nguyễn Thị Thanh Hương	TS.Phạm Thị Thanh Hải	Quản lý giáo dục
38	Quản lý hoạt động giáo dục pháp luật theo định hướng phát triển năng lực cho sinh viên trường Đại học Thủ Đô Hà Nội	Vũ Thuý Hương	GS.TS.Lê Ngọc Hùng	Quản lý giáo dục
39	Quản lý hoạt động bồi dưỡng năng lực sư phạm cho giảng viên trường Cao đẳng An Ninh Nhân dân I đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo	Nguyễn Đình Khánh	PGS.TS.Trần Thị Tuyết Oanh	Quản lý giáo dục
40	Quản lý hoạt động thi đua, khen thưởng của ngành giáo dục và đào tạo huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ theo hướng tạo động lực làm việc	Đào Trung Kiên	PGS.TS.Nguyễn Xuân Thanh	Quản lý giáo dục
41	Quản lý phát triển chương trình đào tạo của Trường trung cấp nghề Diên Khánh	Huỳnh Hào Kiệt	GS.TS.Nguyễn Đức Chính	Quản lý giáo dục

42	Quản lý hoạt động dạy học các học phần thực tập môn học đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực nghề nghiệp tại Trường Cao đẳng An ninh nhân dân I	Nguyễn Thị Kim Lan	PGS.TS.Nguyễn Minh Tuấn	Quản lý giáo dục
43	Quản lý hoạt động bồi dưỡng kỹ năng phát triển chương trình môn Toán cho giáo viên trường Trung học cơ sở huyện Lâm Thao, Tỉnh Phú Thọ	Hồ Thị Lệ	GS.TS.Nguyễn Đức Chính	Quản lý giáo dục
44	Quản lý trường THPT Tân Thành - tỉnh Lạng Sơn tiếp cận chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục	Hoàng Văn Lục	PGS.TS.Nguyễn Thành Vinh	Quản lý giáo dục
45	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Ngữ văn của trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn, tỉnh Ninh Thuận theo định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới	Lưu Công Lương	TS.Nguyễn Trọng Hoàn	Quản lý giáo dục
46	Quản lý hoạt động khảo sát việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp tại Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN theo tinh thần khởi nghiệp	Nguyễn Thị Lương	GS.TS.Nguyễn Thị Mỹ Lộc	Quản lý giáo dục
47	Quản lý hoạt động dạy học môn võ thuật ở trường Cao đẳng An ninh nhân dân I - Bộ Công An	Đặng Hải Nam	PGS.TS.Nguyễn Công Giáp	Quản lý giáo dục

48	Quản lý hoạt động dạy học môn Giáo dục quốc phòng ở Trường Cao đẳng An ninh nhân dân I	Nguyễn Văn Nam	PGS.TS.Mai Văn Hóa	Quản lý giáo dục
49	Phát triển đội ngũ giáo viên trường mầm non Vĩnh Ngọc, thành phố Nha Trang theo chuẩn nghề nghiệp	Nguyễn Thị Thanh Nga	PGS.TS.Đặng Xuân Hải	Quản lý giáo dục
50	Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học ở trường Cao đẳng an ninh nhân dân I	Bùi Thị Thu Ngân	PGS.TS.Phan Văn Nhân	Quản lý giáo dục
51	Quản lý hoạt động rèn luyện kỹ năng nghe nói tiếng Anh cho học sinh Trường tiểu học An Đạo, huyện Phú Ninh, tỉnh Phú Thọ	Hoàng Thị Ánh Nguyệt	PGS.TS.Đinh Thị Kim Thoa	Quản lý giáo dục
52	Quản lý hoạt động khảo sát việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp tại Trường Đại học Nha Trang	Trần Thị Nhâm	TS. Trịnh Ngọc Thạch	Quản lý giáo dục
53	Quản lý tài chính tại Trường Cao đẳng An ninh nhân dân I đáp ứng yêu cầu của giai đoạn hiện nay	Lưu Hồng Nhung	PGS.TS.Nguyễn Đức Sơn	Quản lý giáo dục

54	Quản lý giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi tại các trường mầm non, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ theo hướng tích hợp	Nguyễn Thị Hồng Nhung	TS.Nguyễn Thị Bích Liên	Quản lý giáo dục
55	Quản lý hoạt động đào tạo đại học theo định hướng nghề nghiệp - ứng dụng tại Trường Đại học Nha Trang	Phan Quỳnh Như	TS.Lê Văn Hào	Quản lý giáo dục
56	Quản lý hoạt động dạy học môn Toán ở trường THCS thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội theo hướng phát triển năng lực học sinh	Hoàng Thị Kim Phấn	TS.Vũ Thị Thúy Hằng	Quản lý giáo dục
57	Quản lý hoạt động thực tế của học viên Trường Cao đẳng An ninh nhân dân I đáp ứng yêu cầu đào tạo giai đoạn hiện nay	Lê Hà Phương	TS.Nguyễn Trọng Hậu	Quản lý giáo dục
58	Quản lý hoạt động học tập của học viên Trường Cao đẳng An ninh nhân dân I	Trịnh Xuân Quang	PGS.TS.Nguyễn Công Giáp	Quản lý giáo dục
59	Quản lý hoạt động dạy học theo hướng phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh ở trường THPT Trường Chinh, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận	Bùi Quang Quyền	TS.Nghiêm Thị Dương	Quản lý giáo dục

60	Quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường tiểu học tư thục Trương Vĩnh Ký, Thị trấn Đak Đoa, Tỉnh Gia Lai	Nguyễn Văn Quyết	TS.Đỗ Thị Thu Hằng	Quản lý giáo dục
61	Quản lý các trường Trung học cơ sở trên địa bàn huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ theo hướng chuẩn hoá	Hà Ngọc Quỳnh	PGS.TS.Trần Khánh Đức	Quản lý giáo dục
62	Quản lý thiết bị dạy học ở các trường THCS trên địa bàn thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà đáp ứng yêu cầu dạy học tích hợp	Đỗ Ngọc Tân	TS.Nguyễn Thị Hương	Quản lý giáo dục
63	Quản lý thiết bị dạy học thực hành tại trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN	Hà Thị Thanh	TS.Nguyễn Xuân Long	Quản lý giáo dục
64	Quản lý hoạt động dạy học tại trường THCS Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ theo tiếp cận văn hoá tổ chức	Nguyễn Hồng Thanh	TS.Nguyễn Thanh Lý	Quản lý giáo dục
65	Quản lý bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ công tác viên thanh tra giáo dục của sở giáo dục và đào tạo tỉnh Hoà Bình trong bối cảnh đổi mới giáo dục	Phạm Trung Thành	PGS.TS.Hà Thế Truyền	Quản lý giáo dục

66	Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh ở trường THCS Trần Hưng Đạo, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa theo tiếp cận xã hội hoá	Bùi Nguyễn Anh Thi	TS.Nguyễn Phương Huyền	Quản lý giáo dục
67	Phát triển văn hoá chất lượng Trường Đại học Nha Trang phù hợp với yêu cầu chất lượng các cơ sở giáo dục đại học	Trần Trương Thy Thơ	TS.Lê Văn Hào	Quản lý giáo dục
68	Quản lý hoạt động dạy học ở các trường THCS huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ theo hướng phát triển năng lực tự học	Cao Xuân Thu	TS.Trần Thị Hoài	Quản lý giáo dục
69	Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên Trường Đại học Nha Trang trong bối cảnh đổi mới quản lý hoạt động khoa học công nghệ	Phạm Thị Thu	PGS.TS.Trịnh Văn Minh	Quản lý giáo dục
70	Tổ chức hoạt động giáo dục lối sống văn hoá cho đoàn viên, sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Đoàn Thị Mỹ Thuận	PGS.TS.Phạm Văn Thuận	Quản lý giáo dục
71	Quản lý hoạt động bồi dưỡng cán bộ Trường Cao đẳng An ninh nhân dân I theo vị trí việc làm	Ngô Thị Thuyên	PGS.TS. Trịnh Văn Minh	Quản lý giáo dục

72	Quản lý hoạt động làm quen với tiếng Anh theo hướng trải nghiệm tại các trường mầm non tư thục quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Chiêm Thanh Thủy	PGS.TS.Phạm Văn Thuận	Quản lý giáo dục
73	Quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh THCS , huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ theo định hướng phân luồng học sinh	Nguyễn Chung Thủy	TS.Đỗ Thị Bích Loan	Quản lý giáo dục
74	Quản lý hoạt động bồi dưỡng đội ngũ giảng viên của Trường Đại học Nha Trang đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục	Nguyễn Thái Thu Thủy	PGS.TS.Đặng Xuân Hải	Quản lý giáo dục
75	Quản lý thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên đào tạo trung cấp chuyên ngành trinh sát an ninh theo chuẩn đầu ra tại trường cao đẳng An ninh nhân dân I	Vũ Thanh Thủy	TS.Nguyễn Văn Ly	Quản lý giáo dục
76	Quản lý phương tiện kỹ thuật dạy học tại trường Đại học Nha Trang trong bối cảnh cách mạng công nghệ 4.0	Đặng Văn Thư	PGS.TS.Ngô Quang Sơn	Quản lý giáo dục
77	Quản lý hoạt động chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ Mầm non Vĩnh Nguyễn 2, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Lê Thị Huyền Thương	PGS.TS.Đặng Quốc Bảo	Quản lý giáo dục

78	Quản lý hoạt động tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học tại các trường trung học cơ sở miền núi huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ	Dương Văn Trình	PGS.TS.Phó Đức Hòa	Quản lý giáo dục
79	Quản lý văn hoá tổ chức trong các trường THCS thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà	Cao Đình Trung	GS.TS.Phan Văn Kha	Quản lý giáo dục
80	Quản lý dạy học môn sinh học bằng bài toán nhận thức theo định hướng phát triển năng lực học sinh ở các trường THPT huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ	Đỗ Quang Trung	GS.TS.Đình Quang Báo	Quản lý giáo dục
81	Phát triển đội ngũ viên chức hành chính Trường Đại học Nha Trang theo vị trí việc làm	Nguyễn Vĩnh Trung	PGS.TS.Dương Thị Hoàng Yến	Quản lý giáo dục
82	Tổ chức hoạt động thực tế trong giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên trường Cao đẳng An ninh nhân dân I	Lê Hải Trường	PGS.TS.Nguyễn Văn Lê	Quản lý giáo dục
83	Quản lý hoạt động trải nghiệm của học sinh Trường THCS Thái Nguyên thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà theo định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới	Phan Thị Thảo Uyên	GS.TS.Nguyễn Thị Mỹ Lộc	Quản lý giáo dục

84	Quản lý giáo dục nhằm phòng, chống suy dinh dưỡng cho trẻ ở trường mầm non Cụ Thẳng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ	Bùi Thị Xuân	PGS.TS.Đặng Bá Lãm	Quản lý giáo dục
85	Quản lý hoạt động dạy học theo tiếp cận quản lý sự thay đổi ở trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	Ngô Thị Hải Yến	PGS.TS.Nguyễn Tiến Hùng	Quản lý giáo dục
86	Quản lý hoạt động dạy học môn Tiếng Anh theo chuẩn đầu ra tại trường Cao đẳng An ninh nhân dân I	Nguyễn Thị Yến	PGS.TS.Trần Hữu Hoan	Quản lý giáo dục
87	Sử dụng đội ngũ giáo viên cốt cán trong bồi dưỡng giáo viên mầm non huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ đáp ứng chuẩn nghề nghiệp	Trần Thị Ngọc Yến	PGS.TS.Nguyễn Vũ Bích Hiền	Quản lý giáo dục
88	Quản trị nhân sự theo định hướng tự chủ đại học tại Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	Nguyễn Quỳnh Mai	TS. Trịnh Ngọc Thạch	Quản lý giáo dục
89	Tổ chức bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý Phòng Giáo dục và đào tạo tỉnh Hòa Bình theo tiếp cận năng lực	Lê Cảnh Hiếu	PGS.TS. Trần Hữu Hoan	Quản lý giáo dục

90	Quản lý hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ tại các trường mầm non tư thục quận Đống Đa, thành phố Hà Nội theo quan điểm Montessori	Nguyễn Xuân Phương	PGS.TS. Đỗ Thị Thúy Hằng	Quản lý giáo dục
91	Quản lý Công tác sinh viên tại Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội trong bối cảnh hiện nay	Lê Thị Hương Giang	PGS.TS. Nguyễn Xuân Thúc	Quản lý giáo dục
92	Quản lý hoạt động giáo dục tại trường Mầm non Hoa Linh - Baby Home trong bối cảnh đổi mới giáo dục	Lưu Khánh Trang	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hằng	Quản lý giáo dục
93	Quản lý hoạt động học tập của học viên ngành công nghệ thông tin, trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần Công an nhân dân trong bối cảnh hiện nay.	Trịnh Đắc Thập	TS. Trần Anh Tuấn	Quản lý giáo dục
94	Tổ chức thực hiện chương trình bồi dưỡng tại các Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tiếp cận theo nhu cầu người học	Nguyễn Hồng Thiêm	GS.TS. Lê Ngọc Hùng	Quản lý giáo dục
95	Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của học viên tại Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội	Nguyễn Thị Vân Tú	PGS.TS. Đinh Thị Kim Thoa	Quản lý giáo dục

96	Quản lý hoạt động thanh tra đào tạo ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Đại học Quốc gia Hà Nội	Nguyễn Quốc Huy	TS. Trần Anh Tuấn	Quản lý giáo dục
97	Phát triển năng lực dạy học theo hướng phân hóa cho giáo viên tại các trường THPT huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	Trần Quang Đức	TS. Nguyễn Thị Bích Liên	Quản lý giáo dục
98	Tổ chức hoạt động dạy tiếng Anh theo chương trình liên kết Quốc tế tại các trường tiểu học trên địa bàn Quận Bắc Từ Liêm - Hà Nội	Trần Thị Thu Hằng	TS. Phạm Thị Thanh Hải	Quản lý giáo dục
99	Quản lý hoạt động đánh giá thành quả học tập trong quá trình đào tạo tại Học viện An ninh nhân dân	Chu Tuấn Hưng	GS.TS. Nguyễn Đức Chính	Quản lý giáo dục
100	Quản lý hoạt động cố vấn học tập cho sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội: Nghiên cứu trường hợp tại Trường Đại học Công nghệ	Lê Huy	TS. Nguyễn Thị Tuyết	Quản lý giáo dục
101	Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trường trung học cơ sở Dữu Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Lê Thị Ngọc Duyên	PGS.TS. Bùi Minh Hiền	Quản lý giáo dục

102	Quản lý hoạt động giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi theo bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi tại trường Mầm non Hoa Hồng, Cầu Giấy, Hà Nội	Trương Thị Nguyệt Anh	TS. Dương Tuyết Hạnh	Quản lý giáo dục
103	Quản lý hoạt động dạy học Tiếng Nhật tại Tập đoàn Giáo dục Quốc tế Mayumi Việt Nam theo tiếp cận CIPO	Trần Thị Bình	PGS.TS. Trịnh Văn Minh	Quản lý giáo dục
104	Tổ chức quá trình dạy học môn hóa học ở trường THCS Phú Diễn- Quận Bắc Từ Liêm - Hà Nội đáp ứng đổi mới chương trình sau 2019	Lê Thị Mỹ Hạnh	GS.TS. Nguyễn Đức Chính	Quản lý giáo dục
105	Quản trị thương hiệu Trường Đại học - Nghiên cứu tại một số Trường Đại học thành viên Đại học Quốc Gia Hà Nội	Phạm Thu Hiền	GS.TS. Nguyễn Đức Chính	Quản lý giáo dục
106	Quản lý ứng dụng công nghệ thông tin tại trường THPT Nhân Chính quận Thanh Xuân thành phố Hà Nội phù hợp yêu cầu của cuộc cách mạng 4.0	Đỗ Minh Hiệu	TS. Nguyễn Trung Kiên	Quản lý giáo dục
107	Đánh giá phương thức tuyển sinh ngành điều dưỡng bậc đại học, cao đẳng giữa các trường công lập và tư thục – Nghiên cứu trên địa bàn Hà Nội	Nguyễn Thị Hương	GS.TS. Nguyễn Quý Thanh	Quản lý giáo dục

108	Tổ chức hoạt động trải nghiệm theo hướng tích hợp chủ đề giáo dục tại các trường Trung học phổ thông huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Sầm Thị Kim Hương	GS.TS. Trần Quốc Thành	Quản lý giáo dục
109	Phát triển môi trường giáo dục tại các trường mầm non huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay	Hoàng Bích Hương	TS. Nguyễn Trọng Hậu	Quản lý giáo dục
110	Quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường THCS quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	Nguyễn Cẩm Hương	TS. Nguyễn Thị Tuyết Hạnh	Quản lý giáo dục
111	Quản lý hoạt động xuất bản các chuyên san của Tạp chí Khoa học, Đại Học Quốc Gia Hà Nội	Đào Thị Làn	PGS.TS. Phạm Văn Sơn	Quản lý giáo dục
112	Quản lý hoạt động dạy học tiếng Anh có yếu tố nước ngoài tại các trường tiểu học trên địa bàn quận Nam từ Liêm, thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Mí	PGS.TS. Nguyễn Thị Yên Phương	Quản lý giáo dục
113	Chiến lược tạo động lực làm việc cho giáo viên của người lãnh đạo ở các cơ sở giáo dục mầm non tại quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Vũ Thị Nguyệt	PGS.TS. Đinh Thị Kim Thoa	Quản lý giáo dục

114	Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm theo tiếp cận năng lực tại các trường mầm non, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội	Đào Thị Nhung	TS. Đặng Lộc Thọ	Quản lý giáo dục
115	Tổ chức hoạt động bồi dưỡng năng lực giáo dục cho giáo viên chủ nhiệm lớp ở các trường trung học cơ sở quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Vũ Bích Phương	TS. Vũ Thị Thúy Hằng	Quản lý giáo dục
116	Phát triển đội ngũ giáo viên các trường Trung học cơ sở huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay	Nguyễn Văn Tân	TS. Nguyễn Đức Huy	Quản lý giáo dục
117	Quản lý giáo dục phẩm chất trách nhiệm cho HS thông qua sự phối hợp hoạt động của Đoàn TN và các LLGD của trường THPT Ý La, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Mai Thị Diệu Thuần	PGS.TS. Nguyễn Xuân Hải	Quản lý giáo dục
118	Quản lý hoạt động dạy học tại các trường THCS quận Hà Đông, thành phố Hà Nội theo hướng phát triển năng lực học sinh	Nguyễn Thị Thúy	PGS.TS. Nguyễn Công Giáp	Quản lý giáo dục
119	Quản lý hoạt động bồi dưỡng đội ngũ Cán bộ Quản lý bậc học Mầm non Hà Nội tại trường Bồi dưỡng Cán bộ Giáo dục Hà Nội theo hướng chuẩn hóa	Đinh Ánh Tuyết	PGS.TS. Nguyễn Thị Yên Phương	Quản lý giáo dục

120	Phát triển kỹ năng quản trị trường học cho cán bộ quản lý trường tiểu học quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Việt	PGS.TS. Phạm Văn Thuận	Quản lý giáo dục
121	Quản lý chất lượng giáo dục trẻ của trường mầm non Ánh Sao đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay	Nguyễn Thị Xinh	TS. Phạm Văn Đại	Quản lý giáo dục
122	Vai trò của giáo viên chủ nhiệm trong môi trường giáo dục đa văn hóa tại trường THCS Hanoi Academy, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội	Phạm Thị Xuân	PGS.TS. Đặng Xuân Hải	Quản lý giáo dục
123	Phát triển đội ngũ giáo viên trường Tiểu học Yên Thọ, TX.Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh theo hướng tiếp cận quản lý nguồn nhân lực	Vũ Đình Anh	TS. Nguyễn Kiều Oanh	Quản lý giáo dục
124	Quản lý hoạt động chủ nhiệm lớp tại trường THPT Đông Triều, TX Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh theo hướng phối hợp nhà trường, gia đình và xã hội	Lê Thị Duyên	TS. Đỗ Thị Thu Hằng	Quản lý giáo dục
125	Tổ chức hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh trường THCS trên địa bàn thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Phạm Thu Hà	TS. Nguyễn Xuân Long	Quản lý giáo dục

126	Quản lý hoạt động giáo dục trải nghiệm cho học sinh các trường THCS trên địa bàn TX.Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.	Nguyễn Thị Hiền	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hằng	Quản lý giáo dục
127	Quản lý hoạt động dạy học khối 5 tại các trường Tiểu học TX.Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh theo tiếp cận năng lực của giáo viên	Nguyễn Xuân Hiền	PGS.TS. Nguyễn Thành Vinh	Quản lý giáo dục
128	Quản lý hoạt động nghiên cứu bài học tại tổ chuyên môn của các trường THCS trên địa bàn TX.Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh theo hướng phát triển nghề nghiệp cho giáo viên	Đào Thị Hoa	PGS.TS. Dương Thị Hoàng Yến	Quản lý giáo dục
129	Quản lý hoạt động dạy học môn Ngữ văn theo hướng phát triển tư duy phản biện tại các trường THCS trên địa bàn TX.Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Trần Thanh Huyền	TS. Nguyễn Thị Ngọc Bích	Quản lý giáo dục
130	Quản lý hoạt động giáo dục tình yêu quê hương đất nước thông qua trải nghiệm di tích lịch sử địa phương cho học sinh trường THPT Nguyễn Bình, TX.Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Nguyễn Duy Hưng	PGS.TS. Nguyễn Võ Kỳ Anh	Quản lý giáo dục
131	Chỉ đạo các “hoạt động trải nghiệm” của Phòng GD&ĐT cho các trường tiểu học thị xã Đông triều, tỉnh Quảng Ninh.	Nguyễn Thị Liên Hương	TS. Dương Giáng Thiên Hương	Quản lý giáo dục

132	Quản lý văn hóa nhà trường tại trường THCS Xuân Sơn - thị xã Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh.	Vũ Thị Thanh Hương	GS.TS. Nguyễn Thị Mỹ Lộc	Quản lý giáo dục
133	Quản lý hoạt động dạy học môn Khoa học tại các trường tiểu học trên địa bàn thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh theo định hướng chương trình giáo dục phổ thông	Vũ Thùy Linh	PGS.TS. Hà Thế Truyền	Quản lý giáo dục
134	Quản lý giáo dục kỹ năng sống cho học sinh các trường Tiểu học TX.Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh thông qua hoạt động đội TNTP Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Phương Nhung	PGS.TS. Trần Thị Minh Hằng	Quản lý giáo dục
135	Quản lý bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên cốt cán trung học cơ sở thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh theo tiếp cận năng lực	Nguyễn Thị Oanh	PGS.TS. Dương Thị Hoàng Yến	Quản lý giáo dục
136	Phát triển năng lực của Hiệu trưởng trường THCS theo chuẩn trên địa bàn thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Phạm Đức Phong	GS.TS. Phan Văn Kha	Quản lý giáo dục
137	Tổ chức quá trình dạy học môn Tiếng Anh theo tiếp cận phát triển năng lực tại các trường THCS TX.Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Nguyễn Hà Phương	GS.TS. Nguyễn Đức Chính	Quản lý giáo dục

138	Phát triển năng lực dạy học của giáo viên thông qua hoạt động nghiên cứu bài học tại trường THPT Trần Hưng Đạo, TX.Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Nguyễn Thị Phương	GS.TS. Đinh Quang Báo	Quản lý giáo dục
139	Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trường THPT Lê Chân, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh theo hướng phối hợp nhà trường, gia đình và xã hội	Đào Văn Phương	TS. Đỗ Thị Thu Hằng	Quản lý giáo dục
140	Tổ chức hoạt động dạy học môn Địa lí theo tiếp cận giáo dục sáng tạo tại các trường THPT trên địa bàn thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Đào Thị Quyên	TS. Đỗ Thị Thu Hằng	Quản lý giáo dục
141	Quản lý thiết bị dạy học ở các trường THCS thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học	Lê Nho Tập	PGS.TS. Nguyễn Tiến Hùng	Quản lý giáo dục
142	Tổ chức hoạt động dạy học các môn Khoa học tự nhiên theo tiếp cận tích hợp ở các trường THCS thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Đặng Thị Thảo	PGS.TS. Phạm Văn Thuận	Quản lý giáo dục
143	Phát triển đội ngũ giáo viên trường trung học cơ sở thuộc địa bàn thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục	Phạm Văn Thịnh	TS. Trần Hữu Hoan	Quản lý giáo dục

144	Tổ chức quá trình dạy học môn Toán theo tiếp cận phân hóa tại các trường THPT trên địa bàn thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Cao Thị Kim Thoa	GS.TS. Nguyễn Đức Chính	Quản lý giáo dục
145	Quản lý trường tiểu học Vĩnh Khê thị xã Đông Triều tỉnh Quảng Ninh vận dụng mô hình "Trường học thông minh"	Lê Thị Thu	GS.TS. Nguyễn Thị Mỹ Lộc	Quản lý giáo dục
146	Quản lý hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh tại trường tiểu học Lê Hồng Phong thị xã Đông Triều, Quảng Ninh theo Thông tư 22/2016	Trần Văn Toán	TS. Trịnh Thị Hồng Hà	Quản lý giáo dục
147	Quản lý hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe cho trẻ theo hướng huy động cộng đồng tại các trường mầm non thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Nguyễn Thị Thu Trang	TS. Nghiêm Thị Đương	Quản lý giáo dục
148	Tổ chức bồi dưỡng kỹ năng cho giáo viên chủ nhiệm lớp ở các trường THPT ngoài công lập trên địa bàn TX.Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Vũ Viết Văn	PGS.TS. Phó Đức Hòa	Quản lý giáo dục
149	Quản lý hoạt động dạy học theo quan điểm STEM tại trường THPT Lê Chân, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Phạm Bằng Việt	TS. Nguyễn Trung Kiên	Quản lý giáo dục

150	Quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường THCS Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng theo chương trình giáo dục phổ thông tổng thể	Phạm Thị Kim Chung	PGS.TS. Dương Thị Hoàng Yến	Quản lý giáo dục
151	Quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh lớp 9 các trường Trung học cơ sở tại Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng hướng tới đáp ứng nguồn nhân lực của địa phương	Đỗ Anh Dũng	PGS.TS. Mạc Văn Tiến	Quản lý giáo dục
152	Quản lý hoạt động đào tạo nghề trình độ sơ cấp tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp	Đỗ Quang Đức	PGS.TS. Nguyễn Văn Lê	Quản lý giáo dục
153	Quản lý hoạt động định hướng nghề nghiệp cho học sinh tại Trung tâm Giáo dục kỹ thuật tổng hợp – hướng nghiệp Hải Phòng theo chương trình giáo dục phổ thông mới	Đào Văn Đức	PGS.TS. Đặng Xuân Hải	Quản lý giáo dục
154	Quản lý hoạt động tự học cho học sinh tại các trường trung học cơ sở trên địa bàn huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo hướng tiếp cận năng lực	Phạm Hồng Hải	TS. Nguyễn Phương Huyền	Quản lý giáo dục
155	Quản lý hoạt động đào tạo nghề Spa ở Viện nghiên cứu và ứng dụng thẩm mỹ Việt Nam	Trần Thị Thanh Hải	TS. Cán Thị Thanh Hương	Quản lý giáo dục

156	Phát triển năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho đội ngũ giáo viên chủ nhiệm lớp các trường Tiểu học Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	Hoàng Thị Hiền	PGS.TS. Nguyễn Xuân Thúc	Quản lý giáo dục
157	Quản lý hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho học sinh các trường THPT ngoài công lập trên địa bàn Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng	Đinh Văn Hoài	TS. Trần Văn Tính	Quản lý giáo dục
158	Quản lý hoạt động giáo dục phẩm chất, trách nhiệm cho học sinh Trường THCS Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	TS. Vũ Đình Chuẩn	Quản lý giáo dục
159	Tổ chức hoạt động tổ chuyên môn trường THCS Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng theo hướng nghiên cứu bài học	Đỗ Thị Hương	PGS.TS. Trịnh Văn Minh	Quản lý giáo dục
160	Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng hợp tác cho học sinh ở các trường Trung học cơ sở Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng	Nguyễn Minh Kế	PGS.TS. Phan Văn Ty	Quản lý giáo dục
161	Phát triển năng lực xây dựng mối quan hệ giữa gia đình - nhà trường và xã hội cho giáo viên Trường THCS Hòa Bình, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng	Phan Thị Lan	PGS.TS. Nguyễn Xuân Thúc	Quản lý giáo dục

162	Chỉ đạo hoạt động xã hội hóa giáo dục đạo đức cho học sinh tại các trường THCS Quận Dương Kinh, Thành phố Hải Phòng	Nguyễn Chí Linh	GS.TS. Lê Ngọc Hùng	Quản lý giáo dục
163	Tổ chức hoạt động dạy học môn Toán theo hướng phân hóa ở các trường THCS Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng	Đỗ Văn Mười	PGS.TS. Mai Văn Hóa	Quản lý giáo dục
164	Chỉ đạo hoạt động dạy học Tiếng Anh theo hướng phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh tại các trường Tiểu học Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	Vũ Thị Thanh Nhàn	PGS.TS. Bùi Minh Hiền	Quản lý giáo dục
165	Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng hợp tác cho học sinh trường Trung học cơ sở Thị trấn Núi Đồi, Huyện Kiến Thụy, Thành phố Hải Phòng	Nguyễn Văn Phán	PGS.TS. Trần Thị Tuyết Oanh	Quản lý giáo dục
166	Quản lý hoạt động dạy học môn Toán tại Trường THCS Ngũ Lão, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng theo hướng phát triển năng lực người học	Trần Văn Quang	PGS.TS. Đặng Quốc Bảo	Quản lý giáo dục
167	Quản lý hoạt động chuyên môn theo hướng tiếp cận giá trị hợp tác và chia sẻ tại Trường THCS Ngũ Lão, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng	Nguyễn Quang Quy	TS. Nguyễn Thanh Lý	Quản lý giáo dục

168	Quản lý thiết bị dạy học đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới ở các trường Trung học cơ sở Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng	Bùi Văn Sang	PGS.TS. Phan Văn Nhân	Quản lý giáo dục
169	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tại Trường THCS Lê Lợi, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng theo hướng tích hợp giáo dục trí tuệ với kỹ năng sống	Khoa Thị Thu Thủy	TS. Nguyễn Thị Hương	Quản lý giáo dục
170	Tổ chức xây dựng chủ đề dạy học tích hợp ở các trường Trung học cơ sở Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng theo định hướng chương trình phổ thông mới	Cao Văn Tình	PGS.TS. Nguyễn Vũ Bích Hiền	Quản lý giáo dục
171	Quản lý hoạt động dạy học khám phá môn Toán ở Trường THPT Kiến An, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng	Bùi Thị Toan	PGS.TS. Nguyễn Thị Yên Phương	Quản lý giáo dục
172	Tổ chức dạy học môn Giáo dục thể chất theo hướng tự chọn cho học sinh THPT trên địa bàn Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Nguyễn Kim Tuyên	GS.TS. Lê Ngọc Hùng	Quản lý giáo dục
173	Quản lý dạy học môn Ngữ văn theo hướng phát triển năng lực thẩm mỹ cho học sinh tại Trường THPT Trần Hưng Đạo, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng	Nguyễn Thị Tuyên	TS. Đỗ Tiến Sỹ	Quản lý giáo dục

174	Quản lý hoạt động học tập của học sinh Trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình trong bối cảnh hiện nay	Vũ Lâm Bách	TS. Trần Anh Tuấn	Quản lý giáo dục
175	Quản lý hoạt động giảng dạy của giáo viên Trường trung cấp nghề Tổng hợp Hà Nội theo định hướng thực hành	Khuất Huy Bằng	TS. Lê Yên Dung	Quản lý giáo dục
176	Xây dựng văn hóa ứng xử trong Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trãi, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình theo tiếp cận quản trị nhà trường	Nguyễn Thị Thu Hằng	PGS.TS. Lê Kim Long	Quản lý giáo dục
177	Tổ chức hoạt động dạy học môn Giáo dục thể chất tại Trường Cao đẳng An ninh nhân dân 1 trong giai đoạn hiện nay	Lê Đăng Dương	PGS.TS. Nguyễn Công Giáp	Quản lý giáo dục
178	Quản lý hoạt động dạy học môn tiếng Anh theo chương trình giáo dục phổ thông mới tại Trường Trung học phổ thông Chuyên Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.	Nguyễn Thị Bằng Nga	PGS.TS. Lê Kim Long	Quản lý giáo dục
179	Đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp tại các trường trung học cơ sở huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình	Lê Thị Hồng	GS.TS. Trần Quốc Thành	Quản lý giáo dục

180	Ảnh hưởng của chuẩn nghề nghiệp Asean đến đào tạo nghề du lịch ở Việt Nam (qua khảo sát tại một số trường cao đẳng nghề tại Hà Nội)	Phạm Thị Mai	GS.TS. Nguyễn Quý Thanh	Quản lý giáo dục
181	Quản lý hoạt động nhóm chuyên môn qua trang mạng "Trường học kết nối" (Nghiên cứu trường hợp trường Trung học phổ thông Quyết Thắng tỉnh Hòa Bình).	Trần Anh Tuấn	GS.TS. Lê Ngọc Hùng	Quản lý giáo dục
182	Quản lý hoạt động tổ chuyên môn ở các trường Tiểu học huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc theo định hướng phát triển năng lực giáo viên	Trần Hồng Quang	PGS.TS. Bùi Minh Hiền	Quản lý giáo dục
183	Quản lý hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên Khoa Giáo dục Tiểu học Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh	Nguyễn Văn Chương	PGS.TS. Bùi Minh Hiền	Quản lý giáo dục
184	Phát triển đội ngũ giáo viên Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lâm Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình theo tiếp cận nguồn nhân lực	Trịnh Phan Hương	TS. Nguyễn Trọng Hậu	Quản lý giáo dục
185	Quản lý hoạt động kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh môn Ngữ văn cấp Trung học cơ sở huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình	Vũ Thu Quyên	TS. Nguyễn Trọng Hoàn	Quản lý giáo dục

186	Quản lý hoạt động bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên tại Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội	Hoàng Thị Thu Trang	PGS.TS. Dương Thị Hoàng Yến	Quản lý giáo dục
187	Quản lý văn hóa ứng xử của sinh viên ở Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội trong giai đoạn hiện nay	Lê Minh Tân	PGS.TS. Nguyễn Võ Kỳ Anh	Quản lý giáo dục
188	Tổ chức thực hiện chương trình bồi dưỡng tại các Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tiếp cận theo nhu cầu người học	Nguyễn Hồng Thiêm	GS.TS. Lê Ngọc Hùng	Quản lý giáo dục
189	Tổ chức hoạt động bồi dưỡng năng lực dạy học cho giáo viên các trường Trung học cơ sở huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục phổ thông mới	Hoàng Văn Toàn	TS. Trịnh Ngọc Thạch	Quản lý giáo dục
190	Quản lý hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh trung học cơ sở thông qua môn Mỹ thuật	Lê Thị Mỹ Hạnh	TS. Phạm Thị Thúy Hồng	Quản lý giáo dục
191	Quản lý hệ thống thông tin sinh viên tại Khoa Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội	Vũ Kim Chi	TS. Vương Huy Thọ	Quản lý giáo dục

192	Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh Trường trung học cơ sở Dữu Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Lê Thị Ngọc Duyên	PGS.TS. Bùi Minh Hiền	Quản lý giáo dục
193	Xây dựng văn hóa nhà trường tại Trường Trung học phổ thông Đại An, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	Nguyễn Hà Trung	PGS.TS. Nguyễn Thị Yên Phương	Quản lý giáo dục
194	Phát triển năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý phòng giáo dục và đào tạo thuộc tỉnh Hòa Bình theo hướng tiếp cận năng lực	Trương Quang Sáng	PGS. TS. Phan Văn Kha	Quản lý giáo dục
195	Quản lý Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc theo tiếp cận văn hoá tổ chức.	Nguyễn Văn Lâm	GS.TS. Trần Công Phong	Quản lý giáo dục
196	Quản lý hoạt động tổ chuyên môn ở Trường Trung học phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Vĩnh Phúc theo hướng phát huy tính chủ động.	Đặng Thị Kim Chung	GS.TS. Trần Công Phong	Quản lý giáo dục
197	Quản lý hoạt động tự học của học sinh trường Hữu nghị 80, Sơn Tây, Hà Nội	Nguyễn Tuấn Anh	TS. Nguyễn Phương Huyền	Quản lý giáo dục

198	Nhu cầu sử dụng ứng dụng chăm sóc sức khỏe tâm thần trên nền tảng Internet của cha mẹ và trẻ	Hoàng Thị Thu Hiền	PGS.TS. Trần Thành Nam	Lâm học lâm sàng
199	Đánh giá hiệu quả của ứng dụng trên điện thoại nhằm nâng cao nhận thức của sinh viên trường Đại học Giáo dục về rối loạn cảm xúc	Kiều Thị Anh Đào	PGS.TS Đặng Hoàng Minh	Lâm học lâm sàng
200	Thực trạng dịch vụ lâm sàng của các cơ sở can thiệp trẻ tự kỷ	Võ Thị Kim Mai	TS. Trần Văn Công	Lâm học lâm sàng
201	Một số yếu tố liên quan đến bất nạt trực tuyến ở học sinh phổ thông	Nguyễn Phương Hồng Ngọc	TS. Trần Văn Công	Lâm học lâm sàng
202	Rèn luyện khả năng tự học cho học sinh lớp 12 thông qua dạy học chủ đề số phức ở trường trung học phổ thông	Khuất Duy Thực	PGS.TS. Nguyễn Nhụy	LL&PPDH bộ môn Toán
203	Dạy học giải quyết vấn đề đối với chủ đề hệ phương trình ở trường Trung học phổ thông	Nguyễn Khắc Thành	PGS.TS. Nguyễn Nhụy	LL&PPDH bộ môn Toán

204	Rèn luyện tư duy sáng tạo cho học sinh trung học phổ thông qua dạy học giải toán về hệ phương trình.	Đặng Thị Thủy	PGS. TS. Nguyễn Thị Hồng Minh	LL&PPDH bộ môn Toán
205	Dạy học giải quyết vấn đề trong môn số học cho học sinh tiểu học	Phạm Đức Tâm	GS.TS. Nguyễn Hữu Châu	LL&PPDH bộ môn Toán
206	Dạy học các bài toán về thiết diện trong hình học không gian lớp 11 nhằm phát triển tư duy sáng tạo cho học sinh	Lê Đức Tùng	PGS.TS. Trần Văn Tấn	LL&PPDH bộ môn Toán
207	Rèn luyện tư duy phản biện cho học sinh lớp 11 thông qua dạy học chủ đề "Dãy số, cấp số cộng, cấp số nhân".	Nguyễn Thị Thùy Chinh	PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn	LL&PPDH bộ môn Toán
208	Rèn luyện tư duy sáng tạo cho học sinh lớp 11 thông qua dạy học chuyên đề "Tính tổng dãy số"	Phạm Thị Giang	PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn	LL&PPDH bộ môn Toán
209	Phát triển tư duy sáng tạo cho học sinh trung học phổ thông trong dạy học chuyên đề Phương trình hàm.	Lê Thị Phượng	PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn	LL&PPDH bộ môn Toán

210	Dạy học "phát hiện và giải quyết vấn đề" cho học sinh trung học phổ thông chủ đề "khoảng cách trong không gian"	Nguyễn Thùy Quyên	PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn	LL&PPDH bộ môn Toán
211	Dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề nội dung phương trình lượng giác lớp 11 ban cơ bản	Nguyễn Ngọc Đức	PGS.TS. Nguyễn Chí Thành	LL&PPDH bộ môn Toán
212	Phát triển tư duy sáng tạo cho học sinh lớp 8 thông qua dạy học chủ đề tam giác đồng dạng	Đỗ Hà Phương	PGS.TS. Nguyễn Chí Thành	LL&PPDH bộ môn Toán
213	Ứng dụng phần mềm Geo Gebra trong dạy học chứng minh Hình học lớp 7 trung học cơ sở	Cao Hải Đăng	PGS.TS. Nguyễn Chí Thành	LL&PPDH bộ môn Toán
214	Phát triển năng lực giải toán cho học sinh lớp 9 thông qua dạy học chuyên đề "Nghiệm của đa thức và ứng dụng"	Bùi Thị Huyền Trang	PGS.TS. Đàm Văn Nhi	LL&PPDH bộ môn Toán
215	Rèn luyện kỹ năng giải toán hình học cho học sinh lớp 9 thông qua vận dụng hệ tiên đề	Ngô Thị Ngọc	PGS.TS. Đàm Văn Nhi	LL&PPDH bộ môn Toán

216	Dạy học khám phá có hướng dẫn chủ đề tập hợp trong chương trình toán lớp 10 - Ban nâng cao.	Nguyễn Văn Ninh	PGS.TS. Đàm Văn Nhi	LL&PPDH bộ môn Toán
217	"Bồi dưỡng năng lực tự học Toán bằng Tiếng Anh cho học sinh lớp 8 theo tiếp cận kỳ thi Toán Hà Nội mở rộng (HOMC)"	Trần Ánh Tuyết	TS. Nguyễn Thị Hồng Minh	LL&PPDH bộ môn Toán
218	Rèn luyện tư duy sáng tạo cho học sinh lớp 10 thông qua dạy học chuyên đề "phương pháp tam thức bậc hai giải phương trình vô tỷ".	Nguyễn Thị An	GS. TSKH. Nguyễn Văn Mậu	LL&PPDH bộ môn Toán
219	Rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh trung học cơ sở thông qua dạy học phương trình, hệ phương trình trong các bài toán thực tiễn	Đặng Thị Mai	TS. Nguyễn Văn Hùng	LL&PPDH bộ môn Toán
220	Rèn luyện tư duy sáng tạo thông qua dạy học tích hợp phương trình và hệ phương trình với các bài toán cơ học lớp 10	Nguyễn Thị Huyền Trang	TS. Nguyễn Văn Hùng	LL&PPDH bộ môn Toán
221	Phát triển tư duy sáng tạo cho học sinh giỏi trung học phổ thông qua dạy học một số chủ đề số học.	Nguyễn Ngọc Xuân	TS. Phạm Đức Hiệp	LL&PPDH bộ môn Toán

222	Tạo hứng thú cho học sinh giáo dục thường xuyên thông qua dạy học chủ đề "Tổ hợp - xác suất" (đại số và giải tích lớp 11 trung học phổ thông)	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	PGS. TSKH. Vũ Đình Hòa	LL&PPDH bộ môn Toán
223	Phát triển năng lực toán học cho học sinh trung học phổ thông trong dạy học các bài toán thực tiễn phần hình không gian lớp 12.	Nguyễn Phương Thanh	GS. TSKH. Vũ Đình Hòa	LL&PPDH bộ môn Toán
224	Xây dựng mô hình câu lạc bộ Toán học dành cho học sinh Trung học cơ sở	Trần Thạch Thảo	PGS.TS. Lê Anh Vinh	LL&PPDH bộ môn Toán
225	Xây dựng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học chủ đề Tổ hợp - xác suất chương trình môn Toán lớp 11	Trần Thị Thủy	PGS.TS. Lê Anh Vinh	LL&PPDH bộ môn Toán
226	Xây dựng và hướng dẫn hoạt động giải bài tập về "Thuyết tương đối hẹp" nhằm bồi dưỡng học sinh giỏi chuyên Vật lý trung học phổ thông	Trần Thị Thanh Huyền	GS.TS. Nguyễn Quang Báu	LL&PPDH bộ môn Vật lí
227	Xây dựng và hướng dẫn hoạt động giải bài tập chương "Hạt nhân nguyên tử - Vật lí 12" nhằm bồi dưỡng học sinh giỏi chuyên Vật lý trung học phổ thông	Phạm Hồng Bích	GS.TS. Nguyễn Quang Báu	LL&PPDH bộ môn Vật lí

228	Xây dựng và sử dụng hệ thống bài tập chương " Điện tích. Điện trường" theo hướng phát triển tư duy Vật lý của học sinh trong dạy học Vật lý 11.	Hoàng Thị Dinh	GS.TS.Đỗ Hương Trà	LL&PPDH bộ môn Vật lí
229	Xây dựng hệ thống bài tập chương Dòng điện xoay chiều Vật lý 12 theo hướng phát triển tư duy Vật lí của học sinh	Hoàng Thị Mai	GS.TS.Đỗ Hương Trà	LL&PPDH bộ môn Vật lí
230	Xây dựng và sử dụng bài tập chương "Động lực học chất điểm", Vật lý 10 nhằm phát triển năng lực Vật lí của học sinh	Đoàn Thành Ninh	GS.TS.Nguyễn Huy Sinh	LL&PPDH bộ môn Vật lí
231	Biên soạn và sử dụng hệ thống bài tập sáng tạo chương "Dao động cơ" Vật lý 12	Nguyễn Thị Thành	GS.TS.Nguyễn Huy Sinh	LL&PPDH bộ môn Vật lí
232	Xây dựng và sử dụng bài tập định tính gắn với thực tế trong dạy học phần nhiệt học vật lí 10	Nguyễn Thị Mai	GS.TS.Nguyễn Huy Sinh	LL&PPDH bộ môn Vật lí
233	Thiết kế tài liệu theo Môđun và tổ chức hướng dẫn tự học phần "Vật lý hạt nhân cho học viên bậc đại học ở Trường sĩ quan đặc công	Nguyễn Tuấn Hoàng	PGS. TS Nguyễn Văn Nhã	LL&PPDH bộ môn Vật lí

234	Phát triển năng lực tự học cho học sinh trung học phổ thông trong dạy học chương "Động học chất điểm" - Vật lí 10	Nguyễn Thị Duyên	PGS. TS Nguyễn Văn Nhã	LL&PPDH bộ môn Vật lí
235	Tổ chức hoạt động nghiên cứu Khoa học - Kỹ thuật của học sinh trong dạy học Vật lí ở trường trung học phổ thông	Đình Khắc Xuân	PGS.TS Phạm Kim Chung	LL&PPDH bộ môn Vật lí
236	Tổ chức dạy học theo chuyên đề trong dạy học môn Vật lí theo STEM cho học sinh trung học phổ thông tại Trường Cao đẳng cơ giới Ninh Bình	Trần Hải Đăng	PGS.TS Phạm Kim Chung	LL&PPDH bộ môn Vật lí
237	Xây dựng các thành tố và đường phát triển năng lực Vật lí của học sinh trong dạy học môn Vật lí ở trường trung học phổ thông	Hoàng Thị Tuyết Nhung	GS.TS. Vũ Văn Hùng	LL&PPDH bộ môn Vật lí
238	Phát triển kĩ năng tự đánh giá kết quả học tập của học sinh trong dạy học chương "Điện tích. Điện trường", Vật lí 11	Cao Văn Kiên	PGS.TS. Lê Thị Thu Hiền	LL&PPDH bộ môn Vật lí
239	Phát triển năng lực hợp tác của học sinh trong dạy học chương "Động lực học chất điểm", Vật lí 10	Vũ Thế Anh	PGS.TS. Lê Thị Thu Hiền	LL&PPDH bộ môn Vật lí

240	Xây dựng các thành tố và đường phát triển năng lực tìm hiểu tự nhiên trong dạy học môn Khoa học tự nhiên ở trường trung học phổ thông	Lưu Thị Mai Phương	GS.TS. Vũ Văn Hùng	LL&PPDH bộ môn Vật lí
241	Xây dựng và sử dụng hệ thống bài tập phân động học chất điểm nhằm phát triển kỹ năng tư duy phân tích, tổng hợp của Học sinh giỏi Trung học phổ thông.	Nguyễn Văn Tính	GS.TS. Hà Huy Bằng	LL&PPDH bộ môn Vật lí
242	Tổ chức dạy học chủ đề "Kính thiên văn", Vật lí 11 thông qua trải nghiệm cho học sinh ở Trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên.	Tạ Đức Lâm	TS. Dương Xuân Quý	LL&PPDH bộ môn Vật lí
243	Xây dựng và sử dụng mô hình hóa với phần mềm coach trong dạy học "Dao động cưỡng bức và ứng dụng" - Vật lí 12 nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề của học sinh	Nguyễn Thị An	TS. Nguyễn Anh Thuận	LL&PPDH bộ môn Vật lí
244	Tổ chức dạy học chủ đề "Sự chuyển thể của các chất" nhằm phát triển năng lực tìm hiểu tự nhiên của học sinh trung học cơ sở.	Nguyễn Huyền Trang	PGS.TS. Nguyễn Văn Biên	LL&PPDH bộ môn Vật lí
245	Tổ chức dạy học chương "Cân bằng và chuyển động của vật rắn" Vật lí 10 theo hướng phát triển năng lực thực nghiệm cho học sinh	Nguyễn Đức Phước	PGS.TS Đinh Văn Dũng	LL&PPDH bộ môn Vật lí

246	Xây dựng và sử dụng hệ thống bài tập gắn với thực tế chương "Sóng cơ học"- Vật lý 12	Đào Văn Quân	PGS.TS Đinh Văn Dũng	LL&PPDH bộ môn Vật lí
247	Xây dựng hệ thống bài tập chương "Hạt nhân nguyên tử" Vật lí 12 nhằm phát triển tư duy sáng tạo cho học sinh	Tạ Văn Tuấn	PGS.TS Đinh Văn Dũng	LL&PPDH bộ môn Vật lí
248	Tổ chức dạy học chủ đề tích hợp "Sự chuyển thể của vật chất" cho học sinh THPT	Nguyễn Thị Thương	TS Lê Thái Hưng	LL&PPDH bộ môn Vật lí
249	Tổ chức dạy học chương "Lượng tử ánh sáng " - Vật lý 12 theo mô hình PEER INTRUCTION	Nguyễn Khải Hoàn	TS. Ngô Diệu Nga	LL&PPDH bộ môn Vật lí
250	Tổ chức dạy học chương "Điện tích - Điện trường" - Vật lý 11 theo định hướng bồi dưỡng năng lực tự học của học sinh ở trung tâm giáo dục thường xuyên.	Lã Thị Thu	TS. Ngô Diệu Nga	LL&PPDH bộ môn Vật lí
251	Tổ chức dạy học theo định hướng phát triển năng lực sáng tạo cho học sinh chương "Điện tích. Điện trường" Vật lý 11	Phạm Thị Hằng	TS Lê Thái Hưng	LL&PPDH bộ môn Vật lí

252	Phát hiện và sửa chữa sai lầm của học sinh trong dạy học phần cơ học-Vật lý 10	Nguyễn Thị Loan	GS.TS. Hà Huy Bằng	LL&PPDH bộ môn Vật lí
253	Sử dụng phương pháp tính toán hóa lượng tử trong dạy học hóa học	Trương Thanh Vương	PGS.TS. Lê Kim Long	LL&PPDH BỘ MÔN HÓA HỌC
254	Bồi dưỡng học sinh giỏi hóa học thông qua việc dạy học những nội dung liên quan đến thế đẳng áp đẳng nhiệt	Lương Ngọc Thuyết	PGS.TS. Lê Kim Long	LL&PPDH BỘ MÔN HÓA HỌC
255	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh thông qua dạy học các nội dung liên quan đến Siclic	Trần Đình Thiết	PGS.TS. Lê Kim Long	LL&PPDH BỘ MÔN HÓA HỌC
256	Phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề cho học sinh thông qua dạy học tích hợp giáo dục môi trường phần hidrocacbon Hóa học 11	Hoàng Thị Phương Thảo	PGS.TS. Trần Trung Ninh	LL&PPDH BỘ MÔN HÓA HỌC
257	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh thông qua dạy học phần Dẫn xuất Halogen -Ancol Hóa học 11	Bùi Thị Hoài	TS. Vũ Thị Thu Hoài	LL&PPDH BỘ MÔN HÓA HỌC

258	Phát triển năng lực thực nghiệm hóa học cho học sinh thông qua dạy học phần ancol-phenol-axitcacboxylic-Hóa học 11	Nguyễn Thị Hồng	TS. Vũ Thị Thu Hoài	LL&PPDH BỘ MÔN HÓA HỌC
259	Phát triển năng lực hợp tác cho học sinh thông qua dạy học phần hidrocarbon Hóa học lớp 9.	Trịnh Văn Định	PGS.TS. Phạm Văn Hoan	LL&PPDH BỘ MÔN HÓA HỌC
260	Vận dụng mô hình Flipped Classroom trong dạy học về nguyên tố nito nhằm phát triển năng lực tự học cho học sinh trung học phổ thông	Nguyễn Thị Thúy Hương	TS. Đào Thị Việt Anh	LL&PPDH BỘ MÔN HÓA HỌC
261	Phát triển năng lực hợp tác cho học sinh thông qua dạy học phần phi kim - Hóa học 10	Phan Xuân Hiếu	TS. Nguyễn Thị Kim Thành	LL&PPDH BỘ MÔN HÓA HỌC
262	Dạy học nguyên tố nito và hợp chất nhằm phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề cho học sinh trung học phổ thông	Phạm Thị Thu Hảo	TS. Nguyễn Thị Kim Thành	LL&PPDH BỘ MÔN HÓA HỌC
263	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh thông qua dạy học phần hóa học vô cơ lớp 9	Phan Thị Linh	TS. Nguyễn Thị Kim Thành	LL&PPDH BỘ MÔN HÓA HỌC

264	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh trung học cơ sở thông qua dạy học chương kim loại - Hóa học lớp 9	Phùng Thu Thủy	PGS.TS. Nguyễn Thị Sửu	LL&PPDH BỘ MÔN HÓA HỌC
265	Xây dựng tài liệu tự học có hướng dẫn cho học sinh thông qua dạy học chương đại cương kim loại lớp 12 trung học phổ thông	Bùi Hồng Hạnh	TS. Nguyễn Hữu Chung	LL&PPDH BỘ MÔN HÓA HỌC
266	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh thông qua xây dựng bài thí nghiệm hóa học chương Sự điện li - Hóa học 11	Nguyễn Ngọc Quỳnh	TS. Nguyễn Hữu Chung	LL&PPDH BỘ MÔN HÓA HỌC
267	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh chuyên Hóa học qua dạy học chuyên đề tinh thể	Nguyễn Thị Thu Thủy	TS. Nguyễn Hữu Chung	LL&PPDH BỘ MÔN HÓA HỌC
268	Dạy học phân hóa chương sự điện li hóa học lớp 11 nhằm phát triển năng lực nhận thức cho học sinh	Bùi Thị Minh	TS. Vũ Minh Trang	LL&PPDH BỘ MÔN HÓA HỌC
269	Dạy học tương tác chương Cacbohidrat - Hóa học 12 nhằm phát triển năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn	Phạm Thị Nga	TS. Vũ Minh Trang	LL&PPDH BỘ MÔN HÓA HỌC

270	Phát triển năng lực thực nghiệm hóa học cho học sinh thông qua dạy học chương Cacbonhidrat Hóa học 12	Phạm Thị Hương	TS. Phạm Thị Kim Giang	LL&PPDH BỘ MÔN HÓA HỌC
271	Tổ chức dạy học trải nghiệm phần Ancol - Hóa học 11 nhằm phát triển năng lực vận dụng kiến thức hóa học vào cuộc sống	Nguyễn Thị Minh	TS. Phạm Thị Kim Giang	LL&PPDH BỘ MÔN HÓA HỌC
272	Vận dụng phương pháp dạy học theo trạm trong dạy học phần sinh học tế bào Sinh 10, Trung học phổ thông	Đặng Tú Anh	TS. Lê Thị Phụng	LL&PPDH bộ môn Sinh học
273	Thiết kế và sử dụng bài tập quy luật di truyền để xác định vị trí và kiểu tác động của gen trong dạy học Sinh học 12 trung học phổ thông	Bùi Thị Hương	PGS.TS Mai Văn Hưng	LL&PPDH bộ môn Sinh học
274	Vận dụng mô hình giáo dục gắn với sản xuất kinh doanh theo định hướng phát triển năng lực học sinh, phần sinh lý động vật, Sinh học 11, Trung học phổ thông	Phan Thị Thu Phương	PGS.TS Mai Văn Hưng	LL&PPDH bộ môn Sinh học
275	Vận dụng phương pháp dạy học theo trạm trong dạy học phần sinh học tế bào Sinh 10, Trung học phổ thông	Đặng Tú Anh	TS. Lê Thị Phụng	LL&PPDH bộ môn Sinh học

276	Tích hợp giáo dục giá trị sống cho học sinh qua dạy học ngữ ngôn trong chương trình Ngữ văn trung học cơ sở	Phạm Mai Hồng	PGS.TS. Lê Hải Anh	LL&PPDH bộ môn Ngữ văn
277	"Phương pháp dạy học các tác phẩm sử thi trong chương trình Ngữ văn 10 theo định hướng phát triển năng lực"	Phan Thị Hằng	PGS.TS. Phạm Minh Diệu	LL&PPDH bộ môn Ngữ văn
278	Tích hợp kiến thức lí luận văn học trong dạy học làm văn nghị luận văn học ở cấp trung học phổ thông	Hoàng Thị Khánh	PGS.TS. Trần Khánh Thành	LL&PPDH bộ môn Ngữ văn
279	Sử dụng đa phương tiện trong dạy học đọc hiểu văn bản kí hiện đại ở trường trung học phổ thông	Trịnh Văn Quỳnh	PGS.TS. Lê Hải Anh	LL&PPDH bộ môn Ngữ văn
280	Dạy học dự án văn bản thông tin trong chương trình Ngữ văn trung học cơ sở tại các trường song ngữ quốc tế trên địa bàn Hà Nội.	Nguyễn Thị Kiều Hoa	PGS.TS. Trần Khánh Thành	LL&PPDH bộ môn Ngữ văn
281	Kiểm tra đánh giá trong dạy học Ngữ văn 11 theo định hướng phát triển năng lực giao tiếp.	Trần Thị Lan Hương	TS. Tôn Quang Cường	LL&PPDH bộ môn Ngữ văn

282	"Phát triển năng lực đọc - hiểu thơ trữ tình cho học sinh lớp 12 qua dạy học đoạn trích bài thơ Việt Bắc của Tố Hữu"	Nguyễn Thị My	PGS.TS. Phạm Minh Diệu	LL&PPDH bộ môn Ngữ văn
283	Dạy học ca dao ở trường trung học cơ sở theo định hướng phát triển năng lực đọc hiểu cho học sinh	Vũ Thị Mai	PGS.TS. Bùi Minh Đức	LL&PPDH bộ môn Ngữ văn
284	Phát triển năng lực đọc hiểu văn bản thơ cho học sinh qua dạy thơ trung đại Việt Nam ở lớp 10	Nguyễn Thị Thanh Loan	PGS.TS. Bùi Minh Đức	LL&PPDH bộ môn Ngữ văn
285	Rèn luyện các thao tác lập luận trong làm văn nghị luận xã hội cho học sinh trung học phổ thông	Bùi Thị Bảo Ngọc	TS. Nguyễn Thị Ban	LL&PPDH bộ môn Ngữ văn
286	Dạy học sử thi và truyền thuyết (Ngữ văn 10, tập 1) theo chủ đề nhằm phát triển năng lực tự học cho học sinh.	Ngô Văn Khanh	TS. Nguyễn Thị Ban	LL&PPDH bộ môn Ngữ văn
287	Tích hợp giáo dục kỹ năng sống thông qua dạy học tác phẩm thơ Việt Nam giai đoạn 1945- 1954 trong chương trình Ngữ văn	Lê Thị Diệu Thu	TS. Nguyễn Đức Khuông	LL&PPDH bộ môn Ngữ văn

288	Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học Thơ mới Ngữ văn 11 ban cơ bản	Vũ Thị Minh Trang	TS. Lê Thanh Huyền	LL&PPDH bộ môn Ngữ văn
289	Dạy học Tiếng Việt trong chương trình Ngữ văn 10 trung học phổ thông theo hướng tiếp cận công nghệ	Nguyễn Thị Phương Linh	TS. Lê Thanh Huyền	LL&PPDH bộ môn Ngữ văn
290	Thực hành các phép liên kết trong văn bản nghị luận ở chương trình Ngữ văn Trung học cơ sở	Trần Thị Hằng	TS. Nguyễn Trọng Hoàn	LL&PPDH bộ môn Ngữ văn
291	Tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh qua dạy học các văn bản nhật dụng trong chương trình Ngữ văn 7	Nguyễn Thị Tươi	TS. Dương Tuyết Hạnh	LL&PPDH bộ môn Ngữ văn
292	Phát triển năng lực đọc hiểu truyện ngắn nước ngoài cho học sinh Trung học cơ sở qua dạy học tác phẩm "Chiếc lá cuối cùng" của O-Henry	Trần Thị Mai Thủy	GS.TS. Lê Huy Bắc	LL&PPDH bộ môn Ngữ văn
293	"Xây dựng hệ thống đề mở trong dạy học văn nghị luận xã hội theo hướng phát triển năng lực cho học sinh lớp 12 Trung học phổ thông"	Hoàng Thị Lý	TS. Dương Tuyết Hạnh	LL&PPDH bộ môn Ngữ văn

294	Tích hợp giáo dục giá trị sống cho học sinh qua dạy học ngữ ngôn trong chương trình Ngữ văn trung học cơ sở	Phạm Mai Hồng	PGS.TS. Lê Hải Anh	LL&PPDH bộ môn Ngữ văn
295	Dạy học đẳng thức và bất đẳng thức theo định hướng phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh cấp trung học cơ sở	Nguyễn Thị Trang	TS. Dư Đức Thắng	LL&PPDH bộ môn Toán
296	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề thông qua dạy học bất đẳng thức và giải các bài toán cực trị cho học sinh trung học phổ thông.	Phạm Thị Tuyết Trang	PGS.TS. Đỗ Văn Lưu	LL&PPDH bộ môn Toán
297	Đánh giá năng lực toán học của học sinh bằng trách nghiệm khách quan trong dạy học chủ đề Tổ hợp-Xác suất	Nguyễn Văn Dũng	PGS.TS. Đỗ Văn Lưu	LL&PPDH bộ môn Toán
298	Dạy học Xác suất - Thống kê ở trường trung học phổ thông theo hướng gắn với thực tiễn	Trần Thị Hoan	PGS.TS. Nguyễn Nhụy	LL&PPDH bộ môn Toán
299	Phát triển tư duy sáng tạo cho học sinh trong dạy học chủ đề khối tròn xoay.	Đỗ Thị Ngân	PGS.TS. Nguyễn Nhụy	LL&PPDH bộ môn Toán

300	Sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong dạy học chủ đề Tổ hợp-Xác suất nhằm phát huy tính tích cực của học sinh	Trần Thị Kim Xuyên	PGS.TS. Nguyễn Nhụy	LL&PPDH bộ môn Toán
301	Tạo hứng thú học tập cho học sinh giáo dục thường xuyên thông qua dạy học chủ đề "Tổ hợp- xác suất" (Đại số và giải tích lớp 11 trung học phổ thông)	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	PGS.TSKH. Vũ Đình Hòa	LL&PPDH bộ môn Toán
302	Sử dụng phương pháp thảo luận nhóm trong dạy học Giải tích 12 nhằm phát triển tư duy phê phán cho học sinh trường Hoàng Quốc Việt, Yên Bái	Nguyễn Thị Thanh Vân	TS. Lưu Bá Thắng	LL&PPDH bộ môn Toán
303	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh thông qua dạy học hàm số lớp 12 theo hướng vận dụng quan điểm của lý thuyết kiến tạo	Nguyễn Thị Lan	TS. Lưu Bá Thắng	LL&PPDH bộ môn Toán
304	Dạy học theo dự án chủ đề Bất đẳng thức ở trường trung học phổ thông	Nguyễn Mai Phương	TS. Nguyễn Đức Huy	LL&PPDH bộ môn Toán
305	Phát triển tư duy phản biện cho học sinh trung học phổ thông qua dạy học chủ đề tổ hợp, xác suất	Nguyễn Hoàng Chung	TS. Phạm Văn Quốc	LL&PPDH bộ môn Toán

306	Dạy học hợp tác đối với chủ đề tam giác đồng dạng ở trường phổ thông	Phạm Thu Hà	TS. Phạm Văn Quốc	LL&PPDH bộ môn Toán
307	"Phát triển năng lực giao tiếp Toán học cho học sinh THPT trong dạy học chủ đề Vectơ"	Trần Văn Huân	TS. Lê Văn Hồng	LL&PPDH bộ môn Toán
308	Dạy học chủ đề tọa độ trong mặt phẳng nhằm phát triển năng lực sáng tạo cho học sinh lớp 10	Nguyễn Thị Hồng Lanh	GS.TS. Bùi Văn Nghị	LL&PPDH bộ môn Toán
309	Dạy học khám phá với sự hỗ trợ của phần mềm Geogebra chủ đề phép biến hình trong mặt phẳng ở trường Trung học phổ thông	Mai Thanh Lâm	GS.TS. Bùi Văn Nghị	LL&PPDH bộ môn Toán
310	Dạy học chủ đề phương trình và hệ phương trình gắn với thực tiễn cho học sinh lớp 9	Chu Thị Tiền Nhung	GS.TS. Bùi Văn Nghị	LL&PPDH bộ môn Toán
311	Dạy học hòa nhập chủ đề phân tích đa thức thành nhân tử cho học sinh khiếm thính cấp Trung học cơ sở.	Đặng Thành Quân	GS.TS. Bùi Văn Nghị	LL&PPDH bộ môn Toán

312	Phát triển tư duy sáng tạo cho học sinh THPT trong dạy học chủ đề Bất đẳng thức.	Hà Tuấn Trường	TS. Lê Đình Định	LL&PPDH bộ môn Toán
313	Dạy học giải quyết vấn đề cho học sinh THPT với chủ đề tứ diện	Nguyễn Việt Phục	TS. Lê Đình Định	LL&PPDH bộ môn Toán
314	Dạy học trải nghiệm trong môn Toán cho học sinh Tiểu học	Phùng Thị Ngọc Lan	GS.TS. Nguyễn Hữu Châu	LL&PPDH bộ môn Toán
315	Dạy giải toán hình học lớp 9 với sự hỗ trợ của phần mềm geometer's sketchpad	Nguyễn Thị Uyên	TS. Nguyễn Văn Tuấn	LL&PPDH bộ môn Toán
316	Dạy học giải quyết vấn đề đối với chủ đề phương pháp tọa độ trong mặt phẳng ở lớp 10	Lại Thị Nhung	PGS.TS. Vũ Đỗ Long	LL&PPDH bộ môn Toán
317	Sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan vào dạy học chủ đề phương pháp tọa độ trong không gian	Phạm Thị Nhung	PGS.TS. Vũ Đỗ Long	LL&PPDH bộ môn Toán

318	Dạy học giải bài tập Nguyên hàm - Tích phân nhằm phát triển tư duy sáng tạo cho học sinh phổ thông	Nguyễn Thị Thủy	PGS.TS. Vũ Đổ Long	LL&PPDH bộ môn Toán
319	Sử dụng tư liệu tranh ảnh, lược đồ trên tạp chí lịch sử quân sự để dạy học Lịch sử Việt Nam lớp 12 ở trường trung học phổ thông.	Trần Trà Giang	TS. Phạm Đức Anh	LL&PPDH bộ môn Lịch sử
320	Tổ chức hoạt động trải nghiệm qua hình thức sân khấu hóa trong dạy học Lịch sử Việt Nam lớp 10 trung học phổ thông	Nguyễn Thị Thanh Nhân	TS. Phạm Đức Anh	LL&PPDH bộ môn Lịch sử
321	"Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ X ở trường Trung học cơ sở"	Trần Thị Thảo	TS. Nguyễn Văn Ninh	LL&PPDH bộ môn Lịch sử
322	Tổ chức dạy học phần Lịch sử Thế giới lớp 11 theo hướng phát triển năng lực sáng tạo cho học sinh Trường trung học phổ thông chuyên Hoàng Văn Thụ - Hòa Bình.	Bùi Thị Thu Thủy	TS. Nguyễn Thị Bích	LL&PPDH bộ môn Lịch sử
323	Phát triển năng lực hợp tác cho học sinh trong dạy học Lịch sử Việt Nam (1930 - 1975) ở Trường trung học phổ thông số 2 Si Ma Cai Lào Cai	Lê Văn Lương	TS. Nguyễn Thị Bích	LL&PPDH bộ môn Lịch sử

324	Sử dụng infographic trong dạy học lịch sử Việt Nam (từ thế kỉ X - XV) ở trường trung học phổ thông chuyên Hưng Yên	Ngô Thị Mơ	PGS.TS. Nguyễn Thị Thế Bình	LL&PPDH bộ môn Lịch sử
325	Sử dụng Padlet nhằm phát triển năng lực tự học phần lịch sử thế giới cận đại lớp 11 cho học sinh trường Trung học phổ thông Hoa Lư A - Ninh Bình	Bùi Thị Quế	TS. Hoàng Thanh Tú	LL&PPDH bộ môn Lịch sử
326	Thiết kế và sử dụng Story Map trong dạy học các nền văn minh thế giới môn lịch sử ở trường trung học phổ thông Chương Mỹ A, Hà Nội	Đào Huy Quyến	TS. Đoàn Nguyệt Linh	LL&PPDH bộ môn Lịch sử
327	Tổ chức dạy học chủ đề "Hồ Chí Minh trong lịch sử Việt Nam" (theo chương trình giáo dục phổ thông mới) ở Trường Trung học phổ thông Bình Minh - tỉnh Ninh Bình	Lê Thị Thơm	TS. Đoàn Nguyệt Linh	LL&PPDH bộ môn Lịch sử
328	Dạy học tư duy sáng tạo cho học sinh chuyên toán thông qua Xê mi na	Nguyễn Thị Ngọc Anh	TS. Nguyễn Đức Huy	LL&PPDH bộ môn Toán
329	Vận dụng mô hình hóa Toán học trong dạy học phương trình bậc hai Đại số lớp 9	Nguyễn Thanh Tâm	TS. Lê Văn Hồng	LL&PPDH bộ môn Toán

330	Phát huy tính tích cực cho học sinh qua dạy học chủ đề phép rời hình và phép đồng dạng trong mặt phẳng - Hình học lớp 11 cơ bản	Hoàng Hạnh Nguyên	PGS.TSKH. Vũ Đình Hòa	LL&PPDH bộ môn Toán
331	Vận dụng phương pháp dạy học khám phá vào dạy học chủ đề phương trình, hệ phương trình lớp 9.	Trần Thu Phương	PGS.TS. Vũ Ngọc Loan	LL&PPDH bộ môn Toán
332	Dạy học tình huống đối với chủ đề "Phương pháp tạo độ trong mặt phẳng"	Bùi Thị Mai Hồng	PGS.TS. Nguyễn Thành Văn	LL&PPDH bộ môn Toán
333	Phát triển năng lực tự học cho học sinh thông qua dạy học chủ đề giới hạn, giải tích lớp 11	Ngô Mai Thủy	TS. Nguyễn Ngọc Phan	LL&PPDH bộ môn Toán
334	Dạy học chủ đề phương trình, hệ phương trình chương trình Đại số 10 theo định hướng phát triển năng lực cho học sinh	Vi Thị Hằng	PGS.TS. Nguyễn Vũ Lương	LL&PPDH bộ môn Toán
335	Rèn luyện tư duy sáng tạo cho học sinh khá giỏi thông qua dạy học chuyên đề "Bất đẳng thức Karamata và áp dụng"	Nguyễn Thị Kim Anh	GS.TSKH. Nguyễn Văn Mậu	LL&PPDH bộ môn Toán

336	Phát triển tư duy sáng tạo cho học sinh trung học cơ sở thông qua dạy học chuyên đề "Các dạng toán liên quan đến ước chung lớn nhất và bội chung nhỏ nhất"	Nghiêm Quỳnh Anh	GS.TSKH. Nguyễn Văn Mậu	LL&PPDH bộ môn Toán
337	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh khá giỏi thông qua dạy học chuyên đề "Bất đẳng thức và cực trị dạng thuần nhất bậc hai"	Tự Thị Hiền	GS.TSKH. Nguyễn Văn Mậu	LL&PPDH bộ môn Toán
338	Ứng dụng phần mềm Geogebra trong dạy học chứng minh hình học lớp 7 trung học cơ sở	Cao Hải Đăng	PGS.TS. Nguyễn Chí Thành	LL&PPDH bộ môn Toán
339	Dạy học tư duy sáng tạo cho học sinh chuyên toán thông qua Xê mi na	Nguyễn Thị Ngọc Anh	TS. Nguyễn Đức Huy	LL&PPDH bộ môn Toán
340	Vận dụng mô hình hóa Toán học trong dạy học phương trình bậc hai Đại số lớp 9	Nguyễn Thanh Tâm	TS. Lê Văn Hồng	LL&PPDH bộ môn Toán
341	Phát huy tính tích cực cho học sinh qua dạy học chủ đề phép rời hình và phép đồng dạng trong mặt phẳng - Hình học lớp 11 cơ bản	Hoàng Hạnh Nguyên	PGS.TSKH. Vũ Đình Hòa	LL&PPDH bộ môn Toán

342	Xây dựng nội dung giáo dục bảo vệ môi trường tích hợp trong dạy học Vật lý phần năng lượng	Ngô Ngọc Hà	GS.TS. Vũ Văn Hùng	LL&PPDH bộ môn Vật lý
343	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học chương "Các định luật bảo toàn" - Vật lý 10	Lê Thị Hương	PGS.TS. Nguyễn Văn Nhã	LL&PPDH bộ môn Vật lý
344	Tổ chức dạy học chương "Lượng tử ánh sáng" - Vật lý 12 theo mô hình Peer Intruccion	Nguyễn Khải Hoàn	TS Ngô Diệu Nga	LL&PPDH bộ môn Vật lý
345	Xây dựng các thành tố và đường phát triển năng lực Vật lý của học sinh trong dạy học môn Vật lý ở trường trung học phổ thông	Hoàng Thị Tuyết Nhung	GS. TS. Vũ Văn Hùng	LL&PPDH bộ môn Vật lý
346	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề thông qua dạy học một số nội dung chương Cabon- Silic - Hóa học 11	Đỗ Thị Khánh Minh	TS. Nguyễn Hoàng Trang	LL&PPDH bộ môn Hóa học
347	Phát triển năng lực hợp tác cho học sinh thông qua dạy học tích hợp hóa học vô cơ lớp 9	Lại Phú Quân	TS. Nguyễn Hoàng Trang	LL&PPDH bộ môn Hóa học

348	Phát triển năng lực tự học cho học sinh thông qua dạy học bộ câu hỏi định hướng chương nito - photpho, Hoá học 11	Nguyễn Ngọc Bích	TS. Vũ Minh Trang	LL&PPDH bộ môn Hóa học
349	Phát triển năng lực tự học hoá học cho học sinh thông qua sử dụng phần mềm dạy học thí nghiệm chương kim loại kiềm- kim loại kiềm thổ- nhôm	Bùi Minh Hương	TS. Nguyễn Hữu Chung	LL&PPDH bộ môn Hóa học
350	Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ hóa học cho học sinh thông qua sử dụng hệ thống bài tập thực nghiệm trong dạy học chương Sắt và một số kim loại quan trọng	Đỗ Thị Minh Hằng	TS. Nguyễn Hữu Chung	LL&PPDH bộ môn Hóa học
351	Sử dụng phần mềm mô phỏng trong dạy học thí nghiệm chương Oxi- lưu huỳnh nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh	Nguyễn Thị Luyến	TS. Nguyễn Hữu Chung	LL&PPDH bộ môn Hóa học
352	Dạy học trải nghiệm chương Oxi- lưu huỳnh lớp 10 nhằm phát triển năng lực vận dụng kiến thức hoá học vào thực tiễn	Trần Thị Thu Hiền	PGS.TS. Lê Kim Long	LL&PPDH bộ môn Hóa học
353	Dạy học bài tập thực nghiệm chương Amin-Aminoaxit-Protein nhằm phát triển năng lực vận dụng kiến thức hóa học vào thực tiễn.	Trần Thị Tuyết Nga	PGS.TS. Lê Kim Long	LL&PPDH bộ môn Hóa học

354	Xây dựng bài giảng điện tử chương Sự điện ly- Hóa học lớp 11 nhằm phát triển năng lực tự học cho học sinh hệ song bằng tại trường Cao đẳng xây dựng số 1	Nguyễn Thị Thương	TS. Phạm Thị Kim Giang	LL&PPDH bộ môn Hóa học
355	Dạy học tác phẩm của Nam Cao và Kim Lân trong trường phổ thông theo tiếp cận văn hóa.	Đỗ Thị Phước	PGS.TS. Lê Hải Anh	LL&PPDH bộ môn Hóa học
356	Dạy học các biện pháp tu từ từ vựng cho học sinh lớp 6 theo quan điểm giao tiếp.	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	PGS.TS. Trịnh Thị Lan	LL&PPDH bộ môn Hóa học
357	Vận dụng phương pháp dạy học trực quan vào dạy học hình học không gian lớp 12 trung học phổ thông.	Lê Văn Sơn	TS. Nguyễn Văn Thái Bình	LL&PPDH bộ môn Hóa học
358	Bổ trợ năng lực giải toán trắc nghiệm khách quan cho học sinh lớp 12 qua dạy học nội dung có liên quan đến hàm số.	Nguyễn Văn Mạnh	TS. Phạm Đức Hiệp	LL&PPDH bộ môn Hóa học
359	Phát triển năng lực tự học của học sinh Trung học cơ sở thông qua các chủ đề hình học.	Trần Anh Tú	PGS.TS. Lê Anh Vinh	LL&PPDH bộ môn Toán

360	Phát triển tư duy sáng tạo trong dạy học giải toán chủ đề " Nguyên hàm - Tích phân" lớp 12 trung học phổ thông	Bùi Thị Thanh Hương	PGS.TSKH. Vũ Đình Hòa	LL&PPDH bộ môn Toán
361	Phát triển một số năng lực tư duy toán học cho học sinh lớp 7 trong dạy học chủ đề "Các đường đồng quy trong tam giác"	Trần Tuyết Ngân	PGS.TS. Chu Cẩm Thơ	LL&PPDH bộ môn Toán
362	Dạy học chuyên đề ba đường conic trong chương trình Trung học phổ thông theo hướng phát triển năng lực	Lê Xuân Bằng	PGS.TS. Trần Văn Tấn	LL&PPDH bộ môn Toán
363	Dạy học nội dung Hình học trực quan trong chương trình Toán lớp 6 theo hướng phát triển năng lực	Nguyễn Thị Thu Hà	PGS.TS. Trần Văn Tấn	LL&PPDH bộ môn Toán
364	Phát triển tư duy phản biện cho học sinh trung học cơ sở thông qua dạy học về chủ đề phương trình bậc hai và định lý Vi-Ét	Nguyễn Thị Thu Thảo	TS. Lưu Bá Thắng	LL&PPDH bộ môn Toán
365	Tích hợp tri thức toán học với sinh học trong dạy học chủ đề hàm số mũ và hàm số lôgarit ở trường trung học phổ thông	Thân Văn Đảm	PGS.TS Nguyễn Danh Nam	LL&PPDH bộ môn Toán

366	Phát triển kỹ năng Toán học trong giáo dục STEM cho học sinh thông qua dạy học Hình học lớp 10	Trần Thị Thu Hà	PGS.TS Nguyễn Danh Nam	LL&PPDH bộ môn Toán
367	Dạy học Toán Tiếng Anh chủ đề đoạn thẳng cho học sinh lớp 6 theo cách tiếp cận CLIL	Đoàn Thị Hà	TS. Vũ Đình Phương	LL&PPDH bộ môn Toán
368	Vận dụng một số kỹ thuật kiểm tra đánh giá trong dạy học chủ đề "Véc tơ" hình học 10	Trần Hiền Ngân	TS. Vũ Đình Phương	LL&PPDH bộ môn Toán
369	Phát triển năng lực sáng tạo cho học sinh thông qua dạy học dự án một số nội dung hình học lớp 8	Bùi Thị Bảo Trang	TS. La Đức Minh	LL&PPDH bộ môn Toán
370	Dạy học phân hóa chủ đề phương trình bậc hai một ẩn và định lý Vi-ét ở lớp 9 THCS	Nguyễn Thị Hằng	TS. Phạm Văn Quốc	LL&PPDH bộ môn Toán
371	Rèn luyện kỹ năng giải toán trong dạy học nội dung phương trình lượng giác lớp 11 ban cơ bản	Nguyễn Hồng Minh	PGS.TSKH. Vũ Đình Hòa	LL&PPDH bộ môn Toán

372	Vận dụng chuyển hóa sự phạm trong dạy học Tam giác đồng dạng ở trường trung học cơ sở	Ngô Thị Hương	TS. Trần Cường	LL&PPDH bộ môn Toán
373	Vận dụng một số yếu tố lịch sử phát triển các tri thức toán học trong dạy học Đại số 9	Nguyễn Thị Thanh Lý	TS. Trần Cường	LL&PPDH bộ môn Toán
374	Dạy học phân hóa chủ đề "Phương pháp tọa độ trong không gian" hình học lớp 12 ban cơ bản	Nguyễn Thị Lan Hương	TS. Dương Anh Tuấn	LL&PPDH bộ môn Toán
375	Dạy tự học trong môn hình học không gian lớp 12 (Một nghiên cứu tại trường phổ thông liên cấp Albert Einstein - Thành phố Hà Tĩnh)	Trần Thị Hoài Thương	TS. Dương Anh Tuấn	LL&PPDH bộ môn Toán
376	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh lớp 10 trong dạy học chủ đề "Tích vô hướng của hai vectơ và ứng dụng"	Nguyễn Phương Thảo	PGS.TS. Chu Cẩm Thơ	LL&PPDH bộ môn Toán
377	Dạy học chủ đề phương trình - Hệ phương trình theo hướng phát triển năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề thực	Trần Thị Hương	PGS.TS. Đàm Văn Nhi	LL&PPDH bộ môn Toán

378	Thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học định lý Py-ta-go ở Trung học cơ sở	Nguyễn Nguyệt Thu	GS.TS. Bùi Văn Nghị	LL&PPDH bộ môn Toán
379	Giảng dạy xác suất cổ điển theo hướng gắn với thực tiễn ở trường trung học phổ thông.	Trần Thị Ngọc Quỳnh	TS. Vũ Tiến Việt	LL&PPDH bộ môn Toán
380	Dạy học chủ đề phương trình, hệ phương trình cho học sinh ở trung tâm giáo dục thường xuyên Chương Mỹ, Hà Nội	Trần Thanh Khuê	TS. Lê Huy Dũng	LL&PPDH bộ môn Toán
381	Dạy học thống kê gắn với thực tiễn ở trường Trung học phổ thông	Nguyễn Tiến Mạnh	PGS.TS. Trần Trung	LL&PPDH bộ môn Toán
382	Dạy học môn Đại số và Giải tích lớp 11 gắn với thực tiễn	Chu Thị Hiền Nga	PGS.TS. Trần Trung	LL&PPDH bộ môn Toán
383	Dạy học giải quyết vấn đề trong chủ đề tam giác đồng dạng lớp 8	Lê Thị Thu Phương	TS. Phạm Việt Hùng	LL&PPDH bộ môn Toán

384	Phát triển tư duy phản biện cho học sinh thông qua dạy học một số chủ đề Toán lớp 2	Hoàng Khánh Phương	TS. Phạm Việt Hùng	LL&PPDH bộ môn Toán
385	Phát triển một số kỹ năng trong dạy học phương trình và hệ phương trình lớp 9 theo tiếp cận năng lực.	Nguyễn Cảnh Duy	TS. Phạm Đức Hiệp	LL&PPDH bộ môn Toán
386	Phát triển tư duy sáng tạo cho học sinh trong dạy giải toán hình học không gian bằng phương pháp tọa độ	Bàng Thị Thủy	PGS.TS. Vũ Đỗ Long	LL&PPDH bộ môn Toán
387	Dạy học phân hóa trong môn Toán cho học sinh lớp 4	Khuất Thị Tuấn	PGS.TS. Lê Anh Vinh	LL&PPDH bộ môn Toán
388	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề thực tiễn trong dạy học số học lớp 6	Nguyễn Hồng Nhung	PGS.TS. Lê Anh Vinh	LL&PPDH bộ môn Toán
389	Phát triển tư duy phê phán cho học sinh lớp 9 trong dạy học chủ đề đường tròn	Nguyễn Đăng Phương	PGS.TS. Nguyễn Thành Văn	LL&PPDH bộ môn Toán

390	Phát triển tư duy sáng tạo cho học sinh trong dạy học chủ đề: "Tìm giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất của biểu thức" ở trường Trung học phổ thông	Lê Thị Hồng Anh	TS. Trần Hữu Nam	LL&PPDH bộ môn Toán
391	Phát triển năng lực suy luận cho học sinh thông qua dạy học chủ đề bất đẳng thức	Đôn Văn Tú	PGS.TS. Nguyễn Thành Văn	LL&PPDH bộ môn Toán
392	Phát triển kỹ năng phân tích bài dạy của giáo viên Toán Trung học phổ thông theo hướng nghiên cứu bài học	Lưu Hồng Anh	PGS.TS. Nguyễn Chí Thành	LL&PPDH bộ môn Toán
393	Phát triển tư duy sáng tạo cho học sinh lớp 9 thông qua dạy học chủ đề phương trình bậc hai	Nguyễn Thị Thư	TS. Nguyễn Đức Huy	LL&PPDH bộ môn Toán
394	Thiết kế và sử dụng phiếu học tập trong dạy học phát triển chương trình nhà trường, chủ đề hàm số và phương trình bậc hai Đại số lớp 9	Trần Thị An	TS. Nguyễn Văn Thái Bình	LL&PPDH bộ môn Toán
395	Thiết kế và sử dụng một số nội dung thực tiễn trong dạy học Hình học lớp 7	Trần Thị Thu Hương	TS. Nguyễn Văn Thái Bình	LL&PPDH bộ môn Toán

396	Rèn luyện tư duy sáng tạo cho học sinh khá giỏi trong dạy chuyên đề "Tam thức bậc hai định hướng và các dạng bất đẳng thức liên quan"	Trần Kim Anh	PGS.TSKH. Nguyễn Văn Mậu	LL&PPDH bộ môn Toán
397	Vận dụng lý thuyết giáo dục toán thực tiễn (Realistics Mathematics Education) trong dạy học Hình học 7	Trần Quỳnh Nga	TS. Nguyễn Tiến Trung	LL&PPDH bộ môn Toán
398	Phát triển chương trình nhà trường chủ đề hàm số lớp 12 ban cơ bản theo tiếp cận năng lực	Nguyễn Cao Cường	PGS.TS. Nguyễn Chí Thành	LL&PPDH bộ môn Toán
399	Thiết lập đường phát triển năng lực khoa học trong chương trình, sách giáo khoa môn khoa học tự nhiên	Phạm Thị Nhung	GS.TS. Vũ Văn Hùng	LL&PPDH bộ môn vật lý
400	Xây dựng và sử dụng bài tập gắn với thực tiễn trong dạy học chương "Động lực học chất điểm"- Vật lý 10 nhằm phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề của học sinh	Bùi Thị Thúy Phương	TS. Lê Thị Thu Hiền	LL&PPDH bộ môn vật lý
401	Hướng dẫn học sinh trung học phổ thông tự học Vật lý thông qua hệ thống bài tập Từ trường	Bùi Thị Hương Thảo	PGS.TS. Đinh Văn Dũng	LL&PPDH bộ môn vật lý

402	Xây dựng và sử dụng hệ thống bài tập "Các định luật bảo toàn" nhằm phát triển năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho học sinh giỏi Vật lí	Nguyễn Thế Lâm	PGS.TS. Đinh Văn Dũng	LL&PPDH bộ môn vật lý
403	Thiết kế và sử dụng trò chơi phần Quang hình học trong dạy học Vật lí cho học sinh trung học phổ thông.	Trần Phương Nam	PGS.TS. Nguyễn Văn Nhã	LL&PPDH bộ môn vật lý
404	Dạy học chủ đề tích hợp "Rượu với đời sống" cho học sinh trung học cơ sở.	Hoàng Thị Hải Yến	GS.TS. Đỗ Hương Trà	LL&PPDH bộ môn vật lý
405	Xây dựng hệ thống bài tập trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn nhằm củng cố kiến thức chương Chất khí cho học sinh lớp 10 cơ bản trung học phổ thông	Trịnh Viết Hào	GS.TS. Nguyễn Huy Sinh	LL&PPDH bộ môn vật lý
406	Xây dựng hệ thống bài tập "Cơ sở của nhiệt động lực học" nhằm phát triển năng lực tìm tòi, khám phá cho học sinh chuyên lí.	Trần Thị Kiều Giang	GS.TS. Nguyễn Huy Sinh	LL&PPDH bộ môn vật lý
407	"Xây dựng và sử dụng bài tập thí nghiệm động học nhằm phát triển năng lực thực nghiệm của học sinh trung học phổ thông".	Nguyễn Thị Thanh Loan	TS. Dương Xuân Quý	LL&PPDH bộ môn vật lý

408	Tổ chức dạy học chủ đề "Sự truyền ánh sáng" - Vật lí 11 theo hướng phát triển năng lực hợp tác của học sinh.	Nguyễn Thị An Thái	TS.GVC. Ngô Diệu Nga	LL&PPDH bộ môn vật lý
409	Dạy học chủ đề tích hợp "Chạm bạc" nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh Trung học phổ thông.	Nguyễn Thị Mai Phương	GS.TS.Đỗ Hương Trà	LL&PPDH bộ môn vật lý
410	Xây dựng và sử dụng hệ thống bài tập thực tiễn chủ đề "Khúc xạ ánh sáng" nhằm phát triển năng lực Vật lí cho học sinh trung học phổ thông.	Nguyễn Thị Tú Anh	PGS.TS. Phạm Kim Chung	LL&PPDH bộ môn vật lý
411	Tổ chức dạy học dự án chủ đề "Ứng dụng Vật lí trong chẩn đoán y học" cho học sinh trung học phổ thông.	Nguyễn Thị Thơm	PGS.TS. Phạm Kim Chung	LL&PPDH bộ môn vật lý
412	Tổ chức dạy học STEM chủ đề "năng lượng" cho học sinh trung học cơ sở.	Nguyễn Thị Phương Thúy	PGS.TS. Phạm Kim Chung	LL&PPDH bộ môn vật lý
413	"Phát triển năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn thông qua dạy học tích hợp các chủ đề chương Nito và các hợp chất của Nito - Hóa học 11 - Trung học phổ thông".	Nguyễn Thị Lệ Thủy	PGS.TS. Trần Thị Như Mai	Lý luận và PPDH bộ môn Hóa học

414	Phát triển năng lực hợp tác cho học sinh thông qua dạy học chương Sự điện li - Hóa học 11	Bùi Thị Phương	PGS. TS. Nguyễn Đức Dũng	Lý luận và PPDH bộ môn Hóa học
415	Phát triển năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn thông qua dạy học tích hợp các chủ đề chương Alkane - Hóa học 11 - Trung học phổ thông	Nguyễn Thị Lệ Thu	PGS.TS. Trần Thị Như Mai	Lý luận và PPDH bộ môn Hóa học
416	Nghiên cứu dạy học một số chủ đề Hóa học trung học phổ thông bằng tiếng Anh tiếp cận SAT II: Chemistry.	Hà Minh Nguyệt	TS. Hoàng Thu Hà	Lý luận và PPDH bộ môn Hóa học
417	"Phát triển năng lực thực nghiệm hóa học cho học sinh trung học phổ thông thông qua bài tập thực nghiệm hóa học phân nguyên tố Nitrogen và các hợp chất của nguyên tố Nitrogen".	Phạm Thị Tình	TS. Vũ Thị Thu Hoài	Lý luận và PPDH bộ môn Hóa học
418	"Phát triển năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn thông qua dạy học tích hợp các chủ đề chương Nito và các hợp chất của Nito - Hóa học 11 - Trung học phổ thông".	Nguyễn Thị Lệ Thủy	PGS.TS. Trần Thị Như Mai	Lý luận và PPDH bộ môn Hóa học
419	Phát triển năng lực hợp tác cho học sinh thông qua dạy học chương Sự điện li - Hóa học 11	Bùi Thị Phương	PGS. TS. Nguyễn Đức Dũng	Lý luận và PPDH bộ môn Hóa học

420	Phát huy năng lực tự học của học sinh thông qua dạy học theo chủ đề phần sắt và một số kim loại quan trọng - hóa học 12	Lê Thị Ngọc	PGS. TS. Đào Thị Việt Anh	Lý luận và PPDH bộ môn Hóa học
421	Vận dụng mô hình giáo dục STEM trong dạy học phần ba Sinh học Vi sinh vật, Sinh học 10, Trung học phổ thông	Nguyễn Thị Huyền	TS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	LL&PPDH bộ môn Sinh Học
422	Vận dụng mô hình giáo dục STEM trong dạy học Sinh học 8, Trung học cơ sở	Lê Thùy Linh	PGS. TS. Nguyễn Thế Hưng	LL&PPDH bộ môn Sinh Học
423	Vận dụng dạy học hỗn hợp (Blended learning) trong dạy học chương IV Sinh Sản, Sinh học 11, Trung học phổ thông	Nguyễn Thị Hồng Nhung	PGS. TS. Mai Văn Hưng	LL&PPDH bộ môn Sinh Học
424	Vận dụng dạy học hỗn hợp (Blended learning) trong dạy học phần ba Sinh học Vi sinh vật, Sinh học 10, Trung học phổ thông	Lê Diệu Phương	PGS. TS. Mai Văn Hưng	LL&PPDH bộ môn Sinh Học
425	Vận dụng quan điểm tích hợp trong dạy đọc hiểu thơ trung đại Việt Nam (Ngữ văn lớp 10)	Vũ Thị Bích	PGS.TS. Phạm Minh Diệu	LL&PPDH bộ môn Ngữ Văn

426	Tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong dạy học truyện cổ tích (Ngữ văn 10)	Đặng Thị Hà	TS. Dương Tuyết Hạnh	LL&PPDH bộ môn Ngữ Văn
427	"Xây dựng hệ thống bài tập phát triển năng lực văn học cho học sinh lớp 12 qua dạy học truyện ngắn của Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975".	Đoàn Thị Hà	TS. Phạm Thị Thu Hiền	LL&PPDH bộ môn Ngữ Văn
428	"Xây dựng hệ thống câu hỏi phát triển năng lực đọc hiểu cho học sinh lớp 10 trong dạy học truyện dân gian Việt Nam".	Nguyễn Thị Thúy Lan	PGS.TS. Trịnh Thị Lan	LL&PPDH bộ môn Ngữ Văn
429	Tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh trong dạy học cụm bài về Phong cách ngôn ngữ ở trường trung học phổ thông.	Nguyễn Thị Thuý Linh	TS. Nguyễn Thị Ban	LL&PPDH bộ môn Ngữ Văn
430	Dạy học thơ trung đại chương trình Ngữ văn lớp 7 theo hướng tích cực hóa hoạt động của học sinh.	Phạm Kiều Mi	PGS.TS. Trần Khánh Thành	LL&PPDH bộ môn Ngữ Văn
431	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề của học sinh lớp 8 trong dạy học đọc hiểu văn bản nhật dụng.	Nguyễn Thị Yến	PGS.TS. Lê Hải Anh	LL&PPDH bộ môn Ngữ Văn

432	Vận dụng quan điểm tích hợp trong dạy đọc hiểu thơ trung đại Việt Nam (Ngữ văn lớp 10)	Vũ Thị Bích	PGS.TS. Phạm Minh Diệu	LL&PPDH bộ môn Ngữ Văn
433	"Tổ chức dạy học Lịch sử Việt Nam lớp 10 theo hướng phát triển năng lực vận dụng kiến thức cho học sinh ở trường trung học phổ thông Nguyễn Đức Thuận tỉnh Nam Định".	Vũ Thị Kim Lan	PGS.TS. Trịnh Đình Tùng	LL&PPDH bộ môn Lịch Sử
434	"Tổ chức dạy học Lịch sử Việt Nam lớp 11 theo hướng phát triển năng lực hợp tác cho học sinh ở trường Trung học phổ thông Công Nghiệp tỉnh Hòa Bình".	Phạm Thị Bích Ngọc	GS.TS. Nguyễn Thị Côi	LL&PPDH bộ môn Lịch Sử
435	Ứng dụng mô hình lớp học đảo ngược trong dạy học Sinh học 8 để phát triển năng lực tự học cho học sinh Trung học cơ sở	Bùi Phương Anh	TS. Lê Thị Phụng	LL&PPDH bộ môn Toán
436	Vận dụng mô hình VESTED trong dạy học Sinh học 10 Trung học phổ thông	Nguyễn Thị Bích Dậu	TS. Lê Thị Phụng	LL&PPDH bộ môn Toán
437	Vận dụng thuyết đa trí tuệ của Howard Gardner trong dạy học chương Tiêu hoá, Sinh học 8 - Trung học cơ sở	Tạ Thị Thu Hương	PGS.TS. Mai Văn Hưng	LL&PPDH bộ môn Toán

438	Tổ chức dạy học theo dự án trong dạy học chương III - Sinh trưởng và phát triển, Sinh học 11 Trung học phổ thông	Nguyễn Thị Hương Giang	PGS.TS. Mai Văn Hưng	LL&PPDH bộ môn Toán
439	Thiết kế và sử dụng thí nghiệm dạy học chương 1: Chuyển hoá vật chất và năng lượng - Sinh học 11, Trung học phổ thông	Đào Minh Ngọc	TS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	LL&PPDH bộ môn Toán
440	Dạy học sinh học 8 - Trung học cơ sở theo định hướng phát triển năng lực	Nguyễn Thị Nam Trang	PGS.TS. Nguyễn Thế Hưng	LL&PPDH bộ môn Toán
441	Dạy học vận dụng tính chất của hàm lồi để chứng minh bất đẳng thức lượng giác trong tam giác nhằm phát triển kỹ năng giải toán cho học sinh	Đặng Thị Phương Thảo	GS.TSKH. Nguyễn Văn Mậu	LL&PPDH bộ môn Toán
442	Rèn luyện kỹ năng giải toán về đẳng thức đại số trong tam giác cho học sinh khá, giỏi ở trường Trung học phổ thông	Đặng Thị Thảo	GS.TSKH. Nguyễn Văn Mậu	LL&PPDH bộ môn Toán
443	Phát triển tư duy sáng tạo cho học sinh thông qua dạy chuyên đề tỉ lệ thức ở trường trung học cơ sở	Trần Thanh Thủy	PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn	LL&PPDH bộ môn Toán

444	Xây dựng và sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong dạy học chủ đề tích phân lớp 12	Phan Thị Thanh Tâm	PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn	LL&PPDH bộ môn Toán
445	Rèn luyện kỹ năng cho học sinh trong vận dụng tính đơn điệu của hàm số để chứng minh bất đẳng thức đại số trong tam giác	Nguyễn Thị Anh Nguyên	GS.TSKH. Nguyễn Văn Mậu	LL&PPDH bộ môn Toán
446	Rèn luyện kỹ năng giải phương trình Diophant dạng phân thức cho học sinh khá, giỏi ở trường Trung học cơ sở	Nguyễn Quỳnh Anh	GS.TSKH. Nguyễn Văn Mậu	LL&PPDH bộ môn Toán
447	Dạy học giải bài tập chương phương pháp tọa độ trong mặt phẳng ở lớp 10	Nguyễn Ngọc Trâm	GS.TS. Nguyễn Hữu Châu	LL&PPDH bộ môn Toán
448	Dạy học khám phá chủ đề bất phương trình và hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn ở lớp 10	Vũ Thị Lan Anh	GS.TS. Nguyễn Hữu Châu	LL&PPDH bộ môn Toán
449	Dạy học khám phá có hướng dẫn thông qua hoạt động trải nghiệm đối với chủ đề thể tích khối đa diện và khối tròn xoay ở lớp 12	Nguyễn Thế Tuấn Vũ	PGS.TS. Vũ Đỗ Long	LL&PPDH bộ môn Toán

450	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học chương Mặt nón, mặt trụ, mặt cầu cho học sinh lớp 12	Nguyễn Minh Thoa	PGS.TS. Vũ Đổ Long	LL&PPDH bộ môn Toán
451	Dạy học chuyên đề Hệ phương trình bậc nhất ba ẩn ở lớp 10 theo hướng phát triển năng lực giải quyết vấn đề thực tiễn cho học sinh.	Trần Thị Thu	GS.TS. Bùi Văn Nghị	LL&PPDH bộ môn Toán
452	Dạy học nội dung Hàm số và đồ thị ở lớp 10 góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ Toán học cho học sinh	Nguyễn Thị Hạnh	GS.TS. Bùi Văn Nghị	LL&PPDH bộ môn Toán
453	Dạy học Đại số ở lớp 9 theo hướng vận dụng kiến thức vào giải quyết vấn đề	Nguyễn Thị Phương	GS.TS. Bùi Văn Nghị	LL&PPDH bộ môn Toán
454	Dạy học các hình khối ở lớp 9 theo hướng giải quyết vấn đề thực tế	Trần Minh Ngọc	GS.TS. Bùi Văn Nghị	LL&PPDH bộ môn Toán
455	Dạy học cho học sinh chuyên toán Trung học phổ thông thông qua chủ đề tổ hợp	Vũ Tuấn Vũ	PGS.TS. Lê Anh Vinh	LL&PPDH bộ môn Toán

456	Tổ chức dạy học phân hóa chủ đề Tổ hợp - Xác suất cho học sinh lớp 11	Nguyễn Trung Thành	TS. Phạm Đức Hiệp	LL&PPDH bộ môn Toán
457	Dạy học giải quyết vấn đề chủ đề hệ phương trình bậc nhất hai ẩn cho học sinh lớp 9 trường phổ thông năng khiếu thể dục thể thao Hà Nội	Trịnh Thị Ngọc Xuyên	PGS.TS. Vũ Đỗ Long	LL&PPDH bộ môn Toán
458	Phát triển tư duy sáng tạo cho học sinh thông qua dạy học chuyên đề phương trình mũ và phương trình logarit ở lớp 12	Trần Tuấn Sơn	PGS.TS. Nguyễn Nhụy	LL&PPDH bộ môn Toán
459	Phát triển tư duy phản biện cho học sinh thông qua dạy học chuyên đề Tích phân lớp 12	Lưu Quang Lợi	PGS.TS. Nguyễn Nhụy	LL&PPDH bộ môn Toán
460	Phát triển tư duy sáng tạo cho học sinh trong giải bài toán hình học lớp 7	Hoàng Thị Nguyệt Hà	PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn	LL&PPDH bộ môn Toán
461	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề thực tiễn trong dạy học hình học lớp 8	Phạm Thị Mai Anh	PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn	LL&PPDH bộ môn Toán

462	Tổ chức dạy học dự án chủ đề toán thống kê cho học sinh bậc trung học cơ sở	Đặng Thị Minh Tâm	TS. Lưu Bá Thắng	LL&PPDH bộ môn Toán
463	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh thông qua dạy học Chủ đề Góc với đường tròn ở lớp 9	Nguyễn Thị Bích	PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Minh	LL&PPDH bộ môn Toán
464	Phát triển tư duy sáng tạo cho học sinh thông qua dạy học chuyên đề số nguyên tố, hợp số ở lớp 6	Nguyễn Thị Thanh Nhung	PGS.TS. Nguyễn Nhụy	LL&PPDH bộ môn Toán
465	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề thực tiễn cho học sinh trong dạy học chuyên đề tích phân lớp 12	Trần Ngọc Quang	TS. Nguyễn Ngọc Phan	LL&PPDH bộ môn Toán
466	Phát triển tư duy sáng tạo cho học sinh trong dạy học chuyên đề ứng dụng đạo hàm tìm giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất ở lớp 12	Nguyễn Văn Ba	PGS.TS. Nguyễn Nhụy	LL&PPDH bộ môn Toán
467	Phát triển tư duy phản biện cho học sinh thông qua dạy học chuyên đề Phương trình chứa căn thức ở lớp 10	Bùi Lan Phương	PGS.TS. Nguyễn Nhụy	LL&PPDH bộ môn Toán

468	Rèn luyện kỹ năng giải toán tích phân cho học sinh lớp 12	Bùi Thị Hằng	TS. Trần Hữu Nam	LL&PPDH bộ môn Toán
469	Dạy học giải quyết vấn đề trong chủ đề Nguyên hàm - Tích phân ở lớp 12	Trần Văn Đoàn	PGS.TSKH. Vũ Đình Hòa	LL&PPDH bộ môn Toán
470	Dạy học chủ đề giá trị lớn nhất, nhỏ nhất của hàm số gắn với thực tiễn cho học sinh lớp 12	Đoàn Công Hoàng	TS. Nguyễn Đức Huy	LL&PPDH bộ môn Toán
471	Tổ chức dạy học phân hóa cho học sinh lớp 11 trong chủ đề giới hạn	Nguyễn Việt Sơn Tùng	TS. Nguyễn Đức Huy	LL&PPDH bộ môn Toán
472	Vận dụng một số kỹ thuật đánh giá quá trình học tập của học sinh vào dạy học chương đạo hàm - Đại số và giải tích 11	Nguyễn Thị Linh Chi	TS. Nguyễn Phương Chi	LL&PPDH bộ môn Toán
473	Tổ chức tình huống dạy học hiệu quả trong chủ đề "Cung và góc lượng giác. Công thức lượng giác" ở môn Toán lớp 10	Trịnh Thị Phương Thảo	TS. La Đức Minh	LL&PPDH bộ môn Toán

474	Rèn luyện kỹ năng giải hệ phương trình bậc nhất, bậc hai cho học sinh thông qua chủ đề đường tròn	Hoàng Thị Kim Anh	TS. Lê Đình Định	LL&PPDH bộ môn Toán
475	Ứng dụng phần mềm R trong dạy học xác suất, thống kê ở trường Trung học phổ thông	Vũ Thị Lan Anh	TS. Trần Xuân Quang	LL&PPDH bộ môn Toán
476	Sử dụng câu hỏi hiệu quả trong dạy học khám phá chủ đề phân số ở lớp 6	Bùi Thị Phương Thảo	TS. Phạm Văn Quốc	LL&PPDH bộ môn Toán
477	Dạy học mô hình hóa toán học trong chương trình Đại số lớp 7	Nguyễn Thùy Linh	PGS.TS. Nguyễn Chí Thành	LL&PPDH bộ môn Toán
478	Sử dụng máy tính bỏ túi trong dạy học khám phá chủ đề lượng giác lớp 11	Bùi Thị Duyên	PGS.TS. Nguyễn Chí Thành	LL&PPDH bộ môn Toán
479	Rèn luyện kỹ năng thảo luận nhóm cho học sinh trong dạy học "hàm số" lớp 10 ở trung tâm giáo dục thường xuyên	Vũ Thị Mỹ Hoa	PGS.TS. Chu Cẩm Thơ	LL&PPDH bộ môn Toán

480	Dạy học nội dung vectơ trong chương trình Toán 10 theo hướng phát triển năng lực người học.	Lê Phương Anh	PGS.TS. Trần Văn Tấn	LL&PPDH bộ môn Toán
481	Thiết kế và sử dụng Ebook Chương "Sóng cơ", Vật lí 12 nhằm phát triển năng lực tự học của học sinh	Trần Thị Kim Ngân	GS.TS. Vũ Văn Hùng	LL&PPDH bộ môn Vật Lí
482	Thiết kế và sử dụng Ebook chương "Điện tích. Điện trường", Vật lí 11 nhằm phát triển năng lực tự học cho học sinh	Bùi Thị Hồng	GS.TS. Vũ Văn Hùng	LL&PPDH bộ môn Vật Lí
483	Thiết kế hoạt động học nội dung "Động lực học" nhằm phát triển năng lực Vật lí của học sinh Trung học phổ thông	Nguyễn Phương Anh	GS.TS. Vũ Văn Hùng	LL&PPDH bộ môn Vật Lí
484	Bồi dưỡng năng lực vận dụng kiến thức Vật lí cho học sinh trong dạy học chương "Mắt. Các dụng cụ quang học", Vật lí 11	Nguyễn Thị Vân Anh	PGS.TS Nguyễn Văn Nhã	LL&PPDH bộ môn Vật Lí
485	Biên soạn và hướng dẫn giải bài tập chương "Tĩnh học vật rắn", Vật lí 10 nhằm phát triển năng lực sáng tạo của học sinh giỏi Vật lí.	Nguyễn Thị Thanh	GS.TS. Nguyễn Quang Báu	LL&PPDH bộ môn Vật Lí

486	Tổ chức dạy học STEM chủ đề "Cơ học" gắn với sản xuất kinh doanh.	Ngô Thanh Tĩnh	PGS.TS Phạm Kim Chung	LL&PPDH bộ môn Vật Lí
487	Biên soạn và sử dụng bài tập có nội dung thực tiễn trong dạy học phần "Nhiệt học", Vật lí 10 nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề của học sinh.	Lê Diệu Thùy	TS. Nguyễn Anh Thuận	LL&PPDH bộ môn Vật Lí
488	Tổ chức hoạt động trải nghiệm chủ đề "Sự nở vì nhiệt" trong dạy học Vật lí lớp 6 nhằm phát triển năng lực hợp tác của học sinh.	Ngô Thị Hường	TS. Dương Xuân Quý	LL&PPDH bộ môn Vật Lí
489	Xây dựng và sử dụng tình huống thực tiễn trong dạy học chương "Động lực học chất điểm", Vật lí 10 nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề của học sinh.	Nguyễn Thị Liên	PGS.TS. Lê Thị Thu Hiền	LL&PPDH bộ môn Vật Lí
490	Xây dựng và sử dụng đề kiểm tra đánh giá trong giờ học chương "Dòng điện không đổi", Vật lí lớp 11	Đỗ Thị Thùy Dương	PGS.TS. Lê Thị Thu Hiền	LL&PPDH bộ môn Vật Lí
491	Tổ chức dạy học nội dung "Điện tích. Điện trường" theo hướng phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh Trung học phổ thông.	Đàm Thị Hoàn	PGS.TS Đinh Văn Dũng	LL&PPDH bộ môn Vật Lí

492	Soạn thảo bài tập chương "Động lực học chất điểm", Vật lí 10 và sử dụng trong đánh giá năng lực giải quyết vấn đề của học sinh.	Phạm Thu Hoài	GS.TS.Đỗ Hương Trà	LL&PPDH bộ môn Vật Lí
493	Tổ chức dạy học chương "Động lực học chất điểm", Vật lí 10 theo mô hình lớp học đảo ngược.	Lê Thị Hương	GS.TS.Đỗ Hương Trà	LL&PPDH bộ môn Vật Lí
494	Sử dụng kỹ thuật đánh giá quá trình trong dạy học Chương "Động học chất điểm", Vật lí 10 nhằm nâng cao hứng thú học tập của học sinh.	Phí Thị Phương Thuý	TS. Lê Thái Hưng	LL&PPDH bộ môn Vật Lí
495	Thiết kế công cụ đánh giá năng lực thực nghiệm của học sinh trong dạy học chương "Điện học", Vật lí 7.	Nguyễn Bích Ngọc	TS. Lê Thái Hưng	LL&PPDH bộ môn Vật Lí
496	Tổ chức dạy học chương "Điện tích-Điện trường" Vật lí 11 theo định hướng bồi dưỡng năng lực tự học của học sinh ở Trung tâm giáo dục thường xuyên	Lã Thị Thu	TS. Ngô Diệu Nga	LL&PPDH bộ môn Vật Lí
497	Biên soạn và sử dụng hệ thống bài tập trong dạy học chương "Hạt nhân nguyên tử", Vật lí 12 theo hướng phát triển năng lực tự học của học sinh	Lưu Thị Thu Nga	PGS.TS. Bùi Văn Loát	LL&PPDH bộ môn Vật Lí

498	Tổ chức dạy học chương "Hạt nhân nguyên tử", Vật lí 12 theo hướng phát triển năng lực Vật lí của học sinh	Bùi Thị Thoa	PGS.TS. Bùi Văn Loát	LL&PPDH bộ môn Vật Lí
499	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh trong dạy học truyện Việt Nam sau 1975 ở trường trung học phổ thông	Trương Thị Hạnh	PGS.TS. Bùi Minh Đức	LL&PPDH bộ môn Ngữ Văn
500	Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học văn học dân gian cho học sinh lớp 10	Lê Thị Thương	TS. Phạm Thị Thu Hiền	LL&PPDH bộ môn Ngữ Văn
501	Phát triển năng lực cảm thụ văn học cho học sinh lớp 11 qua dạy học truyện Việt Nam hiện đại	Lê Thị Kim Dung	TS. Phạm Thị Thu Hiền	LL&PPDH bộ môn Ngữ Văn
502	Tích hợp giáo dục kĩ năng sống cho học sinh lớp 6 thông qua dạy học văn bản truyện hiện đại Việt Nam	Nguyễn Kim Anh	TS. Dương Tuyết Hạnh	LL&PPDH bộ môn Ngữ Văn
503	Dạy học truyện cổ tích trong sách giáo khoa Ngữ văn 10 từ góc nhìn văn hóa	Nguyễn Vân Anh	TS. Nguyễn Đức Khuông	LL&PPDH bộ môn Ngữ Văn

504	Ứng dụng lí thuyết tự sự học vào dạy học truyện ngắn Việt Nam hiện đại (Chương trình Ngữ văn 11 ban Cơ bản)	Phạm Thị Huệ	PGS.TS. Trần Khánh Thành	LL&PPDH bộ môn Ngữ Văn
505	Dạy học các thao tác lập luận cho học sinh lớp 11 theo định hướng phát triển năng lực ngôn ngữ	Phạm Thị Vân	TS. Nguyễn Thị Ban	LL&PPDH bộ môn Ngữ Văn
506	Dạy học truyện ngắn của nhà văn Nam Cao trong chương trình Ngữ văn 11 theo định hướng phát triển năng lực văn học cho học sinh	Nguyễn Thị Mai Anh	PGS.TS. Lê Hải Anh	LL&PPDH bộ môn Ngữ Văn
507	Vận dụng mô hình "Nghiên cứu bài học" trong dạy học truyện ngắn Việt Nam sau năm 1975 cho học sinh lớp 12	Nguyễn Thị Thu Thoa	PGS.TS. Phạm Minh Diệu	LL&PPDH bộ môn Ngữ Văn

3. Đại học

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Dạy học blended learning chủ đề phương trình - hệ phương trình lớp 10	Đình Thị Hiền Lương	PGS. TS Nguyễn Chí Thành	Sư phạm Toán
2	Dạy học xác suất thống kê lớp 10, 11 theo định hướng STEM	Nguyễn Thị Thảo Linh	PGS.TS Nguyễn Chí Thành	Sư phạm Toán
3	Dạy học dự án nội dung thống kê ở trường phổ thông	Tạ Duy Tiến	PGS.TS Nguyễn Chí Thành	Sư phạm Toán

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
4	Dạy học chủ đề phương trình - hệ phương trình lớp 10 bằng Tiếng Anh	Nguyễn Huyền Trang	PGS.TS Nguyễn Chí Thành	Sư phạm Toán
5	Dạy học theo hướng phát hiện và giải quyết vấn đề - Nội dung xác suất thống kê lớp 11	Dương Huyền Trang	PGS.TS Nguyễn Chí Thành	Sư phạm Toán
6	Ứng dụng phần mềm R trong dạy học xác suất thống kê lớp 10, 11	Chu Hồng Vinh	PGS.TS Nguyễn Chí Thành	Sư phạm Toán
7	Phát triển năng lực cho học sinh thông qua dạy học tích phân	Chử Thị Hiên	PGS.TS Nguyễn Minh Tuấn	Sư phạm Toán
8	Phương trình vô tỉ	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	PGS.TS Nguyễn Minh Tuấn	Sư phạm Toán
9	Số nguyên tố và ứng dụng	Nguyễn Anh Dũng	PGS.TS Nguyễn Minh Tuấn	Sư phạm Toán
10	Chuyên đề Đa thức cho Trung học cơ sở	Trương Thu Trang	PGS.TS Nguyễn Minh Tuấn	Sư phạm Toán
11	Dạy học "Phương trình lượng giác" theo hướng phát triển năng lực	Nông Thùy Trang	PGS.TS Nguyễn Minh Tuấn	Sư phạm Toán
12	Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào dạy học môn Toán	Lê Thị An	PGS.TS Trần Doãn Vinh	Sư phạm Toán
13	Dạy học trực quan phát triển năng lực giải quyết vấn đề trong xác suất thống kê	Đoàn Kim Dung	PGS.TS Trần Doãn Vinh	Sư phạm Toán
14	Ứng dụng các phương pháp dạy học tích cực và công nghệ trong dạy học	Phạm Hồng Hạnh	PGS.TS Trần Doãn Vinh	Sư phạm Toán
15	Ứng dụng "Sơ đồ tư duy" vào dạy học	Lê Mỹ Linh	PGS.TS Trần Doãn Vinh	Sư phạm Toán
16	Ứng dụng phần mềm R để dạy học Thống kê và Xác suất lớp 10	Nguyễn Thị Hồng Duyên	PGS.TS Trần Doãn Vinh	Sư phạm Toán
17	Ứng dụng đạo hàm trong thực tiễn	Bùi Thị Phương Chi	PGS.TS Vũ Trọng Lương	Sư phạm Toán
18	Ứng dụng của đạo hàm	Nguyễn Thị Hường	PGS.TS Vũ Trọng Lương	Sư phạm Toán
19	Tích phân và ứng dụng	Dương Thị Như Phương	PGS.TS Vũ Trọng Lương	Sư phạm Toán
20	Dạy học STEM chương Đạo hàm lớp 11	Đỗ Thị Thanh Xuân	PGS.TS Vũ Trọng Lương	Sư phạm Toán

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
21	Hàng điểm điều hoà và tứ giác điều hoà	Trần Thị Phương Anh	ThS. Trần Quang Hùng	Sư phạm Toán
22	Một số định lý hình học nổi tiếng và ứng dụng	Nguyễn Xuân Dung	ThS. Trần Quang Hùng	Sư phạm Toán
23	Các bài toán về tam giác và đường tròn	Trương Thị Thanh Hòa	ThS. Trần Quang Hùng	Sư phạm Toán
24	Các bài toán về tứ giác và đường tròn	Lưu Thúy Linh	ThS. Trần Quang Hùng	Sư phạm Toán
25	Định lý Menelaus và Ceva	Đỗ Trung Tùng	ThS. Trần Quang Hùng	Sư phạm Toán
26	Xây dựng câu hỏi và bài tập trong dạy - học - kiểm tra đánh giá.	Vũ Anh Thư	ThS. Đào Thị Hoa Mai	Sư phạm Toán
27	Tứ giác nội tiếp và một số mở rộng	Nguyễn Minh Hiền	ThS. Đào Thị Hoa Mai	Sư phạm Toán
28	Các tính chất hình học và ứng dụng trong hình học giải tích phẳng	Nguyễn Việt Hà	ThS. Đào Thị Hoa Mai	Sư phạm Toán
29	Hình học và ứng dụng thực tế	Nguyễn Thị Diệp Linh	ThS. Đào Thị Hoa Mai	Sư phạm Toán
30	Phương pháp dạy học tiếp cận năng lực	Trần Thị Hảo	ThS. Đào Thị Hoa Mai	Sư phạm Toán
31	Cực trị của Hàm Số	Nguyễn Lê Hoàng Giang	ThS. Hoàng Ngọc Minh	Sư phạm Toán
32	Giải hệ phương trình đối xứng bằng nhiều cách	Bùi Thị Ngọc Hà	ThS. Hoàng Ngọc Minh	Sư phạm Toán
33	Đa thức và các bài toán liên quan	Nguyễn Thuỳ Dung	ThS. Hoàng Ngọc Minh	Sư phạm Toán
34	Các bài toán liên quan đến số nguyên tố, đồng dư trong toán sơ cấp	Bùi Hồng Hạnh	ThS. Hoàng Ngọc Minh	Sư phạm Toán
35	Các phương pháp giải phương trình vô tỉ trong dạy học và ôn thi học sinh giỏi	Hoàng Thị Trang	ThS. Hoàng Ngọc Minh	Sư phạm Toán
36	Kỹ thuật giải phương trình vô tỉ bằng phương pháp đặt ẩn phụ	Đinh Thị Thu Uyên	ThS. Hoàng Ngọc Minh	Sư phạm Toán
37	Dạy học môn Toán bằng Tiếng Anh trong trường phổ thông	Lê Thị Thu Hà	ThS. Nguyễn Đắc Thắng	Sư phạm Toán
38	Hàm số và ứng dụng	Lê Minh Hằng	ThS. Nguyễn Đắc Thắng	Sư phạm Toán
39	Cực trị tại biên	Trần Tân Minh	ThS. Nguyễn Đắc Thắng	Sư phạm Toán
40	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy xác suất thống kê theo chương trình trung học phổ thông	Vũ Ngọc Bình	TS. Trần Xuân Quang	Sư phạm Toán

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
41	Bồi dưỡng, phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh THPT qua dạy học Xác suất - Thống kê	Nguyễn Thị Hải Yến	TS. Trần Xuân Quang	Sư phạm Toán
42	Nghiên cứu Python và ứng dụng trong giảng dạy Xác suất - Thống kê bậc THPT.	Đỗ Thị Thuỳ Trinh	TS. Trần Xuân Quang	Sư phạm Toán
43	Nghiên cứu số đại số và ứng dụng vào giải quyết phương trình nghiệm nguyên.	Nguyễn Thị Lan Hương	TS. Lê Quý Thường	Sư phạm Toán
44	Các hàm lượng giác và ứng dụng	Vũ Thị Kim Loan	TS. Lê Quý Thường	Sư phạm Toán
45	Bất đẳng thức và ứng dụng	Hoàng Lê Nhật Tùng	TS. Phạm Đức Hiệp	Sư phạm Toán
46	Phương trình vô tỉ và ứng dụng trong đề thi	Nguyễn Thiên Ân	TS. Phạm Đức Hiệp	Sư phạm Toán
47	Tổ chức dạy học STEM chủ đề "Động lực học" Vật lí 10 chương trình giáo dục phổ thông mới	Vũ Tùng Anh	PGS.TS Lê Thị Thu Hiền	Sư phạm Vật lý
48	Tổ chức dạy học STEM chủ đề "Động năng và thế năng" Vật lí 10 chương trình giáo dục phổ thông mới	Đinh Thị Thu Thủy	PGS.TS Lê Thị Thu Hiền	Sư phạm Vật lý
49	Tổ chức dạy học STEM chủ đề "Động lượng" Vật lí 10 chương trình giáo dục phổ thông mới	Nguyễn Hồng Vân	PGS.TS Lê Thị Thu Hiền	Sư phạm Vật lý
50	Tổ chức dạy học STEM chủ đề "Sóng âm" Vật lí 11 chương trình giáo dục phổ thông mới	Đặng Thu Hương	PGS.TS Lê Thị Thu Hiền	Sư phạm Vật lý
51	Tổ chức dạy học STEM chủ đề "Dao động cơ học" Vật lí 11 chương trình giáo dục phổ thông mới	Trần Thị Thúy Hằng	PGS.TS Lê Thị Thu Hiền	Sư phạm Vật lý
52	Tổ chức dạy học STEM chủ đề "Năng lượng điện, công suất điện" Vật lí 11 chương trình giáo dục phổ thông mới	Nguyễn Vân Anh	PGS.TS Phạm Kim Chung	Sư phạm Vật lý
53	Tổ chức dạy học STEM chủ đề "Mạch điện và điện trở" Vật lí 11 chương trình giáo dục phổ thông mới	Nguyễn Thị Phương Anh	PGS.TS Phạm Kim Chung	Sư phạm Vật lý
54	Tổ chức dạy học STEM chủ đề "Dòng điện xoay chiều" Vật lí 12 chương trình giáo dục phổ thông mới	Nguyễn Thị Kim Huệ	PGS.TS Lê Thị Thu Hiền	Sư phạm Vật lý
55	Tổ chức dạy học STEM chủ đề "Một số ứng dụng vật lí trong chẩn đoán y học" Vật lí 12 chương trình giáo dục phổ thông mới	Lê Quang Đạt	PGS.TS Phạm Kim Chung	Sư phạm Vật lý

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
56	Tổ chức dạy học STEM chủ đề "Sự chuyển thể" Vật lí 12 chương trình giáo dục phổ thông mới	Nguyễn Phương Quỳnh	PGS.TS Phạm Kim Chung	Sư phạm Vật lý
57	Tích hợp giáo dục hướng nghiệp trong dạy học Hóa học cho học sinh Trung học Phổ thông	Nguyễn Thị Nhật Hồng	ThS. Vũ Phương Liên	Sư phạm Hoá học
58	Dạy học thí nghiệm ảo chương Oxi - lưu huỳnh Hóa học 10 bằng Crocodile Chemistry và Virtual Chemistry Lab.	Nguyễn Thị Lan Anh	TS. Nguyễn Hoàng Trang	Sư phạm Hoá học
59	Dạy học Blended learning chương dẫn xuất Halogen-Ancol-phenol Hóa học 11	Nguyễn Thị Ánh	TS. Nguyễn Hoàng Trang	Sư phạm Hoá học
60	Phát triển năng lực tự học cho học sinh thông qua hệ thống bài giảng trực tuyến môn Hóa Học chương Oxi-lưu huỳnh Hóa học 10.	Bùi Thị Thơm	TS. Nguyễn Hoàng Trang	Sư phạm Hoá học
61	Dạy học Blended learning chương Hidrocacbon không no Hóa học 11	Nguyễn Huyền Nhung	TS. Nguyễn Hoàng Trang	Sư phạm Hoá học
62	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh thông qua dạy học chương Nito-phospho Hóa học 11	Vũ Thị Mỹ Linh	TS. Nguyễn Hoàng Trang	Sư phạm Hoá học
63	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Hóa học nội dung phần halogen và các hợp chất vô cơ có chứa halogen	Vũ Thế Kiên	TS. Nguyễn Hoàng Trang	Sư phạm Hoá học
64	Thiết kế bài tập thí nghiệm chương oxi-lưu huỳnh hóa học 10 nhằm phát triển năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho học sinh	Dương Thị Minh Tâm	TS. Nguyễn Hữu Chung	Sư phạm Hoá học
65	Xây dựng bài giảng điện tử chương Oxi-lưu huỳnh hóa học 10 nhằm phát triển năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho học sinh.	Nguyễn Thị Phương	TS. Nguyễn Hữu Chung	Sư phạm Hoá học
66	Thiết kế bài giảng điện tử học phần hiđrôcacbon không no nhằm nâng cao hứng thú học tập cho học sinh ở trường THPT	Nguyễn Thị Thu Hoàn	TS. Nguyễn Hữu Chung	Sư phạm Hoá học

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
67	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học hóa học chương Nito - Photpho nhằm phát triển năng lực vận dụng kiến thức tự học cho học sinh	Trần Thị Thúy Hằng	TS. Nguyễn Hữu Chung	Sư phạm Hoá học
68	Xây dựng bài giảng điện tử học phần chương Halogen Hoá học 10 nhằm giúp học sinh phát triển năng lực tự học	Hoàng Thu Thảo	TS. Nguyễn Hữu Chung	Sư phạm Hoá học
69	Xây dựng bài giảng điện tử chương oxi- lưu Huỳnh nhằm giúp học sinh phát triển năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn	Nguyễn Thị Phương	TS. Nguyễn Hữu Chung	Sư phạm Hoá học
70	Xây dựng bài giảng điện tử chương Halogen Hóa học lớp 10 nhằm giúp học sinh phát triển năng lực tự học	Trịnh Thị Thu Phương	TS. Nguyễn Hữu Chung	Sư phạm Hoá học
71	Vận dụng phương pháp dạy học dự án trong dạy học hóa học chương Polyme lớp 12 nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của học sinh.	Lương Thị Chinh	TS. Phạm Thị Kim Giang	Sư phạm Hoá học
72	Phát triển năng lực vận dụng kiến thức hóa học vào cuộc sống cho học sinh trung học phổ thông theo định hướng giáo dục Stem phần Polymer - Hóa học 12	Đỗ Thị Thúy Hằng	TS. Phạm Thị Kim Giang	Sư phạm Hoá học
73	Phát triển năng lực vận dụng kiến thức hóa học vào cuộc sống cho học sinh trung học phổ thông theo mô hình giáo dục STEM phần kim loại - Hóa học 12	Nguyễn Thị Hiền	TS. Phạm Thị Kim Giang	Sư phạm Hoá học
74	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh trung học phổ thông theo mô hình giáo dục STEM phần Ancol- Phenol - Hóa Học 11	Trương Minh Nguyên	TS. Phạm Thị Kim Giang	Sư phạm Hoá học
75	Phát triển năng lực thực nghiệm hóa học cho học sinh trung học phổ thông theo mô hình giáo dục STEM chương Este - Lipit - Hóa học 12	Đỗ Minh Thu	TS. Phạm Thị Kim Giang	Sư phạm Hoá học
76	Ứng dụng phần mềm Crocodile Chemistry trong dạy học chương Oxi – Lưu huỳnh - Hóa học 10	Nguyễn Thị Thu	TS. Phạm Thị Kim Giang	Sư phạm Hoá học

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
77	Vận dụng phương pháp dạy học dự án trong dạy học chương Oxi- Lưu huỳnh hóa học 10 nhằm tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh	Mạc Thị Thanh Thu	TS. Phạm Thị Kim Giang	Sư phạm Hoá học
78	Vận dụng phương pháp dạy học dự án trong dạy học phần axit cacboxylic Hóa học 11 nhằm phát triển năng lực vận dụng kiến thức hóa học vào thực tiễn cho học sinh	Đoàn Thị Hải Vân	TS. Phạm Thị Kim Giang	Sư phạm Hoá học
79	Thiết kế Ebook dạy học tích hợp phần Kim loại, Hóa học 9 nhằm phát triển năng lực tự học cho học sinh	Nguyễn Tùng Lâm	TS. Vũ Minh Trang	Sư phạm Hoá học
80	Dạy học STEM chương Cacbohidrat, Hóa học 12 nhằm định hướng nghề nghiệp cho học sinh THPT	Nguyễn Thu Hiền	TS. Vũ Minh Trang	Sư phạm Hoá học
81	Phát triển năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho học sinh thông qua dạy học chủ đề "Pin điện và điện phân"	Lê Ngọc Hiếu	TS. Vũ Minh Trang	Sư phạm Hoá học
82	Vận dụng phương pháp dạy học trực quan chương đại cương kim loại, Hóa học 12 nhằm nâng cao hứng thú học tập cho học sinh	Nguyễn Thị Huyền Trang	TS. Vũ Minh Trang	Sư phạm Hoá học
83	Phát triển năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho học sinh thông qua dạy học phần Hidrocacbon no	Dương Thanh Hoa	TS. Vũ Minh Trang	Sư phạm Hoá học
84	Vận dụng phương pháp dạy học theo cấu trúc STAD trong các bài luyện tập môn hóa học lớp 10, 11, 12	Đỗ Quang Huy	TS. Vũ Thị Thu Hoài	Sư phạm Hoá học
85	vận dụng sơ đồ tư duy hiệu quả, sáng tạo để phát triển năng lực tự học cho học sinh trong dạy học chương Cacbohidrat lớp 12 THPT	Trần Thị Hạnh	TS. Vũ Thị Thu Hoài	Sư phạm Hoá học
86	Dạy học định hướng phát triển năng lực cho học sinh	Phạm Thị Thảo	TS. Vũ Thị Thu Hoài	Sư phạm Hoá học

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
87	Vận dụng PPDH dự án kết hợp sử dụng công nghệ thông tin trong DHHH nhằm phát triển năng lực tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ hoá học trong chương Cacbon - Hoá học 11	Phạm Thị Thanh	TS. Vũ Thị Thu Hoài	Sư phạm Hoá học
88	Phát triển các năng lực chung và năng lực đặc thù của môn hóa học trong dạy học hóa học ở trường phổ thông	Nguyễn Trung Hưng	TS. Vũ Thị Thu Hoài	Sư phạm Hoá học
89	Dạy học định hướng phát triển năng lực vận dụng kiến thức hoá học vào thực tiễn cho học sinh ở bài Ancol trong chương trình Hoá Học lớp 11	Nguyễn Thị Phương Anh	TS. Vũ Thị Thu Hoài	Sư phạm Hoá học
90	Dạy học dự án chương Oxi - Lưu huỳnh	Nguyễn Thị Thương Thương	TS. Vũ Thị Thu Hoài	Sư phạm Hoá học
91	Ứng dụng phần mềm Crocodile vào bài Axit sunfuric Muối sunfat (Hoá học 10) tại trường THPT	Trần Thị Thu Thảo	TS. Vũ Thị Thu Hoài	Sư phạm Hoá học
92	Tích hợp giáo dục giới tính trong dạy học sinh học lớp 11 chương trình THPT	Nguyễn Thị Hồng	PGS TS Mai Văn Hưng	Sư Phạm Sinh học
93	Thiết kế một số số mô hình thí nghiệm trong dạy học nhằm phát triển kỹ năng thực hành của học sinh	Vũ Mai Quỳnh	TS. Nguyễn Thị Thuý Quỳnh	Sư Phạm Sinh học
94	Thiết kế chủ đề tiếng anh tích hợp với phần giáo dục giới tính trong dạy học Sinh học 11	Hoàng Thị Lan	TS. Nguyễn Thuý Quỳnh	Sư Phạm Sinh học
95	Dạy học chủ đề : Môi trường và sức khỏe con người	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Ths.Lại Phương Liên	Sư Phạm Sinh học
96	Tích hợp giáo dục giới tính trong dạy học sinh học lớp 8 chương trình THCS	Lại Thị Hằng	PGS. TS.Mai Văn Hưng	Sư Phạm Sinh học
97	Giáo dục bảo vệ môi trường của địa phương trong dạy học Sinh học Trung học phổ thông	Nguyễn Thị Mai Linh	TS.Lê Thị Phượng	Sư Phạm Sinh học
98	Vận dụng phần mềm ArcGIS thiết kế một số chủ đề dạy học phần ba3 Sinh học vi sinh vật, Sinh học 10	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Ts. Nguyễn Thị Thuý Quỳnh	Sư Phạm Sinh học

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
99	Thiết kế một số chủ đề dạy học Sinh học bằng tiếng anh trong chương trình Sinh học THPT	Nguyễn Thị Loan	TS. Lê Thị Phương	Sư Phạm Sinh học
100	Giáo dục STEM trong dạy học Sinh học 8	Mạc Phạm Đan Ly	TS. Lê Thị Phương	Sư Phạm Sinh học
101	Sử dụng phần mềm mô phỏng thực tế ảo và thực tế tăng cường trong dạy học chủ đề tế bào Sinh học 10	Nguyễn Thúy An	ThS Lại Phương Liên	Sư Phạm Sinh học
102	Tổ chức dạy học chủ đề Giáo dục giới tính và chăm sóc sức khỏe vị thành niên trong dạy học sinh học 11 THPT	Đỗ Thúy Vân	TS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	Sư Phạm Sinh học
103	Vận dụng nghiên cứu bài học để phát triển cộng đồng học tập trong nhà trường	Nguyễn Thị Phương Anh	ThS. Lại Phương Liên	Sư Phạm Sinh học
104	Thiết kế đồ dùng dạy học trong dạy học Sinh học 8	Nguyễn Thị Bích Hương	ThS. Đỗ Thùy Linh	Sư Phạm Sinh học
105	Ứng dụng công nghệ thông tin trong các khâu: chuẩn bị tài liệu giảng dạy, tổ chức lớp học.	Đỗ Tiến Thành	ThS. Lại Phương Liên	Sư Phạm Sinh học
106	Thiết kế các hoạt động khởi động trong dạy học trong dạy học sinh học trung học phổ thông	Bùi Thị Thanh Lam	ThS. Đỗ Thùy Linh	Sư Phạm Sinh học
107	Vận dụng các tác phẩm văn học vào dạy học Lịch Sử Việt Nam giai đoạn 1945 - 1954 cho HS lớp 12	Đỗ Thị Chanh	TS. Đoàn Nguyệt Linh	Sư phạm Lịch sử
108	Sử dụng phần mềm Canva trong dạy học lịch sử	Nguyễn Công Tuấn Trình	TS. Đoàn Nguyệt Linh	Sư phạm Lịch sử
109	Sử dụng phần mềm Prezi trong dạy học Lịch sử	Phạm Hoàng Nam	TS. Đoàn Nguyệt Linh	Sư phạm Lịch sử
110	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo của học sinh trong lịch sử	Nguyễn Thu Uyên	TS. Đoàn Nguyệt Linh	Sư phạm Lịch sử
111	Tổ chức dạy học dự án chủ đề: "Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông" trong dạy học lịch sử lớp 11 (chương trình phổ thông 2018)	Bùi Thị Thủy	TS. Đoàn Nguyệt Linh	Sư phạm Lịch sử
112	Những cuộc cải cách trước năm 1858 ở Việt Nam	Hoàng Thúy Trà	TS. Đoàn Nguyệt Linh	Sư phạm Lịch sử

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
113	Thiết kế dạy học chuyên đề : “Hồ Chí Minh trong lịch sử dân tộc Việt Nam” trong dạy học Lịch Sử lớp 12 (chương trình phổ thông 2018).	Lưu Thị Lệ	TS. Đoàn Nguyệt Linh	Sư phạm Lịch sử
114	Thiết kế và sử dụng Ebook trong dạy học Lịch sử chuyên đề " ASEAN: những chặng đường LS"	Vũ Thị Phương Chi	T.S Đoàn Nguyệt Linh	Sư phạm Lịch sử
115	Vận dụng dạy học tích hợp chuyên đề " Chiến tranh bảo vệ tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (trước cách mạng tháng 8 1945) lớp 11 chương trình phổ thông mới 2018"	Trần Thị Thanh Hà	TS Đoàn Nguyệt Linh	Sư phạm Lịch sử
116	Dạy học nhân vật Lịch sử	Tô Thu Trang	TS. Đoàn Nguyệt Linh	Sư phạm Lịch sử
117	Dạy học và biên soạn lịch sử địa phương	Nguyễn Thị Nhật Lệ	TS. Đoàn Nguyệt Linh	Sư phạm Lịch sử
118	Sử dụng công cụ thiết kế đồ họa Piktochart trong dạy học bộ môn Lịch sử ở trường THPT	Đặng Thị Huyền	TS. Đoàn Nguyệt Linh	Sư phạm Lịch sử
119	Phát triển kỹ năng tư duy logic, tư duy phản biện cho học sinh trong dạy học Lịch Sử	Đỗ Đức Anh	TS. Đoàn Nguyệt Linh	Sư phạm Lịch sử
120	Áp dụng phương pháp dạy học các nhân vật Lịch Sử vào chương trình dạy học Lịch Sử THPT	Nguyễn Linh Trang	TS. Đoàn Nguyệt Linh	Sư phạm Lịch sử
121	Vấn đề hoạt động nhóm trong dạy học môn Ngữ văn THPT	Trần Thúy An	PGS.TS Phạm Minh Diệu	Sư phạm Ngữ văn
122	Xây dựng kế hoạch dạy học chủ đề "Tìm hiểu ngôn ngữ trong đời sống xã hội hiện đại" cho học sinh lớp 11 theo Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn mới	Lê Đỗ Phương Anh	TS . Lê Phương Thúy	Sư phạm Ngữ văn
123	Phát triển năng lực sáng tạo cho HS THPT qua việc sử dụng phương pháp sân khấu hóa trong dạy học tác phẩm "Vợ chồng A Phủ" của Tô Hoài	Nguyễn Thị Lan Anh	PGS. TS Lê Hải Anh	Sư phạm Ngữ văn
124	Phát triển năng lực tự học cho học sinh trong dạy học thể loại truyện cười (Ngữ văn 10, tập 1)	Vũ Quỳnh Anh	TS. Phạm Thị Thanh Phượng	Sư phạm Ngữ văn

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
125	Sử dụng sơ đồ tư duy trong dạy học đọc hiểu văn bản văn học cho học sinh lớp 11	Nguyễn Thị Minh Bích	TS. Phạm Thị Thu Hiền	Sur phạm Ngữ văn
126	Vận dụng nguyên lý "Tảng băng trôi" trong dạy đọc hiểu tác phẩm "Muối của rừng" của Nguyễn Huy Thiệp cho học sinh lớp 11	Hoàng Thị Thùy Dương	TS. Phạm Thị Thu Hiền	Sur phạm Ngữ văn
127	Dạy học văn bản "Vội vàng"- Xuân Diệu (Ngữ văn 11, tập 2) theo phương pháp dạy học dự án	Trần Thị Thu Hằng	TS. Phạm Thị Thanh Phụng	Sur phạm Ngữ văn
128	Dạy học thơ Hồ Xuân Hương (Ngữ văn 11, tập 1) theo định hướng phát triển năng lực	Dương Thu Hằng	T.S Phạm Thị Thanh Phụng	Sur phạm Ngữ văn
129	Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh trong dạy học bài "Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt" (Sách giáo khoa Ngữ văn 10, Cơ bản)	Vũ Thị Thanh Huyền	TS. Lã Phương Thúy	Sur phạm Ngữ văn
130	Dạy học đọc hiểu tác phẩm "Muối của rừng" của Nguyễn Huy Thiệp từ góc nhìn phê bình sinh thái	Trần Ngọc Huyền	PGS.TS Lê Hải Anh	Sur phạm Ngữ văn
131	Dạy học "Thương nhớ mười hai" của Vũ Bằng từ góc nhìn văn hóa	Lê Thị Liên	PGS.TS Lê Hải Anh	Sur phạm Ngữ văn
132	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh trong dạy học bài "Nghĩa của câu" (Sách giáo khoa Ngữ văn 11, Cơ bản)	Bùi Diệu Linh	TS. Lã Phương Thúy	Sur phạm Ngữ văn
133	Dạy học nói và nghe cho học sinh lớp 10 theo Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn mới	Đỗ Thị Linh	TS. Lã Phương Thúy	Sur phạm Ngữ văn
134	Nghiên cứu bài học vì cộng đồng học tập trong dạy học văn bản "Chiếc thuyền ngoài xa"- Nguyễn Minh Châu (Ngữ văn 12, tập 2)	Mai Thanh Loan	TS. Phạm Thị Thanh Phụng	Sur phạm Ngữ văn
135	Phát triển năng lực văn học cho học sinh trong dạy học văn bản "Lão Hạc"- Nam Cao (Ngữ văn 8, tập 1)	Ngô Thị Luyến	TS. Phạm Thị Thanh Phụng	Sur phạm Ngữ văn

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
136	Lồng ghép các trò chơi trong dạy học Ngữ văn lớp 10 THPT cho việc tổ chức, dẫn dắt học sinh tiếp cận tác phẩm văn học	Nguyễn Thị Ngân	PGS.TS. Phạm Minh Diệu	Sư phạm Ngữ văn
137	Dạy học tác phẩm truyện theo định hướng phát triển năng lực cho học sinh trung học phổ thông	Nguyễn Thị Hoài Phương	TS. Phạm Thị Thu Hiền	Sư phạm Ngữ văn
138	Vấn đề phát triển các hoạt động hỗ trợ trong dạy học Ngữ Văn	Lê Thu Quỳnh	PGS.TS Phạm Minh Diệu	Sư phạm Ngữ văn
139	Dạy học đọc hiểu tác phẩm thơ Hồ Dzếnh trong nhà trường phổ thông	Phạm Tiến Thành	TS. Phạm Thị Thu Hiền	Sư phạm Ngữ văn
140	Dạy học tiếng Việt theo phương pháp giao tiếp trong nhà trường trung học phổ thông	Vũ Thị Thúy	TS. Dương Tuyết Hạnh	Sư phạm Ngữ văn
141	Dạy học tiếng Việt theo phương pháp phân tích ngôn ngữ trong nhà trường trung học phổ thông	Đường Thị Trang	TS. Dương Tuyết Hạnh	Sư phạm Ngữ văn
142	Dạy học "Đàn ghita của Lorca" của Thanh Thảo theo hướng tiếp cận văn hóa	Nguyễn Thị Thu Trang	PGS.TS Lê Hải Anh	Sư phạm Ngữ văn
143	Dạy học thể loại truyền thuyết (Ngữ văn 6, tập 1) theo đặc trưng thể loại	Nguyễn Linh Trang	TS. Phạm Thị Thanh Phượng	Sư phạm Ngữ văn
144	Dạy học thơ Haiku của Basho theo hướng tiếp cận văn hóa Nhật Bản	Nguyễn Hồng Vân	PGS. TS Lê Hải Anh	Sư phạm Ngữ văn
145	Xây dựng hệ thống câu hỏi kết nối trong dạy học đọc hiểu văn bản thơ trữ tình trung đại Việt Nam cho học sinh lớp 10	Hà Thanh Hằng	TS. Phạm Thị Thu Hiền	Sư phạm Ngữ văn
146	Phương pháp dạy học VB "Truyện AN Dương Vương và Mị Châu - Trọng Thủy" theo định hướng phát triển năng lực	Lương Hương Linh	PGS. TS Phạm Minh Diệu	Sư phạm Ngữ văn (BK)

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
147	Bài toán về phân tích đa thức bậc ba thành nhân tử trên trường số thực	Vũ Anh Thịnh	GS. TSKH Nguyễn Văn Mậu	Sư phạm Toán học
148	Nâng cao hứng thú học tập của học sinh THPT thông qua hình thức học tập trải nghiệm trong môn Toán	Nguyễn Phương Hà	ThS Lại Thị Yến Ngọc	Sư phạm Toán học
149	Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT	Phạm Quang Huy	ThS Nguyễn Thị Anh Thư	Sư phạm Toán học
150	Thiết kế hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh lớp 10	Hoàng Thùy Lư	ThS Lại Thị Yến Ngọc	Sư phạm Toán học
151	Nhận thức của sinh viên trường ĐHGĐ về năng lực giáo dục học sinh	Nguyễn Phương Thảo	ThS Lại Thị Yến Ngọc	Sư phạm Toán học
152	Bạo lực học đường trong trường THPT	Đỗ Băng Thanh	ThS Nguyễn Thị Anh Thư	Sư phạm Toán học
153	Một số phương pháp tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp cho HS THPT	Phạm Thị Trung Anh	TS Nguyễn Thị Bích Liên	Sư phạm Ngữ văn
154	Xây dựng và thiết kế hoạt động trải nghiệm ở trường phổ thông	Nguyễn Thị Vân Anh	ThS Trần Thị Quỳnh Trang	Sư phạm Ngữ văn
155	Định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT	Nguyễn Thị Phương Anh	TS Hoàng Gia Trang	Sư phạm Ngữ văn
156	Kiểm chế, điều khiển cảm xúc ở học sinh THPT	Nguyễn Khánh Chi	Ths Hồ Thu Hà	Sư phạm Ngữ văn
157	Ảnh hưởng tích cực của mạng xã hội đối học sinh trường THPT	Lê Thị Duyên	TS Hoàng Gia Trang	Sư phạm Ngữ văn
158	Phát triển các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở nhà trường THPT	Lê Lan Hương	TS Nguyễn Hồng Kiên	Sư phạm Ngữ văn
159	Hiệu quả của hoạt động tư vấn tâm lý học đường tại trường trung học cơ sở	Nguyễn Vân Khánh	TS Nguyễn Thị Bích Thủy	Sư phạm Ngữ văn
160	Các yếu tố của cha mẹ ảnh hưởng đến lựa chọn nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông	Trần Thị Khánh Linh	TS Hoàng Gia Trang	Sư phạm Ngữ văn

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
161	Hình thành và phát triển năng lực hợp tác của học sinh trung học phổ thông trong hoạt động trải nghiệm	Phạm Bùi Diệu Linh	ThS Trần Thị Quỳnh Trang	Sư phạm Ngữ văn
162	Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT	Nguyễn Thị Mai	TS Nguyễn Thị Bích Thủy	Sư phạm Ngữ văn
163	Giáo dục phòng chống xâm hại tình dục trẻ em	Nguyễn Minh Nguyệt	TS Nguyễn Thị Bích Thủy	Sư phạm Ngữ văn
164	Thiết kế chương trình giáo dục giá trị sống cho học sinh THPT	Nguyễn Thị Thu Phương	TS Nguyễn Hồng Kiên	Sư phạm Ngữ văn
165	Giáo dục kỹ năng kiểm soát cảm xúc cho học sinh THPT	Đào Thị Bích Phương	TS Nguyễn Hồng Kiên	Sư phạm Ngữ văn
166	Phát triển các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm hướng đến tự nhiên cho học sinh THPT	Đào Hồng Phượng	TS Nguyễn Hồng Kiên	Sư phạm Ngữ văn
167	Hoạt động trải nghiệm định hướng nghề nghiệp cho học sinh THPT	Bùi Thị Thảo	TS Nguyễn Hồng Kiên	Sư phạm Ngữ văn
168	Các vấn đề về giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT	Đặng Thị Thêu	TS Nguyễn Thị Bích Thủy	Sư phạm Ngữ văn
169	Thiết kế hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh lớp 12	Vũ Thị Hoài Thu	ThS Lại Thị Yến Ngọc	Sư phạm Ngữ văn
170	Rối nhiễu Tâm lí ở trẻ vị thành niên	Vũ Hoài Thu	Ths Hồ Thu Hà	Sư phạm Ngữ văn
171	Vấn đề bạo lực ngôn ngữ ở học sinh THPT	Nguyễn Thu Trang	TS Hoàng Gia Trang	Sư phạm Ngữ văn
172	Giáo dục kỹ năng tự nhận thức cho học sinh trung học	Nguyễn Quỳnh Trang	TS Nguyễn Thị Bích Thủy	Sư phạm Ngữ văn
173	Giáo dục đạo đức cho học sinh trong dạy học Ngữ văn lớp 11	Nguyễn Thị Cẩm Tú	TS Nguyễn Thị Bích Liên	Sư phạm Ngữ văn
174	Vấn đề trong xã hội học giáo dục - giáo dục kỹ năng sống cho học sinh	Nguyễn Thị Thu Vang	TS Nguyễn Thị Bích Thủy	Sư phạm Ngữ văn
175	Thiết kế hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh ở trường THPT	Vũ Thị Duyên	TS Nguyễn Thị Bích Thủy	Sư phạm Lịch sử

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
176	Tổ chức các hoạt động giáo dục và hình thành kỹ năng cho học sinh THPT	Lê Thanh Tú	TS Nguyễn Thị Bích Thủy	Sư phạm Lịch sử
177	Kỹ năng quản lý cảm xúc của giáo viên trung học phổ thông	Nguyễn Thị Nguyệt	ThS Nguyễn Thị Anh Thư	Sư phạm Lịch sử
178	Giáo dục kỹ năng phòng chống nghiện game cho học sinh THPT	Tạ Thị Hoài Mong	TS Nguyễn Thị Bích Thủy	Sư phạm Lịch sử
179	Thiết kế hoạt động giáo dục giới tính cho học sinh THPT	Ngô Thị Hậu	ThS Nguyễn Thị Anh Thư	Sư phạm Lịch sử
180	Phát triển năng lực sư phạm cho sinh viên	Nguyễn Thị Kiều Oanh	TS Nguyễn Thị Bích Liên	Sư phạm Lịch sử
181	Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh tiểu học thông qua hoạt động	Trần Thị Uyên	TS Hoàng Gia Trang	Sư phạm Lịch sử
182	Nhận thức của học sinh THPT về các hành vi bắt nạt trực tuyến	Vũ Thị Thuý Nga	TS Trần Văn Công	Sư phạm Lịch sử
183	Yếu tố tâm lý cá nhân ảnh hưởng đến bạo lực trực tuyến của học sinh trường THPT Tây Hồ - Hà Nội	Nguyễn Thị Nga	TS Trần Văn Công	Sư phạm Lịch sử
184	Thực trạng bắt nạt qua mạng xã hội của học sinh trường THPT	Trần Thị Mỹ Linh	ThS Trần Thị Quỳnh Trang	Sư phạm Lịch sử
185	Giáo dục lối sống tích cực cho học sinh THPT trong bối cảnh 4.0	Phạm Thị Hiền Anh	TS Hoàng Gia Trang	Sư phạm Lịch sử
186	Tình hình bạo lực tinh thần ở học sinh cấp 3	Đoàn Minh Thư	TS Trần Văn Công	Sư phạm Lịch sử
187	Phát triển năng lực hợp tác cho học sinh THPT	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	ThS Lại Thị Yên Ngọc	Sư phạm Lịch sử
188	Áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý lớp học	Nguyễn Thảo Linh	PGS.TS. Trần Doãn Vinh	QH - 2016 S Ngữ văn_BK
189	Nghiên cứu xây dựng thời khóa biểu thông minh trên cơ sở nền tảng Moodle	Nguyễn Hoàng Hương	TS. Bùi Thị Thanh Hương	QH - 2016 S Lịch sử

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
190	Xây dựng học liệu số di sản văn hóa góp phần dạy học một số tác phẩm văn học trong chương trình Ngữ văn THPT	La Thị Kim Chi	Th.S. Nguyễn Đức Can	QH - 2016 S Ngữ văn
191	Sử dụng ứng dụng Book Creator thiết kế hồ sơ tư liệu dạy học tác gia Xuân Diệu trong Chương trình Ngữ văn THPT	Nguyễn Thị Ngọc Hà	TS. Lã Phương Thúy	QH - 2016 S Ngữ văn
192	Sử dụng ứng dụng Thinglink trong dạy học một số đoạn trích Truyện Kiều - Nguyễn Du (Sách giáo khoa Ngữ văn 10, Cơ bản)	Nguyễn Thúy Hảo	TS. Lã Phương Thúy	QH - 2016 S Ngữ văn
193	Sử dụng ứng dụng Kotobee thiết kế hồ sơ tư liệu dạy học truyện ngắn 1930-1945 trong Chương trình Ngữ văn THPT	Ngô Thanh Hương	TS. Lã Phương Thúy	QH - 2016 S Ngữ văn
194	Tổ chức hoạt động dạy học trong môi trường số	Nguyễn Thị Loan	TS. Tôn Quang Cường	QH - 2016 S Ngữ văn
195	Phát triển năng lực tự học của học sinh trong dạy học đọc hiểu văn bản "Chữ người tử tù - Nguyễn Tuân" (Ngữ văn 11, tập I) theo mô hình lớp học đảo ngược	Nguyễn Thị Ngọc	TS. Phạm Thị Thanh Phụng	QH - 2016 S Ngữ văn
196	Ứng dụng Moodle trong dạy học Ngữ văn	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	TS. Tôn Quang Cường	QH - 2016 S Ngữ văn
197	Dạy học đọc hiểu văn bản văn học theo phương pháp dạy học tích cực	Đào Hương Quỳnh	TS. Tôn Quang Cường	QH - 2016 S Ngữ văn
198	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học đọc hiểu văn bản "Chí phèo - Nam Cao" (Ngữ văn 11, tập I) theo phong cách học tập	Ngô Phương Thảo	TS. Phạm Thị Thanh Phụng	QH - 2016 S Ngữ văn
199	Dựng phim ngắn bằng điện thoại thông minh phục vụ giảng dạy một số tác phẩm văn học trong chương trình THPT.	Nguyễn Diệu Thúy	Th.S. Nguyễn Đức Can	QH - 2016 S Ngữ văn
200	Ứng dụng Google Classroom trong dạy học đọc hiểu văn bản "Vợ chồng A Phủ - Tô Hoài" (Ngữ văn 12, tập II) theo hướng phân hóa.	Nguyễn Thị Vân	TS. Phạm Thị Thanh Phụng	QH - 2016 S Ngữ văn

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
201	Ứng dụng công nghệ thông tin trong trải nghiệm văn hóa trung đại	Lê Thị Minh Trang	TS. Lê Thanh Huyền	QH - 2016 S Ngữ văn
202	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục về văn hóa dân gian cho trẻ em thành phố Hà Nội	Cam Thị Hoài Thu	TS. Lê Thanh Huyền	QH - 2016 S Ngữ văn_BK
203	Ứng dụng công nghệ trong giảng dạy trải nghiệm Chèo tân	Phí Thị Thúy Hằng	TS. Lê Thanh Huyền	QH - 2016 S Ngữ văn_BK
204	Thiết kế công cụ đánh giá năng lực vật lý của HS THPT trong dạy lý lớp 10	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	TS. Lê Thái Hưng	Sư phạm Vật lý
205	Thiết kế công cụ đánh giá năng lực vật lý của HS THPT trong dạy học vật lý lớp 11	Trần Thị Hồng Nhung	TS. Lê Thái Hưng	Sư phạm Vật lý
206	Ứng dụng một số phần mềm để thiết kế và triển khai hoạt động đánh giá quá trình trong dạy học vật lý THPT	Nguyễn Thị Hậu	TS. Lê Thái Hưng	Sư phạm Vật lý
207	Thiết kế công cụ đánh giá năng lực hợp tác giải quyết vấn đề của HS THPT trong dạy học Vật lý	Trần Kim Loan	TS. Lê Thái Hưng	Sư phạm Vật lý
208	Thiết kế công cụ tự đánh giá năng lực khoa học của học sinh THPT	Lê Quang Hưng	TS. Lê Thái Hưng	Sư phạm Vật lý
209	Đánh giá năng lực tư duy phản biện trong giáo dục STEM thông qua dạy học dự án chủ đề điện năng trong Vật Lí THCS	Đoàn Phương Anh	TS. Tăng Thị Thùy	Sư phạm Vật lý
210	Đánh giá năng lực giải quyết vấn đề trong giáo dục STEM thông qua dạy học dự án chủ đề điện năng trong Vật Lí THCS	Hà Thị Thu Trà	TS. Tăng Thị Thùy	Sư phạm Vật lý
211	Đánh giá năng lực nghiên cứu khoa học trong giáo dục STEM thông qua dạy học dự án chủ đề điện năng trong Vật lí THCS	Phùng Thanh Thủy	TS. Tăng Thị Thùy	Sư phạm Vật lý
212	Phát triển ngân hàng câu hỏi cho hệ thống trắc nghiệm thích ứng trên máy tính, Chương Đường thẳng và mặt phẳng trong không gian, quan hệ giữa song song, Hình học 11 THPT	Đỗ Thị Kim Dung	ThS. Lê Thị Hoàng Hà	Sư phạm Toán

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
213	Phát triển ngân hàng câu hỏi cho hệ thống trắc nghiệm thích ứng trên máy tính, Chương Hàm số lượng giác và Phương trình lượng giác Đại số 11 THPT	Nguyễn Thị Vân	ThS. Lê Thị Hoàng Hà	Sư Phạm Toán
214	Phát triển ngân hàng câu hỏi cho hệ thống trắc nghiệm thích ứng trên máy tính, Chương Véc tơ trong không gian, quan hệ vuông góc trong không gian, Hình học 11 THPT	Trần Thị Phương Thảo	ThS. Lê Thị Hoàng Hà	Sư phạm Toán
215	Phát triển ngân hàng câu hỏi cho hệ thống trắc nghiệm thích ứng trên máy tính, Chương Dãy số, cấp số cộng, cấp số nhân Đại số 11 THPT	Hoàng Kim Thoa	Ths. Lê Thị Hoàng Hà	Sư phạm Toán
216	Đánh giá mức độ tham gia của học sinh vào các hoạt động KTĐG ở trường THPT	Thanh Anh Minh	ThS. Lê Thị Hoàng Hà	Sư phạm Hóa học
217	Thiết kế hoạt động kiểm tra đánh giá trong dạy học Chương Nhóm Oxi - Lưu huỳnh, Hóa học 10 THPT	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Ths. Lê Thị Hoàng Hà	Sư phạm Hóa học
218	Phát triển năng lực tư duy sáng tạo thông qua hoạt động giải bài tập hóa học	Tạ Hồng Ngọc Ánh	TS. Lê Thái Hưng ThS. Vũ Phương Liên	Sư phạm Hóa học
219	Đánh giá năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học	Đỗ Kiều Anh	TS. Lê Thái Hưng ThS. Vũ Phương Liên	Sư phạm Hóa học
220	Vận dụng các phương pháp dạy học tích cực để hình thành và phát triển năng lực nhận biết hóa học cho học sinh THPT	Nguyễn Thị Thúy An	TS. Lê Thái Hưng ThS. Vũ Phương Liên	Sư phạm Hóa học
221	Xây dựng tài liệu bán điện tử theo hướng phát triển năng lực tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ Hóa học	Nguyễn Minh Phúc	TS. Lê Thái Hưng ThS. Vũ Phương Liên	Sư phạm Hóa học
222	Thiết kế rubric trong đánh giá hỗ trợ học tập nội dung xác suất thống kê lớp 11 theo chương trình giáo dục phổ thông mới	Khuất Thị Hải Yến	TS. Trần Xuân Quang	Sư phạm Toán
223	Vận dụng kỹ thuật đánh giá lớp học mặt nhận thức trong dạy học xác suất - thống kê bậc THPT	Nguyễn Thị Thúy	TS. Trần Xuân Quang	Sư phạm Toán

I. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG NCKH, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ, SẢN XUẤT, THỬ NGHIỆM VÀ TƯ VẤN

TT	Tên dự án, nhiệm vụ KHCN	Người chủ trì và các thành viên	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
I. CÁC NHIỆM VỤ KHCN CẤP QUỐC GIA					
1.	Nghiên cứu đề xuất giải pháp phát triển bền vững Tây Bắc Mã số KHCN - TB.21X/13-18	Chương trình Tây Bắc Trường ĐH Giáo dục PGS.TS. Lê Kim Long	2016-2018	3.100 triệu	Sản phẩm 1: Bộ tài liệu chương trình bồi dưỡng giáo viên và CBQLGD vùng Tây Bắc (gồm 3 chương trình tập huấn cho giáo viên và 3 CT cho CBQLGD) Sản phẩm 2: Báo cáo đánh giá hiệu quả của các chương trình bồi dưỡng. Sản phẩm 3: 01 sách chuyên khảo Sản phẩm 4: 05 bài báo khoa học Sản phẩm 5: Đào tạo 2 thạc sĩ, 01 NCS Sản phẩm 6: bồi dưỡng 80 CBQL và giáo viên cốt cán
2.	Bắt nạt trực tuyến ở học sinh Việt Nam: Nghiên cứu thực tiễn, và xây dựng chương trình phòng ngừa và can thiệp hiệu quả 501.99-2015.02	Quỹ phát triển KH&CN Quốc gia/ Trần Văn Công	2017-2019	797,6 triệu	Sản phẩm 1: 01 bài báo ISI Sản phẩm 2: 01 bài báo quốc tế Sản phẩm 3: 02 bài báo quốc gia Sản phẩm 4: 01 Sản phẩm 5: Sách chuyên khảo Sản phẩm 6: 02 học viên cao học
3.	Mã số: 501.02-2016.03 “Nghiên cứu hành vi	Quỹ phát triển KH&CN Quốc gia/ Đặng Hoàng	2017-2020	800 triệu	Sản phẩm 1: 01 Tạp chí ISI có úy tín thuộc danh mục AHCI, SSCI Sản phẩm 2: Tạp chí thuộc danh mục Scopus và

	nguy cơ về sức khỏe và các yếu tố dự báo ở lứa tuổi trung học phổ thông”	Minh			tạp chí khác thuộc danh mục do Quỹ ban hành hàng năm Sản phẩm 3: 02 Tạp chí thuộc danh mục do quỹ ban hành hàng năm Sản phẩm 3: Đào tạo 02 Thạc sỹ và 01 NCS
4.	KHGD/16-20.ĐT.006 “Nghiên cứu mô hình đại học tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030.	GS.TS. Đào Trọng Thi	2017-2020	3.600 triệu	Sản phẩm 1: 01 báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu Sản phẩm 2: 01 báo cáo đề xuất mô hình tự chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025, tầm nhìn 2030 Sản phẩm 3: 01 hệ thống giải pháp, kiến nghị chính sách tăng quyền tự chủ, trách nhiệm cho cơ sở giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2018 – 2025, tầm nhìn 2030 Sản phẩm 4: Bộ cơ sở dữ liệu về khảo sát các cơ sở GDĐH Sản phẩm 5: 03 bài báo Bài báo khoa học công bố trên tạp chí khoa học của Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước Sản phẩm 6: 01 bài báo quốc tế đăng trên Tạp chí trong danh mục ISI/Scopus Sản phẩm 7: 01 cuốn sách chuyên khảo về “Tự chủ đại học và trách nhiệm giải trình ở Việt nam: Thực trạng và giải pháp Sản phẩm 8: hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh
5.	Phối hợp thực hiện đề tài cấp nhà nước “Cơ sở khoa học cho việc đề xuất hệ thống giải pháp thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết số 29-	PGS.TS. Nguyễn Kim Sơn	24 tháng	3.400 triệu	- Tổng quan các nghiên cứu về đổi mới giáo dục và giải pháp nâng cao chất lượng đổi mới giáo dục -Xây dựng khung phân tích (bộ tiêu chuẩn) để đánh giá tình hình thực hiện NQ số 29-NQ/TW và Nghị quyết số 44-NQ/CP -Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá tình hình thực hiện NQ số 29-NQ/TW và NQ số 44-NQ/CP -Bản đề xuất, kiến nghị hệ thống giải pháp để

	NQ/TW và Nghị Quyết 44-NQ/CP” mã số KHGD/16-20.ĐT.005				<p>thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của NQ 29-NQ/TW</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng kết đề tài về đánh giá NQ số 29-NQ/TW và Nghị quyết số 44-NQ/CP - Hệ thống dữ liệu và số liệu phục vụ cho tra cứu của BGD&ĐT về NQ số 29-NQ/TW và Nghị quyết số 44-NQ/CP <p>- Sản phẩm thuộc dạng ấn phẩm: 01 bản thảo sách chuyên khảo và 05 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí được tính điểm công trình KH của HD chức danh GS nhà nước.</p>
6.	“Nghiên cứu đề xuất mô hình quản lý giáo dục điện tử - học điện tử trong nhà trường Việt Nam” mã số KHGD/16-20.ĐT.042	GS. Vũ Văn Hùng	22 tháng (2019 - 2020)	3.300 triệu đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm 1: Báo cáo cơ sở lý luận và thực tiễn quản lý giáo dục điện tử và dạy học điện tử trong nhà trường Việt Nam - Sản phẩm 2: Báo cáo đánh giá thực trạng giáo dục điện tử và dạy học điện tử trong nhà trường Việt Nam - Sản phẩm 3: Báo cáo tổng kết kinh nghiệm của một số nước trên thế giới về quản lý giáo dục điện tử và dạy học điện tử trong nhà trường và các đề xuất khuyến nghị cho Việt Nam - Sản phẩm 4: Báo cáo đề xuất mô hình quản lý giáo dục điện tử và dạy học điện tử trong nhà trường Việt Nam và kết quả áp dụng thí điểm mô hình - Sản phẩm 5: Báo cáo xây dựng bộ tiêu chuẩn với các tiêu chí đo lường đánh giá mô hình quản lý giáo dục điện tử và dạy học điện tử trong trường phổ thông tại Việt Nam. - Sản phẩm 6: Báo cáo đề xuất các giải pháp, hướng dẫn thực hiện (phương thức, lộ trình, qui trình triển khai) hiệu quả, đồng bộ mô hình quản lý giáo dục điện tử và dạy học điện tử trong nhà trường Việt Nam

					<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm 7: 03 Bài báo khoa học trong nước - Sản phẩm 8: 01 bài báo khoa học quốc tế - Đào tạo: + 02 Thạc sĩ. + Hỗ trợ đào tạo 01 NCS
7.	Đề xuất phương án dạy học Blended learning đối với các môn Hóa học và Sinh học ở trường THPT Hà Nội. Mã số: 01X-12/04-2018-3	TS. Nguyễn Hoàng Trang	8/2018-7/2020	1,400 triệu đồng	<ul style="list-style-type: none"> Sản phẩm 1: 03 bài báo đăng trên Tạp chí giáo dục/ hoặc tạp chí Khoa học Giáo dục/ tạp chí ĐHQGHN/ Hoặc Hội thảo quốc gia. Sản phẩm 2: 01 cuốn sách chuyên khảo Sản phẩm 3: Hỗ trợ đào tạo 02 Thạc sỹ Đề tài có giá trị chuyển giao kết quả cho Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội và các trường THPT
8.	“Tác động của giáo dục tới tiền lương và hài lòng công việc của lao động trẻ ở Việt Nam”. Mã số : 503.99.2018.302	GS.TS. Nguyễn Quý Thanh	2/2019 - 2/ 2021	790 triệu đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm 1: 02 bài báo trên tạp chí Scopus - Sản phẩm 2: 02 Tạp chí quốc gia có uy tín - Sản phẩm 3: Hỗ trợ đào tạo 02 học viên cao học của trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN
9.	Đề tài cấp nhà nước thuộc chương trình: “Nghiên cứu những vấn đề trọng yếu về khoa học xã hội và nhân văn phục vụ phát triển kinh tế -	TS. Nguyễn Thị Hương làm chủ trì	18 tháng, từ tháng 06 năm 2019 đến tháng 11 năm 2020	3,120 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm 1: 01 báo cáo tổng quan lý luận về giáo viên tiểu học mới vào nghề trong hệ thống giáo dục và xã hội trong nước - Sản phẩm 2: 01 Báo cáo khoa học về sự hình thành phát triển chuyên môn của giáo viên tiểu học qua ngôn ngữ giảng dạy ảnh hưởng đến bản

	xã hội” của Bộ Khoa học và Công nghệ; Đề tài “Phát triển dịch vụ xã hội cho người dân nông thôn: Thực trạng và giải pháp”; <i>mã số KX.01.46/16-20</i>				<p>sắc chuyên môn trong những năm đầu giảng dạy và sơ lược các mức độ đánh giá năng lực chuyên môn giáo viên tiểu học mới vào nghề</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm 3: 01 Báo cáo khoa học về sự hình thành phát triển chuyên môn của giáo viên tiểu học qua quan điểm về kinh nghiệm cá nhân, chuyên môn sư phạm và nhận thức về môi trường bên ngoài, so sánh với một số nước khu vực và quốc tế (Á-Phi) - Sản phẩm 4: 01 Báo cáo đề xuất kiến nghị đối với những điều kiện cần thiết cho chương trình đào tạo giáo viên tiểu học - Sản phẩm 5: 01 Báo cáo tổng kết đề tài
II. CÁC NHIỆM VỤ KHCN CẤP ĐHQGHN					
1.	Nâng cao năng lực nhận biết và chăm sóc về sức khỏe tâm thần (SKTT) trẻ em của cộng đồng. QG.16.61	Đặng Minh Hoàng	2016-2018	300 TRIỆU	<p>Sản phẩm 1: Bài báo khoa học:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đánh giá hiệu quả sau can thiệp nâng cao năng lực nhận biết và chăm sóc SKTT trẻ em của cộng đồng 2. Hiểu biết của giáo viên về SKTT trẻ em 3. Mental Health Literacy and Mental health Problems in college students in Vietnam 4. MHL in Vietnamese sample <p>Sản phẩm 2: Báo cáo hội nghị dự kiến: MHL in Vietnamese sample</p> <p>Sản phẩm 3: Tài liệu về chương trình nâng cao năng lực cộng đồng về tổn thương SKTT</p> <p>Sản phẩm 4: Báo cáo đánh giá thực trạng năng lực nhận biết và chăm sóc SKTT trẻ em của</p>

					cộng đồng Sản phẩm 5: Đào tạo 02 ThS
2.	Nghiên cứu biên pháp rèn luyện kỹ năng quản lý, lãnh đạo của cán bộ quản lý giáo dục (QG.16.62)	Nguyễn Phương Huyền	2016-2018	180 triệu	Sản phẩm 1: Báo cáo nội dung và kết quả nghiên cứu Sản phẩm 2: Sách chuyên khảo: Kỹ năng quản lý cán bộ quản lý Trường Phổ thông Sản phẩm 3: 02 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành (01 trên Tạp chí Tâm lý học và 01 trên tạp chí ĐHQGHN. + Thực trạng mức độ kỹ năng lãnh đạo của CBQLGD Trường THPT + Phát triển kỹ năng lãnh đạo cho CBQLGD Trường THPT - Giải pháp nào cho Giáo dục Việt Nam hiện nay Sản phẩm 4: Đào tạo 02 ThS
3.	Nghiên cứu đánh giá năng lực chuyên môn của giảng viên và những điều chỉnh cần thiết cho đào tạo bồi dưỡng giảng viên/ QG.16.85	TS. Phạm Thị Thanh Hải	2016-2018	500 triệu	Sản phẩm 1: 02 bài báo quốc tế tại diễn đàn các trường ĐH Á Phi Sản phẩm 2: 01 bài báo quốc tế trên tạp chí SCOPUS - 02 Sách chuyên khảo - 01 báo cáo kiến nghị Sản phẩm 3: Đào tạo 02 Thạc sỹ
4.	Nghiên cứu ảnh hưởng của sự lượng tử hóa do giảm kích thước lên hiệu ứng Hall trong các hệ bán dẫn một chiều và hai chiều/ QG.17.38	TS. Lê Thái Hưng	2016-2018	250 triệu	Sản phẩm 1: 01 bài báo ISI Sản phẩm 2: 01 bài báo quốc gia Sản phẩm 3: 01 báo cáo quốc tế
5.	Nghiên cứu khả năng tạo phức và tham gia phản ứng của các hợp chất	PGS. Lê Kim Long	2016-2018	400 triệu	Sản phẩm 1: 2 bài báo SCOPUS Sản phẩm 2: 1 bài báo quốc gia Sản phẩm 3: 01 NCS và 01 thạc sỹ

	beta-diketone, piperidine bằng các phương pháp hóa tính toán, nhiễm xạ khí điện tử, khối phổ/ QG.17.37				
6.	Xấp xỉ diophantine và lý thuyết số siêu việt trên trường P-ADIC/ QG.17.36	TS. Phạm Đức Hiệp	2016-2018	200 triệu	Sản phẩm 1: 01 bài báo ISI Sản phẩm 2: 01 thạc sĩ
7.	Xây dựng tiêu chuẩn cho các cơ sở can thiệp trẻ tự kỷ /QG.17.51	TS. Trần Văn Công	2017-2019	200 triệu	Sản phẩm 1: 01 bài báo quốc tế Sản phẩm 2: 01 bài báo trong nước Sản phẩm 3: đào tạo 01 thạc sĩ Sản phẩm 4: xác nhận sử dụng sản phẩm nghiên cứu
8.	Nghiên cứu xây dựng tiêu chí đánh giá công trình nghiên cứu khoa học giáo dục theo chuẩn quốc tế/QG.17.52	PGS.TS. Đinh Thị Kim Thoa	2017-2019	200 triệu	Sản phẩm 1: 02 bài báo trong nước Sản phẩm 2: đào tạo 01 thạc sĩ Sản phẩm 3: 01 tài liệu hướng dẫn về xây dựng các tiêu chí theo chuẩn quốc tế trong nghiên cứu khoa học giáo dục
9.	Nghiên cứu cơ sở khoa học và đề xuất giải pháp phát triển năng lực lãnh đạo trường học thông minh ở Việt Nam hiện nay./ Mã số QG.18.32	PGS.TS. Dương Thị Hoàng Yến	2018-2020	300 triệu	Sản phẩm 1: 02 Bài báo trên các tạp chí khoa học của ĐHQGHN, tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia hoặc báo cáo khoa học đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện) - Sản phẩm 2: 01 Bài báo công bố trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống ISI/Scopus - Sản phẩm 3: Đào tạo: 01 Tiến sĩ và 02 Thạc sĩ.
10.	Nghiên cứu kinh nghiệm quản lý sáng tạo trong giáo dục phổ thông của Trung Quốc và bài học cho Việt Nam./ Mã số:	TS. Đỗ Thị Thu Hằng	2018-2020	200 triệu	- Sản phẩm 1: 01 bài báo “Cơ sở lý luận về quản lý giáo dục và quản lý sáng tạo trong giáo dục của Trung Quốc” đăng trên tạp chí quốc tế không nằm trong hệ thống ISI/Scopus - Sản phẩm 2: 02 bài báo về thực trạng về quản lý sáng tạo trong giáo dục phổ thông ở Trung

	QG.18.31				Quốc và bài học cho Việt Nam đăng trên tạp chí quốc gia - Sản phẩm 3: Đào tạo: 02 Thạc sỹ
11.	Sự tồn tại và tính chất định tính của nghiệm đối với một số phương trình trong cơ học chất lỏng/Mã số : QG.18.33	TS. Nguyễn Đức Huy	2018-2020	300 triệu	- Sản phẩm 1: 02 bài báo đăng trên tạp chí thuộc hệ thống ISI/Scopus - Sản phẩm 2: 01 bài báo không thuộc hệ thống ISI/Scopus. - Sản phẩm 3: Đào tạo: 02 Thạc sỹ
12.	Nghiên cứu xây dựng phần mềm đánh giá chỉ số tâm trạng phục vụ tư vấn sức khỏe tâm thần và hướng nghiệp./ QG.18.34	TS. Trần Thành Nam	2018-2020	400 triệu	- Sản phẩm 1: 01 bài báo với nhan đề dự kiến: Xâu dựng phần mềm đánh giá tâm trạng tự động phục vụ tư vấn sức khỏe tâm thần và hướng nghiệp. Đăng trên tạp chí ISI/ Scopus - Sản phẩm 2: 01 bài báo với nhan đề dự kiến: Hiệu quả việc sử dụng phần mềm đánh giá tâm trạng tự động: Quan điểm của các bên liên quan đăng trên tạp chí ĐHQGHN - Sản phẩm 3: 01 phần mềm tiến hành đánh giá các chỉ số tâm trạng, tính điểm, diễn giải và tổng hợp báo cáo về năng lực, phẩm chất, đặc điểm cá nhân phục vụ cho công tác tư vấn - Sản phẩm 4: 01 Bộ công cụ đánh giá các đặc điểm tâm trạng cơ bản gồm (trí tuệ, nhân cách, hành vi cảm xúc, xu hướng nghề nghiệp, chỉ số sáng tạo, đam mê và vượt khó) - Sản phẩm 5: Đào tạo: 02 Thạc sỹ.
13.	Báo cáo thường niên Giáo dục / QG.18.27	GS.TS. Nguyễn Quý Thanh	23/7/2018-23/12/2019	500 triệu	Sản phẩm 1: Báo cáo thường niên Sản phẩm 2: 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học của ĐHQGHN, tạp chí chuyên ngành quốc gia hoặc kỷ yếu HT quốc tế
14.	Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn đề	GS.TS. Nguyễn Quý Thanh	8/2018-8/2019	500 triệu	Sản phẩm 1: Thực trạng hoạt động giảng dạy tại trường Đại học Y Dược Hải Phòng theo định hướng tự chủ học thuật. Tạp chí Giáo dục (Tạp

	xuất chính sách tăng cường thực hiện tự chủ và trách nhiệm giải trình của các trường Đại học Việt Nam				chí lý luận Khoa học Giáo dục - Bộ Giáo dục và Đào tạo) số 441 (kỳ I- 11/2018) - Gói đề xuất chính sách với Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tự chủ đại học Việt Nam - Các xu thế và các rào cản. - Hỗ trợ đào tạo 01 Thạc sỹ
III. CÁC NHIỆM VỤ CẤP CƠ SỞ					
1.	Ứng dụng công nghệ trong thực hành quản lý giáo dục nhằm nâng cao chất lượng đào tạo - nghiên cứu trường hợp tại trường Đại học Giáo dục. QS.17.06	Nguyễn Thanh Lý	T8/2017- T8/2018	40 triệu	-Sản phẩm 1: 01 bài báo trong nước - Sản phẩm 2: Báo cáo tổng kết
2.	Nâng cao năng lực dạy học cho sinh viên sư phạm trường Đại học giáo dục thông qua ứng dụng công nghệ trong thực tập sư phạm. QS.17.07	Đoàn Nguyệt Linh	T8/2017- T8/2018	40 triệu	-Sản phẩm 1: 01 bài báo -Sản phẩm 2: 01 Báo cáo khoa học
3.	Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị trường học tại trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc	TS. Nguyễn Thị Hương	T8/2017- T8/2018	40 triệu	- Sản phẩm 1: 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước -Sản phẩm 2: Báo cáo kết quả nghiên cứu (Sưu tầm 05 chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị Trường học và 10-15 giáo trình tham khảo đào tạo cử nhân ngành quản trị trường học trên thế giới)

	gia Hà Nội QS.17.08				- Sản phẩm 3: Đề xuất mở mã ngành cử nhân quản trị trường học
4.	Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng chương trình cử nhân Công nghệ giáo dục tại trường Đại học Giáo dục – ĐHQGHN QS.17.09	TS. Tôn Quang Cường	T8/2017- T8/2018	40 triệu	- Sản phẩm 1: 02 bài báo khoa học - Sản phẩm 2: 01 Thạc sỹ - Sản phẩm 3: Chương trình đào tạo (Sưu tầm 5 chương trình đào tạo cử nhân CNGD và 10- 15 giáo trình đào tạo cử nhân CNGD trên thế giới)
5.	Xây dựng cơ sở khoa học cho việc xây dựng chương trình đào tạo cử nhân Khoa học giáo dục tại trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN QS.17.10	ThS. Mai Quang Huy	T8/2017- T8/2018	40 triệu	- Sản phẩm 1: 02 bài báo / Hội thảo có chỉ số ISBN - Sản phẩm 2: Đề án mở chương trình đào tạo mới (Sưu tầm 05 chương trình đào tạo cử nhân KHGD và 10- 15 giáo trình đào tạo cử nhân KHGD trên thế giới) - Sản phẩm 3: Báo cáo tổng kết đề tài
6.	Xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn cho chương trình cử nhân Tham vấn học đường QS.17.11	TS Nguyễn Hồng Kiên	T8/2017- T8/2018	20 triệu	- Sản phẩm 1: 02 bài báo/hội thảo có chỉ số ISBN - Sản phẩm 2: Báo cáo toàn văn đề án mở chương trình đào tạo mở mới (Sưu tầm 05 chương trình cử nhân tham vấn học đường; 10- 15 giáo trình cử nhân tham vấn học đường trên thế giới) - Sản phẩm 3: Báo cáo tổng kết đề tài
7.	Quản lý, tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh trường THPT Khoa học Giáo dục theo định hướng phát triển năng lực, tiếp cận	ThS. Nguyễn Tuyết Nhung	T8/2017- T8/2018	100 triệu	<ul style="list-style-type: none"> • 01 Bài báo và 01 Báo cáo kết quả nghiên cứu lý thuyết • Tài liệu tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo tại Trường THPT Khoa học Giáo dục, Trường ĐHQGHN • Tài liệu hướng dẫn thiết kế tình huống trải nghiệm theo tiếp cận năng lực.

	chương trình giáo dục phổ thông mới. QS.17.01				
8.	Xây dựng hệ thống bài thực hành thí nghiệm dạy học các môn khoa học tự nhiên trong trường Trung học phổ thông. QS.17.02	TS. Hoàng Thu Hà	T8/2017-T8/2018	100 triệu	<ul style="list-style-type: none"> • 01 Bài báo và 01 báo cáo khoa học • Hệ thống bài học thực hành thí nghiệm • Đào tạo 01 thạc sỹ
9.	Xây dựng thang đo xu hướng nghề nghiệp cho học sinh QS.17.03	ThS. Hồ Thu Hà	T8/2017-T8/2018	100 triệu	<ul style="list-style-type: none"> • 01 bài báo • Thang đo đánh giá xu hướng nghề nghiệp (Bản câu hỏi và hướng dẫn tính điểm điển giải)
10.	Xây dựng phần mềm điện thoại đánh giá xu hướng nghề nghiệp của học sinh QS.17.04	TS. Trần Thành Nam TS. Trần Văn Công	T8/2017-T8/2019	100 triệu	<ul style="list-style-type: none"> • 01 bài báo • 01 báo cáo tổng kết đề tài • 01 phần mềm ứng dụng có khả năng tương tác tự tương tác được.
11.	Xây dựng hệ thống phần mềm “trợ lý giáo viên ảo” hỗ trợ công tác giảng dạy cho giáo viên ở các trường phổ thông. QS.17.05	Phạm Kim Chung	T8/2017-T8/2018	100 triệu	<ul style="list-style-type: none"> • 01 bài báo đăng trên tạp chí trong nước • 01 báo cáo khoa học • 01 phần mềm trợ lý ảo • 01 thạc sỹ
12.	Khảo sát thực trạng nhu cầu sử dụng phần mềm “trợ lý giáo viên ảo” hỗ trợ cho giáo viên ở các		T8/2017-T8/2018	40 triệu	<ul style="list-style-type: none"> • 01 báo cáo khoa học • 01 bài báo đăng trên tạp chí trong nước • 01 Thạc sỹ

	trường phổ thông trên Smart phone”. QS.17.12				
13.	Nghiên cứu cơ sở lí luận về Trắc nghiệm thích ứng trên máy tính trong đánh giá năng lực người học. QS. 17.13	Lê Thị Thu Hiền	T8/2017- T8/2018	50 triệu	<ul style="list-style-type: none"> • 01 Bài báo khoa học • 01 Báo cáo khoa học
14.	Phát triển ngân hàng câu hỏi Trắc nghiệm thích ứng trên máy tính. QS.17.14	Trần Lan Anh	T8/2017- T8/2018	140 triệu	<ul style="list-style-type: none"> • 01 Báo cáo khoa học • 01 Bài báo khoa học trong nước • 01 Bộ câu hỏi trắc nghiệm thích ứng trên máy tính • Phần mềm CAT
15.	Nghiên cứu thực nghiệm áp dụng bài thi thích ứng trên máy tính để đánh giá năng lực người học. QS.17.15	TS. Tăng Thị Thù	T8/2017- T8/2018	110 triệu	<ul style="list-style-type: none"> • 01 Báo cáo khoa học • 01 Bài báo khoa học đăng trong nước • 01 Bộ câu hỏi trắc nghiệm thích ứng đã được chuẩn hóa
16.	Vận dụng bài học để phát triển cộng đồng học tập – Nghiên cứu trường hợp tại Trường THCS Nguyễn Trực - Hà Nội”, mã số: QS.17.16.	TS. Nguyễn Đức Khuông		T12/2017- T12/2018	<ul style="list-style-type: none"> • 01 bài báo đăng trên tạp chí “ Vận dụng nghiên cứu bài học để phát triển cộng đồng học tập, nghiên cứu trường hợp tại trường THCS Nguyễn Trực, Hà Nội”, đăng trên tạp chí Giáo dục, Tạp chí Lý luận - Khoa học Giáo dục - Bộ GDĐT, số 430 (kỳ 2- T5/2018)

17.	Xây dựng cơ sở khoa học cho việc xây dựng chương trình đào tạo cử nhân giáo dục Kinh tế- Luật tại trường Đại học Giáo dục- ĐHQGHN, Mã số QS.18.01	TS. Trần Anh Tuấn ThS. Nguyễn Thị Anh Thư	7/2018- 7/2019	30 triệu	<ul style="list-style-type: none"> • 01 đề án mở chương trình đào tạo (khung chương trình đào tạo kinh tế Luật được Hội đồng thẩm định cấp Trường nghiệm thu và thông qua • 01 báo cáo tổng kết đề tài
18.	Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc phát triển chương trình đào tạo Quản trị chất lượng Giáo dục: Nghiên cứu trường hợp tại Trường đại học Giáo dục, ĐHQGHN, Mã số QS.18.03	TS. Trần Thị Hoài	6/2018- 6/2019	30 triệu	<ul style="list-style-type: none"> • 01 đề án mở chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị chất lượng phải được Hội đồng thẩm định cấp trường nghiệm thu và thông qua
19.	Nghiên cứu cơ sở khoa học cho việc xây dựng chương trình ngành học Cử nhân Sư phạm khoa	PGS.TS. Mai Văn Hưng	6/2018- 6/2019	30 triệu	<ul style="list-style-type: none"> • 01 đề án mở chương trình ngành học cử nhân sư phạm KHTN • 01 báo cáo tổng kết

	học Tự nhiên”, mã số QS.18.04				
20.	Ứng dụng nền tảng Web 2.0 trong dạy học Văn học dân gian cho học sinh lớp 10 theo mô hình lớp học đảo ngược (Chương trình Sách Giáo khoa Ngữ văn lớp 10 Trung học phổ thông hiện hành), mã số QS.18.02	TS. Phạm Thị Thanh Phượng	7/2018-7/2019	30 triệu	<ul style="list-style-type: none"> • 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí có chỉ số ISSN • 02 khóa luận tốt nghiệp
21.	Một số phương pháp dạy học dựa trên hoạt động trong dạy học môn Toán bằng Tiếng Anh, Mã số QS.18.05	ThS. Đào Thị Hoa Mai	12/2018-12/2019	20 triệu	<ul style="list-style-type: none"> • 01 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học của ĐHQGHN, tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia hoặc báo cáo khoa học đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện).
22.	Thiết kế và sử dụng Storymap trong dạy học một số chủ đề	TS. Lã Phương Thúy	12/2018-12/2019	20 triệu	<ul style="list-style-type: none"> • 01 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học của ĐHQGHN, tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia hoặc báo cáo khoa học đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện).

	Ngữ văn ở trường Trung học phổ thông, Mã số QS.18.06				
23.	Nghiên cứu tác động bài thi VSTEP tới hoạt động dạy và học kỹ năng đọc hiểu cho sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội, Mã số QS.18.07	PGS.TS Nguyễn Thúy Nga	12/2018-12/2019	20 triệu	<ul style="list-style-type: none"> • 01 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí trong nước.
24.	Thực trạng công tác hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên: Nghiên cứu trường hợp điển hình của Đại học Giáo dục, ĐHQGHN, Mã số QS.18.08	ThS. Hà Thị Thanh Thủy	12/2018-12/2019	20 triệu	<ul style="list-style-type: none"> • 01 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước.
25.	Nghiên cứu tác động bài thi VSTEP tới hoạt động dạy và học kỹ năng nói cho	ThS. Nguyễn Thúy Lan	12/2018-12/2019	20 triệu	<ul style="list-style-type: none"> • 01 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học của ĐHQGHN, tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia hoặc báo cáo khoa học đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện).

	sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội, Mã số QS.18.09				
26.	Thực trạng ô nhiễm âm thanh tại các trường Trung học phổ thông thành phố Hà Nội, Mã số QS.18.10	TS. Hoàng Gia Trang	12/2018-12/2019	60 triệu	<ul style="list-style-type: none"> • Tập bản đồ thực trạng ô nhiễm tiếng ồn ở vị trí trong lớp học và ngoài lớp học và ngoài lớp học theo các thời điểm nghiên cứu
27.	Nghiên cứu và phát triển các thuật toán cốt lõi trong hệ thống trắc nghiệm thích nghi trên máy tính, Mã số QS.18.11	TS. Nguyễn Thị Quỳnh Giang	12/2018-12/2019	100 triệu	<ul style="list-style-type: none"> • Website trắc nghiệm thích nghi trên máy tính, cho phép người học có thể đăng nhập và làm bài trực tuyến.
28.	Báo lược trên cơ sở giới ở trường trung học cơ sở: Nhận thức và khả năng ứng phó của học sinh/ mã số QS.19.01	Nguyễn Thị Bích Thủy	6/2019-6/2020	30triệu	<ul style="list-style-type: none"> • 02 bài báo trên các tạp chí khoa học của ĐHQGHN, tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia hoặc báo cáo khoa học đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện) • 01 báo cáo kết quả nghiên cứu
29.	Thiết kế các bài thí nghiệm hóa học dạy	Trần Đình Minh	6/2019	30 triệu	<ul style="list-style-type: none"> • 01 bài báo trên các tạp chí khoa học của ĐHQGHN, tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia hoặc báo cáo khoa học đăng trong

	học tiếp cận stem theo hướng ứng dụng vật liệu nanocompozit trong xử lý môi trường/ mã số QS.19.02		6/2020		kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện <ul style="list-style-type: none"> • 01 Hệ thống các bài thí nghiệm dạy học hóa học Đáp ứng yêu cầu chương trình tiếp cận STEM theo hướng trải nghiệm thực tế trình đào tạo cho sinh viên
30.	Hệ thống thông tin địa lí (GIS) trong dạy học: nội dung và mô hình áp dụng (nghiên cứu trường hợp Chương trình cử nhân khoa học tự nhiên của Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội)/QS.19.03	Bùi Thị Thanh Hương	6/2019 6/2020	60 triệu	<ul style="list-style-type: none"> • 01 bài báo Scopus hoặc một chương sách được xuất bản trên hệ thống Scopus • 01 báo cáo tư vấn kiến nghị, tư vấn chính sách theo đặt hàng của đơn vị sử dụng • 01 báo cáo tổng kết đề tài • Hỗ trợ 01 Thạc sỹ
31.	Quản trị Trường phổ thông hướng tới mô hình tự chủ, nghiên cứu trường hợp tại trường THPT Khoa học Giáo dục/ Mã số QS.19.04	Nguyễn Thị Hương	6/2019 6/2020	30 triệu	<ul style="list-style-type: none"> • 01 Báo cáo tổng hợp “Quản trị trường phổ thông hướng tới mô hình tự chủ” • 01 Báo cáo tóm tắt: “Quản trị trường phổ thông hướng tới mô hình tự chủ” • 01 báo cáo kiến nghị “Đổi mới quản trị trường học hướng tới mô hình tự chủ” • 01 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học của ĐHQGHN, tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia hoặc báo cáo khoa học đăng trong kỷ yếu hội nghị quốc tế (có phản biện)
32.	Phát triển năng lực dạy học tích hợp cho	Vũ Thị Thu Hoài	6/2019	30 triệu	<ul style="list-style-type: none"> • Hệ thống các CDTH và các giải pháp nâng cao NL dạy học tích hợp cho SVSPHH. • Bài báo trên tạp chí quốc gia hoặc Hội thảo

	sinh viên Sư phạm Hóa học Trường Đại học Giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội/ Mã số QS.19.05		6/2020		Quốc tế (có phản biện) • Hỗ trợ 01Thạc sỹ
33.	Nghiên cứu đề xuất ứng dụng phân tích lịch sử sự kiện và kiểm định sự phù hợp χ^2 tổng quát trong giáo dục/Mã số QS.19.06	Trần Xuân Quang	6/2019 6/2020	60 triệu	<ul style="list-style-type: none"> • 01 báo cáo khoa học tư vấn kiến nghị chính sách • 01 bài báo đăng trên tạp chí ISI hoặc SCopus
34.	Một số tính chất định tính của nghiệm phương trình đạo hàm riêng phi tuyến/ mã số QS.19.07	PGS.TS. Vũ Trọng Lương	8/2019 8/2020	60 triệu	<ul style="list-style-type: none"> • 01 công bố khoa học quốc tế theo hệ danh mục hệ thống ISI/Scopus • Hỗ trợ đào tạo 01 Thạc sỹ
35.	Tích hợp hệ thống thông tin địa lý (GIS – STORY MAP) trong thiết kế và tổ chức dạy học chủ đề tích hợp phân kim loại ở trường trung học phổ thông/ mã số QS.19.08	TS. Vũ Thị Minh Trang	12/2019- 12/2020	20 triệu	<ul style="list-style-type: none"> • 01 bài báo đăng tạp chí trong nước • Các chủ đề tích hợp phân kim loại dưới dạng bản đồ câu chuyện trên ứng dụng web GIS – STORY MAP • Các kế hoạch bài giảng các chủ đề dạy học được thiết kế

H. CÔNG KHAI HỘI NGHỊ, HỘI THẢO KHOA HỌC DO TRƯỜNG ĐHGĐ TỔ CHỨC NĂM HỌC 2018-2019

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1.	HTQT “Giáo dục cho mọi người” (Education for all)	Thứ 6, ngày 21/9/2018	Nhà khách Tỉnh Quảng Ninh	50
2.	HT “5 năm đổi mới giáo dục và đào tạo: những thành tựu và thách thức”	Ngày 18 tháng 9 năm 2018	HT Nguyễn Văn Đạo, VNU	200
3.	Hội thảo “Dạy và học cùng nhau: Tái xây dựng tầm nhìn quan hệ đối tác giáo dục xuyên quốc gia như cộng đồng hợp tác thực hành”	Thứ 3, 4 ngày 16-17/10/2018	P401 – G7, VNU, UEd	40
4.	Hội thảo “Educator Design Workforce - Nguồn Nhân lực Giáo dục”	Thứ 4, 28/11/2018	P401 – G7, VNU, UEd	30
5.	HT “Đổi mới căn bản và toàn diện GD&ĐT: Đối thoại mở về chính sách”	Thứ 6, 7 ngày 7-8/11/2018	ĐHKHXH&NV TP HCM	35
6.	HT Quốc tế “ Phát triển Giáo dục trị liệu trong công tác xã hội ở Việt Nam”	Ngày 20 tháng 12 năm 2018	P 502 - C0, VNU, UEd	200
7.	Hội thảo "Chương trình phòng ngừa và can thiệp bắt nạt trực tuyến dựa vào trường học"	8h30-11h30, thứ 4, 02/1/2019	P401 – G7, VNU, UEd	30
8.	Hội thảo tập huấn GV trong khuôn khổ dự án “Thử nghiệm học tập thích ứng môn Toán lớp 7” (ĐH Bang Arizona)	Thứ 7, ngày 20/4/2019	P401 – G7, VNU, UEd	50
9.	Hội nghị “Chia sẻ kinh nghiệm đổi mới phương pháp và công nghệ giảng dạy theo tinh thần đổi mới, sáng	Thứ 4, 08/05/2019	P 501 - C0, VNU, UEd	50

	tạo”			
10.	Hội nghị đổi mới PP & CN dạy học	8h30, thứ 5, ngày 30/5/2019	P 501 - C0, VNU, UEd	40
11.	Hội thảo khoa học “Tiêu chí đánh giá công trình nghiên cứu khoa học giáo dục theo chuẩn quốc tế”	8:30 – 11:45, 06/06/2019	P401 – G7, VNU, UEd	30
12.	Hội nghị tập huấn rà soát chương trình dành cho giáo viên (thuộc dự án thí điểm học tập thích ứng môn Toán lớp 7)	7-8/6/2019	P 502 - C0, VNU, UEd	50
13.	HTQT: “Những vấn đề mới trong KHGD: Tiếp cận liên ngành và xuyên ngành”	20 tháng 6 năm 2019	P401 – G7, VNU, UEd	70

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1.	Trường Đại học Giáo dục	4/2016	54/61 tiêu chí đạt (chiếm 88.52%)	Số 06/NQ-HĐKĐCLGD ngày 27/9/2016	Đạt chuẩn chất lượng cơ sở đào tạo giáo dục	17/11/2016	17/11/2021
2.	Thạc sĩ LL&PP dạy học bộ môn Toán	10/2017	47/50 tiêu chí đạt (chiếm 94%)	Số 06/NQ-HĐKĐCLGD, ngày 12/2/2018	Đạt chuẩn chất lượng chương trình đào tạo	19/4/2018	19/4/2023
3.	Thạc sĩ Tâm lý học lâm sàng Trẻ em và vị thành niên	12/2015	4.67/7	Số 13/ĐBCL-NC&QLĐBCL	Đánh giá đồng cấp theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo định hướng chuẩn AUN		
4.	Cử nhân Sư phạm Hóa học	12/2016	4.6/7		Đánh giá đồng cấp theo tiêu chuẩn của BGD&ĐT		
5.	Thạc sĩ QLGD	12/2014	4.5/7		Đánh giá đồng cấp theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo định hướng chuẩn mạng lưới các trường đại		

					học Đông Nam Á (AUN)		
6	Cử nhân Sư phạm Toán	8/2019	47/50 tiêu chí đạt (chiếm 94%)	Số 14/NQ- HĐKĐCLGD ngày 2/11/2019	Đạt chuẩn chất lượng chương trình đào tạo	14/12/2019	14/12/2024
7	Cử nhân Sư phạm Ngữ văn	8/2019	47/50 tiêu chí đạt (chiếm 94%)	Số 15/NQ- HĐKĐCLGD ngày 2/11/2019	Đạt chuẩn chất lượng chương trình đào tạo	14/12/2019	14/12/2024
8	Thạc sĩ LL&PP dạy học bộ môn Ngữ văn	8/2019	47/50 tiêu chí đạt (chiếm 94%)	Số 16/NQ- HĐKĐCLGD ngày 2/11/2019	Đạt chuẩn chất lượng chương trình đào tạo	14/12/2019	14/12/2024

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã kí)

PGS. TS. Phạm Văn Thuận

